

14 | 2013

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

diễn đàn
Tăng trưởng xanh

VIETNAMESE JOURNAL OF URBANISM
ISSN 1859 - 3658
www.ashui.com

Quy hoạch xây dựng
Vùng thủ đô Hà Nội
Thực tiễn sau 5 năm triển khai
và các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn điều chỉnh



Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam

Địa chỉ : tầng 6 - Cung Trí thức Thành phố, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel./Fax: (04) 37624430 - Email: vupda10@gmail.com - Website: www.ashui.com/vupda



Tổng biên tập *Editor-in-Chief*
TRẦN NGỌC CHÍNH

Phó tổng biên tập *Deputy Editor-in-Chief*
LÊ VIỆT HÀ
ĐỖ HẬU
NGUYỄN TRỌNG HÒA

Hội đồng cố vấn *Advisor Board*
GS.TSKH.KTS NGUYỄN THẾ BÀ
TS ĐỖ HOÀNG ẮN
PGS.TS LƯU ĐỨC HẢI
KTS LƯU TRỌNG HẢI
GS.TS LÊ HỒNG KẾ
GS.TS HOÀNG ĐẠO KINH
GS.TS NGUYỄN LÂN
TS ĐÀO NGỌC NGHỆM
TS NGUYỄN QUANG
PGS.TS NGUYỄN HỒNG THỰC

Ban biên tập *Editorial Board*
NGUYỄN ĐỖ DỪNG
NGUYỄN NGỌC HIẾU
NGUYỄN HOÀNG MINH
NGUYỄN BẮC
LÊ VIỆT SƠN

Đối tác truyền thông *Media partner*

ASHUI.COM

Mỹ thuật *Designer*
DESIGN@ASHUI.COM

Trị sự, Phát hành, Quảng cáo *Contact*
Tầng 6 - Cung Trí thức Thành phố,
Khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84(4) 37623910 - Fax 84(4) 37624430
Email : tapchiquyhoachdothi@gmail.com

Giấy phép báo chí số 863/GP-STTTT ngày 15/6/2010
Mã số chuẩn quốc tế: ISSN 1859 - 3658
In tại Công ty TNHH MTV In Tài chính - Bộ Tài chính
Phát hành tháng 11/2012
Giá 49.500 VND



3
QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Bạn đọc thân mến,

Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của Việt Nam và khu vực châu Á - Thái Bình Dương; là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường đầu tư thuận lợi, bền vững; bảo đảm an ninh, quốc phòng; có trung tâm chính trị, văn hóa - lịch sử, khoa học, giáo dục - đào tạo và du lịch lớn của cả nước. Đây là tầm nhìn được xác định trong Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050. Trong chuyên đề số này, **Quy hoạch Đô thị** gửi đến bạn đọc thông tin cập nhật nhất của Vùng Thủ đô Hà Nội và những bài học kinh nghiệm phát triển Vùng trên thế giới.

Theo xu hướng phát triển, "**Tăng trưởng xanh**" có thể mang lại cơ hội mới cho các địa phương tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên ưu đãi, các sáng kiến phát triển kinh tế, những nguồn lực văn hóa - xã hội và nâng cao chất lượng sống của người dân. Với sự công tác của Chương trình Định cư Con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat), **Quy hoạch Đô thị** số 14 giới thiệu những nghiên cứu cho chiến lược phát triển tỉnh Quảng Nam theo hướng "tăng trưởng xanh" và nhiều chia sẻ bổ ích khác.

Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam, một tổ chức xã hội nghề nghiệp của những người làm quy hoạch và phát triển đô thị, cơ quan chủ quản tạp chí **Quy hoạch Đô thị**, đã tròn 15 năm tuổi (1998-2013). Hy vọng rằng, với sự tương tác bạn đọc và các chuyên gia qua Tạp chí, Hội ngày càng vững mạnh và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp phát triển đô thị Việt Nam.

Tổng biên tập
TRẦN NGỌC CHÍNH

Nội dung

CONTENTS



67



46

TIN TỨC

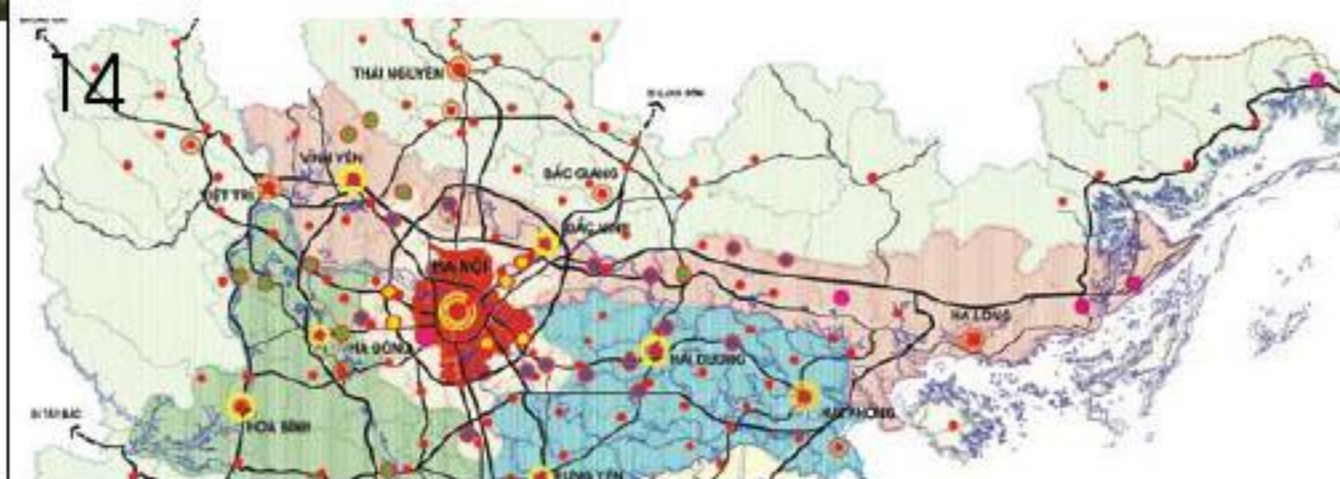
- 06. Tin trong nước
- 10. Tin thế giới
- 12. Tin bất động sản

CHUYÊN ĐỀ: QUY HOẠCH VÙNG THỦ ĐÔ

- 14. Quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội, thực tiễn sau 5 năm triển khai và các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn điều chỉnh
Ths.KTS. **Ngô Trung Hải**
- 18. Vùng và các mô hình tổ chức quản lý phát triển vùng
TS.KTS. **Nguyễn Trúc Anh** - TS. **Lê Quốc Khánh**
- 23. Vùng Thành phố Hồ Chí Minh
Nguyễn Đăng Sơn
- 28. Quản lý vùng đô thị, tham khảo mô hình chính quyền vùng thành phố London
TS. **Nguyễn Ngọc Hiếu**
- 35. Phát triển nén và phát triển dàn trải nhảy cóc
Reid Ewing, Keith Bartholomew, và Arthur C. Nelson
- 41. Đô thị hóa những câu chuyện biết và chưa biết
Ths.KTS **Nguyễn Thanh Tú**
- 46. Quy hoạch vùng bền vững, một kinh nghiệm từ Glasgow - Vương quốc Anh
GS. TS. **Lê Hồng Kế**
- 50. Không gian văn hóa truyền thống trong vùng thủ đô Hà Nội
TS. **Nguyễn Tiến Hóa**

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 53. Khai thác kinh nghiệm của kiến trúc truyền thống trong phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu
TS. KTS. **Khuất Tân Hưng**
- 58. Bài học từ trận bão Mirinae cho tương lai đô thị hóa vùng châu thổ sông Hà Thanh
TS. **Michael DiGregorio**



14

DIỄN ĐÀN

- 66. Diễn đàn đầu tư Quảng Nam hướng tới Tăng trưởng xanh
- 67. Chiến lược phát triển tỉnh Quảng Nam - Cơ hội cho tăng trưởng Xanh
TS. **Nguyễn Quang**
- 74. Sáng kiến Đô thị Xanh của ADB - Một tương lai đô thị bền vững ở Châu Á và Thái Bình dương
- 76. Phương pháp Quy hoạch Năng lượng địa phương (LEP) - Hướng đi thiết thực trong phát triển nguồn năng lượng mới và tái tạo cho các cộng đồng nông thôn Việt Nam
Hoàng Thanh Bình

ĐÔ THỊ CÁC NƯỚC

- 80. Tham gia cộng đồng và trách nhiệm của cư dân thành phố The Hague, Hà Lan
ThS. **Nguyễn Diệp Quý Vy**

Ý TƯỞNG

- 84. Khôi phục cầu Long Biên, tiếp cận đô thị và cảnh quan

ĐÀO TẠO

- 90. Đồ án tốt nghiệp: Làng công nhân Canal Ville
Lương Trung Hiếu - Nguyễn Thảo Trang

CỘNG ĐỒNG

- 92. Dự án SELAVIP hỗ trợ nhà ở cho người nghèo tại các thành phố ở Việt Nam
Lê Như Nga

NGHIÊN CỨU

- 94. Tính tùy biến trong quy hoạch đô thị
TS. **Nguyễn Ngọc Hiếu**



84

80



TPHCM công bố quy hoạch chung quận 2 đến năm 2020



Ngày 9/7, UBND quận 2 đã tổ chức Hội nghị công bố Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 2 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5.000. Về vị trí, phía Đông quận 2 giáp quận 9 qua rạch Bà Cua, phía Tây giáp quận 1, 4 và Bình Thạnh qua sông Sài Gòn, phía Nam giáp quận 7 qua xa lộ Hà Nội và tỉnh Đồng Nai qua sông Đồng Nai, phía Bắc giáp quận Thủ Đức qua xa lộ Hà Nội và quận Bình Thạnh qua sông Sài Gòn.

Quy mô diện tích quận 2 sau điều chỉnh khoảng 5.017ha. Dân số dự kiến đến năm 2015 khoảng 370.000 người, đến năm 2020 là 650.000 người. Về cơ cấu sử dụng đất, giai đoạn đến năm 2015, đất dân dụng chiếm tỷ lệ 40,13%, đất khác trong phạm vi đất dân dụng 0,67%, đất ngoài dân dụng chiếm tỷ lệ 59,2%. Mật độ xây dựng chiếm 10-35%, tầng cao xây dựng tối thiểu 2 tầng, tối đa 86 tầng (tòa tháp quan sát). Hướng ưu tiên phát triển so với đồ án quy hoạch được duyệt năm 1998 vẫn được xác định trên trục phía Đông; điều chỉnh hiện nay làm rõ và bổ sung thay đổi cục bộ không gian đô thị do có các tuyến giao thông công cộng có khối lượng lớn (3 nhà ga metro của tuyến Bến Thành - Chợ Nhỏ - Suối Tiên), tuyến đường Mai Chí Thọ, đường vành đai phía Đông, cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây và một số tuyến đường sắt trên cao.

Hà Nội duyệt quy hoạch phân khu đô thị S4 hơn 4.000 ha

UBND thành phố Hà Nội vừa phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị S4, thuộc chuỗi đô thị phía Đông đường vành đai 4. Theo đó, phân khu đô thị S4 thuộc địa giới hành chính các phường: Yên Kiêu, Quang Trung, Nguyễn Trãi, Phú La, Vạn Phúc, La Khê, Dương Nội, Hà Cầu, Kiến Hưng, Phú Lương, Phú Lãm, Yên Nghĩa thuộc quận Hà Đông và một số xã thuộc hai huyện Hoài Đức và Thanh Oai.

Với tỷ lệ 1/5.000, tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch phân khu đô thị S4 khoảng 4.092 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng trên 80m²/người, đất ở chiếm khoảng hơn 73% với mật độ 25 - 30m²/người, còn lại là đất dành cho các công trình công cộng, cây xanh, trường học... với dân số đến năm 2030 là khoảng 402.000 người. Phân khu đô thị S4 được chia thành 23 khu quy hoạch, mỗi khu có diện tích từ 120 - 140 ha, gồm 53 ô quy hoạch và

đường giao thông. Khu vực trung tâm của phân khu đô thị này sẽ là dọc trục hướng tâm của quốc lộ 6 tuyến đường Lê Văn Lương kéo dài, đường vành đai 3,5 và một số khu vực đường vành đai 4, trong đó tập trung phát triển nhà cao tầng. UBND thành phố cho biết, phần lớn quỹ đất của phân khu đô thị này nằm trong quy hoạch xây dựng đợt đầu. Các cơ sở công nghiệp, kho tàng, nhà máy, trụ sở cơ quan không phù hợp với quy hoạch này phải dần chuyển đổi chức năng cho phù hợp.



Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TPHCM và ĐBSCL

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh và Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ phát triển kinh tế cao và bền vững; là vùng kinh tế động lực hàng đầu của cả nước, trung tâm kinh tế của khu vực và châu Á; là trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ tầm cỡ quốc tế, trung tâm công nghiệp công nghệ cao với trình độ chuyên môn hóa cao; đồng thời là trung tâm văn hóa -

đào tạo - y tế chất lượng cao, là vùng có cảnh quan và môi trường tốt. Quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu phát triển ĐBSCL nhằm phát huy vai trò, vị thế và tiềm năng của vùng theo mô hình đa cực, tập trung kết hợp các hành lang kinh tế đô thị, với thành phố Cần Thơ là đô thị hạt nhân trung tâm của vùng. Đồng thời, phát triển không gian cấu trúc không gian toàn Vùng với hành lang kinh tế sông Tiền, sông Hậu, Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, cụm các đô thị trung tâm và các đô thị nhỏ được phân bố đều dựa trên các vùng nông nghiệp, công nghiệp và du lịch.

Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030. Đây là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ. Phạm vi lập quy hoạch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (vùng TD&MNBB) gồm 14 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình và các huyện phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, với tổng diện tích là 115.153,4 km² chiếm 35%

diện tích tự nhiên cả nước. Đây là vùng kinh tế tổng hợp, trong đó kinh tế cửa khẩu, thủy điện, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp đa ngành, nông - lâm nghiệp, du lịch là chủ đạo. Đồng thời cũng là vùng có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, gần biên giới, có bản sắc văn hóa dân tộc phong phú. Dự báo năm 2020 quy mô dân số toàn vùng khoảng 15,11 triệu người, dân số đô thị khoảng 5,195 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 34,4%. Đến năm 2030 quy mô dân số toàn vùng tăng lên khoảng 16,807 người, dân số đô thị khoảng 6,681 người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 39,8%.

Festival Di sản Quảng Nam lần thứ V - 2013

Festival Di sản Quảng Nam lần thứ V - 2013 diễn ra từ ngày 22-26/6 ở nhiều nơi trên địa bàn của tỉnh Quảng Nam như: Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Tam Kỳ, Nam Giang, Phú Ninh và Đông Giang với nhiều hoạt động sôi nổi, phong phú về nội dung và hình thức, thu hút sự quan tâm của công chúng như: Chung kết hội thi Hoa hậu các dân tộc Việt Nam; Hội thi Hợp xướng quốc tế; Không gian di sản văn hóa Việt Nam và ASEAN; Diễn đàn đầu tư "Tăng trưởng xanh cho Quảng Nam" ... Với lợi thế là địa phương duy nhất trong cả nước có nhiều di sản thế giới như Đô thị cổ Hội An, Di sản Mỹ Sơn, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm..., trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam đã có những bước tiến trên con đường bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản trên địa bàn. Đặc biệt, đô thị cổ Hội An đã được bình chọn là điểm đến yêu thích nhất thế giới.



Festival Di sản Quảng Nam lần này thể hiện sự tôn vinh những giá trị di sản ở Việt Nam nói riêng và khu vực nói chung. Đây cũng là dịp để các địa phương, các Quốc gia trong khu vực có di sản đã được tôn vinh và sắp được tôn vinh cùng trao đổi kinh nghiệm về bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Từ đây, các địa phương, các nước có dịp quảng bá những nét đẹp về văn hóa vật thể, phi vật thể đến với đông đảo bạn bè thế giới.

Chính phủ báo cáo tình hình thực hiện các dự án quan trọng sử dụng vốn vay ODA

Ngày 3/6, Chính phủ cũng đã báo cáo trước Quốc hội về tình hình thực hiện các công trình, dự án quan trọng sử dụng vốn vay ODA trong thời gian qua. Theo báo cáo, tính đến cuối năm 2012, tổng vốn ODA giải ngân đạt 37,59 tỷ USD, chiếm trên 66,92% tổng vốn ODA ký kết. Theo báo cáo, tổng vốn ODA ký kết từ năm 1993 đến 2012 đạt trên 56,05 tỷ USD, chiếm 71,69% tổng vốn ODA cam kết; trong đó vốn ODA vay ưu đãi đạt 51,607 tỷ USD và chiếm khoảng 88,4%, vốn ODA không hoàn lại đạt 6,76 tỷ USD và chiếm khoảng 11,6%. Trong số các khoản ODA vay ưu đãi đã ký kết, phần lớn có lãi suất rất ưu đãi, thời gian vay và ân hạn dài. Khoảng 45% khoản vay có lãi suất dưới 1%/năm, thời hạn vay từ 30-40 năm, trong đó có 10 năm ân hạn; khoảng 40% các khoản vay ODA còn lại có lãi suất từ 1-3%/năm, thời hạn vay từ 12-30 năm, trong đó có 5-10 năm ân hạn và còn lại là các khoản vay có điều kiện ưu đãi kém hơn. Tuy nhiên, theo báo cáo này, ODA vốn vay tăng trong khi viện trợ không hoàn lại giảm qua các thời kỳ. Tỷ lệ vốn vay trong tổng vốn ODA tăng từ 80% (1993 - 2000) lên mức 81% (2001 - 2005), 93% (2006 - 2010) và hiện ở mức 95,7% (2011-2012). Về định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA trong thời kỳ 2011 - 2020, báo cáo của Chính phủ nhấn mạnh, sắp tới sẽ tập trung vào những nhà tài trợ lớn, đặc biệt là nhóm 6 Ngân hàng Phát triển (ADB, AfD, JICA, KEXIM, KfW, WB) để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế hiện đại, cơ sở hạ tầng tiên tiến, tạo ra những "cú huyếch" và "tác động lan tỏa" thúc đẩy phát triển thương mại, đầu tư, các vùng và khu vực phát triển trọng điểm.

97% chợ truyền thống hoạt động hiệu quả

Tại hội nghị về phát triển và quản lý chợ được tổ chức tại TPHCM, Bộ Công thương cho biết, cả nước đã xây mới 2.006 chợ, cải tạo nâng cấp 2.984 chợ các loại, nâng tổng số chợ cả nước đến cuối năm 2012 lên 8.547 chợ, với tổng số người buôn bán tại các chợ khoảng 2 triệu người.

Trong tổng số chợ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, số chợ đạt hiệu quả chiếm 97%. Tính chung trên các địa bàn, giá trị hàng hóa dịch vụ qua hệ thống chợ chiếm trung bình khoảng 40%, riêng tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, lượng hàng hóa lưu chuyển qua chợ chiếm đến hơn 80%. Số lượng doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia vào việc



Chợ Bình Tây (ảnh minh họa)

phát triển và quản lý chợ ngày càng tăng. Cả nước hiện có 595 doanh nghiệp và hợp tác xã chợ. Bên cạnh những kết quả tích cực, việc phát triển và quản lý chợ còn nhiều hạn chế như số lượng chợ tăng nhanh nhưng phân bố không đồng đều,

ở vùng nông thôn nơi cần phát triển chợ nhất thì chủ yếu là chợ có quy mô nhỏ, cơ sở vật chất còn sơ sài, lạc hậu.

Nhiều ý kiến cho rằng, các bộ, ngành chức năng cần rà soát, điều chỉnh và nâng chất lượng quy hoạch phát triển chợ. Đặc biệt, để chuyển đổi nhanh từ ban quản lý chợ sang mô hình doanh nghiệp và hợp tác xã quản lý và kinh doanh cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Để thu hút vốn đầu tư xây dựng chợ, cần có cơ chế ưu đãi đặc biệt cũng như sự cam kết mạnh mẽ của các địa phương trong việc giao đất và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách để các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư.

Mời tư vấn nước ngoài nghiên cứu quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội

Bộ Xây dựng đã có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn tư vấn nước ngoài tham gia nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, có 3 tổ chức tư vấn nước ngoài gửi hồ sơ xin tham gia gồm Viện Quy hoạch phát triển đô thị vùng IAU - Ile de France (Pháp), Công ty EGIS (Pháp) và Công ty Hansen Partnership (Australia). Trên cơ sở xem xét hồ sơ, đánh giá năng lực, Bộ Xây dựng thấy Viện Quy hoạch phát triển đô thị vùng IAU - Ile de France có đủ điều kiện năng lực chuyên môn và kinh nghiệm ở Việt Nam để tham gia nghiên cứu đồ án cùng với Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia (Bộ Xây dựng). Viện IAU cũng là đơn vị tư vấn thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Paris (phê duyệt năm 2011) và từng tham gia nghiên cứu quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội năm 2006.

Cải tạo chung cư cũ ở Hà Nội: Cho dân góp vốn xây nhà

Nhiều giải pháp đưa ra trong đó có việc cho phép người dân trong phạm vi dự án góp vốn tham gia thực hiện cùng nhà đầu tư đang được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tiến độ cải tạo chung cư cũ Hà Nội đang bế tắc hiện nay.

Trong số các biện pháp được đưa ra lần này, UBND TP Hà Nội nhất trí với việc cho phép người dân trong phạm vi dự án góp vốn tham gia thực hiện dự án

bằng chuyển quyền sở hữu căn hộ; áp dụng hình thức BT trong thực hiện cơ chế đầu tư đi đôi với việc lựa chọn chủ đầu tư theo hình thức chỉ định.

Việc Hà Nội đưa ra giải pháp cho phép người dân góp vốn vào dự án cải tạo bằng việc chuyển quyền sở hữu căn hộ hoàn toàn có lợi cho chủ đầu tư trong việc huy động vốn. Chủ đầu tư có thể thế chấp ngân hàng bởi chính dự án đang cải tạo.



Quy định việc sử dụng kinh phí thẩm định đồ án quy hoạch

Ngày 31/5, Bộ Xây dựng đã có Quyết định 547/QĐ-BXD về việc Ban hành quy định việc sử dụng kinh phí thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Xây dựng. Theo quy định chung về sử dụng kinh phí dành cho công tác thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị (sau đây gọi tắt là đồ án quy hoạch) là một phần kinh phí cấp cho đồ án quy hoạch, được quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế và Thông tư

số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 8/2/2013 về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.



Đầu tư công 2014-2015 bị siết mạnh

Theo "Thông báo và hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2014-2015" vừa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 15/7, đầu tư công trong giai đoạn 2014 - 2015 sẽ bị siết chặt bằng các nguyên tắc cụ thể.

Cụ thể, trong giai đoạn này, sẽ chỉ tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của các ngành, các địa phương.

Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng nhấn mạnh việc không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Trong khi đó, các địa phương không được sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương cho các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các dự án sử dụng vốn vay ngân sách địa phương chưa thẩm định vốn hoặc phê duyệt phần vốn ngân sách trung ương cao hơn mức đã thẩm định.

Các bộ, ngành và địa phương không được bố trí vốn ngân sách trung ương cho phần tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư quy định tại các quyết định giao vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ.



700 triệu USD mua thiết bị tuyến metro Bến Thành - Suối Tiên

Ngày 11/6, Ban quản lý đường sắt đô thị TPHCM và Công ty Hitachi (Nhật Bản) đã ký hợp đồng gói thầu số 3 (mua sắm thiết bị cơ điện, đầu máy toa xe, đường ray và bảo dưỡng) cho tuyến metro Bến Thành - Suối Tiên.

Đây là một trong những gói thầu quan trọng của dự án, với tổng giá trị khoảng 700 triệu USD, trong tổng mức đầu tư dự án metro số 1 được phê duyệt là 47.000 tỷ đồng.

Nhà thầu sẽ thực hiện việc khảo sát thiết kế, sản xuất, thi công, cung ứng vật tư thiết bị, kiểm nghiệm, vận hành thử bao

gồm các hệ thống cơ điện, đường sắt cho toàn bộ dự án. Trong đó, đầu máy toa xe, đường ray, hệ thống tín hiệu, hệ thống thông tin liên lạc, toàn bộ hệ thống cung cấp điện, hệ thống thu về tự động, xưởng sửa chữa và thiết bị SCADA, hệ thống biển báo. Thời gian hoàn thành và đưa vào hoạt động toàn bộ hệ thống là 56 tháng. Nhà thầu phải hoàn tất toàn bộ công tác lắp đặt thử nghiệm tích hợp, vận hành thử toàn bộ hệ thống cơ điện liên quan của dự án, bảo đảm cho việc vận hành khai thác có doanh thu của tuyến này.

Detroit, "thành phố ô tô" của Mỹ xin phá sản

Detroit vừa trở thành thành phố lớn nhất ở Mỹ đang đơn xin phá sản, với khoản nợ lên tới ít nhất 18 tỷ USD. Vùng đất từng là biểu tượng sức mạnh công nghiệp Mỹ, đã rơi xuống đáy cũng nhanh như khi nó mới phát lên. Việc đơn xin phá sản đã đánh dấu một bước thụt lùi mới cho Detroit, nơi được mệnh danh là "Thành phố Ô tô", cái nôi của ngành công nghiệp xe hơi Mỹ và từng là thành phố đông dân thứ tư nước Mỹ.

Với Detroit, việc đơn xin phá sản đã một lần nữa nhắc cho người ta nhớ lại quá trình đi lên và rơi xuống của thành phố. Detroit từng mở rộng với tốc độ chóng mặt trong nửa đầu thế kỷ 20, khi ngành công nghiệp xe hơi đổ bộ đến đây. Nhưng rồi trong mấy thập kỷ gần đây, thành phố cũng xuống dốc với tốc độ chóng mặt như vậy, chủ yếu vì sự suy giảm của ngành công nghiệp xe hơi. Nhiều hãng xe đã chuyển nhà máy khỏi Detroit tới các thành phố khác hoặc ngưng hoạt động.

Thành phố chật vật tìm cách quản lý các con phố, trong bối cảnh người dân thi nhau trốn khỏi nó để tới sống

ở những nơi khác. Tỷ lệ giết người ở nơi đây đã đạt mức cao nhất trong gần 40 năm qua, với 2.371 vụ phạm tội nghiêm trọng/100.000 dân. Chỉ 1/3 số xe cứu thương của thành phố còn làm việc. Xe cảnh sát và xe cứu hỏa đều ở trong tình trạng rất tồi. Dịch vụ công kém khiến cho ngày càng đông người rời khỏi Detroit. Hiện nay thành phố có 78.000 tòa nhà bỏ hoang không người ở. 40% những ngọn đèn đường ở đây cũng không còn hoạt động nữa. Trong một cuộc họp báo hôm 19/7, Kevyn D. Orr, quan chức được chính quyền bang Michigan bổ nhiệm để quản lý khẩn cấp tình hình ở Detroit, nói rằng xin phá sản là bước đi đầu tiên tiến tới việc khôi phục thành phố.



Grand Front Osaka là công trình thu hút nhiều du khách nhất ở Nhật Bản

Tòa tháp "Grand Front Osaka" đã qua mặt "Tokyo Sky Tree" để trở thành công trình cao tầng thu hút nhiều du khách nhất ở Nhật Bản sau khi đón 7,61 triệu lượt du khách mỗi tháng (Tokyo Sky Tree là 5,81 triệu) sau khi bắt đầu khai trương hồi tháng Tư năm nay. Tọa lạc trên khu

vực rộng tới 24 ha ở trung tâm Osaka, Grand Front Osaka là thành quả hợp tác của 12 nhà đầu tư, trong đó dẫn đầu là Orix, tập đoàn tài chính hàng đầu Nhật Bản. Ông Takuya Nomura, giám đốc điều hành Grand Front Osaka nhấn mạnh đây không chỉ là một trong những điểm tham quan thú vị của Osaka, mà còn là nơi chấp nối các ý tưởng. Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục có nhiều cuộc tiếp xúc, giao thương được tổ chức tại công trình mang nhiều ý nghĩa này, biến Grand Front Osaka trở thành một biểu tượng mới của một Nhật Bản thịnh vượng.



Singapore nghiên cứu việc chống lũ lụt cục bộ ở đô thị



Đại học Quốc gia Singapore (NUS) đang nghiên cứu ý tưởng áp dụng các bề mặt thấm thấu cho những con đường nhỏ và vỉa hè nhằm ngăn chặn tình trạng lũ lụt cục bộ tại đô thị bằng cách làm chậm lại dòng nước đổ vào cống rãnh sau mưa lớn. Những bề mặt thấm thấu có một lớp bê tông rỗng và một lớp sỏi. Khoảng 30-40% khoảng trống giữa lớp bê tông và sỏi này được dùng để tích nước, sau đó nước sẽ chảy qua một lớp vải thấm thấu trước khi được xả qua những đường nhỏ đổ vào cống. Toàn bộ quá trình này có thể giúp trữ số nước mưa đổ xuống trong vài giờ.

Mới đây Cơ quan quản lý nước quốc gia Singapore (PUB) cũng đã yêu cầu các công trình xây dựng mới phải áp dụng những biện pháp phòng ngừa lũ lụt nghiêm ngặt hơn. Ngoài ra, một lớp mái xanh cũng là một trong những biện pháp bắt buộc. Việc trồng cây và tạo ra những không gian xanh trên mái các tòa nhà thương mại và dân cư sẽ có hai chức năng chính là lọc nước để tái sử dụng và hạn chế dòng chảy của nước mưa đổ thẳng hệ thống cống công cộng. Quy định này được áp dụng đối với những dự án xây dựng có diện tích từ 0,2 héc-ta trở lên.

Nâng cấp giao thông đô thị, tiết kiệm 70.000 tỷ USD

Trong một báo cáo vừa công bố có tiêu đề "Chuyên kế về các thành phố đổi mới", Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) khuyến nghị các nhà hoạch định chính sách cần áp dụng các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và xe cộ trong hệ thống giao thông vận tải tại các thành phố. IEA ước tính các biện pháp này sẽ giúp thế giới tiết kiệm tới 70.000 tỷ USD vào năm 2050.

Giám đốc điều hành IEA, Maria van der Hoeven nhận định tới năm 2050, 70% dân số thế giới sẽ sống tại các thành phố và mức tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải tại các đô thị ước tăng gấp

đôi. Vì thế, các chính phủ cần lên kế hoạch về hệ thống năng lượng, hậu cần và cơ sở hạ tầng - vấn đề có ý nghĩa lớn cho cả hôm nay và những thập niên tới. Báo cáo trên của IEA dựa trên kết quả nghiên cứu hơn 30 thành phố trên toàn cầu đã nâng cao được hiệu quả sử dụng năng lượng trong hệ thống giao thông vận tải, giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính và cải thiện chất lượng cuộc sống.



New York chi gần 20 tỉ USD để chống biến đổi khí hậu

Theo AFP, thị trường Bloomberg cảnh báo năm 2050, một cơn bão như Sandy có thể gây những hậu quả tồi tệ hơn nhiều đối với New York. Bản báo cáo dày 400 trang về tác động của biến đổi khí hậu đối với New York vừa được công bố ngày 11/6 cho thấy thành phố này đứng trước nhiều nguy cơ của việc thay đổi khí hậu quá nhanh trong tương lai gần.

Các nhà khoa học dự báo mực nước biển ở New York sẽ dâng 12-20cm vào năm 2020 và 60cm vào năm 2050. Từ

năm 2050, số ngày nóng trên 32 độ C có thể lên đến 57 ngày mỗi năm so với 18 ngày như hiện nay. Mưa đông tuyết rơi ở New York được dự báo "sẽ trở thành cổ tích" trong tương lai.

Thị trường Bloomberg cho biết thành phố sẽ xây thêm nhiều gò chắn sóng ở các vùng bờ biển để bị tổn thương. "Bằng những nỗ lực dần dần, từng bước một, sau nhiều năm chúng ta sẽ có được một thành phố có thể thích ứng với biến đổi khí hậu" - ông Bloomberg hi vọng.

Liên hiệp quốc:

Thế giới chưa sẵn sàng đối phó đô thị hóa nhanh chóng

Bản khảo sát kinh tế xã hội thế giới năm 2013 của Liên hiệp quốc (LHQ) cho rằng thế giới chưa sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đô thị hóa nhanh chóng với hơn 6,5 tỉ dân sinh sống ở các thành phố vào năm 2050.

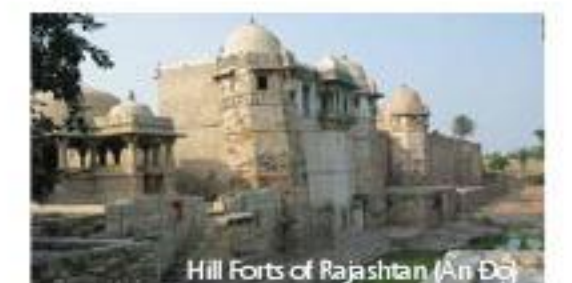
Dân số thế giới dự kiến sẽ hơn 9 tỉ người vào năm 2050 với 2/3 con số này sống ở các thành phố. Dân đô thị tăng nhanh ở châu Phi và châu Á. Khảo sát cũng nhận thấy việc cung cấp

năng lượng nằm trong các yếu tố cốt lõi để phát triển bền vững, cùng với an ninh lương thực và dinh dưỡng. Các tác giả bản khảo sát kêu gọi cải thiện nguồn điện năng, đầy đủ và chất lượng cao.

Bản khảo sát nói phát triển bền vững các khu vực đô thị đòi hỏi đầu tư để giải quyết các vấn đề sử dụng đất, an toàn lương thực, tạo công ăn việc làm, chuyên chở...

Thêm 19 di sản thế giới được UNESCO công nhận

Hội nghị lần thứ 37 của Ủy ban Di sản Thế giới (WHC) thuộc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đang diễn ra tại Phnom Penh đã công nhận thêm 19 di sản thế giới - hơn một nửa số di sản được đề cử. Phát biểu với báo giới, Phó Thủ tướng Campuchia Sok An, Chủ tịch Hội nghị WHC 37 cho biết trong số 19 di sản được công nhận, được chọn từ 30 di sản trong danh sách đề cử, có 5 di sản thiên nhiên và 14 di sản văn hóa. Các di sản được chọn bao gồm 8 di sản thuộc châu Á-Thái Bình Dương, 7 di sản thuộc châu Âu, 2 di sản thuộc châu Phi, 1 di sản thuộc khu vực Mỹ Latinh và Caribe, và 1 di sản thuộc Trung Đông. Trong số các di sản châu Á được công nhận có thành phố cổ Keasong của Triều Tiên, ngọn núi Phú Sĩ nổi tiếng của Nhật Bản, vùng núi Thiên Sơn Tân Cương và khu ruộng bậc thang Hồng Hà thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, khu pháo đài cổ ở bang Rajasthan của Ấn Độ...



Hill Forts of Rajasthan (Ấn Độ)



Gói tín dụng chưa chạm nhiều vào tồn kho bất động sản

Theo giới quan sát thị trường cho rằng gói giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bất động sản chưa đủ mạnh, và chưa chạm nhiều vào được khối bất động sản tồn kho hiện nay.

Báo cáo phân tích thị trường của công ty Maybank Kim Eng cho rằng các chính sách hỗ trợ bất động sản như gói kích cầu 30.000 tỉ đồng dành cho nhà ở

xã hội và nhà ở thương mại diện tích nhỏ tạo tín hiệu lạc quan ban đầu với thị trường bất động sản.

Tuy nhiên, tốc độ giải ngân gói tín dụng ưu đãi diễn ra chậm chạp, và việc hỗ trợ mới chỉ tập trung vào các dự án chuyển đổi nhằm tăng cung nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá thấp, chứ chưa động tới khu vực bất động sản tồn kho.

Hà Nội duyệt "siêu" tổ hợp StarCity Center tại Cầu Giấy

Ngày 23/7, UBND thành phố Hà Nội đã ra quyết định thu hồi lô đất tại khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng để xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà ở StarCity Center. Theo đó, Thành phố sẽ thu hồi 50.309m² đất tại ô đất có ký hiệu HH thuộc khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy để giao cho Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) để thực

hiện dự án tổ hợp công trình cơ quan văn phòng, dịch vụ công cộng, nhà ở và nhà trẻ - StarCity Center. Được biết, đây là dự án đối ứng theo hình thức hợp đồng BT của dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Nội, trong đó chủ đầu tư là Vinaconex và Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long. Hình thức sử dụng đất sẽ là giao đất có thu tiền sử dụng đất với thời hạn 50 năm đối với khu văn phòng, dịch vụ. Đối với đất ở sẽ là giao đất lâu dài.



Ảnh: HTT Group

Syrena Việt Nam đầu tư gần 2 tỷ USD cho dự án Hạ Long Marina



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Syrena Việt Nam vừa tiếp tục triển khai giai đoạn hai dự án Hạ Long Marina. Được xây dựng dựa trên ý tưởng thành phố Sydney thu nhỏ tại bờ biển Quảng Ninh, Hạ Long Marina được đầu tư với tổng vốn lên đến hơn 2 tỷ USD.

Hạ Long Marina là dự án trọng điểm của Syrena Việt Nam với quy mô lên đến 287ha trải dài trên 3,8km đường biển. Theo quy hoạch chi tiết, Hạ Long Marina được chia thành 3 khu vực chính, bao gồm bán đảo một là nơi tập trung các biệt thự cao cấp ven biển, làng truyền thống và công viên cây xanh. Bán đảo hai là khu trung tâm gồm tổ hợp thương mại - văn phòng - khách sạn, trung tâm hội nghị tiêu chuẩn quốc tế, rạp hát, ngân hàng, nhà phố thương mại, tuyến phố đi bộ mua sắm, nhà hàng, siêu thị. Còn bán đảo ba là khu công viên văn hóa thể thao, giải trí và các cụm chung cư cao cấp từ 18-24 tầng.

Ngoài ra, chủ đầu tư còn dành một phần quỹ đất lớn để dành cho các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các bãi tắm để phục vụ cư dân trong khu đô thị và du khách, bến du thuyền... Tính tổng thể, có trên 50 hạng mục công trình sẽ được kiến thiết tại các bán đảo này. Hiện dự án đã đầu tư xong giai đoạn một và tiếp tục triển khai giai đoạn hai. Riêng tiền đầu tư của cơ sở hạ tầng lên tới 2.079 tỷ đồng. Được biết, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Syrena Việt Nam là công ty trực thuộc tập đoàn BIM, tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề tại Việt Nam.

Vingroup xây trung tâm tài chính tại Thủ Thiêm

UBND TPHCM đã chấp thuận chủ trương Tập đoàn Vingroup làm nhà đầu tư thực hiện dự án Trung tâm tài chính, ngân hàng quốc tế, thương mại, dịch vụ, nhà ở tại khu đô thị Thủ Thiêm.

Theo đó, Vingroup sẽ là nhà đầu tư thực hiện dự án Trung tâm tài chính ngân hàng quốc tế, thương mại, dịch vụ (khu chức năng số 1) với diện tích khoảng 170.000 mét vuông.

Bên cạnh đó tập đoàn này cũng là chủ đầu tư khu dân cư thương mại dịch vụ tổng hợp đa chức năng tại khu chức năng số 6 với diện tích khoảng 79.000 mét vuông ở khu đô thị mới Thủ Thiêm.



Vingroup sẽ phải tự trang trải chi phí thuê đơn vị tư vấn để nghiên cứu lập quy hoạch 1/500 và đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của hai dự án nói trên phù hợp với đồ án quy hoạch 1/2000 đã được phê duyệt.

TPHCM: 86 dự án bị cắt vốn đầu tư

Phó Chủ tịch UBND TPHCM Nguyễn Thị Hồng vừa quyết định cắt vốn đầu tư 86 dự án (sử dụng vốn ngân sách) do triển khai chậm và có tỷ lệ giải ngân dưới 30%. UBND TPHCM phê bình 53 sở ban ngành, UBND các quận huyện, chủ đầu tư có dự án giải ngân thấp so với kế hoạch vốn đã giao năm 2012 và sẽ có biện pháp chế tài nghiêm. Trong năm 2012, TPHCM còn 34 dự án có tỷ lệ giải ngân dưới 50%, cụ thể như Dự án Trạm Xử lý nước

thải rạch Suối Nhum, Dự án Nút giao thông Tân Thới Hiệp (quận 12), Dự án Cải tạo nâng cấp đường Rừng Sác, Dự án xây dựng tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài tại quận Bình Thạnh, Dự án Trung tâm Y tế dự phòng quận 9... UBND TPHCM cũng đồng ý xem xét gia hạn lần cuối đối với các dự án đã được chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư trên địa bàn.

TPHCM hiện có 427 dự án với diện tích hơn 4.100 ha được chấp thuận địa điểm đầu tư, trong đó có 254 dự án nhà ở, 53 dự án sản xuất kinh doanh và 120 dự án phúc lợi công cộng.

Gần 710 tỷ đồng xây dự án nhà ở xã hội Tây Nam Linh Đàm

Nằm trong khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm, dự án khu nhà ở xã hội Tây Nam Linh Đàm do HUD và Công ty Cổ phần BIC Việt Nam là chủ đầu tư, dự án có diện tích 2,2ha, thuộc quỹ đất 20%, nằm trong tổng số 49ha của dự án khu đô thị Tây Nam Linh Đàm.

Dự án có tổng số 9 tòa nhà chung cư trong 6 khối nhà, chiều cao từ 9-18 tầng với tổng diện tích xây dựng khoảng 75.815m², dự kiến tổng mức đầu tư gần 710 tỷ đồng và sẽ hoàn thành trong năm 2015, cung cấp 1.037 căn hộ, đáp ứng một phần nhu cầu về nhà ở xã hội của thành phố Hà Nội.

Đổi đất lấy hạ tầng đô thị cảng Hiệp Phước

Ngày 6/7, Chủ tịch UBND TPHCM Lê Hoàng Quân đã có cuộc làm việc về tiến độ đầu tư xây dựng đô thị cảng Hiệp Phước và việc phát triển hệ thống cảng biển ở đây. Tại buổi làm việc, lãnh đạo Công ty TNHH một thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận (IPC), thay mặt UBND TPHCM làm chủ đầu tư dự án xây dựng đô thị cảng Hiệp Phước cho biết, toàn khu đô thị cảng có diện tích 3.912 ha trong đó khu đô thị Hiệp Phước có quy mô 1.354 ha (giai đoạn 1 rộng 370 ha, giai đoạn 2 rộng 652 ha, giai đoạn 3 rộng 393 ha; khu cảng hạ lưu Hiệp Phước rộng 385 ha).

Hiện nay, khu đô thị Hiệp Phước đang được nghiên cứu lập đồ án quy hoạch 1/5000 và nhiệm vụ quy hoạch 1/2000. Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1 và một phần giai đoạn 2 đã đi vào hoạt động. Phần còn lại của giai đoạn 2 và giai đoạn 3 đang trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng. IPC dự kiến sẽ xây dựng một trung tâm logistic tại Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 3 để phục vụ cho việc phát triển hệ thống cảng biển ở khu vực hạ lưu Hiệp Phước.



Quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội

Thực tiễn sau 5 năm triển khai và các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn điều chỉnh

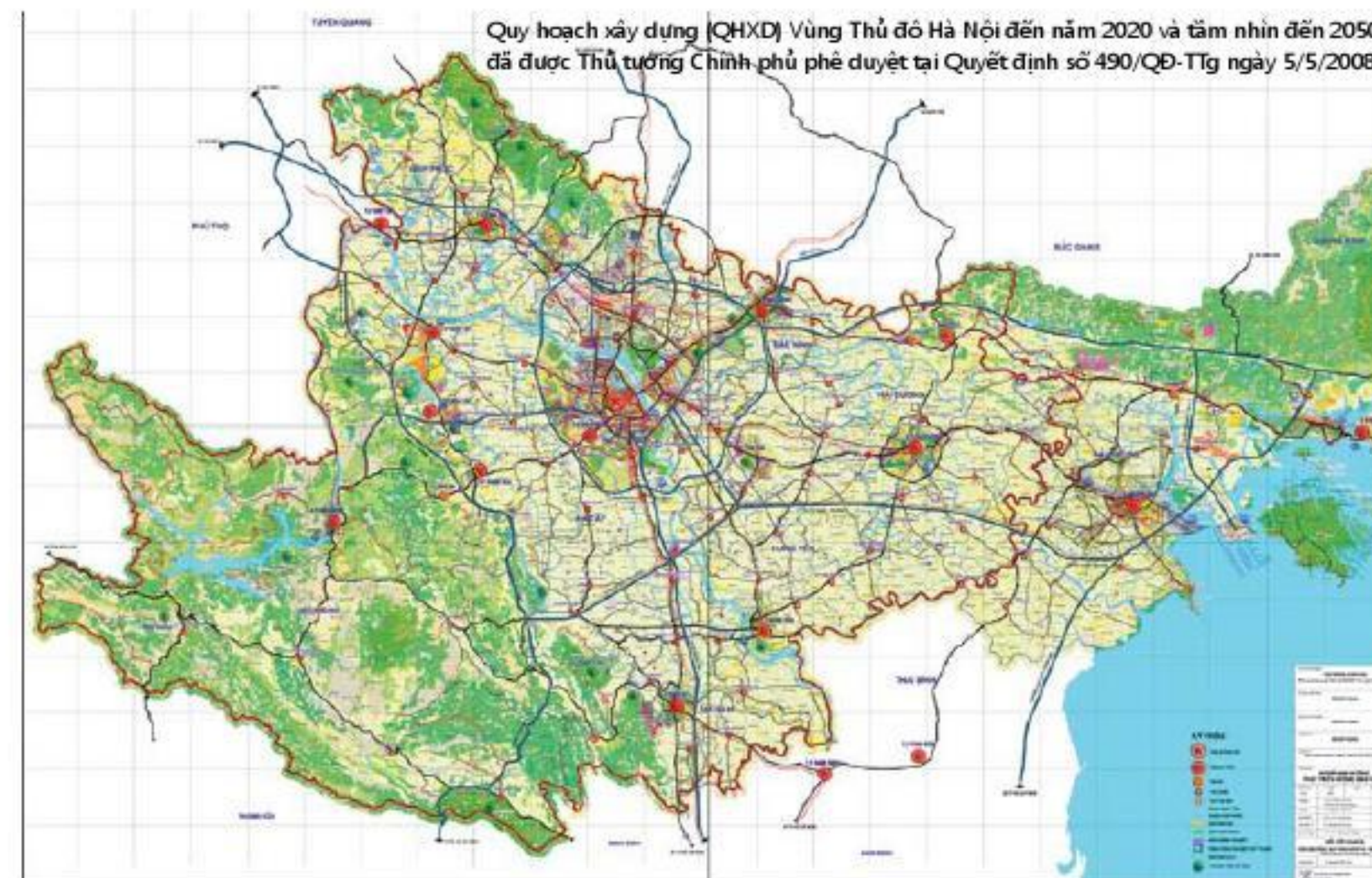
THS.KTS. NGÔ TRUNG HẢI
Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Quốc gia

BỐI CẢNH

Quy hoạch xây dựng (QHXD) Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 5/5/2008. Kể từ đó đến nay, các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã bước đầu triển khai thực hiện bám sát các định hướng, chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Nhiều dự án có quy mô lớn trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: y tế, giáo dục đào tạo, dịch vụ, nhà ở, công nghiệp, giao thông, đã bước đầu được thực hiện không chỉ ở quy mô tỉnh mà đã nâng lên quy mô cấp vùng. Qua 5 năm thực hiện, bối cảnh Vùng đã có nhiều thay đổi đáng kể. Việc điều chỉnh địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội đã được thực hiện năm 2008 (Nghị quyết 15/2008/QH12 ngày 29/05/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam) và sau đó là đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn đến 2050, Thủ tướng

Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 cho thấy, hạt nhân của Vùng là Thủ đô Hà Nội đã có sự chuyển biến và thay đổi lớn về không gian. Trong thực tế triển khai quy hoạch Vùng còn những tồn tại cần điều chỉnh, trong đó đáng kể nhất là việc xây dựng mối liên kết chia sẻ, hỗ trợ các chức năng của các địa phương vùng còn chưa rõ ràng, chưa có một cơ chế phối hợp chặt chẽ, một cam kết giữa các địa phương và sự thống nhất từ TW tới địa phương. Việc đầu tư các dự án chiến lược vùng chưa nhất quán trên toàn phạm vi lãnh thổ Vùng. Trong 5 năm vừa qua bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) của Quốc gia và Vùng cũng có nhiều biến đổi. Xu hướng lấy các khu công nghiệp, đô thị làm động lực cơ bản cho Vùng đã dần chậm lại và nhường chỗ cho nền kinh tế sinh thái, phát triển nông nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là một xu hướng mới cho Vùng. Các vấn đề về môi trường, tai biến thiên tai, biến đổi

khí hậu (BĐKH) là các vấn đề Vùng phải đối diện. Ngày 20/11/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 1758/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh QHXD Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050, trong đó xác định tầm nhìn *"Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường dân cư thân thiện, bền vững; bảo đảm an ninh, quốc phòng; vùng Thủ đô có trung tâm chính trị, văn hóa - lịch sử, khoa học, giáo dục - đào tạo và du lịch lớn của cả nước."* Quy mô, phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội đã có thay đổi (so với Quyết định số 490/2008/QĐ-TTg ngày 05/5/2008) bao gồm Hà Nội và 6 tỉnh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, mở rộng thêm 3 tỉnh là Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, với tổng diện tích 24.314,7 km², dân số hiện trạng toàn vùng năm 2012 vào khoảng hơn 17 triệu người.

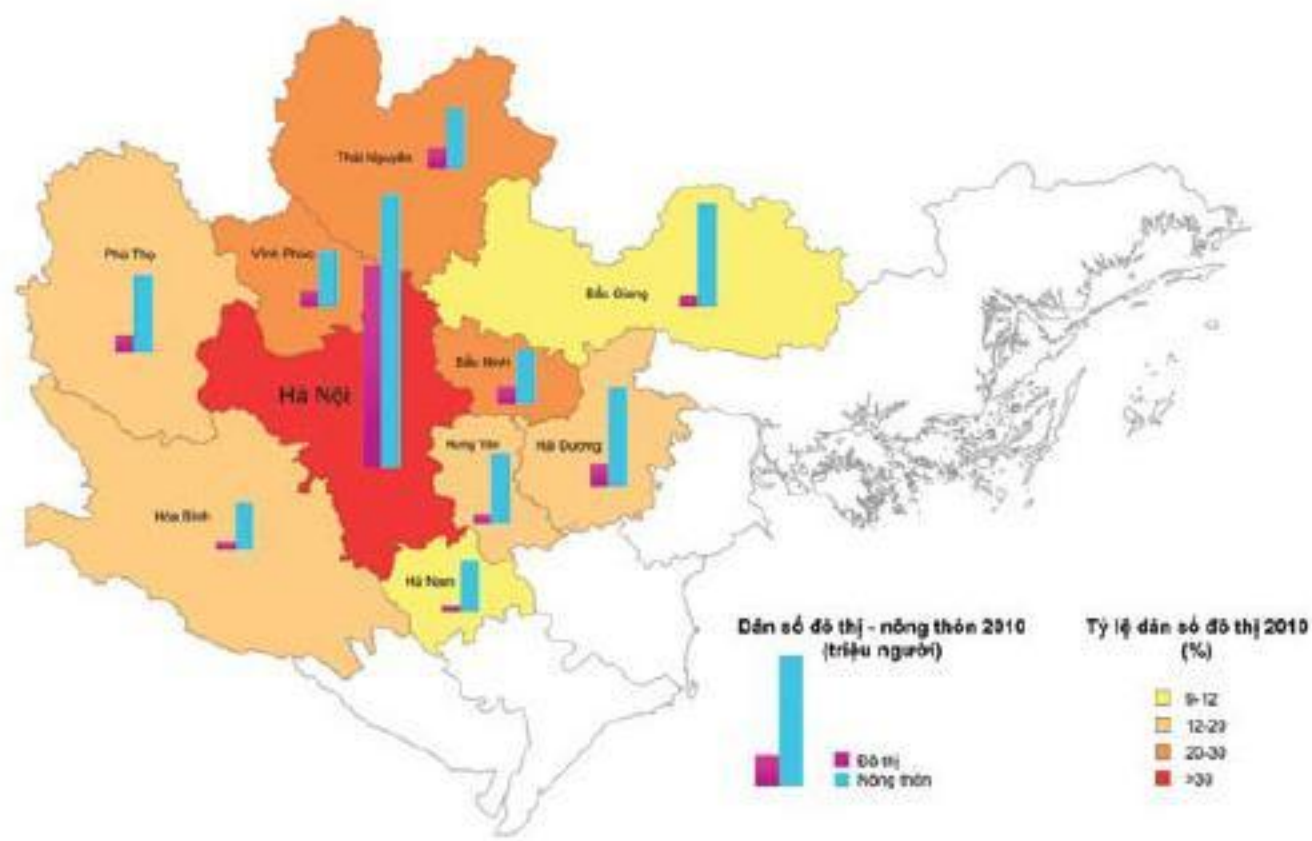


MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI TRONG VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Về cơ bản, hệ thống đô thị, dân cư, khu công nghiệp... đã được các tỉnh thực hiện và lồng ghép trong các chiến lược ngành và QHXD Vùng tỉnh phù hợp với QHXD Vùng Thủ đô được phê duyệt. Các dự án trọng điểm của quốc gia trong Vùng đã được đầu tư, xây dựng theo đúng kịch bản và khung hạ tầng đề xuất. Tuy nhiên cũng còn nhiều tồn tại hoặc yếu tố mới phát sinh cần được nhắc tới: Sức mạnh pháp lý của bản QHXD Vùng: Đồ án QHXD Vùng đã được phê duyệt, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở một bản định hướng. Chiến lược đầu tư xây dựng vẫn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từng tỉnh. Việc chưa hình thành được một văn bản dạng "Quy định/Quy chế quản lý đầu tư phát triển Vùng" do Chính phủ phê duyệt cũng là một hạn chế, khiến công cụ QHXD Vùng chưa thực sự mạnh. Việc thiếu văn bản này cũng giống như thiếu một

Khung kỹ thuật giám sát đánh giá để nhìn nhận hiệu quả công tác thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Về công tác phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng: Ở một khía cạnh nào đó các tỉnh vẫn phát triển theo định hướng riêng và các kế hoạch chia sẻ giữa các tỉnh trong vùng còn mờ nhạt. Các vấn đề liên vùng quan trọng cần chia sẻ, thống nhất và có cam kết chung sức thực hiện quản lý như: bảo vệ nguồn nước mặt (Sông Đà), quản lý môi trường tiếp nhận nước thải (Sông Cầu, Sông Nhuệ, Sông Đáy), đặc biệt việc chia sẻ các vị trí xây dựng các công trình hạ tầng "nhảy cào" như khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang còn là những điều gây tranh luận giữa các tỉnh. Các dự án liên tỉnh để khai thác thế mạnh đặc trưng từng địa phương hầu như chưa xuất hiện. Dự án nổi Vĩnh Phúc và Thái Nguyên thông qua Tam Đảo là một đề xuất hay nhưng cũng mới chỉ dừng ở mức ý tưởng và chưa thể làm rõ khả năng thực hiện kể cả về mặt kỹ thuật cũng như hiệu quả kinh

tế, xã hội của dự án. Việc phân công các chức năng chuyên ngành đã đề cập trong QHXD Vùng so với thực tiễn phát triển đã không còn theo định hướng. Lấy giáo dục đào tạo làm một ví dụ, qua kiểm tra, rà soát các dự án trọng điểm trong Vùng cho thấy nhiều tỉnh đã có các chiến lược hình thành những trung tâm giáo dục đào tạo quy mô lớn cấp Vùng như Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hưng Yên...; hoặc lấy Vành đai 5 làm ví dụ, dự án này được đề xuất như một tuyến giao thông kết nối tất cả các đô thị cách HN với bán kính khoảng 60km. Tuy nhiên thực tế đã có nhiều khác biệt, nhiều đô thị được quy hoạch đã không dành vai trò xứng đáng cho vành đai 5 hoặc vành đai được định hướng tuyến khác khi đi qua vùng nông thôn khiến tính chất vành đai 5 là "tuyến nối các trung tâm đô thị" đã không còn như dự định ban đầu. Với kỳ vọng sớm trở thành một Vùng đô thị lớn trọng điểm quan trọng của Quốc gia, tuy nhiên qua quá trình phát triển có thể thấy tốc độ đô thị hóa của Vùng



Hiện trạng tình hình đô thị hóa Vùng Thủ đô

còn chưa đạt được như mong muốn. Số liệu điều tra sơ bộ cho thấy, tỷ lệ đô thị hóa trong vùng Hà Nội đạt 27,48%, thấp hơn so với tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc là 30,5% (Nguồn: WorldBank). Trong phạm vi các tỉnh và thành phố Hà Nội, tỷ lệ đô thị hóa cũng có sự chênh lệch đáng kể. Thành phố Hà Nội là đơn vị có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất 42,6%, một số tỉnh có tỷ lệ đô thị hóa thấp, khoảng hơn 10% (Hà Nam, Bắc Giang). Đất đai dành cho phát triển đô thị tại hầu hết các thành phố được dự kiến quy hoạch là tương đối lớn. Qua điều tra sơ bộ chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng tại các đô thị theo quy hoạch thường lên tới hơn 100-120m²/người, có các đô thị lên tới gần 150-180m²/người. Vấn đề này cũng tiềm ẩn các nguy cơ về lãng phí nguồn lực đất đai và đầu tư hạ tầng do định cư dân trải, trong khi đó các định hướng về khai thác sức mạnh và tiềm lực kinh tế từ nông nghiệp-nông thôn-nông dân chưa thực sự nổi trội. Mạng lưới các khu công nghiệp (KCN) cơ bản đã hình thành, tuy nhiên vẫn đề sử dụng hiệu quả đất đai KCN là vấn đề cần xem xét, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế đang giảm đà tăng trưởng. Hiệu quả lấp đầy của các KCN

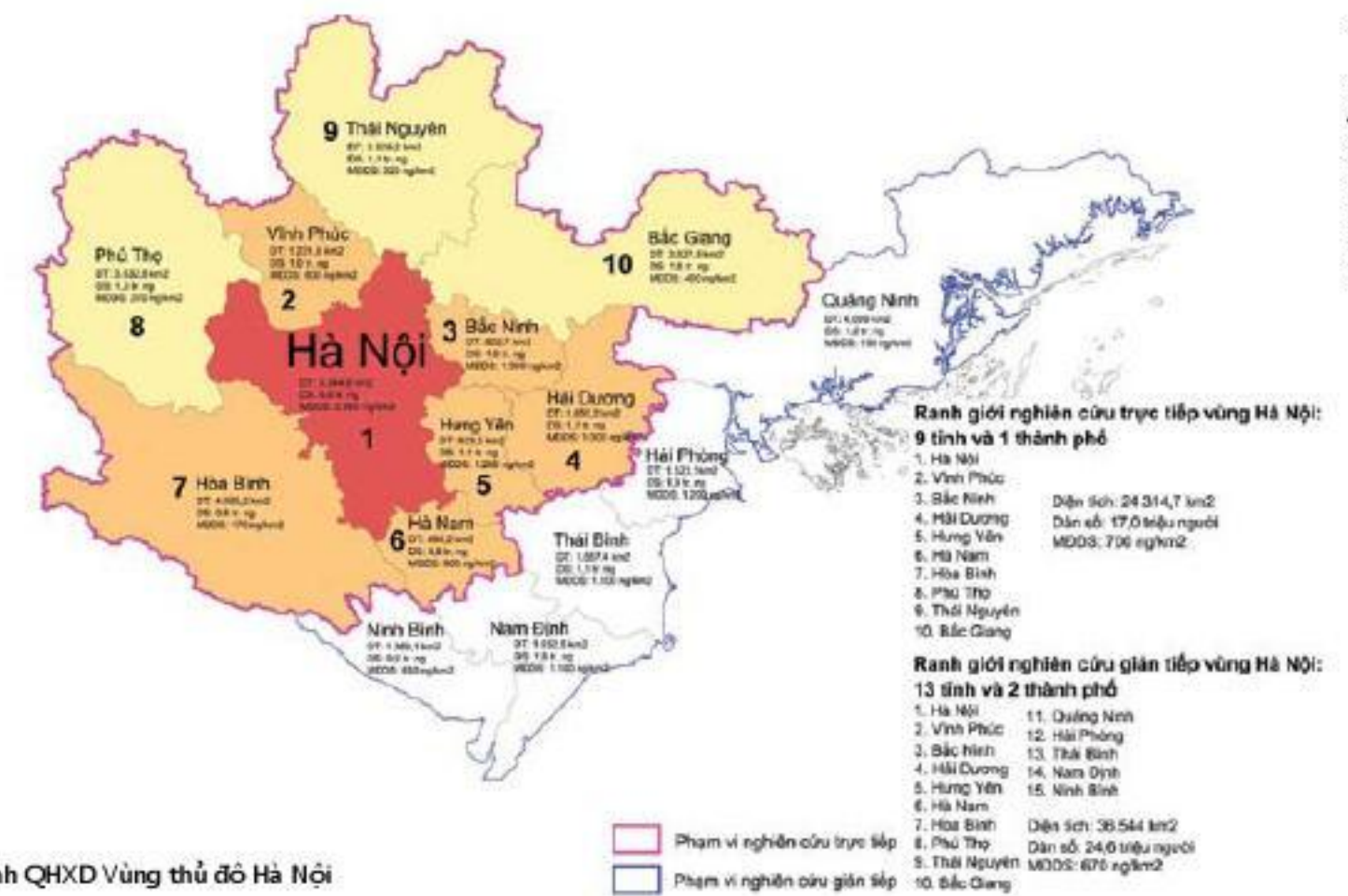
chưa cao. Theo điều tra ban đầu, tỷ lệ các KCN đã triển khai đầu tư xây dựng so với diện tích dự kiến QHXD trung bình toàn vùng mới khoảng 50%. Tỷ lệ lấp đầy các KCN đã xây dựng tại tỉnh cao nhất mới đạt 75%, tại các tỉnh thấp là 50%. Nhiều KCN và các loại hình sản xuất tập trung vào các ngành nghề sử dụng lượng lao động lớn, cần diện tích đất đai lớn và luôn tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm. Các KCN hoàn chỉnh với đúng mô hình KCN công nghệ cao là chưa có. Việc hình thành một cơ chế và các hành lang pháp lý để điều tiết và thực hiện QHXD Vùng sau khi phê duyệt cũng là vấn đề cần nghiên cứu. Với điều kiện của Việt Nam chưa thể thành lập một Chính quyền vùng là cơ quan điều phối và cân bằng phát triển cho toàn vùng giống mô hình một số nước, sau khi QHXD Vùng được duyệt, Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng do một Phó thủ tướng làm trưởng ban với thành phần gồm lãnh đạo một số bộ ngành và các tỉnh trong Vùng, thường trực ban chỉ đạo là Bộ Xây dựng. Tuy nhiên với hành lang pháp lý như hiện tại thì Ban Chỉ đạo vận hành mới chỉ

dừng ở mức trao đổi, nắm bắt thông tin còn những vai trò quan trọng như: giám sát thực hiện quy hoạch, điều tiết quyền lợi và trách nhiệm các địa phương trong Vùng, ra quyết định cho các vấn đề hoặc các dự án trọng điểm, thay đổi kế hoạch chiến lược phát triển vùng... là chưa thể thực hiện được.

CÁC CÔNG TÁC QHXD VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Trong Quyết định 1758/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh QHXD Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050 đã xác định 05 mục tiêu chiến lược như sau:

- Phát triển Thủ đô Hà Nội và các tỉnh xung quanh trên cơ sở có sự phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, mối quan hệ cung cầu cũng như trách nhiệm giải quyết các khó khăn và thách thức trong Vùng theo hướng hài hòa và bền vững.
- Xác định mô hình phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng địa - kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất một cách hợp lý và phát huy tối đa tiềm năng của Thủ đô và các địa phương trong vùng.



Phạm vi điều chỉnh QHXD Vùng thủ đô Hà Nội

- Xây dựng đồng bộ và liên đới hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của Vùng, tạo điều kiện cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hóa - xã hội.

- Phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, hạn chế những mặt trái của quá trình đô thị hóa đến môi trường sống, tác động của biến đổi khí hậu nhằm xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội phát triển nhanh, thịnh vượng và có môi trường bền vững.

- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội làm cơ sở cho lập và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch ngành.

Căn cứ vào các mục tiêu chiến lược nêu trên và các nội dung nhiệm vụ trong Quyết định 1758/QĐ-TTg, công tác nghiên cứu điều chỉnh QHXD Vùng dự kiến triển khai tập trung vào các công việc mang tính trọng tâm như sau:

Công tác rà soát đánh giá hiện trạng: Ngoài công tác đánh giá các vấn đề thực trạng, công tác rà soát hiện trạng cần tập trung

vào đánh giá việc thực hiện quy hoạch theo Quyết định 490 để tìm ra các vấn đề tồn tại trong vùng. Đánh giá việc phối hợp và quy chế phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng trong công tác quản lý và đầu tư các dự án trọng điểm cấp Vùng. Công tác và số liệu điều tra đánh giá được số hóa và lồng ghép vào yếu tố không gian để tạo thành Hệ thống thông tin địa lý (GIS) hoàn chỉnh phục vụ các nghiên cứu bước tiếp theo đồng thời lập thành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý sau này.

Công tác dự báo bao gồm: Dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa... và sự biến động môi trường tự nhiên. Các dự báo cần được xây dựng theo hướng tiếp cận đa chiều, đa ngành, xây dựng thành nhiều kịch bản về phát triển KT-XH để từ đó lựa chọn kịch bản hợp lý cho quy hoạch không gian.

Các đề xuất mang tính kỹ thuật: Ngoài các đề xuất căn bản của QHXD Vùng về đô thị, công nghiệp, nông nghiệp, hạ tầng kinh tế trọng điểm, mạng lưới và đầu mối hạ tầng kỹ thuật... đồ án lần này sẽ tập trung vào nghiên cứu sâu về hạ tầng giao thông với các tính toán,

dự báo về nhu cầu vận tải phù hợp với kịch bản phát triển, mô hình hóa các tính toán để lựa chọn phương án kỹ thuật hợp lý nhất cho Vùng.

Các đề xuất về tổ chức thực hiện và các mô hình quản lý Vùng theo quy hoạch: Với hướng tiếp cận chiến lược đồ án dự kiến tập trung đề xuất các chương trình ưu tiên, dự án phát triển phù hợp và coi như các dự án trọng tâm các địa phương cùng cam kết thực hiện. Đề xuất các giải pháp về tài chính để các dự án có tính khả thi. Trong lần này đồ án tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện và đề xuất mô hình quản lý vùng và xây dựng được bộ Quy định/Quy chế quản lý là công cụ để quản lý Vùng theo quy hoạch.

Công tác nguồn cứu có hợp tác quốc tế: Trong giai đoạn nghiên cứu đồ án sẽ được hợp tác với các tổ chức và chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm để cùng hợp tác nghiên cứu trong đó đặt trọng tâm vào các vấn đề tư vấn trong nước còn ít kinh nghiệm như: Dự báo và xây dựng các kịch bản phát triển kinh tế; Xây dựng chiến lược và quy hoạch giao thông với các mô hình giao thông hiện đại, tiên tiến; Mô hình quản lý vùng và các bài học quản lý vùng. ■

Vùng

và các mô hình tổ chức quản lý phát triển vùng

TS.KTS. NGUYỄN TRÚC ANH
TS. LÊ QUỐC KHÁNH

QUẢN LÝ VÙNG LÃNH THỔ NHẪM
THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HOÁ
HIỆN ĐẠI HOÁ

Cũng như nhiều nước khác trên thế giới, tỉnh ở Việt Nam là đơn vị hành chính cấp trực tiếp dưới quốc gia. Vượt qua nhiều thập kỷ, hay cả hàng trăm năm từ khi thành lập, mỗi tỉnh ở nước ta đều khá độc đáo về lịch sử, địa lý, truyền thống văn hoá, tập tục và lối sống, thậm chí hình thái ngôn ngữ,... do đó, đơn vị hành chính cấp tỉnh chắc chắn sẽ còn tồn tại lâu dài ở Việt Nam. Hiện nay, lãnh thổ nước ta được phân thành 63 tỉnh thành, với quy mô

diện tích và dân số một tỉnh trung bình tương đối nhỏ so với các yêu cầu phát triển hiện nay và so với quy mô tỉnh của các nước khác trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á (xem Bảng 1). Quy mô nhỏ đó phù hợp với các giai đoạn phát triển trước 1975 và trước chính sách Đổi mới, khi năng lực quản lý hành chính còn hạn chế và nền kinh tế Việt Nam chủ yếu dựa trên sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ. Mặt khác, trong thời đại toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, và hướng tới mục tiêu lớn là đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hoá vào năm 2020, nhiều vấn đề mới nảy sinh mang tính

vùng liên tỉnh. Đó là các vấn đề xây dựng và khai thác các hạ tầng giao thông lớn như đường cao tốc, sân bay, cảng biển, phục vụ nhiều tỉnh, thậm chí cả quốc gia và xuyên quốc gia; các hạ tầng kinh tế lớn; các hạ tầng kỹ thuật và xã hội quan trọng; bảo vệ môi trường,... Giải quyết các vấn đề này cần sự phối kết hợp nỗ lực của các tỉnh thành trong một vùng liên tỉnh. Vấn đề quản lý phát triển vùng liên tỉnh đồng thời với tiếp tục phân cấp và tôn trọng quyền tự chủ của các tỉnh thành đã được chú ý tới ở nước ta từ những năm 2000. Một số loại hình vùng và các cơ cấu tổ chức tương ứng ở Trung ương để điều hành và quản lý vùng đã được hình thành. Trong đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội cho các dân tộc thiểu số là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ; trong phát triển kinh tế đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Trung Bộ và phía Nam; trong đầu tư phát triển vùng có vùng Thủ đô Hà Nội. Các cơ cấu quản lý các vùng trên gồm các Ban Chỉ đạo Trung ương (hay Ban Chỉ đạo Nhà nước) đối với mỗi vùng. Cụ thể, đối với các vùng có nhiều dân tộc thiểu số có các Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. Đối với vùng Thủ đô Hà Nội có Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội (từ năm 2003). Tuy nhiên, ở nhiều vùng khác như vùng Thành phố Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long,... chưa có sự chỉ đạo tập trung của Trung ương trong triển khai các dự án đầu tư liên tỉnh trong tự như vùng Thủ đô Hà Nội. Trong giai đoạn hiện nay và trước mắt, sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ trong triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng đã được Chính phủ phê duyệt qua việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng toàn vùng là rất quan trọng.

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VÙNG Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Vùng là một cấp tương đối mới trong tổ chức lãnh thổ quốc gia hiện đại ở nhiều nước trên thế giới. Ở nước ta từ nhiều thập kỷ qua hình thức tổ chức và phân

chia lãnh thổ phổ biến là Quốc gia - Tỉnh thành (dưới nữa là Huyện (Quận) - Xã (Phường). Trên thế giới, ngoài cấp địa phương (như tỉnh thành), nhiều nước có thêm cấp vùng để quản lý phát triển ở các hình thức và mức độ khác nhau, thậm chí ở các giai đoạn khác nhau, trong khi vẫn đảm bảo nguyên tắc dân chủ qua Luật phân quyền và Luật tự chủ cho cấp địa phương. Như vậy, bên cạnh mô hình phân chia lãnh thổ và quản lý hành chính cơ bản là **Trung ương** (Quốc gia) - **Địa phương** (tỉnh thành), song song tồn tại mô hình quản lý **Trung ương** (Quốc gia) - **Vùng** (liên địa phương) - **Địa phương** (tỉnh thành). Trong các nước có quy mô dân số và diện tích lãnh thổ gần tương tự như nước ta là Pháp, Anh, Nhật,... có một số hình thức quản lý cấp vùng có thể được nghiên cứu để áp dụng ở Việt Nam. Một số mô hình quản lý vùng ở các nước được đề cập dưới đây mang tính đại diện, gồm các chính quyền vùng thực hiện nhiều chức năng và các cơ quan quản lý vùng thực hiện ít chức năng hơn.

Pháp

Từ năm 1956, Chính phủ Pháp đã chia lãnh thổ quốc gia thành 27 vùng, trong đó chính quốc Pháp có 22 vùng và các lãnh thổ hải ngoại gồm 5 vùng, để thu thập thông tin và lập quy hoạch phát triển kinh tế quốc gia; mỗi vùng gồm một số tỉnh (départments). Từ năm 1982 khi Luật Phi tập trung hóa được thông qua, các vùng trên được hợp thức hoá và thể chế hoá, với việc thành lập các Hội đồng vùng do dân bầu. Ngân sách hoạt động của Hội đồng vùng chủ yếu lấy từ thuế của vùng. Do đó vùng có các đô thị lớn đông dân thì cũng có ngân sách rất lớn; vùng thưa dân có ngân sách eo hẹp hơn. Các chức năng cơ bản của một Hội đồng vùng gồm: quản lý giao thông công cộng và hạ tầng, quy hoạch phát triển vùng, bảo vệ môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp, quản lý các trường trung học và dạy nghề, các hoạt động văn hoá, du lịch. Vùng Ile-de-France (vùng Thủ đô Paris) có 8 đơn vị hành chính gồm Thủ đô Paris và 7 tỉnh xung quanh. Chính quyền vùng Ile-de-France thực hiện các chức năng

quản lý các không gian xanh, vận tải hành khách liên tỉnh, các công trình hạ tầng công cộng, tạo việc làm và đào tạo nghề.

Anh

Đơn vị hành chính cơ bản ở Liên hiệp Vương quốc (UK) là hạt (tương tự tỉnh) và đô thị. Từ năm 1994, Chính phủ Trung ương lập thêm cấp vùng ở Anh (không tính Wales, Scotland, Northern Ireland), mỗi vùng gồm một số hạt và đô thị, để thực hiện các dự án và chương trình có tính chất vùng do Chính phủ Trung ương hay Liên minh châu Âu (EU) đầu tư từ Quỹ Cấu trúc. Các vùng ở Anh còn thực hiện chức năng là các khu vực bầu cử đại diện vào Nghị viện EU. Hiện ở Anh có 9 vùng, nhưng chỉ có vùng Thủ đô London có chính quyền vùng với đầy đủ tư cách pháp nhân do Luật định. Ở 8 vùng còn lại, không có chính quyền vùng, mà có Văn phòng đại diện của Chính phủ Trung ương tại mỗi vùng, chỉ có chức năng phối hợp các chính quyền địa phương. Vùng Thủ đô London có 33 quận trong đó gồm 13 quận nội thành và 20 quận ngoại thành. Chính quyền vùng Thủ đô London do dân bầu và thu thuế trong vùng để hoạt động. Chính quyền vùng London thực hiện 4 chức năng: Cảnh sát, Giao thông, Quy hoạch phát triển (còn gọi là Quy hoạch không gian London, trong đó gồm cả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội), và Cứu hộ. Chính quyền mỗi một trong số 33 quận London thực hiện các chức năng quản lý hành chính như một chính quyền đô thị, ngoại trừ 4 chức năng trên. Văn phòng vùng ở 8 vùng còn lại do Chính phủ Trung ương thành lập và cấp kinh phí hoạt động. Văn phòng vùng đại diện cho các Bộ ngành của Trung ương tại mỗi vùng. Văn phòng vùng thực hiện các chức năng: Thu thập thông tin vùng trong nhiều lĩnh vực; Phối hợp với các chính quyền địa phương để thúc đẩy các dự án và chương trình của Chính phủ Trung ương và EU trên địa bàn vùng; Quy hoạch phát triển vùng (tương tự như Quy hoạch London); Giao thông vùng. Một số vấn đề an sinh xã hội như việc làm, y tế, thanh thiếu niên,...

Quốc gia	Số vùng	Số tỉnh	Quy mô vùng trung bình		Quy mô tỉnh trung bình	
			DTích, km ²	DSố, tr.	DTích, km ²	DSố, tr.
Việt Nam DT: 331.051 km ² DS: 86,930 tr.	-	63	-	-	5,255	1,380
Thái Lan DT: 513.120 km ² DS: 66,720 tr.	-	76	-	-	6,750	0,878
Indonesia DT: 1905.000 km ² DS: 237.500 tr.	-	34	-	-	56,300	6,990
Hàn Quốc DT: 100.200 km ² DS: 50,000 tr.	-	17	-	-	5,890	2,940
Nhật DT: 377.944 km ² DS: 126,660 tr.	8	47	47,240	15,380	8,040	2,700
Pháp DT: 551.700 km ² DS: 63,500 tr.	22	96	25,080	2,890	5,750	0,660
Anh DT: 130.400 km ² DS: 53,000 tr.	9	48	14,490	5,890	2,720	1,100

Ghi chú:

Thái Lan và **Hàn Quốc** chỉ có một vùng là vùng Thủ đô; **Pháp**: Chỉ tính chính quốc ở châu Âu, không tính các lãnh thổ hải ngoại;

Anh: Chỉ tính Anh quốc; không tính Wales, Scotland, Northern Ireland.

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam và các nước 2011, 2012

Nhật Bản

Lãnh thổ Nhật Bản được chia thành 9 vùng, mỗi vùng bao gồm một số tỉnh (prefectures). Tuy nhiên theo Hiến pháp Nhật Bản và Luật Tự quản địa phương, vùng liên tỉnh không phải là một cấp hành chính. Do đó cơ quan quản lý vùng không do dân bầu, mà do chính quyền các tỉnh trong vùng thỏa thuận lập ra và cùng cấp kinh phí hoạt động. Chức năng của cơ quan quản lý vùng khá hạn chế so với chức năng của các chính quyền địa phương trong vùng. Hiện nay các cơ quan quản lý vùng ở Nhật Bản thực hiện các chức năng như quản lý và lập kế hoạch phát triển các công trình công cộng trong vùng.

Thái Lan

Thái Lan chỉ có một vùng chính thức là vùng Bangkok (BMA) hay tỉnh Bangkok. BMA được thành lập năm 1973 gồm Thủ đô Bangkok và 5 tỉnh xung quanh, tổng diện tích gần 7700 km², dân số trên 12 triệu người. Theo quy định của đạo luật Quản lý vùng Bangkok, thị trường Thủ đô Bangkok đồng thời là Thống đốc vùng Bangkok. Thông qua bộ máy gồm Ban thư ký, các Ủy ban và các Sở trực thuộc, Thống đốc và Hội đồng vùng BMA thực hiện rất nhiều chức năng quản lý trong các lĩnh vực như kế hoạch, y tế, giáo dục, thoát nước, môi trường, giao thông, công trình công cộng và dịch vụ công đô thị, quy hoạch đô thị, văn hóa - thể thao - du lịch, cứu hoả, tư pháp.

Một số nhận định

Nghiên cứu và phân tích ở trên cho thấy các nước đã phát triển có quy mô dân số và diện tích của đơn vị hành chính cấp tỉnh trung bình tương tự như Việt Nam đều có cơ quan quản lý vùng liên tỉnh. Tính đa dạng của các loại vùng và tính đa dạng của các loại hình quản lý phát triển vùng ở các nước khác nhau xuất phát từ các điều kiện lịch sử, khuôn khổ luật pháp (Hiến pháp và các Luật cơ bản), các cơ chế hành chính - chính trị hiện hành, cũng như yêu cầu phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Mặc dù mức độ đa dạng cao như vậy,

nhưng có thể rút ra một số nhận định sau về hình thức quản lý vùng và bản chất hoạt động của công tác quản lý vùng để từ đó nghiên cứu đề xuất các hình thức quản lý phát triển vùng ở Việt Nam phù hợp với khuôn khổ luật pháp, truyền thống quản lý hành chính, và nhu cầu phát triển kinh tế của nước ta ở mỗi giai đoạn phát triển.

a. Về các mô hình quản lý vùng: Có 3 mô hình thông dụng trong quản lý vùng liên tỉnh ở các nước đã phát triển là: i. Quản lý vùng không gian lãnh thổ bằng cách hình thành thêm một cấp hành chính mới là chính quyền vùng. Mô hình này được áp dụng ở Pháp, Anh (vùng Thủ đô London), Thái Lan (vùng Bangkok). Ưu điểm của hình thức quản lý vùng này là tính hợp hiến, chức năng và quyền hạn rõ ràng, hoạt động chuyên nghiệp. Nhược điểm của hình thức quản lý này là công kênh vì thêm một cấp quản lý hành chính, dễ va chạm với chức năng và quyền tự chủ của chính quyền các tỉnh trong vùng. ii. Quản lý vùng không gian lãnh thổ bằng cơ quan của Chính phủ Trung ương. Mô hình này được áp dụng ở Anh (ngoại trừ vùng Thủ đô London), Pháp (trước 1982). Ưu điểm của hình thức quản lý vùng này là gọn nhẹ, triển khai nhanh các chương trình và dự án quốc gia. Nhược điểm là chưa chú ý đến quyền lợi của mỗi địa phương và điều hoà quyền lợi của các địa phương trong vùng. Ở Việt Nam, quản lý vùng trên một số lĩnh vực bởi các cơ quan của Trung ương cũng đang được thực hiện thông qua các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, hay Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.

iii. Quản lý vùng không gian lãnh thổ bằng một cơ quan hay tổ chức do các chính quyền tỉnh thành trong vùng liên kết với nhau cùng thoả thuận lập ra và quy định các chức năng hoạt động. Mô hình quản lý phát triển vùng này khá phổ biến ở các nước mà địa phương được phân quyền và tự quản ở mức độ lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản. Ưu điểm của hình thức này là gọn nhẹ, dễ dàng thành lập hay giải thể, tập trung giải quyết một

số vấn đề liên địa phương nhất định. Nhược điểm là trọng lượng tiếng nói của cơ quan quản lý vùng không cao.

b. Về bản chất hoạt động của công tác quản lý vùng: Kinh nghiệm quản lý phát triển vùng liên địa phương ở các nước cho thấy, dù quản lý vùng bằng hình thức nào, việc cơ quan quản lý vùng tôn trọng các chức năng và quyền hạn của các địa phương trong vùng là tiền đề hết sức quan trọng để công tác quản lý vùng thực sự thiết thực và mang lại hiệu quả. Để thực hiện được điều đó, cơ quan quản lý phát triển vùng cần phải có các chức năng và quyền hạn rõ ràng đã được hợp pháp hoá và hoạt động thuần túy trong khuôn khổ đó, tập trung giải quyết các vấn đề liên địa phương để gây tranh chấp như môi trường, các công trình công cộng và hạ tầng phục vụ toàn vùng. Như đã trình bày ở trên, các chính quyền vùng ở Pháp thực hiện tương đối nhiều chức năng hơn cả so với các cơ quan quản lý phát triển vùng ở các nước khác. Nhưng so với các chính quyền địa phương thì chính quyền vùng ở Pháp thực hiện ít chức năng hơn nhiều, chủ yếu trong các lĩnh vực môi trường, vận chuyển công cộng và các lĩnh vực nhằm san bằng khoảng cách phát triển giữa các địa phương trong vùng, các lĩnh vực giáo dục phổ thông. Tương tự, chính quyền vùng London chỉ thực hiện 4 chức năng không can thiệp dưới bất cứ hình thức nào vào công việc của các chính quyền địa phương trong vùng. *c. Về bản chất của khâu triển khai:* Không như cấp hành chính tỉnh thành đã định hình và tương đối ổn định ở tất cả các nước, vùng và quản lý vùng là các khái niệm có tính tiến hoá, có thể thay đổi khi các Luật và các điều kiện hành chính - chính trị, kinh tế - xã hội của một quốc gia thay đổi. Ví dụ, trong một thời gian dài từ năm 1956 đến năm 1982, Pháp thực hiện quản lý vùng bằng các cơ quan của Chính phủ Trung ương. Sau đó, do các yêu cầu phân quyền và phát triển kinh tế, cấp chính quyền vùng do dân cử được thành lập, mang tính địa phương cao. Tương tự, các vùng ở Anh, ngoại trừ vùng Thủ đô London, có thể

thay đổi hình thức tổ chức và phương thức hoạt động tùy theo việc Chính phủ Trung ương do Đảng nào kiểm soát.

CÔNG CỤ QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÙNG

Trên thế giới phân lớn xu hướng các nước tiến tới thực hiện giữa quy hoạch không gian và quy hoạch phát triển thành một tập hợp *quy hoạch mang tính đa ngành và tổng hợp* tiến hành song song và kết hợp bổ trợ để đưa ra một hình thái không gian môi trường sống tốt cho người dân. Các hình thái mô hình quản lý và công cụ quản lý được luật hóa và thực thi trong cộng đồng buộc mọi chính quyền và người dân phải tuân thủ. Ở một số nước họ đưa ra thành các vùng lãnh thổ nhất định và thống nhất hàng chu kỳ 5-10 năm đưa vào kế hoạch nghiên cứu và chỉnh sửa. Họ cũng làm quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành.... Trong đó ủy ban hoặc chính quyền vùng sẽ phải chịu trách nhiệm thực hiện thống nhất dưới sự chỉ đạo của chính quyền Trung ương. Họ cũng nêu rõ *công cụ quản lý cuối cùng được thể hiện là quy hoạch không gian*, và quy hoạch này là quy hoạch tổng hợp đa ngành chỉ rõ được các không gian vật thể cụ thể và các danh mục dự án chương trình đầu tư khung cấp vùng giao ủy ban hoặc chính quyền vùng thực hiện. *Hiện ở nước ta vẫn chưa có sự thống nhất các vùng không gian lãnh thổ giữa các bộ ngành gây ra sự không đồng bộ và sự lúng lúng lớn về công sức tiền của khi triển khai quản lý và quản trị.* Trên thực tế nước Nhật đã có một vai công cụ quản lý rất hữu hiệu có thể thực hiện đưa vào trong luật xây dựng và quy hoạch sửa đổi lần này. Một ví dụ điển hình về kiểm soát đô thị hóa, tránh lấy đất nông nghiệp tràn lan, phát triển đô thị lan tỏa thiếu tập trung ở các vùng ven đô, các dự án quy hoạch chỉnh trang tại các khu đô thị hiện hữu họ giới thiệu một công cụ kiểm soát và chỉnh trang đô thị rất nổi tiếng là *công cụ tái điều chỉnh đất* (land readjustment).



triển đô thị , họ đã giới thiệu một vài hệ thống và công cụ nổi bật được học hỏi từ các nước phát triển và áp dụng từng bước thành công tại Nhật đó là hệ thống về quản lý phát triển (urban growth management) điển hình là các *công cụ về khu vực khuyến khích đô thị hóa* (urbanization promotion area) và *khu kiểm soát đô thị hóa* (Urbanisation control area) . Trong vấn đề tái phát triển tại các khu hiện hữu họ giới thiệu một công cụ kiểm soát và chỉnh trang đô thị rất nổi tiếng là *công cụ tái điều chỉnh đất* (land readjustment).

Các công cụ quy hoạch ở Nhật: Hệ thống quy hoạch của Nhật có thể nói có hai bộ luật tiêu chuẩn quy chuẩn chính là luật quy hoạch (city planning act) và quy chuẩn xây dựng (building standard act). Khu vực khuyến khích đô thị hóa là khu vực đã đô thị hóa và các khu vực kế cận có nhiều khả năng đô thị hóa trong vòng 10 năm tới. Trong các khu vực như vậy thì đất được phân khu theo các hệ thống *zone* (khu vực) và các hệ thống *zone* này được quy định rõ với các quy chuẩn tiêu chuẩn trong quy chuẩn xây dựng công trình

(building standard act). Hiện tại ở Nhật, hệ thống zone bao gồm có 12 khu chức năng chính, các quy định phân khu này bao trùm hầu hết các hoạt động và chức năng chính của đời sống đô thị. Không như khu vực đô thị hóa khu vực kiểm soát phát triển có các hạn chế chặt chẽ về phát triển họ đặc biệt chú ý đến đất nông nghiệp và các khu vực cảnh quan nhạy cảm. Một ví dụ điển hình là các nhóm đất ruộng nông nghiệp lớn hơn 20 ha hoặc đất rừng lớn hơn 100 ha đều được đưa vào vùng kiểm soát phát triển chặt chẽ. Thêm vào đó chỉ những dự án phát triển hoặc chuyển đổi theo các mục đích công như an ninh quốc phòng... thì sau khi trình chính phủ trung ương và được chấp nhận thì mới được thực hiện. Hệ thống kiểm soát phát triển này được đặt dưới chỉ đạo trực tiếp của chính quyền vùng (Hàn) có thể hiểu thế này hệ thống hành chính của Nhật bao gồm lớn nhất là kuni (quốc gia) tiếp đến là khu vực (hàn) rồi đến các prefecture-ken (một kiểu hành chính cấp tỉnh của Việt Nam) rồi đến các thành phố (shi), các hạt quận (gun). Các công cụ này cũng phải đồng bộ với quy hoạch tổng thể (prefectural master development plan). Hệ thống quy hoạch tổng thể này của tỉnh phải được sự chấp thuận của Bộ xây dựng. Bộ căn cứ trên quy hoạch tổng thể toàn quốc để phê duyệt quy hoạch tỉnh. Ở Việt Nam, hiện nay Quy hoạch Vùng lãnh thổ chưa được xem xét chặt chẽ như là một công cụ quản lý chủ yếu của chính quyền Trung ương trong các hoạt động mang tính điều phối hài hòa và bền vững giữa các bên. Việt Nam nên xây dựng và củng cố hơn nữa mô hình và công cụ quản lý Vùng lãnh thổ và phải được luật hóa. Có thể nói sau thế chiến thứ hai, với sự tăng trưởng kinh tế thần kỳ, các đô thị của Nhật đối mặt với các vấn đề nan giải là không thể tránh khỏi. Nhật giới thiệu liên hai bộ luật liên hệ mật thiết với nhau đó là *tái điều chỉnh đất* (land readjustment) và *tái phát triển đô thị* (urban redevelopment law) nhằm gỡ rối những sai lầm quy hoạch đô thị do phát triển quá nhanh và không kiểm soát. Hệ thống này được nghiên cứu và chuyển đổi vào Nhật từ người Đức

(Adickes Law). Công cụ này nhằm cải thiện các đô thị hiện hữu về cơ sở hạ tầng và các hệ thống hạ tầng xã hội khác bằng việc mua lại đất, hợp nhất các ô đất kém hữu dụng, tái điều chỉnh các ô phố. Hệ thống này làm việc rất thành công do cả nhà nước và người dân đều hưởng lợi từ hệ thống này. Tư nhân sẽ đóng góp một tỷ lệ đất nhất định vào các hệ thống đất công cộng như mở đường xây dựng các không gian mở, bù lại nhà nước trong quá trình tái điều chỉnh sẽ có thêm đất đem bán để hoàn lại số tiền bỏ ra xây dựng các hạ tầng xã hội. Các hộ tư nhân sẽ được tái điều chỉnh tuy mất một ít đất nhưng bù lại họ được hưởng lợi từ giá đất tăng lên nếu đem bán hoặc các lợi ích từ các hạ tầng xã hội khu vực được cải thiện. Trong hệ thống này hệ thống người dân và nhà nước cùng làm được xây dựng triệt để và trở thành học thuyết xây dựng và chỉnh trang đô thị quan trọng suốt thập kỷ 80 và 90. Kèm theo bộ luật tái điều chỉnh đất là bộ luật tái phát triển đô thị, trong đó chính quyền thành phố giới thiệu Quy hoạch tổng thể tái phát triển đô thị (urban redevelopment master plan). Trong quy hoạch tổng thể này chính quyền xác định và tập trung vào các dự án nhà ở, chú trọng vào các hệ thống hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng là chủ yếu. Hệ thống tài chính sẽ được thông qua kênh nhà nước cho các công trình công cộng và hạ tầng cơ sở, kết hợp với người dân về quyền sử dụng đất và tái điều chỉnh đất. Người dân chủ yếu sẽ đóng góp vào quy trình dưới dạng đất và đổi lại là được đền bù bằng tiền hoặc đất mới. Qua các giới thiệu trên, rõ ràng ở các thành phố có tỷ lệ đô thị hóa cao cần các hệ thống kiểm soát phát triển hiệu quả. Cho các hệ thống kiểm soát phát triển như ở Nhật, hiệu quả là chúng ta tập trung được nguồn lực phát triển tập trung và dễ quản lý theo hệ thống zones có khả năng dự đoán trước cao. Ngược lại sẽ gây ra khó khăn cho các chuyển đổi nông nghiệp ở các khu đất rộng, làm tăng giá đất, và có những hạn chế nhất định đến các nhà đầu tư bất động sản. Nhưng các dự báo này có thể dự báo trước bằng các mô hình phát triển và

mô hình hóa trong tính toán. Với hệ thống tái điều chỉnh đất và tái chỉnh trang đô thị thì chia khóa chính để thành công đó là quy trình chính quyền và người dân cùng làm với thể chế minh bạch và công khai (public private partnership). Hiện nay Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đang có những bước tiến nhất định trong các dự án tái phát triển các khu tập thể cũ, điều này cần được nghiên cứu điển hình và áp dụng các bài học nước ngoài để đưa ra các cơ chế chính sách cụ thể.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ tiến tới xây dựng đất nước công nghiệp hóa- hiện đại hóa rất cần tập trung nguồn lực phối kết hợp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tránh lãng phí hay triệt tiêu nguồn lực. Sự phân cấp địa phương, bàn tay điều phối của chính phủ cần bảo đảm tất cả hướng tới một định hướng chiến lược chung, tiết kiệm hiệu quả và bền vững. Phần lớn các nước đều đưa ra mô hình quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng lãnh thổ như là một mô hình khả dĩ để giải quyết bài toán vùng miền, điều phối nguồn lực hiệu quả.

Kiến nghị

Cần sớm thực hiện mô hình ban chỉ đạo vùng lấy mô hình ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô làm mô hình quản lý về quy hoạch và hoạt động đầu tư xây dựng Vùng lãnh thổ trước mắt là Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng thành phố Hồ Chí Minh. Cần sớm đưa vào luật và ban hành nghị định chính phủ về quản lý các hoạt động về quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng lãnh thổ, trong đó mục tiêu thống nhất các vùng lãnh thổ, thống nhất các loại hình quy hoạch, thống nhất lấy quy hoạch không gian vùng lãnh thổ là công cụ quản lý, thống nhất nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ là quy hoạch tổng hợp đa ngành trong đó cần đưa ra các công cụ quản lý về khu vực kiểm soát và khuyến khích phát triển. Thống nhất các nội dung về danh mục chương trình đề án, dự án đầu tư cấp vùng là cơ sở để triển khai kêu gọi đầu tư và là đối tượng để quản lý. ■



NGUYỄN ĐĂNG SƠN

Viện Nghiên cứu Đô thị & Phát triển Hạ tầng

Mạng lưới kinh tế toàn cầu

Trong nền kinh tế toàn cầu, không biên giới sẽ sớm hình thành trong tương lai, các đơn vị kinh tế vùng, chứ không còn là quốc gia như trong khái niệm cũ về phát triển kinh tế, sẽ cạnh tranh hợp tác với nhau vượt ra ngoài phạm vi ranh giới quốc gia, để giành quyền cung cấp hàng hóa dịch vụ cho thị trường thế giới và sẽ trở thành một điểm nút trong mạng lưới kinh tế toàn cầu.

Thế giới đang trong kỷ nguyên toàn cầu hóa (với các chính sách tự do mậu dịch và đầu tư) cùng với cuộc cách mạng trong lĩnh vực thông tin liên lạc, các khái niệm, nguyên tắc phương pháp cũ trong phát triển vùng, phát triển ngành hay phát triển đô thị, vốn hình thành trong cơ chế bao cấp trước đây, buộc phải thay đổi để phù hợp với tình hình mới của cơ chế thị trường. Với Việt Nam điều này lại càng quan trọng hơn nữa, khi ngay từ năm 1986, đất nước đã bước vào thời kỳ đổi mới, quyết tâm theo đuổi cải cách kinh tế, đã áp dụng các nguyên tắc tự do mậu dịch của Khu mậu dịch tự do ASEAN

(AFTA) và Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEFT) và tổ chức thương mại thế giới WTO, đó là cơ sở để nghiên cứu quy hoạch các Vùng Hà Nội, TPHCM và Đồng Bằng sông Cửu Long Dự đoán Vùng kinh tế với TPHCM là trung tâm sẽ phát triển thành một trong những đơn vị kinh tế vùng của châu Á với nhiều lợi thế cạnh tranh Những thách thức mà Vùng TPHCM phải gánh vác là ở cả 3 cấp độ: (1) trung tâm phát triển của bán đảo Đông Dương, (2) trung tâm thương mại xuyên Á và (3) điểm nút trong mạng lưới kinh tế toàn cầu.

Mở rộng khái niệm không gian trong quy hoạch đô thị

Sau những năm 1960, khoa học về vùng phát triển, năm 1950 Hiệp hội Khoa học về Vùng được thành lập, hội nghị năm 1961 triệu tập tại châu Âu đặt nền móng cho nó, vẫn có quan niệm về vùng, từ nay về sau điều này càng trở nên bức thiết hơn, bởi vì: - Thông tin, giao thông phát triển, độ đô thời gian (time scale) trong vùng không ngừng thu nhỏ.

- Môi quan hệ giữa các vùng, các thành phố trong cùng một vùng càng mật thiết hơn; - Vì vậy phạm vi ảnh hưởng của thành phố không ngừng mở rộng một cách tương ứng, phạm vi không gian, mà những người làm công tác quy hoạch cần phải quan tâm không ngừng mở rộng; Trên đây là một mặt vấn đề, ngoài ra còn phải thấy được các vùng khác nhau ở vào những giai đoạn phát triển kinh tế xã hội khác nhau. Chính vì tính không cân bằng này, nên tiến trình đô thị hóa, mô thức phân bố thành phố trong vùng cũng không như nhau, khi thiết kế quy hoạch phải xem xét vấn đề tùy theo tình hình cụ thể. Phải làm tốt quy hoạch phát triển vùng và đô thị, điều hòa và nghiên cứu đề ra chính sách không gian có liên quan tới phát triển vùng đô thị.

Ranh giới vùng TPHCM

Thành phố Hồ Chí Minh là một vùng đô thị lớn (Metropolis) ở nước ta, có trên 7,5 triệu dân là một thành phố lớn. Theo mục tiêu của Đại hội lần thứ XI

của Đảng đề ra thì tới năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Thành phố Hồ Chí Minh đi trước về trước để đạt mục tiêu nêu trên và vươn lên trở thành một thành phố có đẳng cấp khu vực và hướng tới đẳng cấp quốc tế (International city). Thành phố Hồ Chí Minh là *thành phố đa trung tâm*:

- Ngoài trung tâm hiện hữu Sài Gòn Chợ Lớn còn có cực phát triển mới vượt sông Sài Gòn, khu trung tâm mới Thủ Thiêm kết nối với Sài Gòn và Chợ Lớn tạo thành trung tâm thương mại dịch vụ của thành phố (CBD), ngoài ra còn có các trung tâm khu vực (SCBD), Q9, Bình Chánh, đô thị cảng Hiệp Phước - Nhà Bè, và đô thị vệ tinh Tây Bắc - Củ Chi. Thành phố Hồ Chí Minh lại là *đô thị trung tâm trong vùng đô thị lớn hơn hoặc vùng đô thị mở rộng* - VETMR (greater metropolis / extended metropolitan region). Vùng đô thị mở rộng TPHCM thường gọi là Vùng TP HCM có bán kính ảnh hưởng tới 50 km (theo UN - ESCAP, 1993), có thể đi làm và về trong ngày, trong đó có nhiều đô thị vệ tinh mang tính đối trọng với Thành phố Hồ Chí Minh trong hệ thống mở, phù hợp với tính chất động của cơ thể thành phố.

"Ranh giới của các vùng đô thị mở rộng phụ thuộc vào cường độ lưu chuyển của hàng hóa, người, thông tin và vốn đang diễn ra trong một không gian đô thị mở rộng, về cơ bản ứng với *không gian giao dịch*. Phương pháp xác định đặc điểm đặc điểm các VETMR là đo lường mức độ hội nhập về mặt chức năng tại các VETMR qua các chỉ số như lưu lượng giao thông, các điểm kết nối kinh tế (công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp), thị trường lao động, và di dân, tức là các yếu tố tạo nên *không gian giao dịch* của VETMR. Tại các quốc gia thương các VETMR có không gian giao dịch phát triển nhất, tập trung nhiều nhất, vốn, nhân lực, xã hội, kinh tế, có cơ sở hạ tầng phát triển. Vì vậy các VETMR là môi trường thu hút vốn và di dân từ trong nước cũng như ngoài nước". (Theo TG. MC GEE, 2008)

Theo Báo cáo "*Đánh giá thực trạng và định hướng Quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh*" do Phân Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn miền Nam (Bộ Xây Dựng) lập tháng 5/2006, trên cơ sở phân tích động lực hệ thống ngày như vận chuyển, nguyên vật liệu, hàng hóa hàng ngày, đi lại, dịch vụ hàng ngày giữa thành phố và các khu vực xung quanh, đã tính ranh giới theo bán kính 60km như sau:

- Phía Bắc tới Bàu Bàng, Phú Giáo Dầu Tiếng, Trảng Bàng thuộc Tây Ninh;
- Phía Nam tới thành phố Vũng Tàu, thị xã Gò Công;
- Phía Đông tới Xuân Lộc Đồng Nai
- Phía Tây và Tây Nam tới thành phố Mỹ Tho Tiền Giang, thị trấn Thanh Hóa Long An.

Chọn ranh giới kết hợp với các khu vực mang tính chất trọng điểm và ranh giới tỉnh thành phố. *Ranh giới vùng người dân gồm 3 tỉnh thành: TP HCM, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang* (Hình 1).

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Vùng TPHCM số 589/QĐ - TTg ngày 20/5/2008.

Liên kết vùng là chìa khóa thành công Kinh tế liên kết

Theo quyết định số 73/2006/QĐ - TTg ngày 04/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển *ngành công nghiệp* Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020 đối với vùng 5 là vùng Đông - Nam Bộ như sau:

"Tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, điện, chế biến nông lâm, hải sản và đặc biệt công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm, hóa chất, hóa dược. Phát triển công nghiệp dệt may, da giày chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. Phát triển công nghiệp trên cơ sở áp dụng công nghệ cao, phát triển các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao. Giảm dần tỷ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động".

Để đạt được các mục tiêu trên và

hướng đến là *trung tâm kinh tế quốc gia và khu vực Đông Nam Á*, TP HCM phải cùng với các tỉnh trong vùng *xây dựng được một không gian phát triển kinh tế và đô thị dựa trên cơ sở hỗ trợ và bổ sung cho nhau, xóa bỏ giới hạn chính đối với không gian kinh tế*.

Sau 4 năm quy hoạch vùng được Chính phủ phê duyệt song vẫn chưa đưa được vào cuộc sống. Trước mắt, nếu chưa thể xây dựng không gian kinh tế chung cho cả vùng, TP HCM có thể phối hợp với Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương gần với thành phố trong phát triển kinh tế. Các ngành dịch vụ chính bao gồm: (1) Kinh doanh (Business services): pháp lý, kế toán, kiểm toán, tư vấn, bất động sản, nghiên cứu triển khai, cho thuê văn phòng, thuê nhà ...; (2) Thông tin (Communication): viễn thông, bưu điện, internet, phát thanh, truyền hình, băng nhạc v.v...; (3) Xây dựng và dịch vụ kỹ thuật xây dựng; (4) Thương mại; (5) Giáo dục; (6) Môi trường; (7) Tài chính; (8) Y tế; (9) Du lịch; (10) Giải trí, thể thao; (11) Giao thông vận tải; (12) Các dịch vụ khác.

Cần nhận thức rằng các tỉnh xung quanh thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển bao nhiêu thì có bấy nhiêu cơ hội để trung tâm TP HCM phát triển ngành dịch vụ. Và ngược lại, khi TP HCM trở thành một trung tâm dịch vụ lớn nhất là về tài chính và thương mại và các dịch vụ cao cấp khác mang tính quốc gia và quốc tế thì cơ hội để thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp tại các tỉnh trong vùng cũng tăng thêm rất nhiều.

Mục tiêu liên kết kinh tế vùng là để đảm bảo *tính cạnh tranh* (competitiveness) trong xu thế kinh tế toàn cầu hóa, hướng tới *Trung tâm kinh tế - tài chính - thương mại - khoa học công nghệ của cả nước và khu vực Đông Nam Á* (NQ 16-NQ/TW của BCT ngày 10/8/2012)

Cơ sở hạ tầng kết nối

Đường bộ và đường sắt: "Cơ sở hạ tầng chủ yếu là giao thông. Sự di động là

quy luật quan trọng của đô thị hóa lúc không phải là hậu quả của quá trình này" (Francoise Noel 2002).

Hiện đã có quy hoạch về giao thông vận tải trong vùng để phục vụ cho mạng lưới đô thị toàn vùng vươn ra ngoài phạm vi lãnh thổ vùng và quốc gia nhằm phục vụ phát triển kinh tế:

- Phát triển giao thông liên vùng, kết nối TP HCM với các tỉnh trong vùng, đặc biệt quan tâm đầu tư ngay cầu nối TP HCM với đô thị Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai;
- Xây dựng các tuyến đường cao tốc từ TP HCM đi các vùng khác và Campuchia, trước mắt là phát triển các tuyến đường TPHCM - Long Thành - Dầu Giây, TP HCM - Bến Lức;
- Xây dựng các tuyến đường vành đai 1 và 2 của TP HCM hướng tới vành đai 3 và 4;
- Quy hoạch 6 tuyến tàu điện ngầm TP HCM, xây dựng đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Nhơn Trạch - sân bay quốc tế Long Thành, xây dựng đường sắt nhẹ TP HCM - Thủ Dầu Một; Xây dựng đường sắt TP HCM - Mộc Bài; Xây dựng đường sắt TP HCM - Cần Thơ; Xây dựng tuyến đường sắt xuyên Á nối Campuchia - Bình Phước - TP HCM và cảng Thị Vải - Cái Mép.

Đường sông: Cảng biển Thị Vải - Cái Mép, cảng Vũng Tàu, chuyển đổi công năng cảng biển hiện hữu của TP HCM đồng thời mở rộng cảng Cát Lái, Hiệp Phước v.v.. Khai thông luồng Soài Rạp (TP HCM) để tàu lớn có thể lưu thông. *Giao thông hàng không*: Sân bay quốc tế sẽ là sân bay Long Thành (Đồng Nai), công suất 60 triệu hành khách/năm. Sân bay Tân Sơn Nhất sẽ là sân bay quốc nội. Xây dựng các sân bay trực thăng trong đô thị, đặc biệt cạnh các bệnh viện.

Sự kết nối giữa sân bay Long Thành và sân bay Tân Sơn Nhất, giữa cảng Thị Vải - Cái Mép với các cảng Cát Lái, Hiệp Phước với hệ thống đường bộ và đường sắt xuyên Á để vùng TP HCM trở thành một *đầu mối (HUB) cho phương tiện* di chuyển, phân phối người và hàng hóa của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng nhằm khai thác tốt nhất các lợi ích để thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, dịch vụ và đời sống của trên 15 triệu người trong vùng.

Liên kết bảo vệ và quản lý môi trường

Quản lý môi trường thực chất là quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình hoạt động khai thác các nguồn *lực tự nhiên* và sử dụng *đất đai*, khai thác và sử dụng tài nguyên nước (nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm), thu gom và xử lý chất thải lỏng (nước thải sinh hoạt, nước hải công nghiệp và nông nghiệp), thu gom vận chuyển và xử lý *chất thải rắn* (rác thải sinh hoạt, rác y tế và phế thải sản xuất...), xây dựng nghĩa trang, hoạt động sinh hoạt và sản xuất phát sinh tiếng ồn và ô nhiễm không khí. Đã đến lúc cần nhận thức không gian phát triển vùng TP HCM là không gian phát triển chung không những cho TP HCM mà còn cho các tỉnh trong vùng và ngược lại. Thiên nhiên đã tạo ra các liên kết về mặt tự nhiên, các chính quyền phải đặt lợi ích liên kết vùng để đảm bảo *phát triển bền vững*.

Sự liên kết này cần được thể chế hóa nhằm tạo điều kiện cho mỗi địa phương tự chủ trong các quyết định về đầu tư và có sự cân nhắc khi có các quyết định có liên quan đến địa phương khác.

- Bảo vệ rừng quốc gia và rừng cấm, rừng ngập mặn ven biển (Cần Giẽ, Nhơn Trạch, Long Thành), vườn quốc gia Cát Tiên là bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên của khu vực, đồng thời là bảo vệ lá phổi cho vùng đất đai đô thị.
- Bảo vệ nguồn nước là yếu tố quan trọng và cũng là nguồn lực để phát triển bền vững. Cần liên kết để quản lý nguồn nước của vùng gồm hệ thống sông Đồng Nai, Sài Gòn và Vàm Cỏ.
- Trong vùng cần phải xây dựng 2-3 khu liên hợp xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp cho các đô thị lớn mang tính liên vùng, và 1 khu xử lý rác công nghiệp, y tế độc hại.

Mục tiêu liên kết vùng bảo vệ và quản

lý môi trường là để thích nghi với biến đổi khí hậu và đảm bảo điều kiện sống tốt (Livability) và *tính bền vững* (Sustainability)

Liên kết không gian vùng

Hệ thống đô thị sẽ được phát triển trên toàn vùng, liên kết hỗ trợ giữa các đô thị. *Hình thành các vùng đô thị đối trọng*, các cực phát triển kết nối với đô thị hạt nhân là TP HCM theo các hành lang kinh tế đô thị, *nhằm mục tiêu tạo nên một cơ cấu đô thị hợp lý*.

Phát triển không gian toàn vùng thành *cửa ngõ giao thương quốc tế và là trung tâm kinh tế hàng đầu của quốc gia và quốc tế*. Mục tiêu quy hoạch không gian vùng thành phố Hồ Chí Minh:

- Trên cơ sở nhu cầu của không gian kinh tế - xã hội, tạo cơ sở để liên kết các đô thị trong vùng thành một hệ thống đô thị có tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế, trong đó: TP HCM là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại và khoa học - công nghệ, một thành phố văn minh - hiện đại của khu vực Đông Nam Á và quốc tế; Đồng Nai là trung tâm công nghiệp; TP Biên Hòa là thành phố công nghiệp có sân bay quốc tế Long Thành; TP Vũng Tàu là thành phố du lịch biển và là trung tâm khai thác dầu khí cấp quốc gia và quốc tế, có cảng quốc tế Thị Vải - Cái Mép; Bình Dương là trung tâm công nghiệp, thị xã Thủ Dầu Một cần phát triển để trở thành trung tâm dịch vụ lớn phục vụ phát triển công nghiệp (đào tạo, kinh doanh, tài chính...); Các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang ngoài chức năng công nghiệp cần trở thành đầu mối dịch vụ kết nối *vùng đô thị cực lớn* với bán kính trên 150km kết nối với Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và cả với Campuchia, Đông Dương và xuyên Á.

- Không gian phát triển đô thị của vùng trên thực tế đã được hình thành thông qua *các trục hành lang phát triển kinh tế* bao gồm các trục Quốc lộ 51, hành lang quốc lộ 1A, hành lang các quốc lộ 13, 14, 22 và tuyến xuyên Á từ TP HCM đi Cần Thơ và Campuchia.

- Mô hình phát triển không gian vùng TP HCM là mô hình kết hợp phát triển tập trung và phân tán bao gồm nhiều đô thị vệ tinh để kết hợp giữa 2 lối sống đô thị và nông thôn, hướng tới đô thị sinh thái (Hình 2).

- Phát triển các khu công nghiệp tập trung, các khu đô thị mới tại các tỉnh xung quanh TP HCM giảm áp lực lên TP HCM, Bình Dương và Biên Hòa v.v.. về nhà ở, hạ tầng và môi trường đô thị.

- Không gian đô thị phải phát triển cơ cấu chức năng trong không gian 3 chiều, không phải là 2 chiều. Không gian vùng thành phố tương lai sẽ có hai giải pháp hoặc là hình nón hoặc là dày đặc. Trong quy hoạch phân tán của vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh thì không gian đô thị có thể phát triển là hình nón.

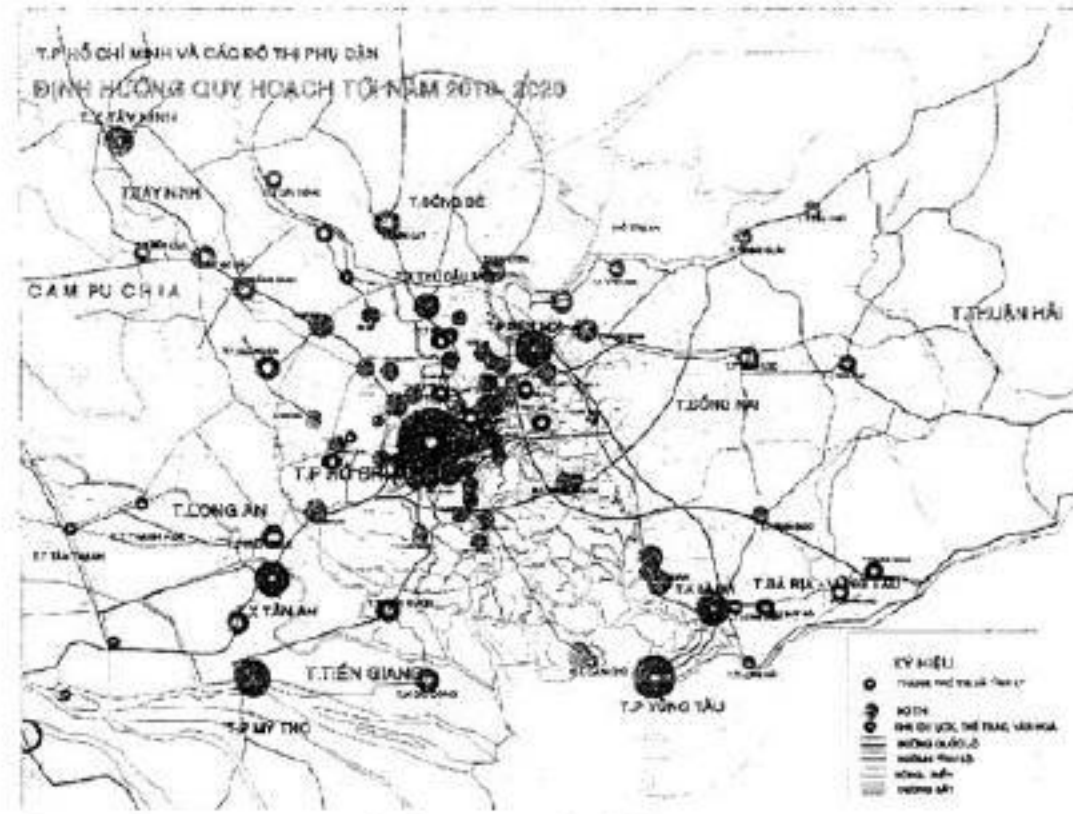
Trên cơ sở phát huy thế các lợi thế của từng tỉnh, thành phố trong vùng, tạo thế thuận lợi và cơ cấu hợp lý nhất về không gian để thu hút nguồn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển đô thị, các khu công nghiệp, các trung tâm dịch vụ - giải trí - du lịch lớn đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế xã hội của vùng.

Kết mạng cảnh quan chuyên biệt

Các phạm trù về không gian chuyên biệt đã tiến hóa bên trong các tỉnh thành phố trong vùng như là cảnh quan được kết mạng (networked landscapes) trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Vùng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có nhiều cảnh quan đô thị chuyên biệt (Specialized Urban Landscapes):

- Các cảnh quan về bản sắc (Ethnoscapes) như Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Đồng Nai - Củ Lao Phố v.v..
- Các vùng cảnh sắc thiên nhiên: Các rừng ngập mặn Cần Giờ (khu dự trữ sinh quyển thế giới), Nhơn Trạch, Long Thành, vùng đồi Củ Chi, vùng chùa phật Bình Chánh, Vườn quốc gia Cát Tiên, các hồ Dầu Tiếng và Trị An, biển Vũng Tàu và Cần Giuộc v.v..
- Cảnh quan tài chính (Financescapes) vùng trung tâm tài chính ngân hàng ở Quận 1, Thủ Thiêm, Phú Mỹ Hưng v.v..
- Các cảnh quan truyền thông



Hình 1: Vùng TPHCM - Sơ đồ hiện trạng phân bố đô thị

(Mediascapes) như Trung tâm Hội chợ Expo, khu thể thao Olympic, khu vui chơi giải trí (Thủ Thiêm, Quận 1, Quận Thủ Đức).

- Cảnh quan ý thức hệ (Ideoscapes) bảo tồn những liên tục về mặt lịch sử và ý thức hệ trước xu hướng toàn cầu hóa (Gia Định, Thủ Đức, Củ Chi, Ấp Bắc v.v..).

- Cảnh quan công nghệ (Technoscape) với sự kết nối với các đại học như các khu công nghiệp công nghệ cao Q9 TP HCM, Long Thành, Nhơn Trạch v.v... Kết mạng cảnh quan chuyên biệt đã tạo ra cơ sở để Vùng TP HCM trở thành một vùng xanh, sạch về môi trường và có bản sắc có sức hấp dẫn các nhà đầu tư và trở thành vùng đất được ưa thích cho các chuyên gia trong, ngoài nước sinh sống, làm việc và du khách.

Quản lý nhà nước và các định chế

Sau 4 năm Chính phủ phê duyệt quy hoạch Vùng TPHCM, vẫn mạnh ai nấy làm, chưa có nhạc trưởng để điều hành Vùng. Do vậy cần xây dựng cơ chế thích hợp quản lý vùng đô thị mở rộng theo phương thức vừa hợp tác vừa quản lý nhà nước. Đây chính là cơ sở hạ tầng thông minh (Smart

Infrastructure), nhằm mục tiêu hợp tác trong điều hành vùng TP HCM.

Có thể nói, quy hoạch vùng có một ưu điểm đáng ghi nhận đối với những khu vực lân cận nhau và cùng chia sẻ mối quan tâm chung. Những vấn đề như ô nhiễm không khí, hệ thống giao thông liên hoàn, cấp và thoát nước, xử lý chất thải rắn không thể chỉ được quy định riêng cho một đô thị. Phải cần đến một cơ quan cấp cao hơn làm nhiệm vụ điều hành nhằm đồng bộ đầu với những vấn đề này.

Kiến nghị thành lập Ban chỉ đạo hoặc Hội đồng Vùng để quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng TP HCM, chỉ đạo công tác quy hoạch, môi trường, đầu tư cấp vùng, xây dựng cơ chế và giải pháp đặc thù tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội, kiểm tra đôn đốc các Bộ ngành và địa phương thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Có thể nói cơ chế này là tăng cường hợp tác giao lưu kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường trong vùng với trước nay chưa quan hệ chặt chẽ với nhau để trở thành điểm nút trong mạng lưới toàn cầu. Thành viên Ban chỉ đạo/Hội đồng Vùng TP HCM bao gồm Chủ tịch UBND các tỉnh trong Vùng, Bộ trưởng của các Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Tài



Hình 2: Mô hình tăng trưởng vùng đô thị trong tương lai.

Chính, Xây Dựng, Tài nguyên - Môi trường, Giao thông Vận tải và Nội vụ do một Phó thủ tướng làm trưởng Ban chỉ đạo/ Chủ tịch Hội đồng.

Quản lý Nhà nước hiện nay vẫn còn mang nặng dấu ấn của một nền kinh tế tập trung, cần cải cách cho thích hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Cần có cách tiếp cận mới về quy hoạch và kế hoạch theo hướng chiến lược hợp nhất (Integrated Strategic Planning), và tham gia của cộng đồng (Participatory Planning), mạnh dạn phân cấp, xây dựng một thành phố điện tử (E-City) hướng tới thành phố đa truyền thông, (Multimedia city), chủ động về tài chính, xây dựng nếp sống văn minh đô thị trong cộng đồng nhằm mục tiêu quản lý nhà nước tốt (Good Governance). ■

Tài liệu tham khảo

1. State of Urbanisation in Asia and Pacific _ ESCAPE, UN - New York 1993
2. Space and time in Cities, Francoise Noisette, Villes en Development, Dec, 1993 - No 22
3. Đón thế kỷ sắp tới - Bàn về những phát triển học thuật trong quy hoạch đô thị

Trung Quốc, Ngô Lương Dung TC Quy hoạch đô thị, Trung Quốc, số 1/1994

4. World Conference on "Metropolitan Governance" UN & Tokyo Metropolitan Government, Tokyo April 20-23, 1993
5. Mega-metro Region on the Pacific Rim - Robert Stimson, Conference of INTA on "Pacific Rim Cities: Trends and Issues for 21 st Century" Vienna September 1995
6. Asia Mega Cities - Basic Facts and Figures - Pure Abdullah, 1960
7. Master Plan for the Southern Economic Zone, South Vietnam Economic Studies Centre & Kinhill Tasma Asia, 9/1990
8. Cơ sở khoa học và phương pháp xây dựng các đô thị phụ cận, Phạm Đức Hiệp + CTV năm 1996
9. Không hạn chế phát triển đô thị nhưng phải quản lý - John Flora (WB), VE/95/051, 1997
10. Vùng đô thị hiện tại và tương lai, VE/95/051, 1998
11. Từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chiến lược, VE/95/051, 1998
12. Kế hoạch đầu tư đa ngành, VE/95/051, 1998
13. Hướng tới sự tham gia của nhiều thành phần trong quản lý và phát triển đô thị, VE/05/051, 1998
14. Metropolitan Governance & Planning in Transition Asia Pacific Cases, UNCRD & NCUA Japan, Lulus Lum pur 1998
15. Ho Chi Minh City, Vietnam _ Nguyen Dang Son & Tran Thanh An, Research Report, 1998 by UNCRD
16. World Conference on "Model Cities", Singapore, 1999

7. Các vùng đô thị cực lớn trên thế giới và Vùng đô thị TPHCM, Nguyễn Đăng Sơn, TC Người Xây Dựng số 1 & 2 năm 1999
3. Asian Development Strategies Fukuoka Conference 2000
3. Vùng đô thị TPHCM và các trung tâm đô thị mới, Nguyễn Đăng Sơn, TC Người xây Dựng số 2/ 2011 & 3/2011
2. Urbanisation and Sustainable Development, Francoise Noel, Vietnam - Belgium Programme of Master in Public Management and Economic, January 2002
1. Mô hình quản lý vùng TPHCM _ Nguyễn Đăng Sơn, TC Kiến trúc Việt Nam, tháng 10/2004
2. Vùng TPHCM, Nguyễn Đăng Sơn, TC Kiến trúc Việt Nam, tháng 1/2005
3. Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị, Nguyễn Đăng Sơn, NXB Xây Dựng năm 2005, Tập 2 năm 2006
4. Đánh giá thực trạng và định hướng QHXD vùng TPHCM, Phân viện Quy hoạch Đô thị & Nông thôn miền Nam, Bộ Xây dựng, tháng 5/2006
25. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch xây dựng TPHCM đến năm 2020, Viện Quy hoạch Xây dựng TPHCM & Nikken Seikei, tháng 4/2007
26. Quy hoạch vùng ở Đức và Việt Nam _ Wolfgang R. Burkhardt, Kỷ yếu Hội thảo "Lý luận thực tiễn xác lập đơn vị hành chính các cấp cần đáp ứng yêu cầu ổn định và phát triển đất nước", Bộ Nội vụ & Konrad Adenauer Stiftung đồng tổ chức ngày 8/11/2008
27. Nhìn nhận lại vấn đề vùng ven: Đánh giá các thách thức đối với tiến trình đô thị hóa ở Đông Nam Á _ TG Mc Gee, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "các xu hướng đô thị hóa và đô thị hóa vùng ven ở Đông Nam Á do UD (VN) & IRD (Pháp) đồng tổ chức ngày 9 -11/12/2008
28. Towards City Planning for Social Harmony, Nguyen Dang Son, Planning for Social Harmony, Publsed 2009 by Center for Asia Pacific Studies & Kung Hee University, Korea
29. Phát triển vùng đô thị lớn tạo điều kiện hội nhập, Nguyễn Đăng Sơn, Báo SGGP ngày 1/10/2010
30. Những chiến lược của vùng đô thị lớn - Thách thức, quyền lực và quy hoạch, Gilles Anter, Hà Nội & Ile de France IMV tháng 4/2010
31. THCM mở rộng liên kết vùng, Nguyễn Khoa (thực hiện), Báo SGGP ngày 3/9/2012
32. Thành phố đa truyền thông - Thành phố thế kỷ 21, Nguyễn Đăng Sơn, TC Người Xây Dựng tháng 3/2012
33. Quy hoạch chiến lược hợp nhất, TC Quy hoạch Xây Dựng, số 59 năm 2012
34. Căn cứ mới phương pháp quy hoạch ở nước ta _ Nguyễn Đăng Sơn, TC Quy hoạch Đô thị số 12 năm 2012

VIỆC QUẢN LÝ CÁC VÙNG ĐÔ THỊ LỚN VÀ CHÙM ĐÔ THỊ TRONG VÙNG MỞ RỘNG ĐỨNG TRƯỚC THÁCH THỨC VỀ NHIỀU MẶT NHƯ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC HIỆU QUẢ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, VÀ GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH TRONG TỪNG ĐÔ THỊ VÀ VÙNG ĐÔ THỊ LẦN CẬN. BÀI VIẾT PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ TỔ CHỨC PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÙNG Ở LONDON ĐỂ GIÚP CÁC NHÀ QUẢN LÝ CÓ THÊM THÔNG TIN CHỌN LỰA MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÙNG ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM CÓ HIỆU QUẢ CHO HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI.

Quản lý vùng đô thị

tham khảo mô hình chính quyền vùng thành phố London (Anh)

TS. NGUYỄN NGỌC HIẾU

Khoa Quản lý nhà nước về đô thị và nông thôn - Học viện Hành chính

VÙNG ĐÔ THỊ VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG QUẢN LÝ

Vùng đô thị có thể hiểu là không gian đã xây dựng ổn định trong đô thị (vùng lõi) và không gian kể cận bên ngoài vùng lõi nằm giữa các chuỗi và trong chuỗi đô thị, có tính chất đô thị nổi trội và có thể phân biệt được so với vùng nông thôn¹. Vùng đô thị có thể được mô tả qua cấu trúc vùng bao gồm vùng lõi, vùng ven đô đang đô thị hóa, vùng kể cận đã có các chức năng nổi trội và bên ngoài khu vực này là nông thôn (hình 1). Về mặt hình thái, vùng đô thị được phân biệt với vùng nông thôn bởi mật độ công trình xây dựng và mật độ dân cư. Tuy nhiên, khu vực ven đô luôn có sự chuyển hóa và đan xen của các không gian đã và chưa xây dựng nên ranh giới này không rõ ràng. Trên thực tế, tại những khu vực chưa có hình thái đô thị rõ ràng nhưng đã có sự chuyển hóa về mặt chức năng phục vụ đời sống đô thị và dân cư làm phi nông nghiệp, sinh hoạt theo lối thị dân thì vẫn được coi là vùng đô thị mở rộng.

Vì vậy, ranh giới hành chính không nhất thiết trùng với ranh giới vùng thực tế. Khi địa giới hành chính thường ổn định còn sự phát triển về mặt không gian và các hoạt động kinh tế luôn thay đổi thì việc phân biệt ranh giới hành chính của vùng chỉ là tương đối. Vùng đô thị/vùng đô thị hóa còn có thể tiếp cận ở các cấp độ phát triển khác nhau như vùng nằm trong phạm vi của một đô thị lớn có quan hệ chi phối mạnh mẽ (cấp độ 1 – metro region); hoặc vùng lãnh thổ rộng hơn nằm giữa các đô thị trong chùm các đô thị lớn nhỏ có mối quan hệ kinh tế ảnh hưởng lẫn nhau ở mức độ thấp hơn (cấp độ 2 – agglomeration). Vùng loại (1) có thể là vùng đô thị Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, còn vùng loại (2) là vùng Hà Nội mở rộng đến 7-8 tỉnh lân cận hoặc tương tự là vùng thành phố Hồ Chí Minh mở rộng 6-7 tỉnh lân cận. Sự liên hệ giữa các đô thị, với đô thị lõi trong vùng cấp độ 1 thường chặt chẽ và quan hệ là nơi ở (định cư) và đi lại thường nhật (làm việc) trong nội vùng. Sự liên hệ giữa vùng cấp độ 2 yếu hơn và chủ yếu ở quan hệ về mặt

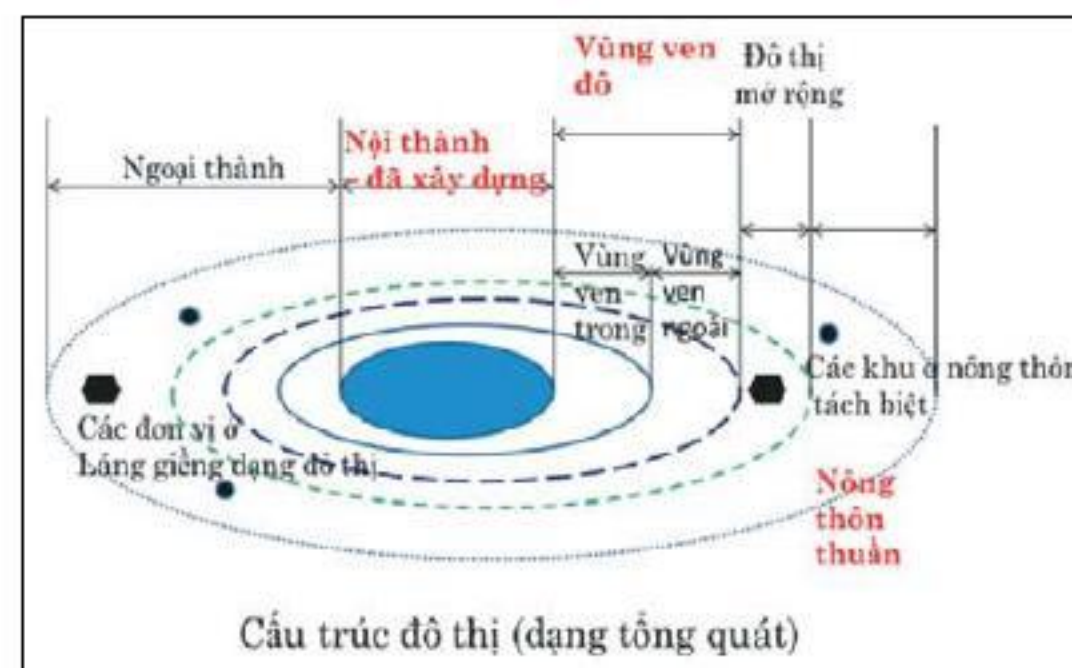
kinh tế của doanh nghiệp và tổ chức quản lý và phát triển không gian, kết cấu hạ tầng và khai thác sử dụng tài nguyên chung. Nhu cầu xây dựng và hoàn thiện các định chế/tổ chức quản lý ở Việt Nam hiện nay có cả ở hai cấp độ loại 1 và 2.

QUẢN LÝ VÙNG ĐÔ THỊ

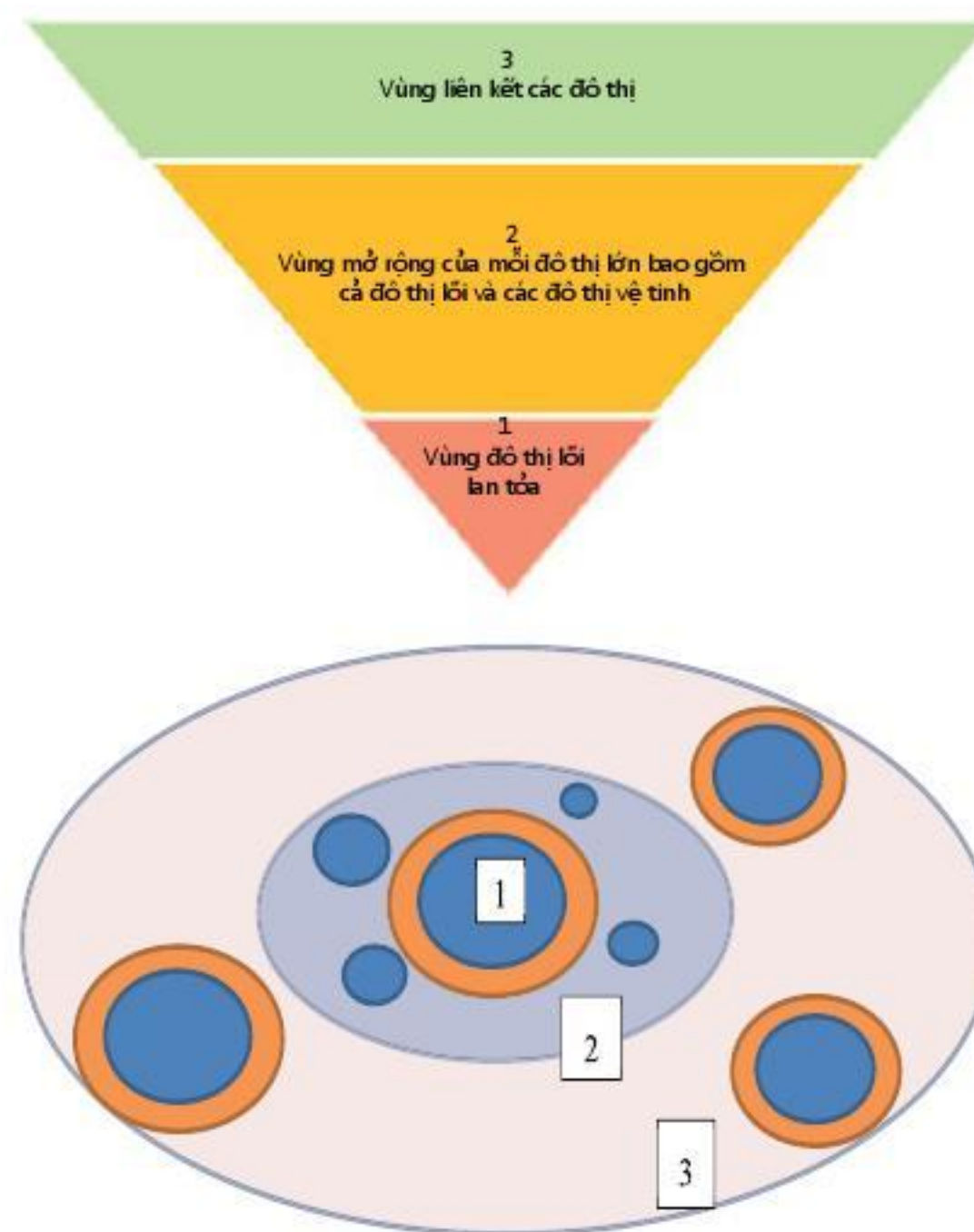
Cấp độ quản lý

Mỗi đô thị đã có bộ máy quản lý trực tiếp nên cấp quản lý vùng thường chỉ tập trung giải quyết một số nội dung đặc thù của cấp độ vùng. Tuy nhiên, vấn đề được coi là vùng ở các vùng khác cũng có thể rất khác nhau do đặc tính của mỗi vùng. Ví dụ sự khác biệt mức độ phân tán về địa lý, lịch sử hình thành và phát triển, khác biệt về trình độ giữa các đô thị trong vùng, đặc điểm phân cấp, khác biệt về văn hóa và chính trị mỗi địa phương... Vì vậy mỗi vùng lại có thể có cách thức tổ chức tổ chức quản lý đặc thù để thích ứng với đặc điểm của vùng đó. Sự ảnh hưởng của thể chế nhà nước, hệ thống phân cấp hành chính, và

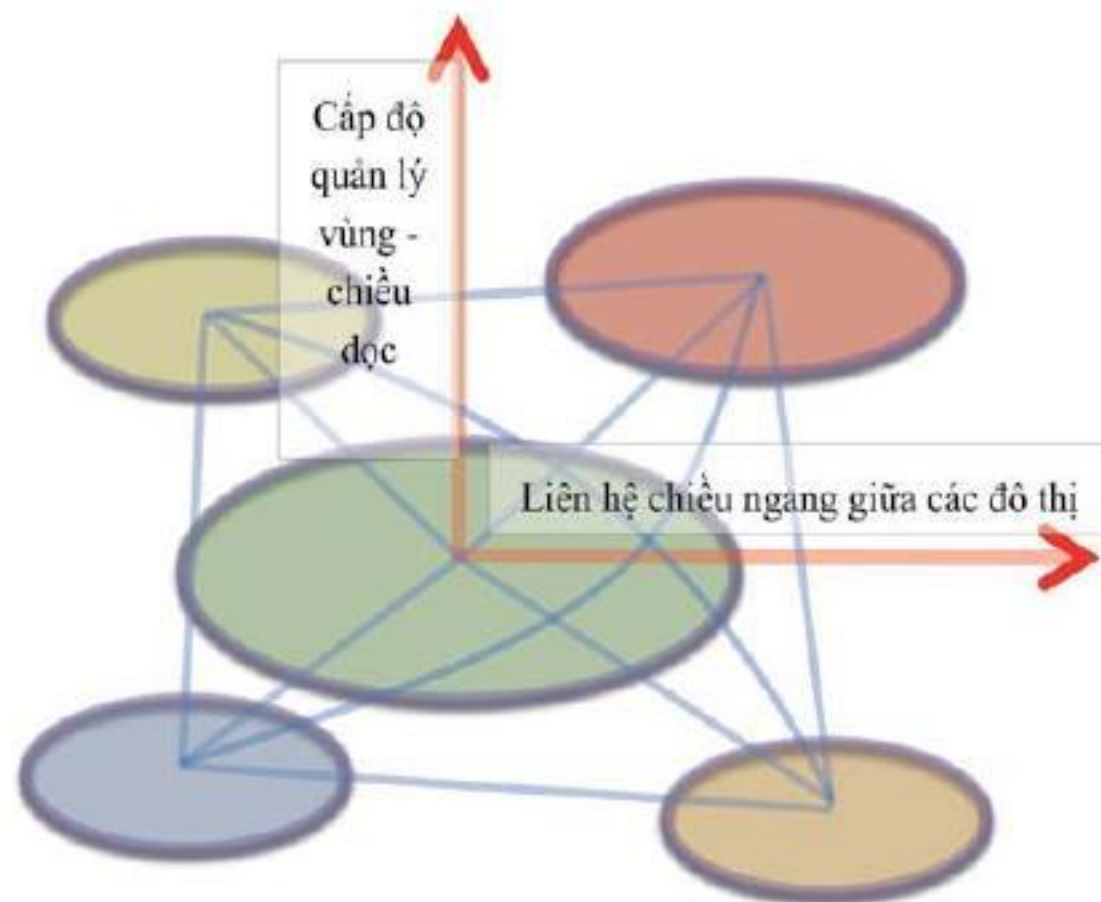
văn hóa chính trị cũng là yếu tố quan trọng hình thành nên các mô hình quản lý vùng. Thể chế và khả năng lãnh đạo từ Trung ương cộng với nhu cầu phát triển từ phía dưới là cơ sở để hình thành các định chế kiểu cường ép, chặt chẽ hay tự nguyện lỏng lẻo để quản lý. Những mô hình điển hình là vùng Paris được tổ chức theo dạng cộng đồng, vùng đô thị Hà Lan tổ chức dạng liên kết, vùng đô thị Nhật Bản của với bộ máy chính quyền thành phố chỉ định tự chủ, vùng đô thị với các đô thị liên minh theo kiểu Hoa Kỳ, vùng đô thị phân quyền nhưng quản lý tập trung theo vấn đề ở London (Antier Gilles, 2011). Nhu cầu quản lý trong vùng có thể được phân theo ba cấp độ (hình 2). Vùng lõi đô thị (1) thường có mối quan hệ chặt chẽ về nhiều mặt, phát triển đồng đều dưới một tổ chức quản lý tập. Vùng lõi và các đô thị nhỏ bên ngoài dạng đô thị vệ tinh trong chùm đô thị (2) cần một cơ cấu dạng vùng đảm bảo sự liên kết và chỉ đạo chung chặt chẽ vừa phải. Các đô thị bên ngoài nhưng trong vùng mở rộng (3) có thể



Hình 1: mô hình không gian đô thị dạng vùng
Nguồn: dịch và vẽ lại từ báo cáo của Serote 2007



Hình 2 - Mô hình tổ chức quản lý vùng theo cấp độ. Nguồn: tác giả



Hình 3: Mô hình quan hệ theo hai chiều không gian và cấp độ quản lý. Nguồn: tác giả

cần một cơ cấu chỉ đạo phối hợp để đẩy mạnh hợp tác phát triển và giải quyết xung đột, khai thác tài nguyên và giải quyết các vấn đề chung. Xét trên giác độ phân cấp không gian như vậy, vùng Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh sẽ có 3 cấp độ là quản lý có tính chất vùng nhưng ở đô thị lõi, quản lý vùng nội tỉnh và quản lý vùng liên tỉnh. Các thành phố nhỏ hơn như Đà Nẵng, Hải Phòng hay Cần Thơ có thể có 2 cấp độ 1 và 2, cấp độ thứ ba chưa rõ nét, sự liên kết và sức lan tỏa chưa đủ lớn để hình thành chuỗi và chùm đô thị.

Nội dung quản lý

Quản lý trị vùng có thể hiểu là hoạt động kiểm soát điều chỉnh hành vi và thực thi các chức năng của chủ thể quản lý đối với các đối tượng quản lý trong vùng địa lý nhằm đạt được các mục tiêu phát triển chung (Norris, 2001, p. 535)

Nhiệm vụ quản lý của cấp độ 2 và 3: vùng trong một tỉnh và liên tỉnh bao gồm nhiều nội dung, xong về cơ bản là giải quyết mối quan hệ phát triển và tương tác giữa các đô thị trong

vùng, cùng giải quyết khó khăn, chia sẻ nguồn tài nguyên chung, giải quyết xung đột về lợi ích, về hành chính và kinh tế xã hội. Quản lý vùng có thể bao gồm việc khuyến khích để các bên tham gia tăng cường hợp tác, tự nguyện hành động chia sẻ mục tiêu trong giải quyết vấn đề chung, tăng cường cạnh tranh cho vùng, giảm thiểu ngoại ứng tiêu cực của một bên gây ra cho bên còn lại trong vùng, sử dụng khai thác tài nguyên chung tiết kiệm và bền vững. Việc phân cấp trong quản lý vùng khá phức tạp bởi sự xung đột nhiều mặt về lợi ích, mối quan tâm, và sức mạnh chính trị của các bên. Hệ thống các quy định, thẩm quyền, và trách nhiệm có thể luôn không đủ và đòi hỏi sự vận động, liên minh, ký kết giao riêng theo vấn đề, theo khu vực, và theo từng giai đoạn.

Thách thức tổ chức quản lý vùng đô thị

Những vấn đề cơ bản cần giải quyết ở cấp độ vùng có thể biểu diễn theo lưu chiều chính là chiều dọc – cấp độ không gian, chiều ngang, liên kết theo địa bàn lân cận.

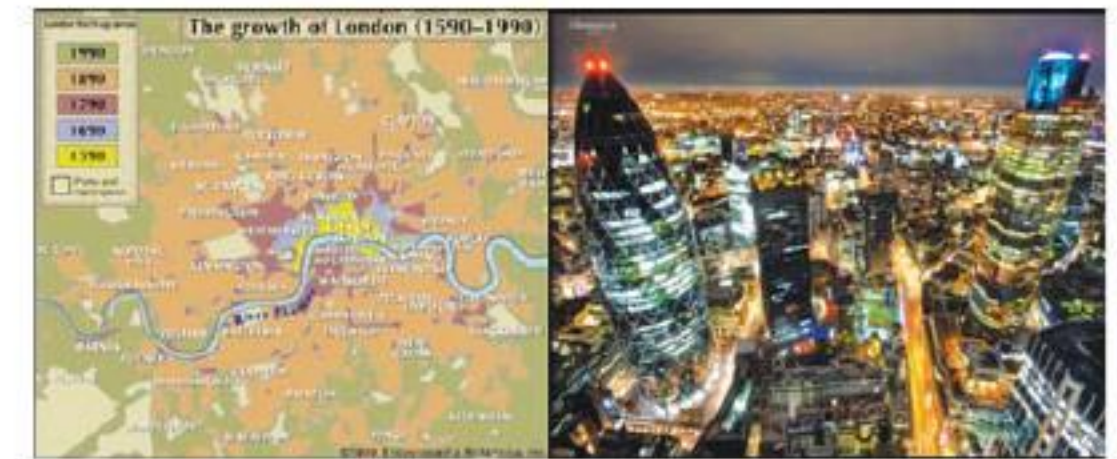
Ngoài ra, các vấn đề cụ thể cũng được bàn thảo là quản lý theo vấn đề, ví dụ nguồn nước và thoát nước theo lưu vực, hạ tầng giao thông – lan tỏa theo điểm dân cư và khu công nghiệp. Bài toán cơ bản nhất trong quan hệ dọc là mâu thuẫn trong phân quyền giữa các cấp độ quản lý, và bài toán lớn nhất trong quan hệ ngang là chia sẻ lợi ích, trách nhiệm, ngoại ứng, đối với các vấn đề có tính di động và liên quan giữa các bên trong mạng lưới và vùng (lưu ý 3). Trục dọc có thể bao gồm liên tỉnh, trong tỉnh, và trong vùng tỉnh. Ngay trong một tỉnh, việc giải quyết trục dọc đã khó khăn bởi sự liên diện của ba cấp và không phân định rõ ràng cấp cơ sở hay cấp trung gian, cấp vùng. Sự trùng lặp về trách nhiệm thể hiện qua những dấu hiệu như đùn đẩy trách nhiệm giữa các cấp và fôn tại nhiều việc hai, ba cấp cùng có trách nhiệm và ra nghị quyết nhưng không rõ ràng cấp nào giải quyết vấn đề gì (Doan Loan, 2012). Việt Nam có khái niệm cấp cơ sở còn mơ hồ bởi sự tồn tại của hai cấp trên cấp thấp nhất vẫn có bộ máy và chức năng trùng lặp như cấp cơ sở. Việc thí điểm bỏ Hội đồng nhân dân huyện cũng tìm cách hình thành cấp trung gian rõ ràng hơn (Hao Vo Tri, 2012).

Trục ngang có thể hiểu là mối liên hệ giữa các đô thị hay vùng đô thị. Những vấn đề cần giải quyết trong quan hệ ngang có thể là dân xếp để bố trí bãi rác thải, khu công nghiệp, sử dụng nguồn nước, thoát nước, duy trì không gian nông nghiệp và vành đai xanh giữa các đô thị trong vùng. Khi giá đất giữa các tỉnh chênh lệch nhau, lợi thế và vị trí không giống nhau, chính sách thu hút đầu tư theo tỉnh khác nhau thì những nội dung trên khó đồng thuận. Mỗi địa phương tìm cách khai thác tối đa lợi thế ngành nghề và lợi thế vị trí và giá trị đất đai từ tầm nhìn của mình rất có thể khác với tầm nhìn của vùng. Thực tế cho thấy các khu công nghiệp ở Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Tây cũ bám dọc theo đường biên giới theo kiểu 'bao vây Hà Nội, các bãi rác và nghĩa trang của Hà Nội cũng bố trí ra theo đường biên giới với

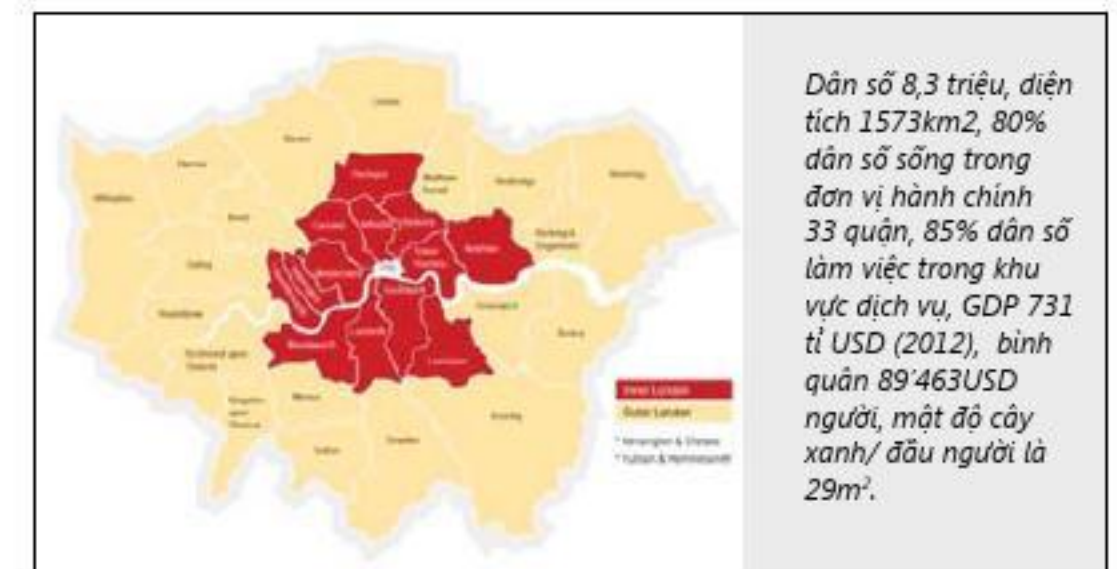
tỉnh lân cận. Việc tranh chấp về nguồn nước giữa Đà Nẵng và Quảng Nam và thủy điện sông Thu Bồn đã bế tắc trong giải quyết bằng con đường hành chính thông thường (Nam Tran, 2013). Những ví dụ trên chỉ là một phần của bức tranh lớn hơn trong quản lý vùng khi các cơ quan quản lý ở từng cấp và đặc biệt cấp vùng phải xử lý nhiều vấn đề phức tạp hơn do vấn đề chính trị theo nhiệm kỳ và thứ tự ưu tiên của từng đô thị khác nhau. Đặc biệt, khi nguồn lực khan hiếm phải tranh thủ, cơ hội để phối hợp và chia sẻ càng nhỏ hơn. Cùng một vấn đề, việc đánh giá về giá trị của các dự án hay thiệt hại từ một dự án lên các đô thị và vùng khác nhau là khác nhau, chưa nói tới sự phân chia lợi ích và trách nhiệm trong bối cảnh thể chế chưa hoàn thiện chỉ là tương đối.

Có thể nói có rất nhiều vấn đề cần giải quyết, xong tổ chức vùng cần làm rõ các câu hỏi sau:

1. Cơ sở và nguyên tắc tổ chức cấp quản lý, phân chia nhiệm vụ giữa các cấp, phân mảng chức năng nên như thế nào? Nguyên tắc trao quyền cho cấp nào trong công việc cụ thể nên như thế nào?
 2. Hình thức thực hiện quyền lực để giải quyết các vấn đề theo ngành, với đa cấp độ quyền lực và chia sẻ trách nhiệm là như thế nào? (đặc biệt là vấn đề quy hoạch phát triển)
 3. Cơ chế đảm bảo đảm bảo lợi ích chung, trong khi đảm bảo lợi ích và tiếng nói của các đô thị nhỏ trong quá trình ra quyết định của vùng? Cơ chế dân xếp xung đột lợi ích giữa các bên và giữa các cấp trong tổ chức vùng?
 4. Xử lý vấn đề chênh lệch vùng, công bằng trong phân bổ nguồn lực trong vùng và liên vùng như thế nào? Phân bổ lợi ích và nghĩa vụ tài chính giữa các cấp trong việc chung?
- Phần tiếp theo của bài viết sẽ tìm cách trả lời một phần những câu hỏi trên từ mô hình tổ chức chính quyền vùng thành phố London. Đây là thành phố có diện tích và dân số tương đồng với thành phố Hồ Chí Minh. London cũng đã trở thành một hình mẫu tham chiếu và được nhiều đô thị trên thế



Hình 4: London quá khứ và hiện tại. Nguồn: bách khoa toàn thư Britannica, 2000



Hình 5: các đơn vị hành chính của London

giới tham khảo và học tập về cách thức tổ chức giải quyết nhiều vấn đề phát triển và có tính cạnh tranh cao và phát triển bền vững.

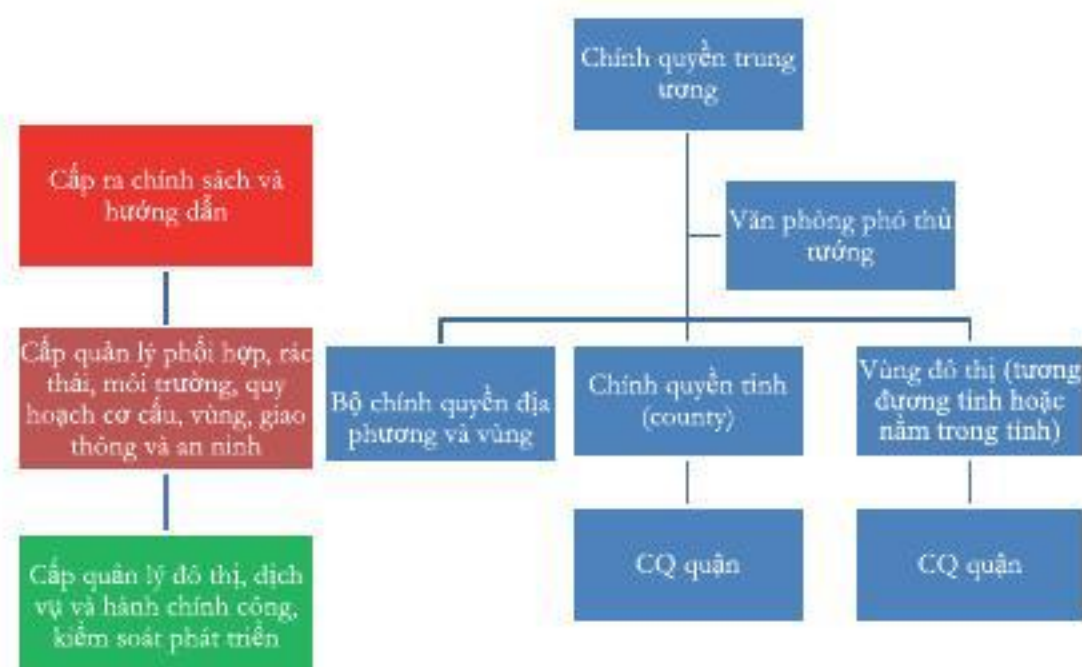
MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÙNG ĐÔ THỊ LONDON

Một số thông tin cơ bản

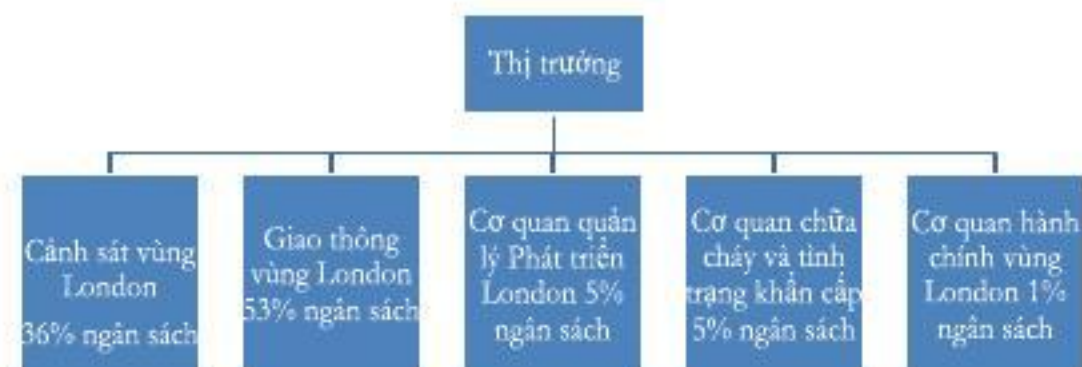
Là một thành phố có lịch sử phát triển lâu đời, từ một thành phố nhỏ thế kỷ XV rồi thương cảng và vùng công nghiệp dịch vụ sầm uất, trung tâm công nghiệp và thương mại hàng đầu thế giới đầu thế kỷ XX; đến cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI tiếp tục dẫn đầu thế giới về dịch vụ tài chính, du lịch, thương mại (lưu ý 4). Hiện nay, London là một trong ba vùng đô thị có tầm ảnh hưởng toàn cầu về kinh tế - tài chính, văn hóa, và khoa học (hai thành phố còn lại là New York và Tokyo).

Tổ chức chính quyền

Hệ thống hành chính nước Anh có ba cấp chính thức là trung ương, vùng (trong đương tỉnh), và địa phương (trong đương huyện hoặc đô thị). Tại vùng London, chính quyền gồm hai cấp: cấp vùng (thành phố) và cấp quận - chính quyền địa phương để quản lý 33 đơn vị có quy mô dân số khoảng 250000 người (2013). Vùng 33 quận là vùng lõi chỉ có 85% dân số vùng. Vùng theo chức năng kinh tế - làm việc tại London nhưng ở ra kề cận bên ngoài không được tính là vùng hành chính. Vùng liên tỉnh (London và các tỉnh lân cận) xét ở phạm vi rộng hơn cũng được coi là một vùng địa lý và kinh tế lệ thuộc vào cực phát triển London nhưng không coi là một vùng có cấp hành chính quản lý (lưu ý 6). Cấp 'quận - Borough' quản lý tương đối toàn diện đời sống đô thị như trật tự xây



Hình 6: tổ chức quản lý lãnh thổ ở nước Anh



Hình 7: phân mảng tổ chức bộ máy quản lý cấp vùng London
Nguồn: tác giả (vẽ lại từ sơ đồ tổ chức cấp vùng thành phố London)

dụng, giao thông đỗ xe, môi trường, và thủ tục hành chính như các hoạt động liên quan đến dân sự, doanh nghiệp vừa và nhỏ, trợ cấp xã hội về nhà ở, giáo dục

Chính quyền vùng (*Greater London Authority-GLA*) bao gồm Thị trưởng (*Mayor*) và Hội đồng vùng (*Assembly*) được bầu ra theo nhiệm kỳ. Đặc trưng của chính quyền này là chỉ hoạt động ở một số lĩnh vực liên địa phương (giữa các quận). Các lĩnh vực hoạt động bao gồm:

- Giao thông (công cộng), không phải vấn đề nơi đỗ xe và trật tự không gian công cộng;
- Trật tự an ninh (cảnh sát);
- Quy hoạch vùng, bảo tồn di sản và kiểm soát sử dụng nguồn lực như nước, không khí;

- Hỗ trợ các chính quyền địa phương khó khăn;
- Khuyến khích phát triển, chia sẻ thông tin.

Dưới Thị trưởng là các cơ quan giúp việc trong các lĩnh vực chủ chốt theo chức năng. Mỗi cơ quan này được cấp ngân sách từ cấp vùng, và ngân sách của cấp này chi tiêu nhiều nhất là cho an ninh và đi lại (hình 7).

Trong tổng số ngân sách 11 tỷ bảng năm 2013, thành phố được hỗ trợ từ trung ương - nguồn như chính phủ tài trợ - 65% (giao thông công cộng 6,5 tỉ); thu từ vé, phí và thu sử dụng tài sản - 27%; và thu từ Thuế hội đồng (cấp quận thu) - 8%. Ngân sách của chính quyền vùng dựa vào nhiều nguồn như ngân sách trung ương hỗ trợ, dựa vào phí và

vé thu được từ quản lý giao thông, quản lý cấp phép quy hoạch và một số nguồn thu kinh doanh của các doanh nghiệp làm giao thông. Chính quyền vùng không có nguồn thu từ thuế giống chính quyền quận. Chính quyền quận (địa phương/cơ sở) có nguồn thu quan trọng từ việc thu thuế tài sản tính theo giá trị của cư dân để trang trải cho các chi phí dịch vụ công cộng như công viên, chiếu sáng, thư viện, và duy trì công trình công cộng khác.

Chi phí cho giao thông và vận tải công cộng chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tỉ trọng chi tiêu của cả hai cấp, nhưng cũng là thành quả lớn nhất với khả năng vận chuyển như:

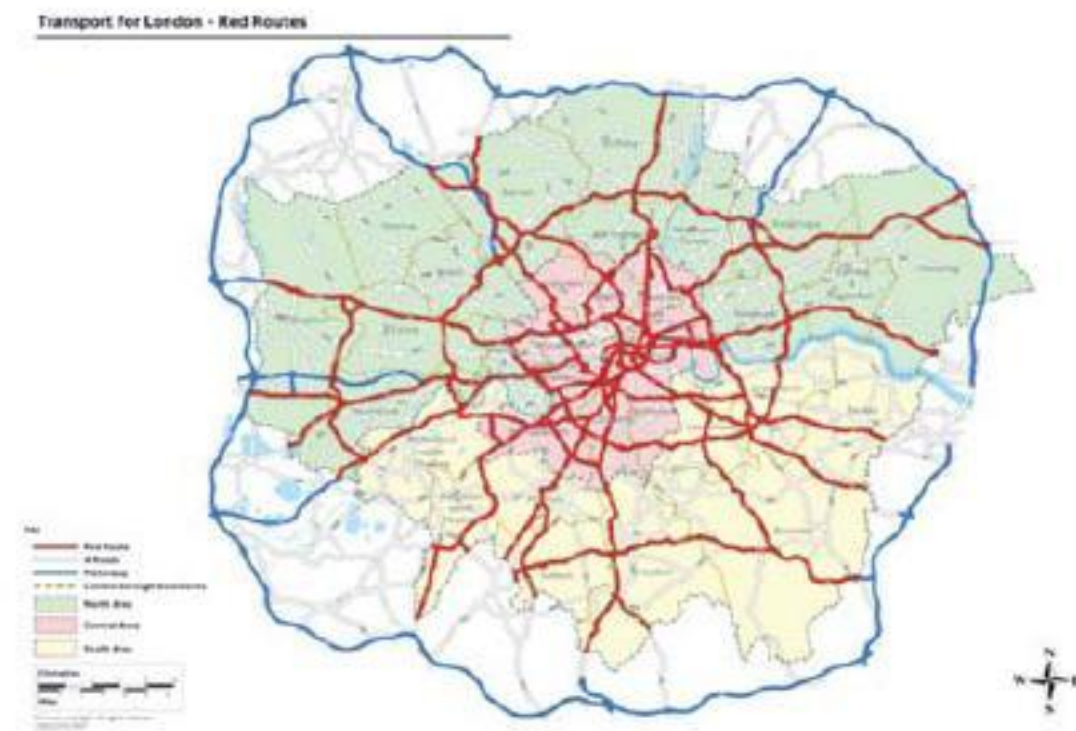
- 90% dân số trong vùng tiếp cận đến xe công cộng trong bán kính 400m.
- Vận tải công cộng vận chuyển trên 24 triệu lượt hành khách hàng ngày, 75% dân cư trung tâm đi bằng xe buýt, 82% dân số có sử dụng giao thông công cộng. Xe buýt: 5.4 triệu lượt; Tàu điện ngầm: 3 triệu lượt; Đường sắt: 1.8 triệu lượt/ngày.
- 25000 nhân viên quản lý 580km đường lớn, 900 cây cầu, 788km đường sắt, 255 ga xe điện ngầm, với 13 tuyến; 8500 xe buýt 7 00 tuyến; 6000 nút giao thông có điều khiển.
- Ngân sách: 6.46 tỷ bảng Anh (30% được bù lỗ từ trung ương và vùng).

Giá nhà ở và cho thuê đất ở London và nước Anh nói chung là lý do để nước Anh xây dựng một hệ thống chính sách nhà ở hỗ trợ các đối tượng một cách tinh vi. Hệ thống này hỗ trợ hai loại nhà ở: (1) nhà ở xã hội dành cho người thất nghiệp và (2) nhà ở giá ưu đãi cho nhóm đối tượng ưu tiên đều được hỗ trợ thông qua việc triển khai của cơ quan quản lý nhà ở cấp cơ sở. Mỗi quận (chính quyền cơ sở) lại có cách thức riêng về phát triển nhà ở để đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng trên địa bàn như yêu cầu 30%-50% quỹ nhà trong các dự án xây dựng mới phải là loại nhà ở giá phải chăng² (*affordable housing*). Việc thực hiện chính sách này ngốn nguồn ngân sách rất lớn - trên 3 tỉ

đô la/năm cần sự tài trợ từ cả cấp vùng quốc gia (*Mayor of London*, 2012). Việc phân chia các công việc giữa cấp quận và cấp vùng trong quản lý các vấn đề được hình thành một cách mạch lạc. Cấp vùng quản lý giao thông công cộng và các tuyến đường chính là loại đường 'đỏ' (có vạch sơn bên lề màu đỏ). Các đường 'đỏ' chỉ chiếm 5% tổng chiều dài trong vùng nhưng chiếm 30% lưu lượng vận chuyển (hình 8). Cấp thành phố (tức là vùng) quản lý chặt việc đảm bảo lưu thông thông suốt trên các trục này, quy định rất rõ ràng việc dừng đỗ và chất hàng xuống hàng vào giờ thấp điểm để đảm bảo lưu thông huyết mạch. Cấp quận quản lý các đường còn lại và quản lý việc thu phí đỗ xe trên lòng đường.

Lĩnh vực quy hoạch do cả cấp quận và vùng chịu trách nhiệm. Cơ quan quản lý cấp quận quản lý cả lập và thực thi quy hoạch. Đồ án quy hoạch cấp quận phải lấy ý kiến ở cấp vùng và tuân thủ chiến lược phát triển không gian (vùng đô thị). Việc cấp quyền phát triển chủ yếu do cấp quận xử lý, trừ những dự án phát triển lớn, dự án làm thay đổi chiến lược phát triển chung, hoặc khác với quy hoạch đã được phê duyệt mới phải xem xét ở cấp vùng (thậm chí là cấp quốc gia) (*Mayor of London*, 2008).

Cơ chế làm việc giữa cấp quận và vùng mang tính hợp tác chủ động và tham vấn hơn là lệ thuộc và chỉ đạo. Cấp trên quản lý cấp dưới thông qua bộ khung hướng dẫn thực hiện chiến lược. Cấp dưới thực hiện quản lý thông qua khuôn khổ phát triển địa phương. Sự can thiệp vào cấp dưới hạn chế trong việc lấy ý kiến đồ án quy hoạch, phê duyệt các đề xuất quy mô lớn. Khuôn khổ phát triển địa phương không chỉ bao gồm đồ án quy hoạch mà còn cả các dự án dự kiến để thực hiện, báo cáo đánh giá việc thực hiện, và báo cáo về việc tham gia của công đồng vào quy hoạch như thế nào.



Hình 8: các tuyến đường do cấp vùng London quản lý
Nguồn: Sở quản lý Giao thông London



Hình 9: khái lược mô hình phân quyền giữa hai cấp ở London. Nguồn: tác giả

Ngoài ra, thực chất việc quản lý vùng và quản lý nhà nước trong hệ thống hành chính Anh quốc và hầu hết các quốc gia phát triển đều rất phát triển hệ thống mô hình tài phán – phân xử các tranh chấp thông qua tòa án (*Judiciary system*), thông qua Hiệp hội (*Association*) bên cạnh quyền lực hành chính của Thị trưởng và Hội đồng thành phố. Hình thức ra quyết định giải quyết tranh chấp không chỉ diễn ra trong các cuộc họp của bộ máy quản lý mà còn giữa các buổi họp của Hiệp hội các đô thị trong vùng. Tòa án khu

vực đô thị (*Municipal Court*), Tòa án đất đai (*Land Court*), hay thỏa thuận phân xử bởi Trọng tài (*Arbitrage practice*). Sự khác biệt trong lợi ích và cách hiểu có thể được dàn xếp từ trong bộ máy hành chính nhưng với các hệ thống bộ máy hành chính khác nhau, việc phân xử với thủ tục pháp lý hoặc kiểu 'cộng đồng' có bản chất là công khai và không áp đặt mệnh lệnh sẽ dễ làm cho các bên có 'quyền lực' như các đô thị thực thi hiệu quả hơn. Về cơ bản, mô hình hai cấp phân quyền khá rộng rãi được mô tả dưới sơ đồ (hình 9).

Một số bài học trong tổ chức quản lý vùng đô thị

Khái lược về mô hình quản lý ở chính quyền vùng London mặc dù chưa đầy đủ nhưng có giá trị tham khảo để hoàn thiện việc tổ chức chính quyền vùng ở Việt Nam. Một số gợi ý bao gồm: *Thứ nhất*, có thể tổ chức nhiều cấp (ba cấp) quản lý vùng như vùng lõi đô thị mở rộng, vùng tỉnh và vùng liên tỉnh. Tuy nhiên cần chú ý việc vùng đô thị luôn mở rộng và chính quyền của vùng cần phân biệt vùng lõi với vùng mở rộng. Vùng lõi Hà Nội cần quản lý riêng và sự mở rộng có thể giải quyết bằng cơ chế liên minh liên kết mà không thực sự cần thiết sáp nhập địa giới hành chính như Hà Nội đã làm. Quản lý vùng cần đẩy mạnh kết nối hạ tầng và liên kết với bên ngoài. Vùng lõi được quản lý với các chính sách tập trung trong mô hình phân quyền rộng rãi.

Thứ hai, cấp vùng dù là trong vùng lõi chỉ tập trung giải quyết vấn đề của vùng có tính vĩ mô, liên kết, và có tính đi động từ nơi này qua nơi khác như nguồn nước, tội phạm, giao thông. Bản thân giao thông và vận tải cũng chỉ nắm các tuyến huyết mạch có tính liên kết vùng. Các vấn đề cố định thuộc về nơi chốn chính quyền vùng không giải quyết trực tiếp và chỉ đưa ra khuôn khổ mang tính vĩ mô và chiến lược. Các vấn đề cũng có trách nhiệm thì tham gia với cấp cơ sở và theo cơ chế phối hợp hơn là hành chính chỉ đạo. Không chỉ là cấp trên và cấp dưới mà phản ánh cả hai cùng có trách nhiệm quản lý. Đây cũng là bài học có thể cần nhắc xem xét khi cải cách tổ chức bộ máy cấp thành phố để tập trung vào các vấn đề liên kết vĩ mô và đẩy mạnh phân cấp cho cấp quận/huyện quản lý thực thi những gì, cơ chế làm việc như thế nào, và ai nắm quyền trong lĩnh vực nào.

Thứ ba, cấp cơ sở được thiết kế đầy đủ phải có quy mô không quá nhỏ như phường hiện nay của Việt Nam. Cơ sở đủ lớn để quản lý toàn diện, đầy đủ: có cả chính sách, hội đồng, quản lý kỹ thuật và thuế khóa. Cấp cơ sở giải quyết hầu hết mọi vấn đề liên quan đến người dân trực tiếp chủ trì các nội dung có phạm vi

và quy mô giải quyết lớn ở vùng là do vùng chịu trách nhiệm. Chúng ta có thể xem xét thực sự coi cấp cơ sở là cấp nào, quận hay phường. Nên chăng xem xét quận hoặc gộp lại thành các phường to mới là cấp cơ sở, còn phường nhỏ không bố trí bộ máy hội đồng, không có cán bộ chuyên môn thì không tổ chức thành một cấp hành chính.

Thứ tư, cần nhắc xây dựng cơ chế trao quyền rộng rãi hơn cho từng đô thị trực thuộc tỉnh để họ tham gia liên kết vùng chủ động. Vùng lõi cũng cần được quản lý theo một mô hình tự chủ, và trong vùng này cũng phát triển cơ chế hợp tác thay vì chỉ đạo thuần túy. Cơ chế điều hành trong vùng tỉnh cũng cần đẩy mạnh vai trò tham gia từ phía dưới - áp dụng mô hình có tính cộng đồng cao hơn và khuyến khích sự tham gia của các đô thị cùng giải quyết các vấn đề của vùng đô thị từ phía dưới bên cạnh cơ chế quản lý áp đặt từ trên. *Thứ năm*, việc phối hợp và quản lý các đô thị trong vùng lớn - liên tỉnh dựa trên một nền tảng tự nguyện và liên kết, nhưng cơ sở của phối hợp là trao quyền tự chủ của các thực thể có thực quyền thì cuộc chơi mới có ý nghĩa. Cách thức làm việc của vùng thường tập trung vào

tạo điều kiện, giám sát, hướng dẫn, và dàn xếp xung đột nhiều hơn là chỉ đạo thực hiện cho chính quyền các đô thị trong vùng khó thực hiện được trong mô hình lệ thuộc cao như của Việt Nam. Cuộc chơi giữa các đô thị trong vùng ở Việt Nam có lẽ đang phù hợp cho việc trao đổi giữa các tỉnh nhưng chưa phải điều chỉnh để tiếp cận từ vùng liên tỉnh đến trực tiếp các đô thị thay vì thông qua cấp tỉnh - đẩy mạnh mô hình hợp tác cấp đô thị và đẩy mạnh trao quyền tự chủ nhất định cho các đô thị.

Thứ sáu, cuộc chơi của các thực thể trong

đô thị của vùng cần các mô hình tổ chức hỗ trợ như đẩy mạnh vai trò của Hiệp hội đô thị, Hội các đô thị theo vùng hoặc Ủy ban hỗn hợp của các đô thị liên quan giải quyết các vấn đề quan tâm theo cộng đồng đô thị quan tâm về các lĩnh vực cụ thể như tài nguyên nước, vấn đề môi trường, giao thông hay hạ tầng khu

KẾT LUẬN

Có thể nói việc học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lý vùng từ các quốc gia đi trước là cần thiết khi Việt Nam chưa có tiền lệ và là người đi sau. Tất nhiên chúng ta khó có thể áp dụng trực tiếp kinh nghiệm hoặc mô hình tổ chức chính quyền vùng London hay các vùng khác bởi mỗi vùng là một đặc thù riêng. Bản thân những quy định và mô hình quản lý của London cũng đã trải qua rất nhiều lần bổ sung, thay đổi và đang tiếp tục hoàn thiện. Có lẽ bài học thực sự là những nguyên tắc và cơ sở lựa chọn các mô hình quản lý hơn là quy định cụ thể. Mong rằng thông tin từ bài viết này có thể góp phần hỗ trợ việc nghiên cứu và phát triển tổ chức quản lý vùng đô thị ở Việt Nam trong tương lai. ■

Tài liệu tham khảo

Antier Gilles. Strategic Urban Planning. 2011. Ref Type: Slide
Doan Loan. Hà Nội đề xuất bị thu kiểm chu tích quan huyện. vnexpress.net. 4-1-2012. Hanoi. Ref Type: Newspaper
Hao Vo Tri. Thị trường nên để người dân bầu trực tiếp. Tien phong online. 2012. Ho Chi Minh. Ref Type: Newspaper
Mayor of London. Town and country planning, England. Order 2008, No 580. 2008. Ref Type: Statute
Mayor of London 2012, *Housing in London*, Greater London Authority, London.
Nam Tran. Tranh chấp nguồn nước giữa Đà Nẵng và Quảng Nam: căn cơ quyết sách. Cong An Nhan Dan. 3-31-2013. Ref Type: Newspaper
Norris, D. F. 2001, "Whither Metropolitan Governance?", *Urban Affairs Review*, vol. 36, no. 4, pp. 532-550.

Chú thích:

1. Định nghĩa của tác giả.
2. Nhà ở giả phải chăng là loại nhà ở được cam kết hỗ trợ từ khi mua cho các đối tượng làm việc trong khu vực công và khu vực phục vụ có tính xã hội cao - có giá mua chỉ bằng từ 40% đến 70% so với mặt bằng giá nhà ở thương mại - tác giả.



Hình 1: Đô thị Los Angeles trải dài vô tận. Nguồn: Reid Ewing

Phát triển nén và phát triển dàn trải nhảy cóc

REID EWING, KETH BARTHOLOMEW, VÀ ARTHUR C. NELSON

Sách: Companion to Urban Design (Nhà xuất bản Routledge, New York, Hoa Kỳ 2011)

TS. NGUYỄN LƯU BẢO ĐOÀN,
NGUYỄN TRƯƠNG QUỲNH CHÂU (Lược dịch)

Vào năm 1997, trong Tập san của Hiệp hội Quy hoạch Hoa Kỳ xuất hiện hai bài báo tranh luận nhau mà cho đến nay vẫn được Hiệp hội xếp vào hàng “kinh điển” trong các bài viết về quy hoạch đô thị. Trong bài báo đầu tiên có tựa “*Thành phố phát triển nén có đáng mơ ước?*”, Peter Gordon và Harry Richardson đưa ra quan điểm ủng hộ phát triển dàn trải là sự đáp ứng tốt đẹp cho thị hiếu người tiêu dùng. Trong bài phản biện có tựa: “*Phát triển dàn trải nhảy cóc kiểu Los Angeles liệu có đáng mơ ước?*” Reid Ewing đã tranh luận rằng thành phố phát triển nén là giải pháp thay thế cho phát triển dàn trải nhảy cóc. Các tác giả Gordon, Richardson và Ewing tranh luận từng điểm với nhau trong tất cả các mảng được nêu ra: từ đặc điểm, nguyên nhân và chi phí phát triển dàn trải nhảy cóc, đến các biện pháp giải quyết chi phí phát sinh do phát triển dàn trải.

Cuộc tranh luận nêu trên đã minh họa cho những bất đồng chính trong nghiên cứu học thuật về bản chất và mức độ tương tác giữa việc sử dụng đất và giao thông vận tải. Từ đó đến nay, lần đầu tiên trong lịch sử các học giả bắt đầu phát triển nhiều phương pháp đo đạc mức độ phát triển dàn trải nhảy cóc và định lượng tác động của nó. Các phong trào phát triển thông minh (smart growth), phong trào đô thị mới (new urbanism), và phong trào xây dựng theo định hướng giao thông công cộng (transit oriented development) đã phát triển mạnh như bằng chứng phản biện lại phát triển dàn trải nhảy cóc. Cách sống thay đổi, thay đổi về mật dân số theo hướng phát triển đô thị có mật độ dân cư cao, tăng cường tận dụng không gian sẵn có trong đô thị, và xây dựng những cộng đồng thân thiện với người đi bộ. Biến đổi khí hậu cùng những mối liên hệ của nó với các hình mẫu

phát triển đô thị tạo nên thách thức quy hoạch trọng yếu của thế kỷ 21. Chính nhờ mối lo ngại về sự gia tăng của tỉ lệ béo phì, các chuyên gia về sức khỏe cộng đồng đã bắt tay với các nhà quy hoạch nhằm nghiên cứu và khuyến khích một đời sống lành mạnh năng hoạt động và tập thể thao. Rất nhiều bang và thành phố tại Mỹ đã thực hiện các sáng kiến phát triển thông minh. Hệ thống tàu điện được xây dựng tại rất nhiều thành phố ở Mỹ, trong khi đó các dự án mở rộng hệ thống đường cao tốc chính bị trì hoãn.

Các đặc điểm của phát triển dàn trải nhảy cóc

Cả hai bài viết đều sử dụng cụm từ “phát triển nén - compact” để định nghĩa một thái cực trong xây dựng đô thị và “phát triển dàn trải nhảy cóc - sprawl” để nói về thái cực còn lại. Dựa trên bối cảnh ấy, Gordon và Richardson

(1997) đã đánh đồng phát triển nên với mật độ dân cư cao hay phát triển đơn tâm. Họ cho rằng Los Angeles thật ra là một thành phố nén nếu xét đến mật độ dân số. (Hình 1). Đây là sự khái quát đặc tính của phát triển nén một cách đầy sai lầm. Mật độ dân cư cao hiện vẫn không phải là cách sống ưa chuộng của hầu hết người Mỹ, còn phát triển đơn tâm là một quan điểm đã lỗi thời, vì khu trung tâm (CBD) dần trở thành một trong số rất nhiều trung tâm trong các vùng đô thị lớn (metropolitan). Mật độ dân cư thật ra chỉ là một khía cạnh của phát triển dân trải nhảy cóc, và bản thân mật độ dân cư đồng đều kéo dài ra vô tận trong không gian đô thị cũng là một dấu hiệu của phát triển dân trải. Gordon và Richardson (1997) đôi khi đánh đồng phát triển dân trải nhảy cóc với “mật độ dân cư thấp”, đôi khi lại ví với phát triển “phân tán”, “ly tâm”, “đa tâm” và “ra ngoại ô”. Trái lại, Ewing (1997) định nghĩa rõ ràng phát triển dân trải nhảy cóc xuất hiện dưới một trong ba dạng: đầu tiên là phát triển nhảy cóc hoặc phân tán, thứ hai là phát triển khu thương mại dọc các trục lộ, và thứ ba là phát triển khu vực có mật độ dân cư thấp hoặc sử dụng đất đơn chức năng trên quy mô lớn. Định nghĩa này tương đương với quan niệm phát triển dân trải mà mọi người vẫn biết nhưng nó cũng có những giới hạn và đã được mở rộng ra để bao hàm bất kỳ hình mẫu phát triển nào có đặc điểm là khó tiếp cận điểm đến trong đô thị hoặc thiếu những không gian chức năng mở. Theo quan điểm của Ewing, phát triển nén bao gồm tất cả những đặc điểm nào không nằm trong định nghĩa này, nghĩa là một hình thái xây dựng phát triển đô thị bao gồm những dãy nhà san sát nhau, những trung tâm đô thị phồn thịnh, đất được sử dụng theo nhiều chức năng đan xen, mật độ dân cư từ trung bình tới cao, tiếp cận điểm đến tốt và có không gian mở cố định.

Đo lường mức độ phát triển dân trải nhảy cóc

Từ năm 1997 đến nay, các tác giả bài này và một số đồng sự khác đã vận



(a)



(b)

Hình 2: Hình chụp vệ tinh khu vực Portland (a) và Raleigh (b). Nguồn: maps.google.com

dụng trong việc định lượng định nghĩa mở rộng của phát triển dân trải nhảy cóc. Các đo lường đầu tiên về quy mô phát triển đô thị dân trải nhảy cóc vẫn còn khá sơ sài. Nhiều nhà nghiên cứu đã tạo ra các phép đo tập trung vào mật độ dân cư của việc phát triển đô thị dân trải (Futon et al. 2001; Malpezzi and Guo 2001; Nasser and Overberg 2001; Lopez and Hynes 2003; Burchfield et al. 2005). Với nguồn dữ liệu sẵn có, mật độ dân cư có được lợi thế là để thực hiện việc đo đạc. Xét về mật độ dân cư trung bình, Los Angeles có vẻ là một đô thị phát triển nén. Trong khi đó, một số học giả đã bắt đầu hình thành nhiều phương pháp đo

lượng mức độ xây dựng phát triển dân trải nhảy cóc hoàn thiện hơn. Galster et al. (2001) đã phân tách các hình mẫu (pattern) sử dụng đất thành 8 tiêu chí: mật độ dân cư, mức độ liên tục của xây dựng phát triển, độ tập trung, độ quản trị, độ tập trung tại trung tâm, mức độ đơn tâm, mức độ sử dụng đất với nhiều chức năng xen lẫn nhau, và khoảng cách. Sau bài báo này, Galster cùng đồng nghiệp đã áp dụng rộng phương pháp đo lường trên hơn 50 khu vực đô thị thể hiện tính chất phức tạp của phát triển dân trải đã đề cập ở trên. Ewing, Pendall, và Chen (2002) cũng đưa ra chỉ số phát triển dân trải nhảy cóc giống như những tiêu chí của

Galster, nhưng các chỉ số này cụ thể hơn và minh họa mức độ biến đổi giữa các khu vực đô thị rộng hơn. Họ định nghĩa phát triển dân trải là môi trường có đặc điểm như sau; *đầu tiên* là dân số phân tán rộng rãi theo hướng phát triển vùng dân cư mật độ thấp; *thứ hai* là sự phân tán nhà ở, cửa hàng, công sở; *thứ ba*, việc làm và dân cư không tập trung tại khu vực trung tâm thành phố, trung tâm thị trấn ngoại ô và những trung tâm dành cho các hoạt động khác; và *thứ tư* là hệ thống đường xá với sự hiện diện của các ô khu phố lớn khiến tiếp cận một nơi từ nơi khác gặp trở ngại.

Nguyên nhân phát triển dân trải nhảy cóc

Với cách quan niệm khác nhau về phát triển dân trải hay dân trải nhảy cóc, hai bài báo đã nêu ở đầu chương dẫn ra những nguyên nhân khác nhau khiến tốc độ dân trải tăng nhanh. Với Gordon và Richardson (1997), phát triển đô thị dân trải phản ánh thị trường. Theo lập luận của họ, người tiêu dùng và doanh nghiệp ưa thích những khu vực xa trung tâm thành phố, giá đất rẻ và ít kẹt xe. Hệ thống viễn thông hiện đại cho phép quản trị các hoạt động kinh tế không cần thiết. Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân cụ thể là ô tô thấp cho phép người dân sống xa công sở và các trung tâm mua sắm. Kết quả là, các hình mẫu phân tán dân cư lại rất có hiệu quả về mặt kinh tế, và nhược điểm duy nhất về mặt thị trường – có thể khiến cho những hình mẫu này thất bại – chính là trợ giá xe ô tô (khuyến khích di chuyển đường dài) và quy định sử dụng đất địa phương (không khuyến khích mật độ dân cư cao và sử dụng đất đa chức năng xen kẽ). Trái lại, thị trường đất đai tồn tại vô vàn khiếm khuyết dẫn đến việc phát triển dân trải nhảy cóc. Những thị trường chức năng hoàn thiện đòi hỏi phải có rất nhiều người mua kẻ bán, thông tin đáng tin cậy về giá cả và chất lượng sản phẩm, sản phẩm đồng dạng ở mỗi thị trường, không có thêm chi phí hay lợi ích do yếu tố ngoại tác v.v.

Thị trường nhà đất chưa đáp ứng được bất kỳ yêu cầu nào nói trên. Giá đất gia tăng theo tốc độ không chắc chắn dẫn đến việc đầu cơ nhà đất và phát triển rải rác (khi những người đầu cơ dự đoán sai hay đất bị quy hoạch hạn chế xây dựng phát triển). Nhà ở nhận trợ giá qua cơ chế thuế ưu đãi, một chính sách đặc biệt có lợi cho dân cư vùng ngoại ô vì hầu hết những người này cư ngụ trong nhà mà họ sở hữu thay vì ở trong nhà thuê. Việc xây dựng phát triển các khu vực xa khỏi thành phố được chính quyền trợ giá thông qua phương pháp định giá dựa không phụ thuộc vào khoảng cách từ nơi sử dụng đến các trạm cung cấp điện/nước/điện thoại/thoát nước chính. Thị trường đất đai hiện đang có rất nhiều yếu tố thuộc ngoại tác, và quy định của chính quyền có thể tạo thêm nhiều méo mó của thị trường thông qua việc giữ cho mật độ dân cư thấp và phân chia sử dụng đất thành khu vực riêng biệt theo từng chức năng khác nhau.

Xu hướng của người tiêu dùng

Nếu được chọn sống ở vùng ngoại ô, nơi có mật độ dân cư thấp và vùng nội đô, nơi có mật độ dân cư cao, hầu hết người Mỹ đều chọn sống tại ngoại ô. Tuy nhiên, phương án phát triển nén thay thế cho phát triển dân trải lại tồn tại dưới nhiều hình thức, và những hình thức này góp chung lại có nhiều giá trị hơn ta tưởng (Gordon và Richardson trong bài viết năm 1997 dùng khái niệm tiêu cực để nói về phát triển nén là “sự hấp dẫn của các tiệm nhỏ xinh”). Trong khảo sát Cộng đồng Quốc gia do tổ chức Smart Growth America và Hiệp hội Các nhà môi giới bất động sản Quốc gia (Belden et al. 2004) thực hiện, những người tham gia được lựa chọn giữa hai cộng đồng “A” và “B”. Cộng đồng A gồm những nhà ở loại dành cho một gia đình với sân vườn và trên diện tích lớn, không có vỉa hè thuận lợi cho người đi bộ, nơi mua sắm và trường học cách nhà vài dặm, di chuyển đến nơi làm mất trên 45 phút, và không có phương tiện giao thông công cộng. Trái lại, cộng đồng B

gồm kiểu nhà ở dành cho một gia đình và nhiều kiểu nhà khác, có vỉa hè, chỉ cần đi bộ vài phút là ra đến cửa hàng và trường học, di chuyển đến nơi làm mất ít hơn 45 phút và có phương tiện giao thông công cộng gần đó. Nhìn chung, 55% người Mỹ thích cộng đồng B, cộng đồng phát triển thông minh (smart growth). Cộng đồng này thu hút đến 61% người đang có ý định mua nhà trong vòng 3 năm kể từ thời điểm làm khảo sát. Thời gian di chuyển đến chỗ làm có ảnh hưởng khá lớn đến lựa chọn của người tham gia khảo sát. Khoảng 1/3 người cho biết họ sẽ chọn cộng đồng tăng trưởng thông minh nếu việc di chuyển đến chỗ làm thuận tiện, và ¼ số người lựa chọn cộng đồng này vì họ sẽ ở gần nơi làm việc hơn. Xét về mặt thay đổi khuynh hướng cư ngụ và dân số, Nelson (2006) dự đoán rằng đến năm 2025, nhu cầu nhà liên kế có diện tích nhỏ sẽ vượt quá nguồn cung hiện tại 35 triệu đơn vị (71 %) trong khi nhu cầu cho các ngôi nhà có diện tích lớn sẽ ít hơn so với nguồn cung hiện tại (Xem bảng số liệu 35.3).

Trợ giá của chính quyền

Sở thích của người tiêu dùng góp phần giải thích sự hình thành của khu vực ngoại ô và khuynh hướng mọi hoạt động của con người không tập trung ở trung tâm đô thị như trước đây. Nhưng yếu tố sở thích chưa thể giải thích được quy mô phân tán, sự vắng bóng của sử dụng đất đa chức năng xen kẽ, cùng sự thiếu hụt của những mảng tự nhiên quan trọng. Chúng ta phải xét đến thất bại của thị trường để giải thích cho các hiện tượng này. Phòng Đánh giá Kỹ thuật Hoa Kỳ (1995) đã liệt ra danh sách tất cả những loại trợ giá dẫn đến phát triển đô thị dân trải nhảy cóc. Trong số đó, mức trợ giá lớn nhất dành cho hệ thống đường cao tốc. Nếu người đi ô tô phải chi trả toàn bộ chi phí xã hội khi sử dụng xe ô tô – bao gồm phí khí thải, nơi đậu xe miễn phí, chi phí tai nạn không bù đắp, phí hiện diện quân đội ở vùng Trung Đông và những loại phí khác – họ sẽ muốn sống ở những nơi mà khoảng

cách giữa khu dân cư, nơi làm việc, mua sắm và khoảng cách di chuyển đến những khu vực khác gần hơn so với nơi họ đang ở.

Luật và quy định về sử dụng đất

Quy định nhà nước về đất đai liệu có làm thị trường bị bóp méo? Những tài liệu kể từ năm 1997 đều đồng tình với quan điểm này, nhưng cũng có nhiều điểm cần phải lưu ý. Trong quyển *Zoned Out: Regulation, Markets and Choices in Transportation and Metropolitan Land Use*, Jonathan Levine (2006) cho rằng áp dụng rộng rãi quy hoạch phân khu dân cư mật độ thấp sẽ cản trở thị trường tự do trong lĩnh vực nhà đất, đồng thời phát triển đô thị có mật độ dân cư cao chính là nhờ thị trường còi mờ hơn. Nói cách khác, một trong những nguyên nhân gây ra phát triển dân trải nhảy cóc chính là do nguyên tắc địa phương quyết định quy hoạch phân khu chức năng. Về bản chất, chính nguyên tắc này đã quy định việc phát triển dân trải. Đây cũng là ý kiến gây tranh cãi của nhiều nhà quy hoạch ủng hộ đô thị mới (new urbanism).

Chi phí của phát triển dân trải nhảy cóc

Số dặm đi chuyên của xe (VMT)

Năm 1997, Gordon và Richardson (1997) nhận định rằng "... mật độ dân cư cao dẫn đến số dặm di chuyển (VMT) giảm suy ra kết quả là tiêu tốn nhiên liệu giảm là lý luận chưa rõ." Họ đã mắc sai lầm. Năm 1997, nhiều cuộc nghiên cứu đã cho thấy mật độ dân cư và các tiêu chí khác của phát triển nên có liên hệ với mức VMT thấp hơn. Ngày nay, lý lẽ của hai tác giả trên lại càng khó thuyết phục. Tiềm năng tiết chế nhu cầu di chuyển bằng việc thay đổi môi trường nhân tạo hiện là chủ đề của hơn 200 cuộc nghiên cứu thực tiễn. Một điểm cần lưu ý trong nghiên cứu này là khả năng xuất hiện quá trình tự quyết định (self-selection). Theo lý thuyết, thay vì môi trường nhân tạo ảnh hưởng đến lựa chọn di chuyển của con người, mối liên hệ giữa môi trường

tự nhiên và lựa chọn di chuyển có thể là do những người đi bộ hoặc người dùng phương tiện công cộng chọn sống tại những nơi thuận tiện cho phù hợp với hình thức di chuyển của họ. Vậy, người ta lựa chọn chỗ để ở trước nhất, rồi mới đến lựa chọn hình thức di chuyển và những nhân tố khác (thuyết môi trường quyết định)? Hay hình thức di chuyển của con người quyết định việc lựa chọn môi trường cư ngụ của họ (tự quyết định)? Môi trường và thái độ, cái nào điều khiển hành vi con người? Ít nhất 38 cuộc nghiên cứu sử dụng 9 phương pháp tiếp cận nghiên cứu khác nhau đã cố gắng kiểm định và kiểm soát việc tự quyết định nơi cư trú (Cao et al. 2009). Gần như tất cả các cuộc nghiên cứu này đều tìm ra những bằng chứng "đánh thép" về mối liên hệ cực kỳ lớn giữa môi trường nhân tạo với hành vi di chuyển, không chịu tác động của quá trình tự quyết định.

Lệ thuộc vào dân số và thay đổi khí hậu

Gordon và Richardson (1997) đã chỉ ra rằng "thừa mứa năng lượng toàn cầu", điểm yếu của tổ chức liên minh độc quyền OPEC, và giá thực của xăng dầu ở mức thấp, chính là cơ sở cho thấy tác động năng lượng của phát triển dân trải nhảy cóc không phải là điều đáng lo. Họ cho rằng sự tiến bộ của công nghệ kiểm soát phát thải sẽ giải quyết các vấn đề về chất lượng không khí. Phản bác lại lập luận trên, Weing (1997, 1994) phát biểu:

Trường hợp tốt đẹp nhất [Gordon và Richardson] có thể hình dung ra là giá xăng dầu ổn định, nhưng đây lại là trường hợp xấu nhất mà chúng ta lo ngại... Cuộc chiến tranh quy mô lớn nổ ra gần đây nhất tại Vịnh Ba Tư chính là một minh chứng cho thấy sẽ có nhiều rủi ro nếu ta lệ thuộc hàng hóa [dầu] cần thiết đối với các hoạt động kinh tế và sự ổn định chính trị của khu vực này. Khi không được kiểm soát, khí thải CO₂ chứa đựng nhiều hiểm họa đối với thịnh vượng quốc gia hơn so với khí thải có kiểm soát. Hiện cộng đồng khoa học đang ngày một thống nhất với quan điểm gia tăng CO₂ trong bầu khí

quyển gây ra biến đổi khí hậu và những tác động lâu dài vô cùng nghiêm trọng.

Tài liệu về mối quan hệ giữa việc tiêu thụ năng lượng và các hình thái đô thị đã được xây dựng khá hoàn thiện vào năm 1997 và tiếp tục được mở rộng (Alberti 1999; Andrews 2008; Bento et al. 2003; Burchell et al. 1998; Cooper et al. 2001; Ewing và Rong 2008; Kenworthy và Laube 1999; Saunders et al. 2008; US Environmental Protection Agency 2003). Kết quả của những cuộc nghiên cứu gần đây đã củng cố sâu rộng hơn rằng những hình mẫu phát triển nên sẽ giúp tiết kiệm đáng kể năng lượng so với phát triển dân trải nhảy cóc có mật độ dân cư thấp. Khi ngày sản xuất xăng dầu đạt đỉnh đang dần đến, việc thực hiện phát triển nên đang dần trở nên quan trọng hơn với chính sách năng lượng quốc gia.

Biến đổi khí hậu, hiện tượng có liên hệ mật thiết với việc tiêu thụ nguồn nhiên liệu hóa thạch, đã trở thành một vấn đề môi trường hàng đầu mà trái đất phải đối mặt kể từ năm 1997. Sự tăng lên của khí nhà kính từ mức độ tiền công nghiệp, khoảng 280 phần triệu (ppm) lượng CO₂ tương đương (CO₂e), lên tới 430ppm CO₂e (Stern 2007). Thay vì chậm lại, tốc độ gia tăng CO₂ trong bầu khí quyển ngày một nhanh hơn do nền kinh tế thế giới mở rộng, lượng carbon của hoạt động kinh tế toàn cầu tăng lên, và việc lắng CO₂ xuống đất và biển kém hiệu quả (Canadell et al. 2007). Hệ quả là biến đổi khí hậu. "Hệ thống khí hậu nóng dần đã biểu hiện quá rõ ràng, khi mà ngày càng có nhiều bằng chứng quan sát thấy nhiệt độ không khí trung bình toàn cầu và nhiệt độ của nước biển tăng lên; băng tuyết tan chảy trên diện rộng, và mực nước biển ngày một cao hơn (IPCC 2007:5).

Tập thể thao, béo phì và sức khỏe cộng đồng

Hai bài báo tranh luận không hề đề cập đến tác động của phát triển dân trải nhảy cóc đối với hoạt động tay chân, béo phì hay sức khỏe cộng đồng nói chung. Khi ấy là năm 1997, chỉ một



Hình 3: Sự cộng tác giữa Chính quyền - Tư nhân tại thành phố Baldwin Park, California.
Nguồn: Baldwin Park Development Corporation

năm sau khi bản báo cáo của Surgeon General về *Hoạt động thể thao và Sức Khỏe* ra đời và vài năm sau khi Tổ chức Robert Wood Johnson phát động phong trào sống năng động để chống lại căn bệnh béo phì tại Mỹ cùng những loại bệnh có liên quan. Trong lịch sử, các nhà quy hoạch đô thị đã từng chú trọng nhiều đến việc đi lại, trong khi các nhà nghiên cứu hoạt động thể chất tập trung vào các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi. Mãi đến năm 2000, hai lĩnh vực này mới bắt đầu cộng tác cùng nhau. Năm 2003, lần đầu tiên phát triển dân trải nhảy cóc được người ta liên kết với hoạt động thể thao, bệnh béo phì và các căn bệnh kinh niên (Ewing et al. 2003). Sau khi kiểm soát độ tuổi, mức độ giáo dục, những biến số xã hội-nhân khẩu học và hành vi, người trưởng thành sinh sống tại các địa phương phát triển dân trải đi bộ ít hơn, cân nặng hơn, và có nguy cơ dễ bị béo phì, mắc bệnh huyết áp cao nhiều hơn những người sống tại các địa phương phát triển nên. 17 trong số 20 nghiên cứu tiếp theo đã tạo lập mối liên hệ rất lớn giữa một vài khía cạnh của môi trường nhân tạo với bệnh béo phì (Papay et al. 2007) và xác

nhận rằng có tồn tại mối tương quan giữa phát triển dân trải nhảy cóc và bệnh béo phì (Committee on Physical Activity, Health, Transportation, and Land Use 2005; Frank et al. 2004; Kelly-Schwartz et al. 2004; Lopez 2004 Sturm and Cohen 2004; Cho et al. 2006; Doyle et al. 2006; Ewing et al. 2006; Rundle et al. 2007; Joshi et al. 2008).

Những câu hỏi khác

Những cuộc nghiên cứu gần đây cho thấy phát triển nên đã chiếm ưu thế so với phát triển dân trải nhảy cóc ở những điểm sau:

- Tăng trưởng thu nhập (Nelson và Foster 1999; Nelson và Peterman 2000);
- Khả năng phát triển kinh tế ở trung tâm thành phố (Beksis et al., 2004a, Dawkins và Nelson 2003);
- Bảo vệ đất nông nghiệp (Nelson và Sanchez 2005);
- Hòa nhập chủng tộc (Nelson et al. 2004b; Nelson et al. 2005); và
- Chất lượng khu dân cư (Nelson et al. 2007)

Biện pháp giải quyết các vấn đề của phát triển dân trải nhảy cóc

Gordon và Richardson (1997) chỉ tán đồng chính sách duy nhất là áp dụng thu phí ùn tắc và phí phát thải cho chi phí ngoại tác khi sử dụng xe ô tô, đặc biệt dành cho chậm trễ và ô nhiễm không khí mà người khác phải chịu. Nhưng trong khi phí ùn tắc và phí phát thải được các nhà kinh tế học tung hô hàng nhiều thế kỷ, các nhà chính trị vẫn ngần ngại trong việc thực hiện đo đạc di chuyển của cử tri họ. Có thể kể ra một ví dụ gần đây, đó là sự thất bại của chính quyền thành phố New York trong việc áp dụng, sử dụng chương trình thu phí ùn tắc trên diện rộng. Chương trình này thu 8 đô la Mỹ mỗi chiếc xe ô tô đi vào một khu vực cụ thể phía nam của Manhattan. Bất chấp quyền hành của Thị trưởng Michael Bloomberg cũng như công sức nhiều năm chuẩn bị, Kế hoạch Thu phí ùn tắc của thành phố New York đã bị bóp chết dưới bàn tay của Hạ Viện tiểu bang New York. Thu phí ùn tắc trên toàn khu vực là một sáng kiến hay nhưng thời của nó rõ ràng vẫn chưa tới.

Lời giải của chúng tôi với phát triển dân trải nhảy cóc là lên kế hoạch chủ động ngăn ngừa thường được thấy ở mọi nơi ngoại trừ Mỹ (nhưng đang bắt đầu xuất hiện do sự cần thiết). Kế hoạch chủ động ngăn ngừa cần được chính sách hỗ trợ bằng cách khen thưởng những loại hình xây dựng phát triển tốt và ngăn chặn cái xấu. Trong giai đoạn đầu tiên về quản lý sự phát triển bành trướng đô thị ở mức độ quốc gia, điều người ta bận tâm là cho phép phát triển đến mức độ nào. Sang giai đoạn thứ hai, trọng tâm chuyển sang phát triển ở đâu, khi nào và ai sẽ chi tiền. Giai đoạn thứ ba chúng ta sẽ tự mình quyết định loại phát triển nào thì được cho phép và khuyến khích. Ewing (1997) đã trích dẫn một ví dụ tại Mỹ là Orlando (Florida), chính quyền Orlando đã cộng tác với chủ của rất nhiều khu đất nằm ở phía Đông Nam thành phố. Thông qua một thỏa ước chi phí chung, liên doanh chuẩn bị quy hoạch tổng quát lớn và tiêu chuẩn cho khu vực rộng 12 000 mẫu Anh. Bản quy hoạch, những tiêu chuẩn xây dựng

phát triển, ưu đãi tài chính và hành chính được áp dụng để khuyến khích phát triển nên, sử dụng đất đa chức năng tại những nơi mà nếu không có các chính sách này, phát triển dần trải nhay có chắc chắn sẽ xảy ra. Khi dân số nước Mỹ lên đến 400 triệu người vào năm 2040, cách thức phát triển của đất nước có ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sự thịnh vượng của người Mỹ. Các bằng chứng ngày càng củng cố cho quan điểm khi phát triển nên được thực hiện một cách đúng đắn, nó có thể tạo ra nhiều lợi ích mà chi phí lại thấp hơn so với phát triển đô thị dần trải nhay có. Những quan ngại về năng lượng, sức khỏe, biến đổi khí hậu, cùng với thay đổi dân số đã giải quyết được tranh luận giữa phát triển nên và phát triển dần trải (nhay có). ■

Tài liệu tham khảo

Alberti, M. (1999). "Urban Patterns and Environmental Performance: What Do We Know?" *Journal of Planning Education and Research*, 19: 151–163.
Andrews, C.J. (2008). "Greenhouse Gas Emissions along the Rural-Urban Gradient." *Journal of Environmental Planning and Management*, 51(6): 847–870.
Belden, Russonello, and Stewart (2004). *National Survey on Communities*. Washington, D.C.: National Association of Realtors and Smart Growth America. www.brsipoll.com/Reports/Smart%20Growth.pdf. [accessed 18 August 2010].
Bento, A.M., Cropper, M.L., Mobarak, A.M., and Vinha, K. (2003). *The Impact of Urban Spatial Structure on Travel Demand in the United States*. Washington, DC: World Bank.
Buichell, R.W., Shad, N., Listokin, D., Phillips, H., Downs, A., Seskin, S., Davis, J.S., Moore, T., Helton, D. and Gall, M. (1998). *The Costs of Sprawl – Revisited*. Washington, DC: Transportation Research Board.
Canadell, J.G., Le Quéré, C., Raupach, M., Field, C.B., Buitenhuis, E.T., Ciais, P., Conway, T.J., Gillett, N.P., Houghton, R.A., and Marland, G. (2007). "Contributions to Accelerating Atmospheric CO₂ Growth from Economic Activity, Carbon Intensity, and Efficiency of Natural Sinks." *Proceedings of the National Academies of Science, Early Edition*. www.pnas.org/cgi/reprint/0702737104v1 [accessed 18 August 2010].
Cao, X., Mokhtarian, P.L., and Handy, S.L. (2009). "Examining the Impacts of Residential Self-Selection on Travel Behaviour: A Focus on

Empirical Findings." *Transport Reviews*, 29(3): 359–395.
Cho, S., Chen, Z., Yen, S.T., and Eastwood, D.B. (2006). "The Effects of Urban Sprawl on Body Mass Index: Where People Live Does Matter." RED EWING ET AL. 480 *The 52nd Annual ACCI Conference*, Baltimore, Maryland, March 15–18. Committee on Physical Activity, Health, Transportation, and Land Use (2005). *Does the Built Environment Influence Physical Activity? Examining the Evidence – Special Report 282*. Washington, DC: National Academies of Science.
Cooper, J., Ryley, T., and Smyth, A. (2001). "Energy Trade-offs and Market Responses in Transport and Residential Land-use Patterns: Promoting Sustainable Development Policy." *Urban Studies*, 38(9): 1573–1588.
Dawkins, C.J. and A.C. Nelson (2003). "Statewide Growth Management Policy and Central City Revitalization." *Journal of the American Planning Association*, 69(4): 381–396.
Doyle, S., Kelly-Schwartz, A., Schlossberg, M., and Stockard, J. (2006). "Active Community Environments and Health: The Relationship of Walkable and Safe Communities to Individual Health." *Journal of the American Planning Association*, 72(1): 19–31.
Ewing, R. (1997). "Is Los Angeles-Style Sprawl Desirable?" *Journal of the American Planning Association*, 63: 107–126.
Ewing, R. and Kong, F. (2008). "The Impact of Urban Form on US Residential Energy Use." *Housing Policy Debate*, 19(1): 1–30.
Ewing, R., Pendall, R., and Chen, D. (2002). *Measuring Sprawl and Its Impact*. Washington D.C.: Smart Growth America.
Frank, L.D., Andersen, M.A., and Schmid, T.L. (2004). "Obesity Relationships with Community Design, Physical Activity and Time Spent in Cars." *American Journal of Preventive Medicine*, 27(2): 87–96.
Fulton, W., Pendall, R., Nguyen, M. and Harrison, A. (2001). *Who Sprawls Most? How Growth Patterns Differ across the US*. Washington, DC: Brookings Institution.
Gordon, P. and Richardson, H. (1997). "Are Compact Cities a Desirable Planning Goal?" *Journal of the American Planning Association*, 63: 95–106.
Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC). (2007). *Climate Change 2007: The Physical Science Basis, Summary for Policymakers*. Working Group I contribution of the Intergovernmental Panel on Climate Change: Fourth Assessment Report. www.ipcc.ch/.
Kelly-Schwartz, A.C., Stockard, J., Doyle, S., and Schlossberg, M. (2004). "Is Sprawl Unhealthy: A Multilevel Analysis of the Relationship of Metropolitan Sprawl to the Health of Individuals." *Journal of Planning Education and Research*, 24: 184–196.
Kenworthy, J. and Laube, F. (1999). "A Global Review of Energy Use in Urban Transport Systems and its Implications for Urban Transport and Land-Use Policy." *Transportation Quarterly*, 53(4): 23–48.

Levine, J. (2006). *Zoned Out: Regulation, Markets, and Choices in Transportation and Metropolitan Land Use*. Washington, DC: Resources for the Future.
Lopez, R. (2004). "Urban Sprawl and Risk for Being Overweight or Obese." *American Journal of Public Health*, 94(9): 1574–1579.
Lopez, R. and Hynes, H.P. (2003). "Sprawl in The 1990s: Measurement, Distribution, and Trends." *Urban Affairs Review*, 38(3): 325–355.
Malpezzi, S. and Guo, W. (2001). *Measuring "Sprawl": Alternative Measures of Urban Form in US Metropolitan Areas*, Madison, WI: Center for Urban Land Economics Research, University of Wisconsin.
Nasser, H.E. and Overberg, P. (2001). "What You Don't Know about Sprawl: Controlling Development a Big Concern, but Analysis Has Unexpected Findings." *US Today*, February 22, 2001.
Nelson, A.C. and Foster, K. (1999). "Metropolitan Governance Structure and Economic Performance." *Journal of Urban Affairs*, 21(3): 309–324.
Nelson, A.C. and Peterman, D.R. (2000). "Does Growth Management Matter?" *Journal of Planning Education and Research*, 19(3): 277–286.
Nelson, A.C., Burby, R.J., Feser, E., Dawkins, C.J., Quercia, R., and Malizia, E. (2004b). "Urban Containment and Central City Revitalization." *Journal of the American Planning Association*, 70(4): 411–425.
Nelson, A.C., Dawkins, C.J. and Sanchez, T.W. (2005). "The Effect of Urban Containment and Mandatory Housing Elements on Racial Segregation in US Metropolitan Areas." *Journal of Urban Affairs*, 26(3): 339–350.
Nelson, A.C., Dawkins, C.J. and Sanchez, T.W. (2007). *Urban Containment and Society*. Hampshire: Ashgate.
Papas, M.A., Alberg, A.J., Ewing, R., Helzlsouer, K.J., Gary, T.L., and Klassen, A.C. (2007). "The Built Environment and Obesity: A Review of the Evidence." *Epidemiologic Reviews*, 29(1): 129–143.
Rundle, A., Roux, A.V.D., Freeman, L.M., Miller, D., Neckerman, K.M., and Weiss, C.C. (2007). "The Urban Built Environment and Obesity in New York City: A Multilevel Analysis." *American Journal of Health Promotion*, 21(4): 326–334.
Saunders, M.J., Kuhnimer, T., Chlond, B., da Silva, A.N. (2008). "Incorporating Transport Energy into Urban Planning." *Transportation Research Part A*, 42(6): 874–882.
Stern, N. (2007). *The Economics of Climate Change: The Stern Review*. Cambridge: Cambridge University Press. www.hm-treasury.gov.uk/independent_reviews/stern_review_economics_climate_change/stern_review_report.cfm. [accessed 18 August 2010].
Sturm, R. and Cohen, D. (2004). "Suburban Sprawl and Physical and Mental Health." *Public Health*, 118(7): 488–496.
US Environmental Protection Agency (2003). *Characteristics and Performance of Regional Transportation Systems*. Washington, DC.

BÌNH LUẬN

Tranh luận học thuật diễn ra trong các vấn đề khoa học là hiện tượng khá phổ biến trên thế giới. Tranh luận về phát triển nên (compact) và phát triển dần trải nhay có (sprawl) diễn ra trong giới nghiên cứu về kinh tế, quy hoạch, và hành nghề quy hoạch tại Hoa Kỳ đưa ra ba vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với những người quan tâm đến quy hoạch vùng ở Việt Nam.

Thứ nhất, cách hiểu về hai khái niệm trên trong công đồng học thuật và hành nghề quy hoạch tại Việt Nam có thể khác với nguyên bản nơi hai khái niệm nói trên được sinh ra. Phát triển nên cần phải được hiểu chính xác hơn là đơn thuần có mật độ dân số thật cao với hàng loạt tòa nhà cao tầng vươn lên. Phát triển dần trải cũng cần được hiểu chính xác hơn là đơn giản bao gồm mọi phát triển diễn ra ngoài rìa của đô thị. Mặc dù có thể khó có được một định nghĩa hoàn hảo như các tác giả bài viết nêu thì một sự tiệm cận nhất định đối với các khái niệm khoa học mà thế giới sử dụng là điều quan trọng cần thiết. Do vậy, các nhà nghiên cứu về quy hoạch hay đô thị học, và giới hành nghề quy hoạch tại Việt Nam cần đạt được sự thống nhất trong cách hiểu những khái niệm, vì đó là nguồn cội của những tranh luận và cơ sở ra đời của chính sách. Bộ Xây dựng hoặc Hiệp hội quy hoạch sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được điều nói trên thông qua các ấn phẩm kỹ thuật hoặc phổ thông. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu và ra chính sách liên quan sẽ phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam hơn là nghiên cứu và áp dụng những chỉ số kỹ thuật từ Hoa

Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay vẫn thiếu vắng những nghiên cứu khoa học vừa mang tính cơ bản và vừa mang tính ứng dụng để trả lời những câu hỏi như CBD của Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh ở đâu, quy định quy hoạch sử dụng đất nào phù hợp với chúng. Hay mức độ nén (compactness) và phân bố mật độ dân số của các đô thị tại Việt Nam trong tương quan với các nước khác như thế nào, đã đến mức đáng lo ngại hay chưa.

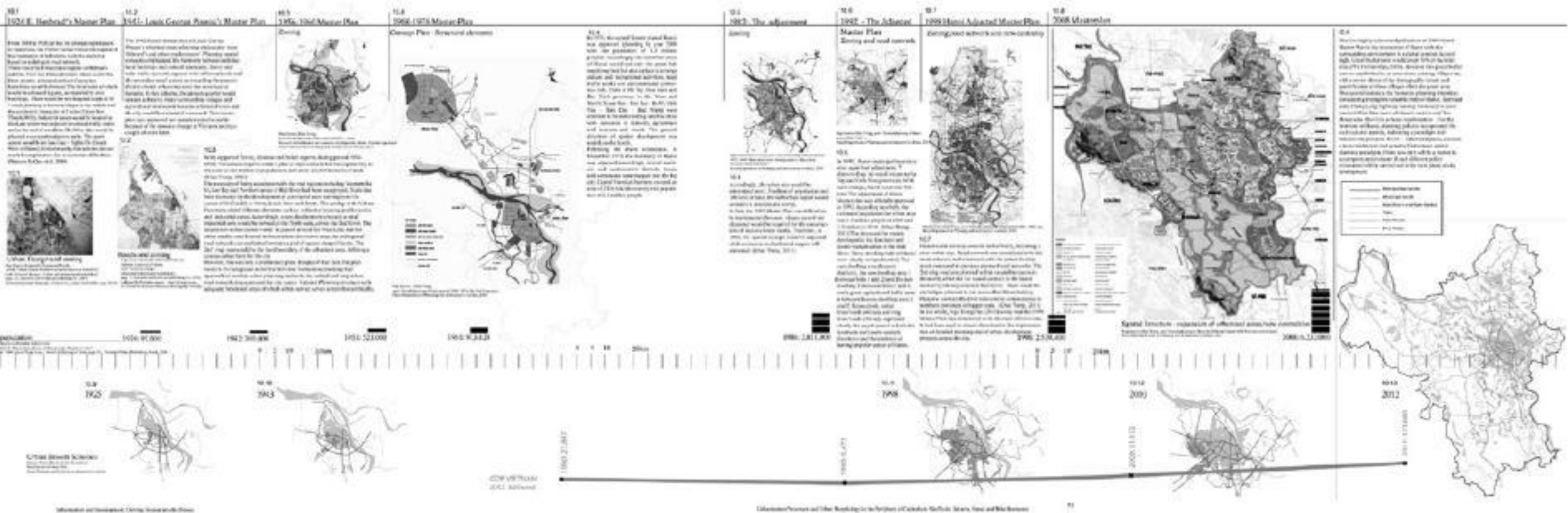
Thứ hai, trong những nỗ lực của chính phủ nhằm gia tăng hàm lượng nội địa hóa trong công nghiệp sản xuất ô tô cần phải đi kèm với định hướng công nghiệp sản xuất ô tô và quy hoạch vùng phù hợp với viễn ảnh về năng lượng. Sự ra đời của hàng loạt chính sách xóa bỏ rào cản thuế quan trong năm 2013 là tin mừng cho rất nhiều người dân, và cả những nhà sản xuất ô tô. Tuy nhiên nó là điều đáng lo lắng đối với nhiều người hiểu rõ những khó khăn mà các quốc gia có lịch sử quy hoạch theo định hướng ô tô cá nhân như Hoa Kỳ và Thái Lan gặp phải. Khi đường xá được mở rộng, hệ thống cao tốc được xây dựng thêm để nối kết các vùng, và giá ô tô hạ xuống đến mức có thêm nhiều người có khả năng sở hữu thì đó là lúc xã hội Việt Nam sẽ phải đối diện với những khó khăn về năng lượng, về kẹt xe, về ô nhiễm, và về tình trạng phát triển dần trải và mất đất nông nghiệp nghiêm trọng. Khác biệt giữa Hoa Kỳ hay Thái Lan ở hiện tại và Việt Nam trong tương lai có lẽ là vào thời điểm những khó khăn trên xuất hiện (nếu chính quyền không có biện pháp chuẩn bị phù hợp), thế giới đang phải gồng mình chịu đựng tác động của biến đổi khí hậu và

thiếu hụt dầu mỏ. Những tác động công hưởng và cộng thêm này sẽ làm chi phí giải quyết khó khăn đối với người Việt trở nên rất đắt đỏ và sự thịnh vượng của từng cá nhân và của quốc gia sẽ chắc chắn bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên viễn ảnh nói trên còn tùy thuộc vào hành động ở hiện tại. Và định hướng chiến lược trong công nghiệp ô tô phải tính đến viễn ảnh nói trên. Quy hoạch vùng và quy hoạch đô thị trong bối cảnh xã hội tiêu dùng chuyển nhu cầu sang xe ô tô cũng phải tính đến viễn ảnh nói trên.

Thứ ba, các chính sách xây dựng phát triển vẫn cần ưu tiên tập trung vào khu vực bên trong đô thị mặc dù điều đó dẫn đến chi phí xây dựng tăng cao. Bài toán giải quyết tính toán và quy hoạch hiệu quả những không gian lãng phí bên trong đô thị, những không gian mờ quan trọng, những không gian cần bảo tồn đối với công tác quy hoạch phải có sự tham gia của chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Những nhà xã hội học, nhà kinh tế, nhà quy hoạch, chuyên gia khảo cổ, sử gia đều có những đóng góp nhất định trong bản quy hoạch. Và khi thực hiện quy hoạch thì nếu yếu tố chi phí xây dựng đầu tư tăng cao do những vấn đề kỹ thuật bên trong đô thị thì chính quyền phải có cơ chế khuyến khích phù hợp dành cho những nhà xây dựng đầu tư bất động sản. Cả hai khả năng hoặc phó mặc cho Bàn tay vô hình của thị trường quyết định hoặc chính quyền tự đầu tư đều dẫn đến những rủi ro về tài chính hoặc về hiệu quả xã hội.

TS. NGUYỄN LƯU BẢO ĐOÀN

Hanoi Over Time



Bảng tổng hợp quá trình phát triển của Hà Nội - Trích kết quả nghiên cứu

Đô thị hóa những câu chuyện biết và chưa biết

THS.KTS NGUYỄN THANH TÚ
Bộ môn Quy hoạch - Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Đại học Xây dựng

Trong khuôn khổ dự án nghiên cứu “**Đô thị hóa và Phát triển – đi sâu vào các mối quan hệ**” (*Urbanization and Development: Delving Deeper into the Nexus*) được quản lý bởi Mạng lưới phát triển toàn cầu (GDN – Global Development Network), nghiên cứu “**Quá trình đô thị hóa và Hình thái đô thị trong bối cảnh cận kề của Nền kinh tế thị trường : Sao Paulo, Jakarta, Belo Horizonte và Hà Nội**” đã được tiến hành trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014. Nghiên cứu này tiến hành đi sâu vào tìm hiểu bốn (04) thành phố đại diện cho Châu Mỹ Latin và Châu Á thông qua việc nghiên cứu quy mô lãnh thổ và dân số, các mạng lưới huyết mạch và hình thái của chúng trong so sánh cặp và so sánh chéo. Nó hướng tới sự hiểu biết tốt hơn về mối quan hệ tương hỗ giữa lịch sử phát triển và hoạt động kinh tế - xã

hội, về sự vận hành thành phố dưới tác động của nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay. Nắm bắt kết quả nghiên cứu này được hi vọng sẽ giúp các nhà quy hoạch, các nhà nghiên cứu đô thị các nước đang phát triển có cơ hội được học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, được kiểm nghiệm công tác quy hoạch của mình trên thực tế.

Đối tượng nghiên cứu:
Các đô thị đối tượng tương ứng là Sao Paulo (Brazil) và Jakarta (Indonesia), Belo Horizonte (Brazil) và Hà Nội (Việt Nam). Sao Paulo bắt đầu chuyển biến lớn sau khi dòng đầu tư nước ngoài tràn ngập lãnh thổ trong những thập niên 60, 70 của thế kỷ trước. Quá trình đô thị hóa của thành phố này diễn ra vốn bắt nguồn từ nhu cầu giao thương và dịch vụ phục vụ ngành công nghiệp cà phê; tiếp đó không gian đô thị được

mở rộng ra nhiều lần khi xuất hiện hệ thống đường sắt và đường cơ giới nội và ngoại vùng – nhân tố chính thúc đẩy sản xuất và phân phối hàng hóa. Jakarta cũng trải qua trình công nghiệp hóa sớm nhưng sự hình thành đô thị hiện đại ban đầu không hoàn toàn xuất phát từ hoạt động buôn bán - sản xuất. Sự bùng nổ của thị trường bất động sản nhà ở và văn phòng cùng lúc diễn ra ở khu vực trung tâm và ngoại vi Jakarta vốn xuất phát từ ý tưởng xây dựng một hình ảnh thành phố Jakarta hiện đại của chế độ độc tài thời kỳ những năm 1960-1970. Belo Horizonte và Hà Nội tương đồng trong vai trò trung tâm chính trị của một tỉnh, một nước nhưng có nhiều khác biệt trong chính trị, kinh tế, xã hội. Chúng tuy chậm hơn một nhịp so với hai thành phố còn lại nhưng lại có những bước chuyển mình ngoạn mục trong khoảng thời gian ngắn.

Hà Nội, thành phố bị tàn phá sau 2 cuộc chiến tranh và cấm vận kinh tế và với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa khác biệt so, chỉ trong vòng hai thập kỉ đã trở thành một trong những thành phố thu hút đầu tư và phát triển kinh tế mạnh mẽ trong nước (Việt Nam) và trong khu vực (Châu Á). Sự kiện mở rộng ranh giới hành chính ra gấp ba lần năm 2008 và hoạt động đại kiến thiết đô thị (Quy hoạch chung Hà Nội) năm 2011 càng nhấn mạnh thêm sự vươn lên đáng chú ý này. Belo Horizonte, thủ phủ tỉnh Minas Gerais, là một thành phố vốn trước nay chưa bao giờ được so sánh với các đại đô thị ở Brazil về quy mô đô thị và kinh tế, giờ đây được thu hút được sự chú ý rất mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng kinh tế và dân số cao nhất trong cả nước (Brazil) trong vòng 5 năm trở lại đây. Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: Ở khía cạnh nào có thể có một sự liên hệ giữa bốn thành phố đối tượng, rất khác biệt về nền văn hóa nhưng tương đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa của phát triển kinh tế - xã hội? Kết quả của quá trình đô thị hóa mạnh mẽ là gì và đâu là những tương đồng giữa chúng và giữa sự phát triển đô thị của chúng? Những thành phố này có thể học hỏi ở nhau những gì?

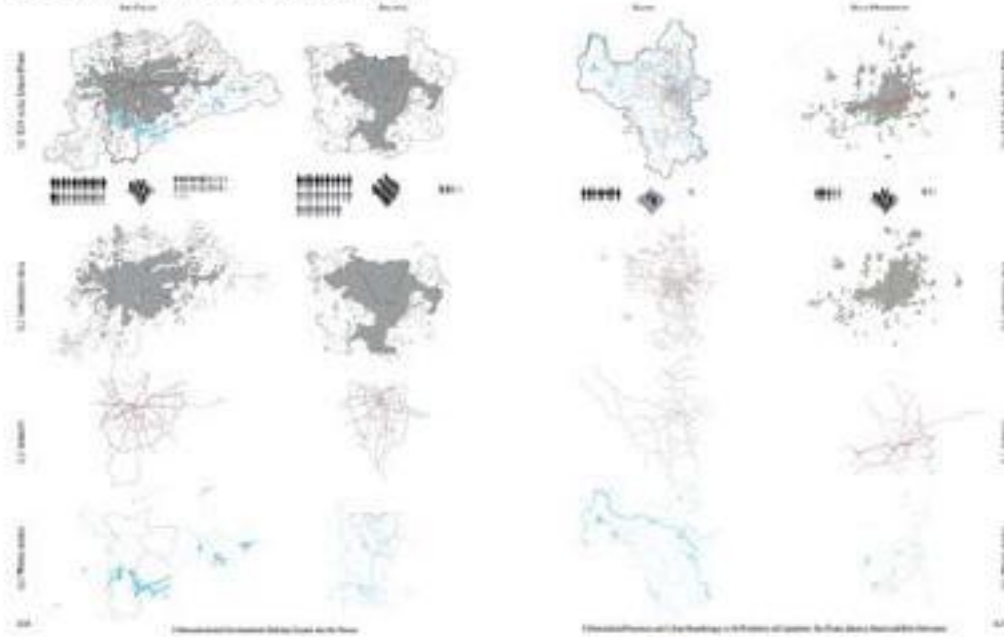
Phương pháp nghiên cứu:
Hình thái đô thị (urban morphology) là “thấu kính” cơ bản để tiến hành so sánh bốn thành phố trên với nhau. Hình thái đô thị được tìm hiểu ở các cấp độ quy mô khác nhau. Hình thái đô thị **cấp độ vùng (region/city scale)** của các thành phố được nhìn nhận rõ nét thông qua việc nghiên cứu sự đối lập của không gian nhân tạo đã phủ kín đất đai và không gian trống còn lại thuộc về tự nhiên. Trong không gian nhân tạo lại chia ra các khu vực đô thị đặc thù mà sự kết nối và mối tương quan của chúng với nhau thông qua mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật cũng được phân tích. Để có thể tìm hiểu về *Hình thái đô thị cấp độ vùng (region/city scale)*, việc nghiên cứu lịch sử hình thành đô thị với những quan tâm tới chế độ chính trị và chương trình, phương pháp quy hoạch đô thị, tới chính sách và thực tế phát triển kinh tế, tới tự nhiên và quy mô dân số trong các giai đoạn tương ứng được áp dụng.

Hình thái đô thị cấp độ khu vực (fragment scale) trong nghiên cứu quan tâm đến các khối đặc (mesh) và rỗng (empty space- bao gồm cả không gian xanh và không gian mở công cộng). Những cột mốc đô thị (landmarks) và các yếu tố cấu thành không gian đô thị khác của Kevin Lynch là những công cụ chính để phân tích không gian. Cơ sở lựa chọn nghiên cứu (case study) cấp độ khu vực ban đầu xuất phát từ quan điểm quản lý đô thị - lựa chọn trong mỗi thành phố hai khu vực mang tính chất “đối lập”. Một bên là những khu vực phát triển **Clầnđi thống (formal legal planued)** với sự đầu tư về quy hoạch không gian, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị đầy đủ, với lô đất và công trình có quy mô lớn, hình thái hình học vuông vắn. Khu ở trung lưu Jardins (Sao Paulo), khu vực Đại lộ Thamrin và khách sạn Indonesia (Jakarta), khu Belvedere (Belo Horizonte) và khu đô thị bán đảo Linh Đàm (Hà Nội) thuộc về sự chính thống này. Ngược lại?, các khu Heliopolis, Kebon Kacang, Jardim Canada và làng Văn Quán là những

khu vực phát triển **Không clầnđi thống (informal illegal noplanned)** với sự đa dạng về quy mô, hình thái công trình và không gian mở công cộng. Ở **cấp độ nhỏ nhất (sample scale)**, những mảnh đất có kích thước 400m x 400m được lựa chọn chính trong những khu vực case study ở trên để được tìm hiểu sâu hơn. Không gian trong khu vực quy mô nhỏ này được phân ra làm hai loại Đặc – công trình (Solid) và Rỗng – không gian ngoài nhà (Void). Bắt đầu từ cấp độ khu vực trở xuống, bên cạnh yếu tố kinh tế, nghiên cứu này bắt đầu tập trung tìm hiểu sâu hơn đến **yếu tố xã hội – cộng đồng, con người**. Quá trình vận động biến đổi không gian, biến đổi môi trường sống của từng cá nhân, của tập thể trong các khu vực nghiên cứu – đặc biệt ở các khu vực Không chính thống là một câu chuyện thú vị và quan trọng đã được chú ý. Trong nghiên cứu Sao Paulo được so sánh với Jakarta, Belo Horizonte được so sánh với Hà Nội. Kết quả của nghiên cứu được rút ra sau một quá trình diễn giải, phân tích các cấp thành phố. Bản thân các thành phố không cùng cấp cũng được đặt cạnh nhau ở một vài khía cạnh, hình thái đô thị chỉ là xuất phát điểm ban đầu tạo điều kiện cho những tương đồng và phát biệt ngoài hình thái được tìm thấy ở đằng sau.

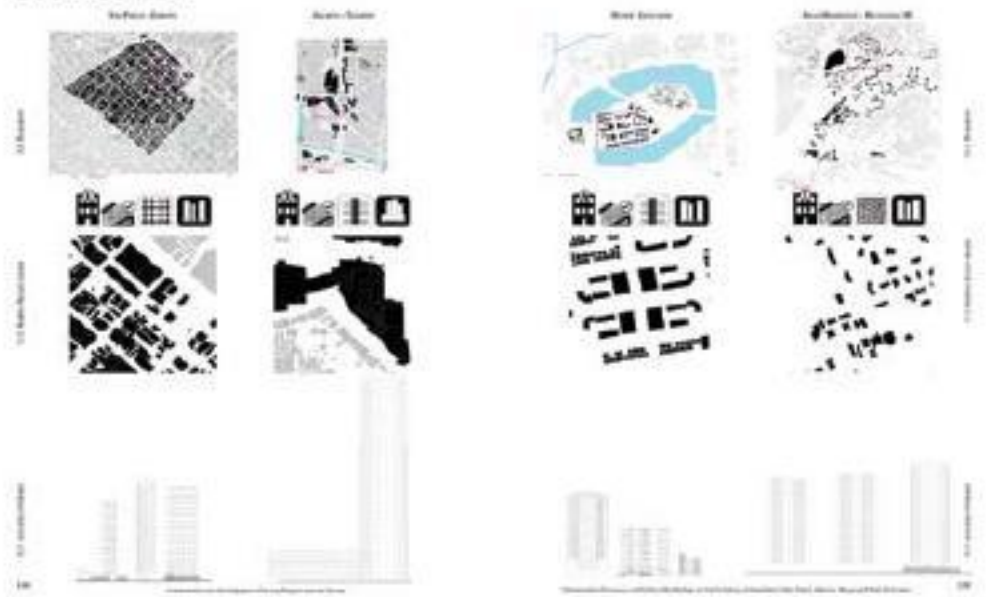
Kết quả nghiên cứu cho thấy:
Sự tương đồng ở cả bốn thành phố là những tác động mang tính quyết định của công tác quy hoạch chính thống lên không gian đô thị. Ý chí – mong muốn phát triển thành phố theo hướng hiện đại của chính quyền các thành phố này đều đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của đô thị. “Thành tựu” rõ nét nhất của các chương trình Quy hoạch chung, quy hoạch vùng là sự hiện diện của đường và phương tiện giao thông cao tốc, với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật khác ở khắp nơi tạo nên bộ khung định ra hình dáng của một đô thị hiện đại. Tuy nhiên, sự phát triển bên trong bộ khung đô thị này cũng đã bắt đầu lộ ra nhiều khuyết điểm, vượt ra ngoài sự kiểm soát của nhà quản lý ở nhiều mức độ khác nhau.

Urban Form Matrix



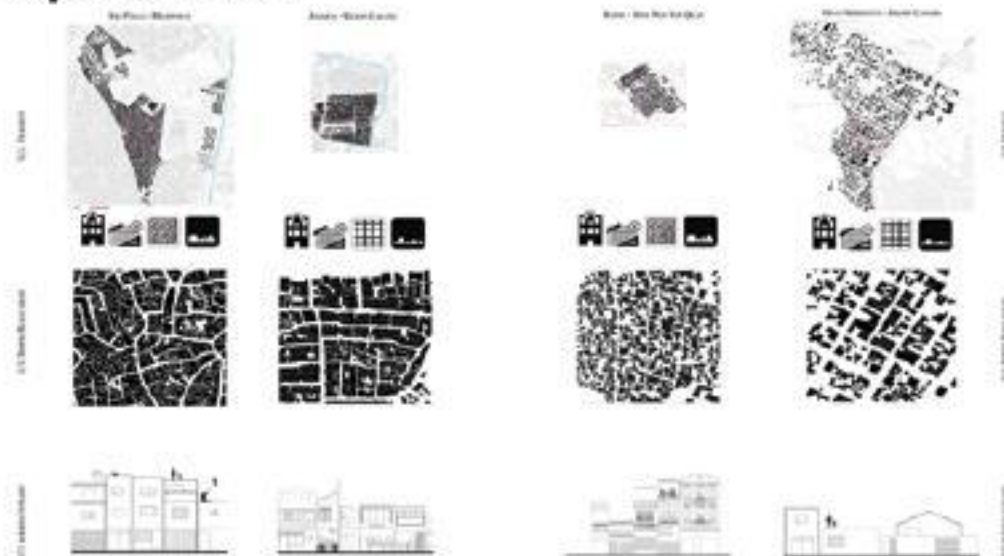
Bảng ma trận so sánh hình thái đô thị cấp độ vùng của bốn thành phố - Trích nghiên cứu.

Induced



So sánh hình thái đô thị cấp độ khu vực và nhỏ hơn tại 4 case study Chính thống thuộc 4 thành phố - Trích kết quả nghiên cứu

Spontaneous



So sánh hình thái đô thị cấp độ khu vực và nhỏ hơn tại 4 case study Không chính thống thuộc 4 thành phố - Trích kết quả nghiên cứu

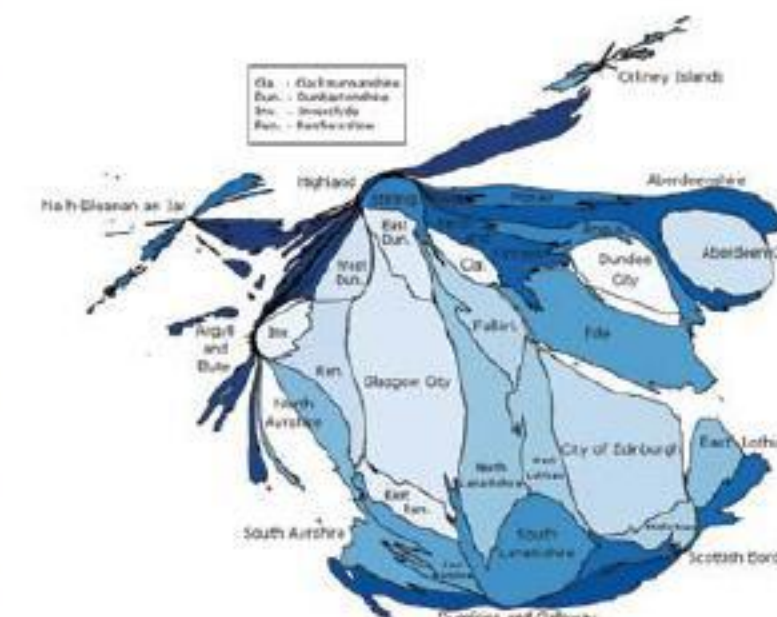
Thị trường bất động sản về nhà ở và văn phòng bồi đắp những chỗ trống và giao cắt của hệ thống hạ tầng, phát triển nở rộ quá đà lại không phản ánh được khả năng đáp ứng nhu cầu cơ bản như nhà ở, việc làm, dịch vụ xã hội ... ở nhiều khu vực. Song song bên cạnh những khu đô thị ma, ngay trong lòng thành phố hiện đại nhất lại có những khu vực nghèo khó nhất, không được chính quyền quản lý, không đầy đủ nhu cầu thiết yếu của đời sống – tạm gọi là những khu “ổ chuột”. Sự tồn tại của hàng chục khu favela, kampung ở Sao Paulo và Jakarta cho thấy hậu quả của quy hoạch bành trướng lấy đất nông nghiệp nhưng không cung cấp đủ việc làm cho lao động dư thừa, hậu quả của thu hút nhân lực nông thôn lên thành phố mà không quan tâm tới nhu cầu nhà ở xã hội, cho thấy sự bất lực của chính quyền thành phố trong một câu chuyện đã trở nên quá tầm kiểm soát. Belo Horizonte và Hà Nội tuy không có những khu vực không chính thống như vậy, nhưng những khu vực dân cư cũ trong lòng đô thị (khu tập thể), những khu vực ngoại ô, những làng xã nông nghiệp đô thị hóa cũng đang phát triển tự phát, không được quan tâm đúng mức và do đó nằm trong sự đe dọa mất kiểm soát nói trên. Một sức mạnh to lớn nữa tác động đến không gian đô thị các thành phố trên là sự vận động của nền kinh tế thị trường. Giá trị bất động sản tăng nhanh tại xung quanh khu vực trung tâm và dọc theo các tuyến đường liên tục tạo ra những dự án phát triển mới của tư nhân tại những khu vực phát triển dân cư hay nông nghiệp lâu đời. Về đẹp cổ kính hay sự phát triển đồng bộ ở Sao Paulo tại nhiều khu vực trung tâm đã không còn nữa mà thay vào đó là một khu vực đậm đặc những công trình tư nhân xây dựng với đa dạng về phong cách và dáng vẻ. Chúng có thể đẹp và hợp lý khi đứng một mình nhưng khi có quá nhiều về đẹp, hình thái khác nhau xếp cạnh nhau sẽ tạo nên một sự lộn xộn và thiếu đồng bộ. Khác biệt một chút nhưng đem lại hiệu quả thẩm mỹ tương tự đó là sự tương phản

giữa các tổ hợp trung tâm thương mại không lồ nằm và các khu vực ở nghèo khó xung quanh tại Jakarta. Bản thân trong quá trình đô thị hóa với giá trị bất động sản tăng cao, những diện tích tự nhiên như cây xanh – mặt nước, những diện tích nông nghiệp cung cấp lương thực thực phẩm cho đô thị đều bị coi nhẹ ở cả bốn thành phố. Ô nhiễm không khí, nguồn nước đã trở thành vấn nạn hàng ngày người dân Sao Paulo và Jakarta. Ngập úng cục bộ và ngập lụt vào mùa mưa đã đều xảy ra ở bốn thành phố với các cấp độ khác nhau.

Bài học rút ra là việc nền kinh tế thị trường và/hoặc ý chí quy hoạch, công tác quản lý của chính quyền đều không phải là một đường hướng duy nhất và hiệu nghiệm nhất mà chúng ta có thể dựa vào. Sâu xa hơn chính là bài học về **cách sử dụng nguồn lực** bởi thị trường và quy hoạch chính quy tại các đô thị trên đã vô tình tạo nên sự lãng phí nguồn lực xã hội. Phát triển vừa phải và vừa đủ phù hợp với nhu cầu và khả năng thực tế; Phát triển xuất phát từ khai thác và tái khám phá, khai thác nguồn lực nội tại nên là những ý thức xuất phát điểm khi tiến hành phát triển đô thị (cũng như bất cứ loại hình phát triển nào khác!). Belo Horizonte và Hà Nội có thể nói là một sự “lắp lại” với nhiều cải biến của hai thành phố còn lại. Sự phát triển phía sau cuối cùng trở thành một cơ hội để hai thành phố này tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc của các đại đô thị đi trước Hà Nội cần ý thức được nguy cơ này để có chiến lược bảo vệ vành đai nông nghiệp xanh rộng lớn cũng như hệ thống sông hồ vốn tạo nên đặc trưng cảnh quan cho thành phố. Bên cạnh đó, sự kết nối giữa con người và tự nhiên ở Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng cũng là một đặc điểm khác biệt đáng qui cần được lưu giữ. Sự kết nối này đem lại những lợi ích tuy không hữu hình nhưng hữu dụng khi quyết định đến ý thức và hành vi của con người nơi đây. Nguồn lực tự nhiên đóng vai trò quan trọng không phải bàn cãi – đây là điều kiện đủ thứ nhất. Nguồn lực con người

(cộng đồng dân cư, xã hội) - điều kiện đủ thứ hai là ẩn số mà các thành phố trong khuôn khổ nghiên cứu này đều chưa nhận biết hết được tiềm năng. Tại các khu vực không chính thống và cả chính thống ở cả bốn thành phố, dân cư là những nhân tố chính thay đổi bộ mặt không gian đô thị nơi họ sống. Mỗi quan hệ đồng hương, đồng nghiệp, mối quan hệ làng xóm, họ tộc tại các khu vực này tạo nên những cộng đồng rất chặt chẽ và có chí hướng chung. Ấn tượng nhất trong quá trình nghiên cứu đối với tác giả bài viết là một cộng đồng dân cư trong “khu ổ chuột” Heliapolis có cá tính riêng, với nguyện vọng mạnh mẽ về một môi trường sống đảm bảo và bình đẳng lên đã tự đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi, đã tự kiến thiết ra những gì còn thiếu mà chính quyền địa phương không thực hiện được. Một ngôi nhà văn hóa chung cho thanh niên, một trạm y tế nhỏ, một con đường có hệ thống đèn đường... – những cơ sở vật chất đơn giản được coi là tất yếu tại nhiều nơi lại là ước mơ, là thành quả của quá trình vận động hàng năm trời tại đây. Không quá xung đột như ở Heliapolis, tại các khu vực không chính thống khác, người dân cũng cũng có những cải tạo đáng kể lên không gian ngôi nhà và không gian cộng đồng nơi họ sống. Sự thêm bớt, thay đổi thiết kế trong khác công trình nhà ở, quá trình sử dụng không gian trống với những hoạt động bán hàng rong, giao lưu xã hội, thể dục thể thao tạo nên sức sống, sức hấp dẫn hơn nhiều so với các khu vực chính thống trong nghiên cứu. **Bài học thứ hai** là bài học về thái độ đối với sự khác biệt và đa dạng. Có một điểm thú vị là xuất phát từ khái niệm **Chính thống** (formal/legal/planned) và **Không chính thống** (informal/illegal/unplanned) trong phát triển và quản lý đô thị là quan điểm nghiên cứu xuất phát ban đầu, quá trình nghiên cứu lại dẫn tới khái niệm Được dẫn hướng (Induced) và **Tự phát** (Spontaneous) được cho là gần gũi và nhân văn hơn với các thành phố đổi tượng trên. Nhóm tác giả nghiên cứu

hi vọng với các khái niệm mới này sẽ là bước khởi đầu của việc kéo các khu vực chênh lệch, khác biệt lại gần với nhau. Nhận nhận sự khác biệt như một đặc điểm tự nhiên, như một lợi thế cần phát huy hơn là một thách thức cần loại trừ. Việc định nghĩa lại, thay đổi lại cách nhìn nhận các khu vực này cũng dẫn đến một xuất phát điểm cho ý tưởng **lĩnh vực quy hoạch “ở giữa” (hybrid version of planning)** – đảm bảo các điều kiện chính trong sử dụng và quản lý nguồn lực của chính quyền, của thị trường nhưng vẫn đủ linh hoạt và đủ “mở” cho các hoạt động của xã hội – của cộng đồng địa phương vận động, đủ nhân văn để không tạo ra xung đột. Đô thị được hình thành nên không phải chỉ trong một giai đoạn, không nằm trong khả năng can thiệp và kiểm soát của chỉ một lực lượng, không thể chỉ dựa vào một nguồn lực. Đô thị đã và sẽ luôn nơi **hội tụ của “số nhiều”** – nhiều trong lực lượng, nguồn lực; nhiều trong lợi ích và thái độ. Nghiên cứu này như một sự khẳng định lại một lần nữa nhận định trên. Bên cạnh sự tương đồng đã được khẳng định, sự khác biệt của các đô thị các nước đang phát triển và đô thị các nước phát triển là **sự biến thiên với biên độ mạnh** của tất cả các “số nhiều” tồn tại trong đô thị các nước đang phát triển, đặt ra yêu cầu của sự linh hoạt trong tư duy và hành động quy hoạch. Chúng ta không nên nhìn nhận sự nhiều và biến thiên trên là một khó khăn cần phải vượt qua. Đó là một đặc điểm cần được ghi nhận, hiểu rõ và hơn thế cần được coi là tiềm năng, là thách thức thú vị cho ngành quy hoạch các nước đang phát triển. Liều thuốc nào là đúng đắn? Quy hoạch nên can thiệp vào quá trình phát triển đô thị trong giai đoạn nào và với mức độ “mở” đến đâu? Tại sao không phải là một **nguyên lý quy hoạch đô thị mang tính “giao thoa”** - nơi sự đa dạng gặp nhau để thăng hoa, và **“co giãn”** đảm bảo mọi biên độ biến thiên đều được dung nạp ?! Một phương thức mới hé lộ – một hành trình tìm câu trả lời mới bắt đầu. ■



Theo “Metropolitan GLASGOW”, our vision for the Glasgow city region” – tác giả đã khẳng định rằng: tức là “Tầm nhìn của chúng ta là rất rõ ràng. Chúng ta muốn Vùng thành phố Glasgow sẽ là một vùng năng động nhất, có nền kinh tế cạnh tranh và một vùng thành phố trong lòng châu Âu”. Với tầm nhìn như vậy, Hội đồng thành phố, ông Charles Gordon nhấn mạnh rằng “...để làm được điều đó, chúng ta phải nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao năng lực cho các chính quyền địa phương, huy động các khu vực tư nhân, các công ty tư nhân, các tổ chức công cộng vùng, các tổ chức tình nguyện và cả cộng đồng.

Quy hoạch vùng bền vững một kinh nghiệm từ **Glasgow** Vương quốc Anh

GS. TS. LÊ HỒNG KẾ
Viện Nghiên cứu Môi trường và Quy hoạch Phát triển Bền vững

Hiện nay, quy hoạch Vùng là một loại hình quy hoạch trong hệ thống tăng bậc quy hoạch nói chung trên thế giới, trong khu vực và nước ta. Nhìn chung, các loại hình quy hoạch này không có những khác biệt lớn: Từ định hướng hay chiến lược phát triển đô thị quốc gia đến quy hoạch Vùng lãnh thổ, từ quy hoạch chung đô thị đến quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị, từ quy hoạch phân khu đến thiết kế đô thị. Đó là một “Khuang” quy hoạch gần như mang tính nguyên tắc từ tổng thể đến chi tiết, từ phân khu chức năng đến ý tưởng các công trình cụ thể. Tuy nhiên, tùy thuộc điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, môi trường, sinh thái... nhất là những đặc điểm mang tính đặc thù khác mà

các nhà quy hoạch có thể đề xuất... và nghiên cứu một số loại hình quy hoạch rất riêng, rất đặc thù nhưng rất khả thi và đúng quy định.

Trên thế giới, có nhiều nước đã nghiên cứu với cách như vậy, trong đó Glasgow, một phần lãnh thổ của Vương quốc Anh là một ví dụ.

Một số ý tưởng chủ đạo trong việc Quy hoạch Vùng Glasgow phụ thuộc vào chất lượng của cuộc sống là của mọi cộng đồng dân cư Vùng Glasgow, cụ thể là:

- Tạo nên sự phát triển cân bằng, tránh sức ép lên trung tâm vùng.



- Đảm bảo hiệu quả việc huy động đối nội và đối ngoại trong vùng phụ thuộc vào chất lượng của mạng lưới giao thông công cộng với việc tiếp cận phương tiện.
- Cung cấp chất lượng môi trường nhà ở và công trình công cộng.
- Cung cấp không gian vui chơi giải trí nhất là đối với các khu vực có mật độ cao.
- Cung cấp các cơ sở dịch vụ Vùng và đảm bảo tính khả thi của nó.
- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như sân bay, cung cấp nước, vận tải
- Cung cấp các dịch vụ quản lý, lễ hành, vận chuyển, ...

Mong muốn của những quy định nêu trên là tạo ra một tầm nhìn phát triển Vùng, đáp ứng đầy đủ và hiệu quả nhất vào các hoạt động chủ đạo, vừa đem lại những kết quả có chiều sâu vừa có chiều rộng, vừa đem lại nhiều lợi ích tốt nhất cho cộng đồng. Và, những mục tiêu đặt ra cho Vùng Metropolitan Glasgow cũng bằng những con số rất cụ thể như: đóng góp 45% GDP, 40% công ăn việc làm, 44% sản phẩm xuất khẩu, 35% dân số toàn Scotland. Những chỉ tiêu này không hề dễ dàng nếu được xem xét từ góc độ thực trạng trong nhiều thập kỷ qua là rất thấp so với toàn nước Anh.

Theo các đánh giá trên, các chủ đề sau đây được các nhà quy hoạch Vùng Glasgow theo đuổi thực hiện một cách thành công: Trước hết là việc đặt ra các mục tiêu chủ đạo, trọng tâm nhất. Đó là, (1). *Tính cạnh tranh*, (2). *Mối liên kết* và (3). *Phát triển bền vững*. Từ đó, các nhà quy hoạch Scotland đã đề ra các ý tưởng chủ đạo để nghiên cứu Quy hoạch vùng đô thị Scotland (Metropolitan Glasgow), tập trung vào hai ý tưởng nghiên cứu chủ đạo sau đây:

Một là, “...đó là một tiềm năng sáng tạo, đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với các nhà lãnh đạo thành phố, trong việc đưa sẽ tiềm năng và xây dựng thành phố Glasgow...” theo Chương trình đô thị quy hoạch và quản lý đô thị của Liên Hiệp quốc. Hai là, “... một thành phố gây ấn tượng nhất, sâu sắc nhất... , thành phố Glasgow “

Với cách nhìn như vậy, những nhà quy hoạch Glasgow đã nghiên cứu quy hoạch theo các nội dung vừa chiến lược, vừa cụ thể với 7 vùng chức năng chủ yếu như sau:

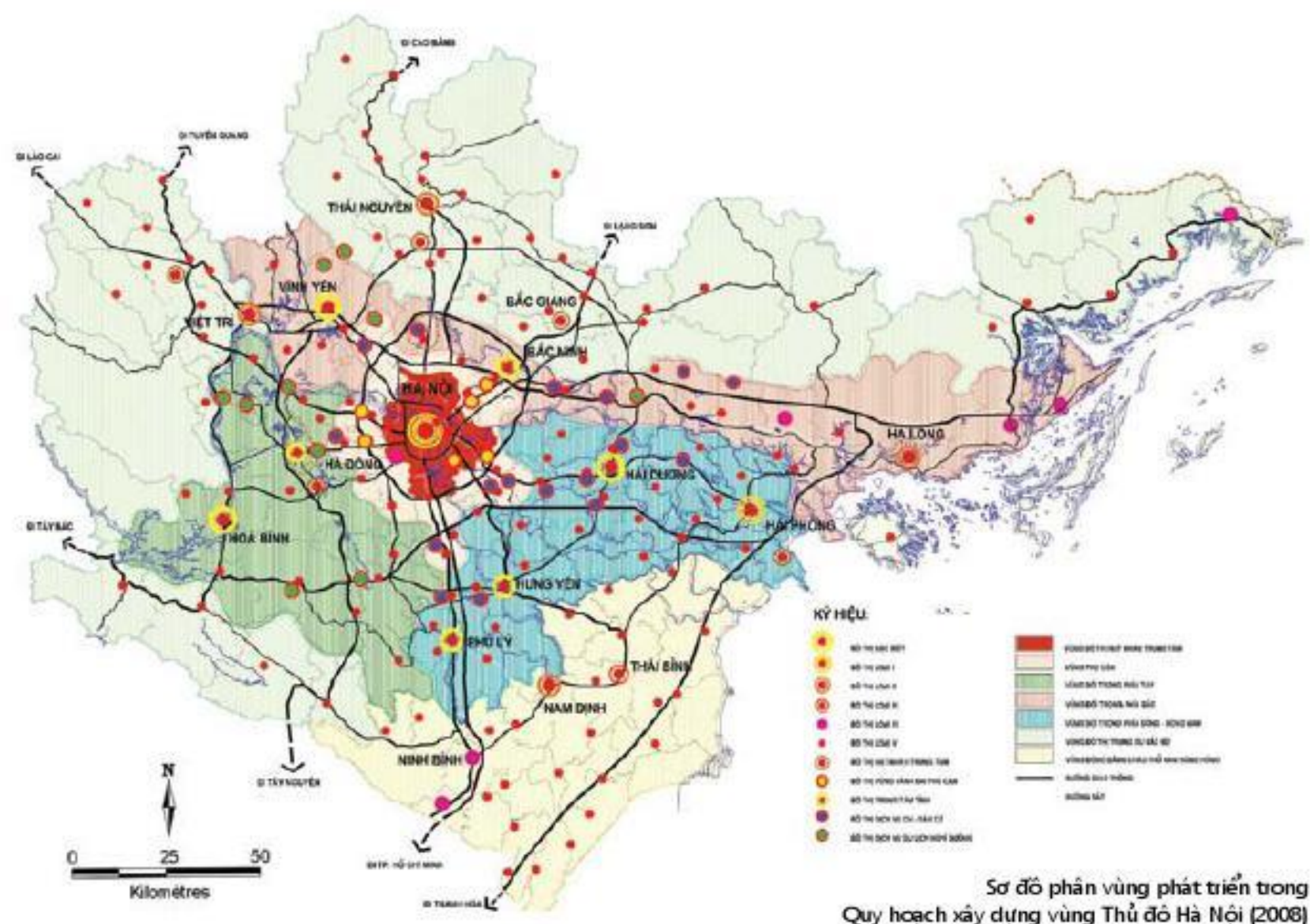
1. Vùng có chức năng “*làm việc*” (a working region)
2. Vùng có chức năng “*học tập, nguồn cứu*” (a learning region)
3. Vùng có chức năng “*sinh hoạt, sống*” (a living region)
4. Vùng có chức năng “*sáng tạo*” (a variant, creative region)
5. Vùng có chức năng “*kết nối*” (a connected region)
6. Vùng có chức năng “*tổng hòa*” (an inclusive region)
7. Vùng có chức năng “*quản lý giỏi*” (a well managed region)

Để thực hiện các vùng nêu trên, các nhà quy hoạch Glasgow đã đặt ra ba mục tiêu quan trọng hàng đầu là:
 - Một là, tính “*cạnh tranh*” (competitiveness): Với những trào lưu nghiên cứu từ những năm 80 của thế kỷ trước, hiện nay chắc chắn sẽ không được chấp nhận. Glasgow phải thực hiện theo cách linh hoạt nhất để ứng phó với những thách thức

về kinh tế xã hội. Sự đổi mới là tổ chức mạng lưới kinh tế địa phương, nhanh chóng khai thác thị trường lao động địa phương, sử dụng nhu cầu văn hóa như là một công cụ hình thành và phát triển cho Glasgow.
 - Hai là, sự “*liên kết*” (Cohesion): Tính liên kết phải được thực hiện theo mọi khía cạnh, dưới mọi góc độ khác nhau, quy mô khác nhau... nhằm tạo nên những tiềm năng lớn nhỏ khác nhau để khai thác theo mọi mối liên kết, từ quỹ phát triển vùng Châu Âu (ERDF) đến quỹ xã hội châu Âu (RSF). Tất cả những liên kết đó đều hướng đến sự phát triển bền vững về kinh tế xã hội, môi trường.
 - Ba là, “*phát triển bền vững*” (Sustainable Development): Nguyên tắc về phát triển bền vững đã được công nhận là quá trình quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng là rất quan trọng nhằm tạo ra sự xúc tiến và cạnh tranh lành mạnh trong xã hội. Việc quản lý tốt hơn môi trường vùng, chiến lược tái sử dụng các khu vực đất trống, quản lý hiệu quả tài nguyên nước, quản lý chất thải rắn, chiến lược năng lượng tái tạo và giảm dân số... sẽ tạo nên những cách nhìn tốt hơn và chất lượng cuộc sống, do đó sẽ tốt hơn.
 Để có những so sánh cụ thể, một ma trận đánh giá một Metropolitan Glasgow được đề ra như sau: “*thế mạnh-strengths*”, về “*yếu kém-weakness*”, về “*cơ hội-opportunity*” và về “*thách thức-threats*”. Theo đó, đã có 7 tiêu chí để đánh giá được đặt ra xem trong bảng ở trang bên.
 Và, Glasgow có một chính sách rất hiệu quả cần được tiếp tục là thực hiện một số chiến lược và chính sách nhằm mang lại những hiệu quả tối đa có thể.
 Trên đây là một ví dụ về cách tiếp cận nhằm triển khai công tác quy hoạch và quản lý xây dựng cho một Vùng đô thị lớn “Metropolitan Glasgow, Scotland”. Ở nước ta, vùng Thành phố Hồ Chí Minh, vùng thủ đô Hà Nội hay vùng thành phố Đà Nẵng nên tham khảo để có cách tiếp cận hiệu quả hơn, khoa học hơn và có thể đơn giản hơn. Công tác Quy hoạch thành phố Metropolitan Glasgow, có thể được xem như là một mô hình phát triển, quản lý quy hoạch khá tốt và bền vững.
 Về nội dung, Quy hoạch thành phố Metropolitan Glasgow (dù rất tóm tắt) cũng cho thấy, không chỉ là cách tiếp cận của một công trình quy hoạch vùng đơn thuần mà đa dạng phong phú hơn nhiều: vừa là một đồ án quy hoạch, vừa là một khung quản lý quy hoạch, vừa là gợi ý các dự án phát triển, vừa là bảo vệ môi trường và giữ gìn các hệ sinh thái... theo cách của các nhà quy hoạch Scotland. Mặc dù vậy, cách tiến hành lại không quá rối rắm, rườm rà nhưng đầy hiệu quả.
 Nghĩ rằng, công tác Quy hoạch Vùng ở nước ta hiện nay cần được xem xét sao cho ngắn gọn hơn nhưng tổng thể hơn, súc tích trọng tâm hơn, không dàn trải, nhất là không nên tập trung chi tiết quá nhiều về nhiều vấn đề chưa thật sát và hiệu quả trong một đồ án Quy hoạch vùng.
 Tăng bậc trong quy hoạch về mặt lý thuyết là cần thiết những quá dựa vào lý thuyết sẽ mang lại sự chậm trễ, mất thời cơ đầu tư phát triển đối với các công trình mang tầm chiến lược trong công cuộc phát triển hiện nay của đất nước. ■

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
1	“Làm việc” (A working region)	Cung cấp lao động, việc làm, các khu vực phát triển chủ yếu, kinh tế tri thức lớn nhất ở Scotland.	Thông tin mới ít, thiếu dịch vụ thương mại nhà ở, trình độ công nhân thấp	Khoa học sinh học, công nghiệp sáng tạo, hàng lang sông, sân bay, kênh đào, địa điểm lớn,...	Thay đổi công nghệ, cạnh tranh quốc tế, chính sách vùng châu Âu, cạnh tranh quốc tế, chính sách vùng châu Âu...
2	“Vùng học tập” (A learning region)	Cơ sở hạ tầng, số lượng nam nữ tốt nghiệp, tỷ lệ nghiên cứu, cộng đồng, đổi mới thị trường lao động...	Tỷ lệ bỏ học cao, tiêu chuẩn đào tạo kém, chất lượng môi trường các khu vực lân cận...	Liên kết giữa đào tạo và sản xuất công nghiệp, thị trường lao động và kinh tế, đào tạo sau đại học	Các dòng dịch cư vì lý do đào tạo; cạnh tranh về kỹ năng đào tạo trên quy mô toàn cầu
3	“Sinh hoạt, cuộc sống” (A living region)	Động lực, là trung tâm đào tạo toàn cầu, sức hút đô thị và vùng ngoại thành, chăm sóc sức khỏe, di sản quốc gia, công viên, môi trường tự nhiên....	Dân số già, là vùng ngoại vi của châu Âu, thiếu sự nhận biết vùng, là vùng hoang, hình ảnh dân cư nghèo	Phát triển trung tâm vùng, phát triển vùng ngoại thành, các khu ở, thành lập hội nhà ở Glasgow, đào tạo người định cư thành công nhân lành nghề	Thiếu nguồn tài nguyên tái tạo, cần có sự cạnh tranh từ thành phố khác, vùng khác, thiếu đầu tư cấp nước, thoát nước.
4	“Sáng tạo” (A variant, creative region).	Tạo lập đô thị tầm quốc tế, chất lượng cao về văn hóa, nghỉ ngơi, nhiều di sản, “sôi động”, thành phố du lịch, bản lẻ	Thiếu thương hiệu Vùng, thiếu đầu tư các công trình văn hóa, một thước đo về trình độ văn hóa	Là trung tâm các đô thị lớn nhỏ, có thị trường vùng rộng lớn, có nhiều nguồn đầu tư quy mô quốc gia cho các công trình văn hóa	Cạnh tranh từ các thành phố khác, thiếu đầu tư và các công trình văn hóa, lũ lụt đe dọa
5	“Kết nối Vùng” (A connected region)	Mạng lưới giao thông mở rộng và khai thác đầy đủ, phát triển sân bay, xe điện trên cao, mạng lưới IT đô thị, giao thông vận tải...	Nguồn tài chính phát triển giao thông ít; thiếu đường bay trực tiếp; dịch vụ không đồng bộ; thiếu giao thông tổng hợp	Nối kết đường hàng không và đường sắt; phát triển sân bay; giao thông công cộng đường sông, nối kết giao thông công cộng...	Thiếu nguồn đầu tư công và chưa huy động đầy đủ các nguồn đầu tư tư nhân.
6	“Tổng hòa Vùng” (An inclusive region)	Khu vực tinh nguyên mạnh, khu vực cộng đồng mạnh và khu vực kinh tế 3 cũng mạnh	Đói nghèo, cấu trúc cộng đồng yếu kém; thu nhập thấp, thiếu điều kiện chăm sóc sức khỏe	Cung cấp lao động chưa khai thác; chăm sóc sức khỏe và các vấn đề xã hội; đảm bảo sự an toàn cộng đồng.	Sự phân tầng xã hội; các lợi ích độc lập với nhau, không có mối liên kết
7	“Vùng có chức năng điều hành giỏi” (A well Governed region)	Hiệu quả điều hành, các công ty nhà nước hoạt động hiệu quả; kiểm toán địa phương, hợp tác các bên	Đầu tư thấp trong lĩnh vực phúc lợi công cộng và các chủ sở hữu	Hợp tác Vùng; có quy chế tốt nhất, có kế hoạch huy động cộng đồng, giữ vững mối liên kết bên trong và bên ngoài	Là cơ hội nâng cao nguồn thu và tăng cường quyền lực cho chính quyền địa phương,

Tài liệu tham khảo : “Metropolitan Glasgow – Our vision for the Glasgow city region.



Những đặc điểm của không gian văn hoá truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng, cơ sở để nghiên cứu quy hoạch thống nhất vùng Thủ đô Hà Nội.

Đặc thái các sinh hoạt văn hoá cộng đồng trong vùng:

Văn hoá truyền thống vùng đồng bằng Sông Hồng đậm đà bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc Việt có được như ngày nay là nhờ dựa trên một nền tảng cộng đồng vững chắc. Các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng của cư dân trong vùng luôn gắn bó chặt chẽ với truyền thống lao động và sản xuất, sinh hoạt đời sống mang tính quần cư, nương tựa vào nhau để sống theo cách ổn định, lâu bền. Từ đó hình thành một không gian văn hoá đặc trưng mang tính vùng, hài hoà, theo một phong tục tập quán tương đối giống nhau.

Không gian cấu trúc trật tự xã hội:

Làng quê vùng đồng bằng sông Hồng từ xa xưa luôn có hình thái tổ chức giống nhau và có sự thống nhất trong toàn vùng, từ hình thái trai, xóm, thôn, làng, xã tổng, phủ huyện, châu trước đây, đến mô hình xóm, thôn, xã, huyện ngày nay đều có sự thống nhất. Mô hình quản lý xã hội trong vùng cũng luôn theo khuôn mẫu thống nhất trong toàn vùng. Trong họ có trường nam, trường họ, trường tộc. Ngoài làng có lý trưởng, trưởng thôn, chánh tổng, chủ tịch xã, tri phủ, tri huyện, chủ tịch huyện...

Không gian kiến trúc sinh hoạt văn hoá cộng đồng:

Tất cả các thành phần công trình kiến trúc, cảnh quan và môi trường xung quanh làng xã trong vùng đều mang hình thái tương tự nhau. Các làng đều có cổng đình, đền, chùa, miếu, xung quanh làng là lũy tre xanh và hào, đầm, mặt nước, cây xanh tạo nên những không gian quy hoạch kiến trúc tổng thể hài hòa giữa 3 yếu tố: con người, cảnh vật kiến trúc và thiên nhiên.

Các hình mẫu kiến trúc cổng làng, đình làng, chùa chiền, nhà ở trong vùng cũng mang dáng dấp giống nhau. Và

ngày nay, các công trình nhà ở, kiến trúc công cộng, các công trình văn hoá, hành chính... cũng được quy hoạch và xây dựng theo cách thức chung của toàn vùng, mang đặc trưng khuôn mẫu quy hoạch, kiến trúc "mái đình cây đa" nổi tiếng.

Lịch sử để lại những con đê chống úng lụt bao quanh sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Đáy... những thành quách, đền đài, những đô thị lớn nhỏ trong vùng... đặc biệt là những con đê, những công trình thủy lợi vĩ đại từ ngàn xưa được xây dựng là quá trình lao động, chung lưng đấu cật của cộng đồng, mang ý nghĩa lớn lao công sức của cư dân chống thiên tai, bảo vệ và xây dựng, vun đắp cho thành quả lao động qua ngàn đời nay.

Nếp sống văn hoá của dân cư trong vùng:

Người dân vùng đồng bằng sông Hồng nhận mình là con rồng cháu tiên, là đồng bào sinh ra từ một bọc trăm trứng. Nên quan niệm sống là lành đùm lá rách, trên kính dưới nhường, tôn sư trọng đạo, cần kiệm chăm chỉ... là lẽ sống và là cốt cách của mình. Bên cạnh đó là tinh đoàn kết, chung sức chung lòng chống thiên tai và chiến thắng các cuộc xâm lấn của kẻ thù, truyền thống kiên cường chịu đựng gian khổ chống đông bão, lũ lụt, đói rét và chiến đấu quật cường chống giặc ngoại xâm là một trong những truyền thống tốt đẹp nhất của cư dân trong vùng.

Đây cũng là cái nôi của sỹ phu Bắc Hà, đất học với ngàn năm văn vật. Những địa danh từ tỉnh, huyện, xã làng có người học cao đỗ đạt bậc nhất quốc gia đều tập trung ở vùng này. Tỉnh có nhiều tiến sỹ nho học nhất là tỉnh Bắc Ninh huyện có nhiều tiến sỹ nho học nhất là huyện Nam Sách-Hải Dương, làng có nhiều tiến sỹ nho học nhất cũng là làng Mộ Trạch tỉnh Hải Dương. Ngày nay học sinh vùng Hà Nội cũng luôn dẫn đầu các khoa thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

Người Tráng An (Hà Nội), người xứ Đông, xứ Đoài, người Kinh Kỳ, phố Hiến từ xưa đến nay vẫn được ca ngợi

như những phong cách chuẩn mực của nét văn hoá Việt, chứa đựng nét tiêu biểu cả về "hình" và "chất" của con người Việt Nam.

Có thể nói không gian văn hoá truyền thống vùng đồng bằng Bắc bộ là một trong những cơ sở cốt lõi để định hướng nghiên cứu quy hoạch xây dựng vùng Hà Nội. Cơ sở lý luận về mặt văn hoá, lịch sử cho việc mở rộng thủ đô Hà Nội và xác định quy mô toàn vùng, bên cạnh các cơ sở lý luận về địa giới hành chính và các điều kiện kinh tế-xã hội khác.

Quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội đứng trước những thách thức lớn của nhiệm vụ vừa giải quyết những vấn đề mang tính cấp bách có liên quan đến yêu cầu công nghiệp hoá, phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế công nghiệp tại các tỉnh trong vùng, vừa hướng tới những yêu cầu về một Thủ đô Hà Nội có vị thế phát triển mạnh và hấp dẫn, một vùng đô thị lớn của Quốc gia và khu vực có chất lượng sống cao, phát triển bền vững. Tầm nhìn cho phát triển bền vững trong tương lai phải gắn kết được truyền thống của một vùng văn hóa, kinh tế truyền thống phát triển lên thành một vùng Thủ Đô hiện đại văn minh.

Vùng thủ đô Hà Nội là một vùng kinh tế tổng hợp lớn của cả nước và hướng tới là một vùng đô thị có vị thế kinh tế-văn hoá trong vùng Đông Nam Á và khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Vùng thủ đô Hà Nội là một trung tâm văn hoá-lịch sử, khoa học-đào tạo nhân lực và là trung tâm du lịch lớn của vùng và cả nước, với nét đặc thù trên cơ sở văn hóa truyền thống, mối quan hệ truyền thống, thống nhất giữa các địa phương trong vùng.

Vùng thủ đô Hà Nội là một khu vực phát triển năng động, có môi trường đầu tư thuận lợi, chất lượng sống đô thị và nông thôn cao, môi trường tự nhiên bền vững, đi đôi với phong cách kiến trúc, văn hóa của con người và cảnh quan khu vực đồng bằng sông Hồng, mang tính riêng biệt khác các vùng đô thị khác. ■

Khai thác kinh nghiệm của kiến trúc truyền thống trong phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu

TS. KTS. KHUẤT TÂN HƯNG
Trưởng Đại học Kiến trúc Hà Nội

KHÔNG ĐỦ CƠ SỞ ĐỂ CHO RẰNG, CÁC NGÔI NHÀ DÂN GIÀN TRUYỀN THỐNG VỚI NIÊN ĐẠI TRÊN 100 NĂM HIỆN CÒN TỒN TẠI PHỔ BIẾN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (ĐBBB) CŨNG CHÍNH LÀ MÔ HÌNH CƯ TRÚ KHỞI NGUYÊN TỪ KHI LẬP LẠNG. NHƯNG CÓ THỂ CHẮC CHẮN, TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MẶT VỚI THIÊN NHIÊN KHẮC NGHIỆT NHỮNG GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG VỚI ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU CỦA NGÔI NHÀ ĐÃ ĐƯỢC HÌNH THÀNH VÀ

TÍCH LŨY QUA NHIỀU THẾ HỆ ĐỂ NÓ CÓ ĐƯỢC HÌNH HẢI NHƯ NGÀY HÔM NAY. TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU, CÙNG VỚI NHỮNG GIẢI PHÁP HIỆN ĐẠI, VIỆC KẾ THỪA VÀ KHAI THÁC NHỮNG KINH NGHIỆM TRUYỀN THỐNG QUÝ BÁU ĐÓ CŨNG LÀ MỘT HƯỚNG ĐI NHIỀU TRIỂN VỌNG NHẪM ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC BỀN VỮNG TẠI VÙNG ĐBBB NÓI RIÊNG VÀ VIỆT NAM NÓI CHUNG.



Hình 1: Ảnh chụp vệ tinh làng Lũ



Hình 2: Cảnh quan một làng vùng Phong, Yên Ninh, Ý Yên
(Nguồn: wikimapia.org)

Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo. Biến đổi khí hậu được biểu hiện ở chiều hướng tăng của nhiệt độ, mực nước biển dâng cao, thay đổi chế độ mưa và lượng mưa, thay đổi chế độ gió, tất cả đều theo chiều hướng mạnh lên cùng với nguy cơ gia tăng các thảm họa thiên nhiên [2].

Biến đổi khí hậu là thách thức lớn cho loài người trong thế kỷ 21, đe dọa phá hủy hệ sinh thái toàn cầu, trong đó Việt Nam là một trong 5 nước sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Theo các chuyên gia nghiên cứu biến đổi khí hậu, đến năm 2100 nhiệt độ trung bình ở Việt Nam có thể tăng lên 3°C và mực nước biển có thể dâng 1m. Còn theo Báo Tài nguyên và Môi trường (2008) mực nước biển dâng sẽ nằm trong khoảng giữa 0.74m (giới hạn dưới) và 1m (giới hạn trên); Lượng mưa có xu thế biến đổi không đồng đều giữa các vùng, có thể tăng đến 10% vào mùa mưa và giảm đến 5% vào mùa khô [3]. Nhiều tỉnh thuộc ĐBBS nằm ở vùng trũng của châu thổ nên nguy cơ ngập lụt và xâm nhập mặn là rất lớn. Các tính toán cho thấy nếu mực nước biển dâng 1m, một phần khá lớn diện tích các tỉnh, thành phố Nam Định, Thái

Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên và một phần của các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình có cao độ mặt đất thấp hơn mực nước trung bình, do vậy sẽ bị ngập lụt nặng nề vỡ đê [4]. Trong thời gian gần đây, những tác động của biến đổi khí hậu đối với các địa phương vùng ĐBBS ngày càng rõ rệt, biểu hiện qua sự gia tăng của các trạng thái thời tiết cực đoan: bão mạnh, mưa lớn vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô và sự dâng cao của mực nước biển.

Đặc điểm thích ứng với điều kiện khí hậu của mô hình cư trú vùng ĐBBS

Trải qua hàng trăm năm tồn tại, mô hình cư trú truyền thống nông thôn vùng ĐBBS đã chứng tỏ được khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu của mình.

Với đặc điểm cư trú theo kiểu “thượng gia hạ điền”, làng xóm thường là nơi có địa thế cao ráo nằm giữa cánh đồng rộng lớn, bên trong và xung quanh làng có nhiều ao hồ (hình 1,2). Như vậy, ngay cả đối với làng có mật độ nhà cửa cao, khi mưa to nước mưa sẽ nhanh chóng thoát xuống ao hồ và các khu vực trũng xung quanh.

Trước đây, rất nhiều làng thuộc vùng ĐBBS, nhất là các làng nằm sâu trong châu thổ thường có lũy tre bao quanh, vừa ngăn gió bão, vừa là nguyên liệu xây dựng nhà cửa. Cùng với những

trở ngại tự nhiên, lũy tre làng còn có vai trò bảo vệ làng khỏi sự xâm nhập không mong muốn từ bên ngoài. Bên trong làng, các ngôi nhà thường chỉ có một fang và được tổ chức theo từng ngõ, xóm theo một trật tự nhất định. Bản thân các ngôi nhà cũng được tổ chức hết sức hợp lý. Theo thứ tự từ trước ra sau thường là vườn trước – sân – nhà chính – vườn sau, hay vườn trước – ao – sân – nhà chính – vườn sau. Nhà ngang nằm vuông góc với nhà chính và hướng mặt ra sân. Cái sân thoáng trở thành hạt nhân trung tâm của mỗi ngôi nhà, vừa là không gian mở đa năng, vừa liên kết các khối chức năng [3]. Cách thức tổ chức như vậy làm cho mọi ngôi nhà trong làng đều có thể chủ động đón gió và ánh nắng mặt trời mà không cản trở lẫn nhau (hình 3). Nhà chính chủ yếu quay về hướng nam hoặc đông nam (trừ một số nhà có hướng khác bởi lý do tâm linh hay bị qui định bởi điều kiện tự nhiên tại chỗ), giúp đón gió mát vào mùa hè và ngăn gió lạnh vào mùa đông. Bên trong khuôn viên, người ta trồng nhiều cây trái và vườn rau, vừa cung cấp rau quả mùa nào thức nấy vừa cung cấp vật liệu dựng nhà. Việc trồng cây có chọn lọc theo nguyên tắc “thoáng trước” vừa không cản trở gió mát thổi vào mặt trước nhà, vừa tạo tầm nhìn thoáng đãng. Ao cũng là một thành phần quan trọng trong khuôn

viên nhà, thường được hình thành do quá trình vượt đất đắp nền nhà ngăn lũ lụt. Nằm ở phía trước hoặc phía bên nhà chính, ao vừa giúp thoát nước nhanh khi trời mưa tránh ngập lụt, vừa là nơi trữ nước tưới cho mùa hạn, lại cải thiện vi khí hậu. PGS Nguyễn Đức Thiêm cho biết, không khí trên mặt ao có nhiệt độ thấp hơn các nơi khác tới 3-4°C [4]. Bên trong ngôi nhà, trừ buồng ngủ của phụ nữ và con gái, các không gian còn lại được tổ chức theo kiểu không gian mở với chức năng sử dụng hết sức linh hoạt, có tác dụng kích thích thông gió xuyên phòng, hạn chế nấm mốc (hình 4,5). Hệ thống cửa đi được bố trí trên toàn bộ mặt đứng phía trước các gian chính của ngôi nhà, được đóng mở linh hoạt khi cần thiết để điều chỉnh lượng gió thổi vào không gian bên trong vào mùa hè và cách ly với môi trường bên ngoài khi thời tiết giá lạnh. Không gian mái được mở thông với không gian bên dưới khuyến khích sự đối lưu không khí, khí nóng trong nhà bốc lên trên tụ vào phần giữa ở đỉnh mái, từ đó thoát ra ngoài qua “khuổi” (nếu là nhà 4 mái) và qua các khe nhỏ của vật liệu lợp mái.

Không gian hiên (hình 6) nằm ở trước các gian chính hay chạy suốt chiều dài nhà đóng vai trò là không gian chuyển tiếp ngăn không cho bức xạ chiếu trực

tiếp lên tường nhà làm nóng nhà khi nhiệt độ ngoài trời tăng cao vào mùa hè, đồng thời tạo ra một khoảng đệm về nhiệt độ và ánh sáng để không gây đột ngột cho người sử dụng khi đi từ ngoài vào nhà và ngược lại. Ngoài ra mái hiên còn có tác dụng chống mưa hắt vào mùa mưa, giữ cho các không gian bên trong được khô ráo. Các tấm giai bố trí trước hiên vừa hạn chế hơi nóng từ sân hắt vào nhà trong chế độ nóng từ sân hắt vào nhà trong mùa hè, vừa giúp cho sự di chuyển của gió qua các không gian bên trong trở nên “hiền hòa” hơn và hạn chế hiện tượng gió lùa (hình 6). Mái nhà thường có dạng 2 mái hoặc 4 mái, có độ dốc lớn nên thoát nước mưa tốt. Vật liệu lợp mái thường là loại xộp, có nguồn gốc tự nhiên như lá gồi, rom ra, cói, tranh (hình 5), hoặc ngói mũi. Bộ khung nhà được làm từ gỗ xoan hay tre, được ngâm bùn ao trước khi chế tác để chống mối mọt. Tường bao xung quanh nhà trước đây phổ biến là tường trình có độ dày tới 30cm [1], tường đá ong (vùng Hà Tây cũ) hay bùn trộn rom trên cốt tre. Chúng đều có khả năng cách nhiệt tốt giúp cho ngôi nhà mát hơn vào mùa hè và ấm hơn vào mùa đông. Tóm lại, những phân tích trên đây cho thấy cách thích ứng với điều kiện khí hậu (và có lẽ cả sự biến đổi của khí hậu) của làng và nhà dân gian vùng ĐBBS thể hiện ở những điểm chính sau:

- *Chọn địa thế lập làng hợp lý*: tại các khu đất cao ráo để tránh úng lụt.
- *Khai thác tốt điều kiện tự nhiên*: có nhiều cây xanh, mặt nước để cải thiện vi khí hậu, hạn chế tác động bất lợi của điều kiện khí hậu (túng lụt, hạn hán, bão).
- *Định hướng nhà hợp lý*: chủ yếu là hướng nam và hướng đông nam với cách tổ chức sân vườn và cây xanh hợp lý để đón gió mát mùa hè, tránh gió lạnh mùa đông.
- *Tổ chức các không gian mở, đa năng, hệ thống cửa đi linh hoạt*: để thông gió và đối lưu không khí; thông gió xuyên phòng trước – sau, không khí nóng bốc lên trên mái.
- *Không gian đệm trong và ngoài nhà* (mái hiên): tránh mưa hắt, bức xạ nhiệt, tạo cảm giác tiện nghi nhiệt.
- *Mái dốc, chất liệu lợp xộp*: giúp cách nhiệt và thoát nước mưa nhanh.

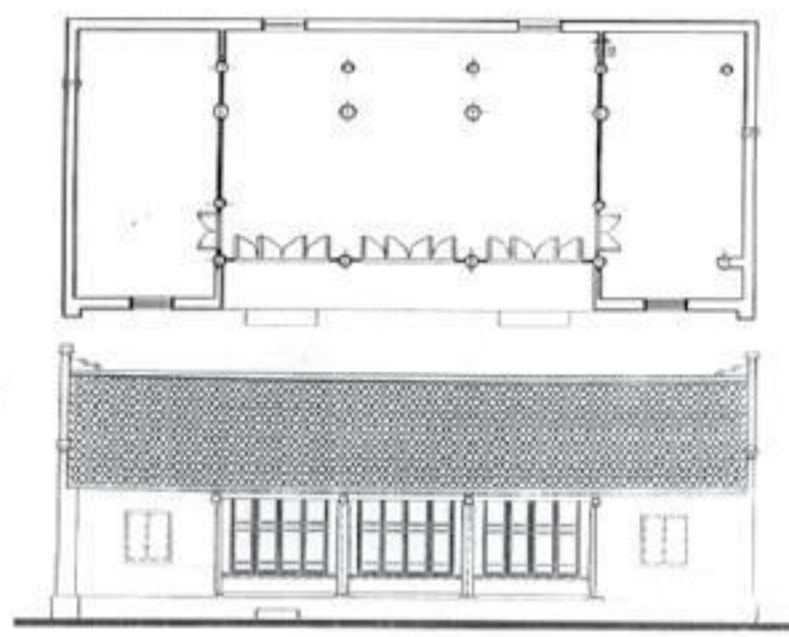
Đặc điểm bền vững của mô hình cư trú vùng ĐBBS

Quan niệm về kiến trúc bền vững là một quan niệm hiện đại. Tuy nhiên khi xem xét mô hình cư trú truyền thống vùng ĐBBS từ điểm nhìn của kiến trúc bền vững, chúng ta thấy mô hình này vẫn thỏa mãn được khá đầy đủ các nguyên tắc kiến trúc bền vững, với các biểu hiện cụ thể sau:

- *Tối ưu hóa địa điểm xây dựng*: Việc lựa chọn địa điểm xây dựng và cách



Hình 3: Mặt bằng tổng thể nhà bà Nguyễn Thị Phúc, Đại An, Vụ Bản



Hình 4: Một ngôi nhà ở Nam Định



Hình 5: Bên trong nhà ông Nguyễn Văn Kính, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội



Hình 6: Hiên với tấm giai nhà ông Lê Hữu Tuấn, Văn Canh, Hoài Đức, Hà Nội



Hình 7: Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh ở Hành Thiện, Xuân Trường, Nam Định
(Nguồn: langhanhthien.com)

tổ chức nhà cửa cũng như cảnh quan bên trong làng hết sức hợp lý giúp cải thiện hệ sinh thái địa phương, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động canh tác lúa nước. Nhiều ngôi nhà sử dụng mô hình vườn – ao – chuồng, tạo ra các đơn vị “cân bằng sinh thái” độc lập và hoàn chỉnh ^[4].

- *Giảm tải đa tiêu thụ năng lượng:* Giải pháp tổ chức và định hướng ngôi nhà hợp lý khiến nó cần rất ít năng lượng để sưởi ấm và làm mát, từ đó giảm phát thải khí nhà kính vào bầu khí quyển – loại khí là nguyên nhân gây ra sự biến đổi khí hậu hay ấm lên toàn cầu. Hệ thống cây xanh, mặt nước trong làng và nhà giúp điều hòa vi khí hậu, giảm bức xạ mặt trời vào mùa hè và chắn gió lạnh vào mùa đông, góp phần hạn chế sử dụng năng lượng. Mô hình vườn – ao – chuồng vừa giúp tận dụng phế thải nông nghiệp, vừa tạo ra nguồn thực phẩm tại chỗ, giúp giảm tiêu thụ năng lượng vận chuyển.

- *Bảo vệ và bảo tồn nguồn nước sạch:* Trước đây, nguồn nước tự nhiên ở nông thôn vùng ĐBBB được khai thác một cách khá hiệu quả và bền vững. Hầu như làng nào cũng có một giếng nước lớn ở đầu làng cung cấp nước ăn cho cả làng. Nước mưa cũng là nguồn

nước uống quan trọng và được lưu trữ tại các bể chứa lớn để sử dụng quanh năm. Ngoài ra, nước mưa còn được lưu trữ trong hệ thống ao hồ của làng xã để bổ sung một phần quan trọng cho nhu cầu nước sinh hoạt và tưới tiêu, nhất là khi hạn hán xảy ra.

- *Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường:* Có thể thấy hầu hết vật liệu sử dụng trong ngôi nhà truyền thống vùng ĐBBB đều là những vật liệu thân thiện với môi trường như tre, nứa, gỗ, rom, lá, gỗ, cỏ tranh, cỏ, đất, bùn... Đây là những vật liệu có năng lượng hàm chứa rất thấp, chủ yếu được khai thác tại chỗ nên không tiêu tốn năng lượng vận chuyển, hoàn toàn không phát tán chất độc hại, lại không tạo ra rác thải xây dựng khi hết hạn sử dụng. Những vật liệu này còn có thể được coi là vật liệu “tái tạo”, do thường xuyên được trồng mới.

- *Chất lượng môi trường bên trong nhà:* Với cách tổ chức không gian mở và không gian chuyển tiếp, khuyến khích thông gió xuyên phòng và đối lưu không khí, chất lượng môi trường trong nhà truyền thống vùng ĐBBB tương đối tốt, không khí luôn tươi mới, ít bị nấm mốc. Vật liệu xây dựng dễ mục, chỉ xử lý chống mối mọt theo

kiểu truyền thống (ngâm trong bùn ao) nên không phát tán các chất gây ô nhiễm. Việc bố trí sân, vườn, ao ở trước nhà giúp cải thiện tầm nhìn, tạo cảm giác tiện nghi cho người sử dụng. Tuy nhiên, vì các lý do khác nhau, nhiều ngôi nhà trong vùng có hướng nhìn không tốt (quay về hướng xấu), cửa sổ phía sau nhỏ, thậm chí hoàn toàn không có cửa sổ (nhất là các gian đầu hồi) làm hạn chế khả năng thông gió và chiếu sáng cho ngôi nhà.

- *Giảm tải đa tác động:* Với việc sử dụng vật liệu tự nhiên chủ yếu được khai thác tại chỗ, nhà truyền thống vùng ĐBBB hầu như không phát sinh rác thải trong quá trình xây dựng. Nó cũng có thể được tái sử dụng gần như tuyệt đối theo cách tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà rồi đem lắp dựng tại một địa điểm khác. Ngôi nhà cũng không cần có nền móng kiên cố, chỉ được đặt một cách “nhẹ nhàng” lên trên nền đất đắp, do vậy khi hết niên hạn sử dụng nó có thể hoàn toàn biến mất không để lại dấu vết và không phát sinh rác thải ra môi trường.

- *Tối ưu hóa vận hành và bảo dưỡng công trình:* Việc vận hành và bảo dưỡng ngôi nhà truyền thống không quá phức tạp, chủ yếu là bảo dưỡng và làm sạch hệ kết cấu gỗ, chống mối mọt. Còn vật liệu lợp mái, vật liệu bao che và các cấu kiện gỗ có thể dễ dàng thay thế khi hỏng hóc hoặc mục nát. Tuy nhiên, các vật liệu có nguồn gốc tự nhiên thường có tuổi đời không cao nên việc bảo dưỡng ngôi nhà phải diễn ra khá thường xuyên.

Khai thác kinh nghiệm của kiến trúc truyền thống trong phát triển kiến trúc bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu không chỉ là câu chuyện của thời hiện đại mà là một quá trình diễn ra liên tục (nhưng với tốc độ khác nhau tại các thời điểm khác nhau), do vậy những đặc điểm “thích ứng với khí hậu” và đặc điểm “bền vững” của nhà ở dân gian vùng ĐBBB như phân tích trên đây chắc chắn đã bao hàm cả những yếu tố thích ứng với sự biến

đổi khí hậu. Sự tồn tại bền bỉ kéo dài hàng trăm năm của thể loại nhà này tại khắp các địa phương vùng ĐBBB khiến chúng xứng đáng để chúng ta tìm hiểu và khai thác các kinh nghiệm truyền thống nhằm phát triển kiến trúc bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong khuôn khổ một chuyên đề, xin được đề xuất một số giải pháp như sau:

- Vị trí dựng nhà: cần cao ráo và có khả năng thoát nước bề mặt nhanh để tránh lũ lụt. Có thể đắp nền cao trước khi dựng nhà.
- Sử dụng cây xanh, mặt nước để làm mát và cải thiện vi khí hậu. Cây xanh bố trí theo nguyên tắc không cản trở gió xuyên phòng, không cản trở ánh sáng, nhất là vào mùa đông. Có thể tạo ra lớp “tường thoáng” bằng cây xanh theo kiểu tam giác truyền thống tại các vị trí thích hợp. Mặt nước bố trí đầu hướng gió để giảm nhiệt độ và kích thích đối lưu không khí.

- Nếu có thể nhà nên quay về hướng nam hoặc đông nam để đón gió nồm và hạn chế tác hại của gió mùa đông bắc. Sử dụng hiên, mái che, lam chắn nắng... để tránh mưa hắt, tạo bóng râm – giảm bức xạ mặt trời.
- Sử dụng các không gian đệm để hạn chế sự thay đổi nhiệt độ đột ngột trong – ngoài.
- Tổ chức không gian linh hoạt, thoáng đãng, ít ngăn chia để không cản trở thông gió xuyên phòng.
- Sử dụng mái dốc để thoát nước nhanh và hạn chế thấm dột, đồng thời thu gom nước mưa vào các bể chứa để tưới cây, làm mát và dùng trong phòng vệ sinh.
- Khuyến khích thông gió tự nhiên (theo cả phương ngang và phương đứng).
- Sản xuất/trồng và sử dụng vật liệu địa phương có năng lượng hàm chứa thấp, thân thiện với môi trường như: gạch không nung, composit cốt tre, rom, trấu (làm vách ngăn), tre nứa...
- Giảm dấu vết carbon bằng cách khuyến khích sản xuất và sử dụng biogas ở những nơi có thể, đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời, làm mát thụ động...

Kết luận:

Cùng với những giải pháp hiện đại, việc khai thác các kinh nghiệm của kiến trúc truyền thống trong phát triển kiến trúc bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu là điều rất nên làm, nhất là khi thế giới đang đối mặt với sự nóng lên toàn cầu và cạn kiệt nguồn năng lượng hóa thạch. Những kinh nghiệm đó trước tiên có thể được vận dụng trong việc xây dựng nhà ở nông thôn mới tại vùng ĐBBB, nơi hiện nay kiến trúc đang phát triển một cách hết sức tự phát do thiếu bàn tay của kiến trúc sư. Tiếp theo chúng có thể được khai thác tại khu vực đô thị để tạo ra các công trình kiến trúc bền vững mang đặc trưng bản địa. ■

Tài liệu tham khảo

1. Gourou, P. 2002. *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (Bản dịch). Nhà Xuất Bản Trẻ, Thành Phố Hồ Chí Minh
2. Vũ Thị Hiền, Lương Thị Trường, 2010. *Biến đổi khí hậu và REDD. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao*.
3. Khuất Tân Hưng, 2007. *Mối quan hệ giữa văn hóa và kiến trúc trong nhà dân gian vùng đồng bằng Bắc bộ*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
4. Nguyễn Đức Thiêm, 2000. *Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam*. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Trân, 2009. *Ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng*.
6. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, 2011. *Tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xác định các giải pháp thích ứng*. Nhà Xuất bản Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam
7. Viện Nghiên cứu Kiến trúc, 1999. *Hồ sơ điều tra đợt 2 nhà ở dân gian tỉnh Nam Định*



Bài học từ trận bão Mirinae cho tương lai đô thị hóa vùng châu thổ sông Hà Thanh

TS. MICHAEL DIGREGORIO

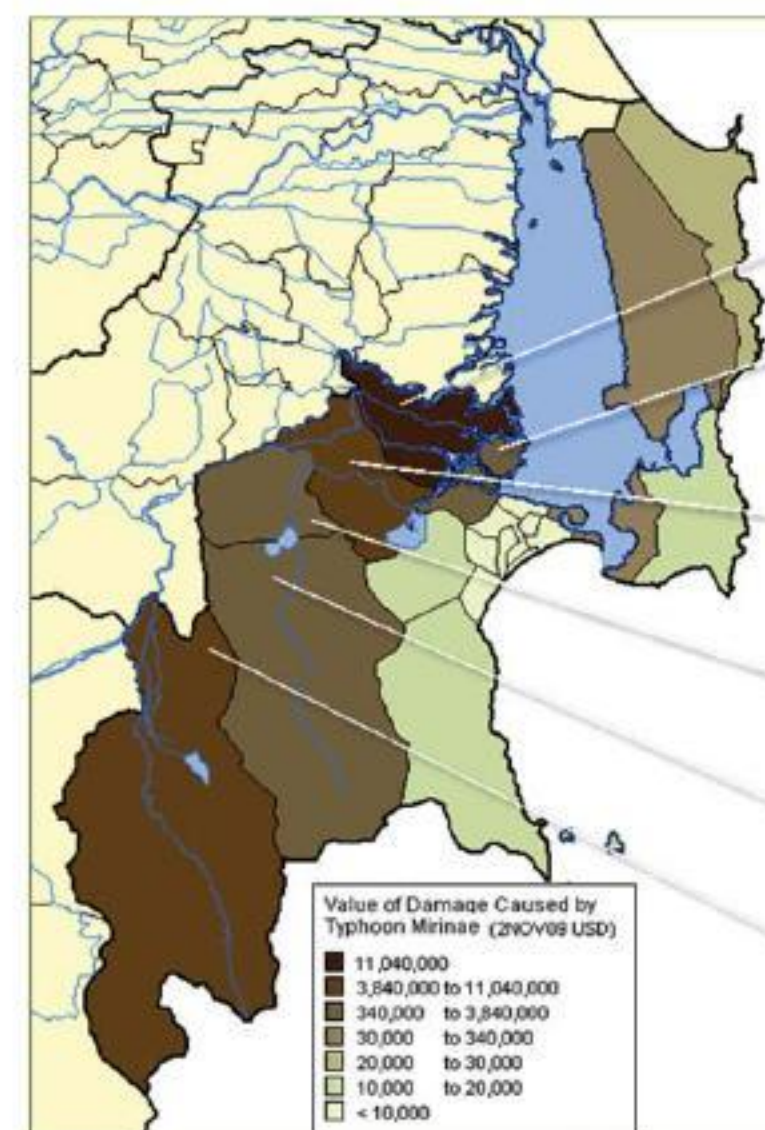
Cố vấn cao cấp của Viện nghiên cứu Quá độ Xã hội - Môi trường
và Văn phòng điều phối BĐKH Bình Định

Vào ngày 02/11/2009, cơn bão Mirinae đổ vào vùng ven biển miền Trung làm chết 122 người và thiệt hại 280 triệu USD về tài sản. Trong khi hàng năm cứ vào mùa thu bão đổ bộ vào Việt Nam, thì mức độ nghiêm trọng của cơn bão này đã làm mất cảnh giác đối với các nhà khi tượng và nhà chuyên môn cứu trợ thiên tai địa phương. Những cơn bão như Mirinae ít thường xuyên, nhưng không phải là bất thường. Theo các nhà khoa học khí hậu, nhiều cơn bão hơn như vậy sẽ diễn ra trong tương lai. Cả nhân dân và Nhà nước đều nhận thức rủi ro do thiên tai theo mùa này nên đã có kế hoạch ứng phó trước khi mỗi mùa mưa bão đến. Mức độ, phạm vi thiệt hại tài sản và tính mạng do bão Mirinae gây ra có thể là một điều kinh ngạc. Phải chăng biến đổi khí hậu (BĐKH) đã bắt đầu gây khả năng ứng phó và đáp ứng hay không, hay là có các nhân

tố khác trong phạm vi vùng sinh cảnh đã thay đổi đến mức phương pháp ứng phó trước đây không còn phù hợp nữa? Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên thực tế lượng mưa lớn ở thượng nguồn là nguyên nhân chính gây lũ lụt. Qua phỏng vấn và chạy các mô hình thủy lợi, chúng tôi cũng nhận thấy rằng những phát triển đô thị và hạ tầng mới ở hạ lưu và việc thiếu cảnh báo trước về nguy cơ lũ lụt làm cho tổn thất nặng nề hơn. Dùng những kết quả này để đánh giá các quy hoạch phát triển đô thị vùng lưu vực sông Hà Thanh, chúng tôi kết luận rằng những chính những quy hoạch đô đã góp phần làm tăng lũ lụt bây giờ và sau này trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng. Vì vậy, chúng tôi đề xuất sử dụng những hiện tượng lũ lụt cực đoan, thay vì sử dụng bằng tần suất lũ lụt thông thường, làm chuẩn cho quy hoạch đô thị với những vùng ngập lụt.

Nguyên nhân gây nên tính nghiêm trọng của lũ

Theo Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn, bão Mirinae làm chết 7 người, gây thiệt hại ước tính 21 triệu USD (374,5 tỷ đồng).¹ Chỉ cần dựa trên đánh giá thiệt hại này, bão Mirinae rất có thể là cơn bão cực trị cao nhất đã đổ vào thành phố mà hiện nay vẫn còn trong ký ức sinh động của người dân. Đây là chủ đề cho những nhà sử học. Đối với các nhà quy hoạch, sự phân bố thiệt hại, chứ không chỉ tổng thiệt hại, gọi cho chúng ta cách hiểu nguyên nhân của những thiệt hại nặng nề. Dựa trên đánh giá của thành phố, chúng ta có thể thấy thiệt hại trong nông nghiệp và thủy sản tương đối thấp vì nông dân và ngư dân đã thu hoạch mùa vụ trước mùa mưa bão diễn ra hàng năm. Tuy nhiên, thiệt hại thóc trong kho và gia súc tương đối cao. Điều này chỉ ra



Hình 1: Các xã/phường bị thiệt hại do bão Mirinae

Phường hoặc xã	Đánh giá thiệt hại
Nhon Binh	Thiệt hại trị giá 11.037.288USD, trong đó thiệt hại gần 10 triệu USD thuộc Khu Công nghiệp Nhơn Binh. Phường Nhơn Binh cũng bị thiệt hại trị giá 608.029 USD về nông nghiệp và thủy sản, chủ yếu là tính theo giá trị thiệt hại thóc trong kho (1.771 tấn) và sạt lở ao cá và ao nuôi tôm (4.86 ha).
Đông Đa	Thiệt hại trị giá 3.840.602 USD, trong đó thủy sản, tàu thuyền và thiệt bị ngư cụ chiếm 70% tổng giá trị thiệt hại.
Nhon Phú	Thiệt hại trị giá 3.840.602 USD. Trong số 2.302 ngôi nhà bị hư hỏng hoặc phá hủy do lũ lụt, có 2.061 ngôi nhà ở Nhơn Phú bị thiệt hại với tổng giá trị 1.248.650 USD. Ngoài ra, Nhơn Phú mất gần nửa số lượng gà, vịt, 40% lượng thóc chứa trong kho, và 1/5 số lượng lợn, trâu, bò.
Trần Quang Diệu	Thiệt hại về điều và hệ thống thủy lợi chiếm khoảng 1/3 trong tổng giá trị thiệt hại 348.917 USD.
Bùi Thị Xuân	Thiệt hại trị giá 1.202.564 USD. Khoảng phân nửa thiệt hại liên quan đến nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và 36% thuộc về thiệt hại trong các KCN của phường Nhơn Binh.
Phước Mỹ	Thiệt hại trị giá 3,9 triệu USD. Hơn phân nửa giá trị này thuộc về thiệt hại trong ngành trồng rừng công nghiệp. Ngoài ra, nông dân ở xã Phước Mỹ đã mất 327 con trâu và bò, 3.721 lợn và 21.536 gà, vịt. Số lượng này chiếm khoảng 40% tổng thiệt hại về gia súc, gia cầm ở TP. Quy Nhơn.

Bảng 1: Đánh giá thiệt hại do bão Mirinae phân theo xã/phường

rằng nông dân rất ít được cảnh báo lũ. Vì có ít thời gian để chuẩn bị và ứng phó, nên họ không thể bảo vệ thóc hoặc di chuyển gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. Tính bất ngờ, sức mạnh và độ sâu của nước lũ cũng hạn chế khả năng bảo vệ nhà cửa và tài sản của họ. Trường hợp cụ thể là tại phường Nhơn Binh nơi hầu như tất cả thiệt hại về nhà cửa đã diễn ra. Theo kết quả so sánh vùng ven biển thuộc đầm Thị Nại, các khu vực hướng ra biển ở trung tâm thành phố và xã Nhơn Lý tương đối ít bị thiệt hại. Tác động bão Mirinae chủ yếu gây nên nước lũ dâng ở các dòng chảy vùng đồng bằng sông Hà Thanh. Tác động này kéo dài tận đến vùng núi thuộc xã Phước Mỹ nơi mưa cường độ lớn trên các nền đất mềm đã gây nên sạt lở từng mảng lớn, quét sạch 19 km² diện tích rừng công nghiệp. Mưa lớn trên các sườn núi đã bị sạt lở

và ở các thung lũng nông nghiệp có dân cư thuộc lưu vực sông Hà Thanh ở vùng thượng nguồn đã tạo điều kiện cho dòng chảy xuôi gây nên tai họa. Trong khoảng thời gian từ 4h00 đến 5h00 chiều ngày 02/11/2009, lượng mưa ở khu vực này tính trung bình ở mức gần 80mm/giờ. Ở mức này nước lũ đã quét qua sườn dốc của vùng đồi sạt lở từ vùng cao xuống sông Hà Thanh, nơi đây nước lũ đập vỡ tràn qua đê và các chương ngại vật khác khi nó tập trung biến thành một trận lũ lớn. Dựa trên nguồn dữ liệu của chúng tôi, lũ thường xảy ra khi dòng chảy sông Hà Thanh lớn hơn 1.226m³/giây. Trong trận lũ tháng 11/2009 lưu tốc sông Hà Thanh tại Văn Canh lên đến cực điểm 3.360m³/giây, lưu tốc dòng chảy gần gấp 3 lần mức lũ. Đối với nhiều người dân sống ở vùng trũng, trận hồng thủy thỉnh thoảng xuất hiện tương chừng như cố định tiết lũ

của một đập nước trên thượng lưu đã được mở ra. Đây đúng là trường hợp các đập trên sông Ba Hà thuộc tỉnh Phú Yên gần đó. Việc xả nước từ các đập này góp phần làm thiệt mạng 78 người trong tỉnh đã được thông báo trên phương tiện truyền thông và bản thảo tại kỳ họp Quốc hội. Tính bất ngờ của cơn lũ kết hợp với những câu chuyện từ tỉnh Phú Yên đã làm nhiều người chúng tôi phỏng vấn đều cứ tưởng rằng xả nước từ các hồ chứa ở thượng nguồn đã làm cho lũ tồi tệ hơn bình thường. Mặc dù nghiên cứu của chúng tôi không thể xác nhận được điều này, nhưng có 2 ý kiến khác về người dân sống ở vùng lũ đã nhận xét qua quan sát của họ. Đó là cả mức lũ và thiệt hại đều trở nên nghiêm trọng hơn do công trình xây dựng mới ở vùng lũ, và thiếu thông tin, cảnh báo về cơn lũ.

Thiếu cảnh báo

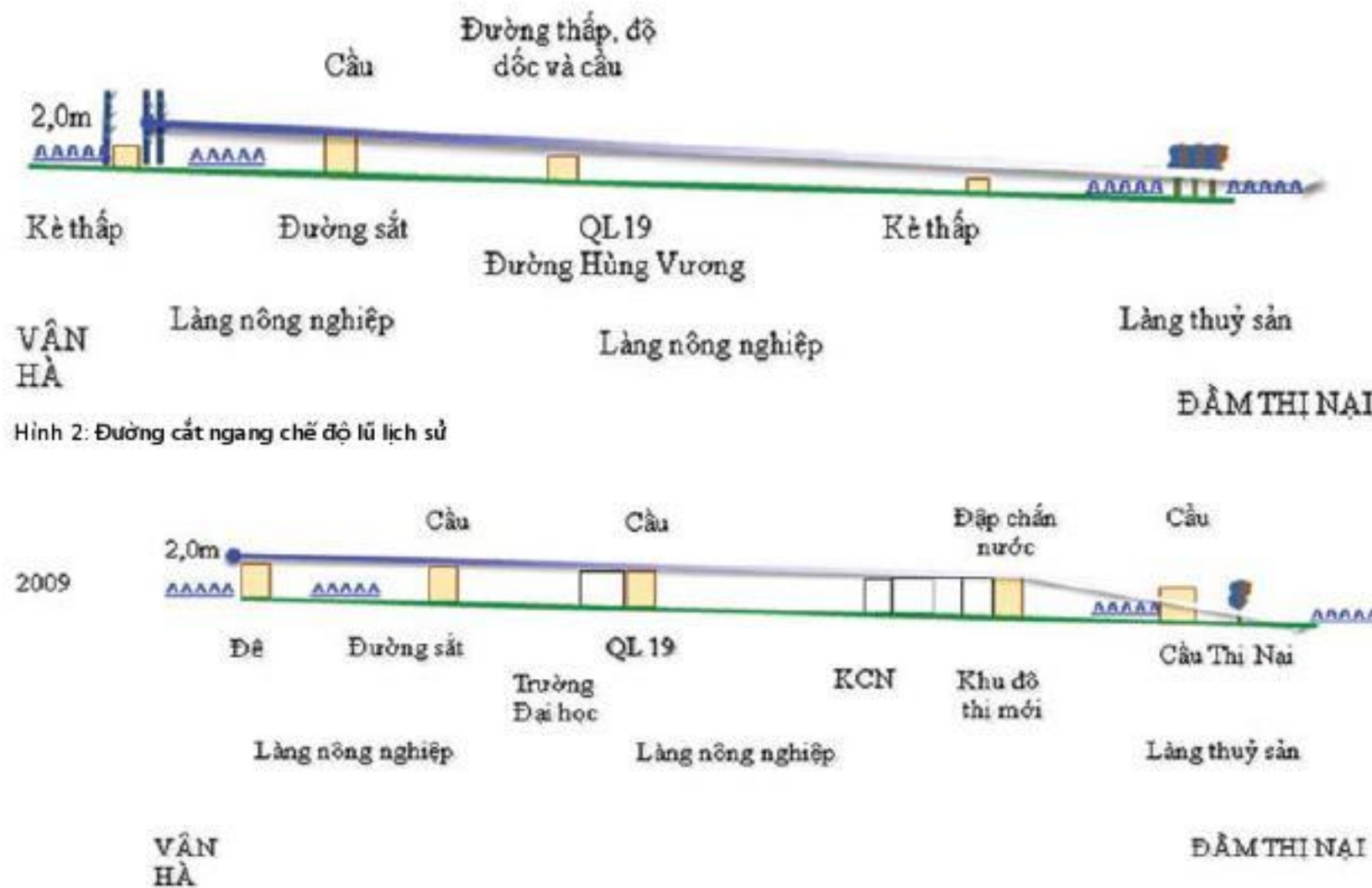
Hầu hết những người dân mà chúng tôi phỏng vấn lưu ý rằng, từ lúc lũ xuất hiện ở Văn Canh đến khi tràn đến đầm Thị Nại 12 giờ sau đó, đều không có cảnh báo lũ quét trên phương tiện truyền thông đại chúng. Đầu tối hôm đó, nhiều người đang nghe đài và xem truyền hình chờ bản tin lũ. Họ biết rằng bão lũ đã xảy ra ở tỉnh Phú Yên, nhưng tình hình lượng mưa dường như không đến mức đe dọa mặc dù có bão. Chỉ báo điển hình của một cơn lũ đang xuất hiện là mức nước tại các dòng chảy và đồng ruộng gần đó, hướng gió, và cường độ mưa làm họ cứ tin rằng đang gặp một trận lũ mùa bình thường. Vì không có thông tin nào khác, nhiều người đã đi ngủ trong khi nước lũ rút dần đổ về phía họ. Trận hồng thủy đó đã làm kinh ngạc người dân địa phương. Giá mà họ được cảnh báo lũ quét khi mưa lớn bắt đầu trút xuống ở vùng cao, thì nhiều dân cư ở vùng đồng bằng sẽ có thời

gian để chuẩn bị, ngay cả người dân ở Nhơn Phú. Rủi thay, vì không có cảnh báo chính thức cho đến khi họ nhận ra cơn lũ diễn biến tồi tệ hơn họ mong đợi, không phản ứng kịp. Thiếu thông tin chính thức về cơn lũ là một thất bại lớn của hệ thống quản lý thiên tai và nguyên nhân gây nên nhiều tổn thất thương tâm về con người.

Đô thị hoá và phát triển hạ tầng

Ngoài việc thiếu cảnh báo, dân cư trong vùng cũng nhận ra đô thị hoá và phát triển hạ tầng không đồng bộ là nguyên nhân gây nên mức độ nghiêm trọng của lũ. Trước đây, có tương đối ít công trình gây cản dòng lũ ở vùng đồng bằng sông Hà Thanh. Do vậy, với độ dốc gần 8 m qua khoảng cách 8 km, nước lũ khi dâng cao 2 m ở Nhơn Phú thường biến đổi dần khi chảy qua các cầu xe lửa, tràn qua vùng đất nông nghiệp, Quốc lộ 19 ở đoạn thấp trước đây và đường Hùng Vương, rồi chảy ra đầm Thị Nại. Bờ tre trồng dọc theo

sông, suối hay các dòng chảy khác cũng làm chậm dòng lũ và giảm thiệt hại do nước chảy xiết gây nên. Ông Đỗ Thành Tín hiện 80 tuổi là người đầu tiên mô tả chế độ nước lũ này với chúng tôi. Những người khác đã cung cấp thêm chi tiết. Chúng tôi biểu thị mô hình lũ này dưới dạng đường cắt ngang vùng đồng bằng tại hình 2. Năm 2009 nước lũ tăng vọt trên sông Vũng Phèn tràn vào Nhơn Phú, sau đó tràn qua đường xe lửa và Quốc lộ 19, rồi tràn qua đê dọc theo sông Hưng Thanh, nền nhà KCN Nhơn Bình và đê phía đông. Nước lũ cũng lên đến đỉnh các đoạn của bờ đê dọc theo sông Trường Úc ở phía bắc Nhơn Bình và đoạn đường Hùng Vương ở phía nam Nhơn Phú. Tùy theo vị trí, độ sâu nước lũ chảy tràn qua các công trình ngăn lũ này nằm trong ngưỡng từ 20 – 60 cm. Ngoài ra, mặt đê nhẵn và kênh thoát lũ bị thu hẹp đã tạo nên những vũng xoáy và dòng nước chảy xiết đã đánh sập tường và khai đào ngầm móng nhà.



Hình 2: Đường cắt ngang chế độ lũ lịch sử

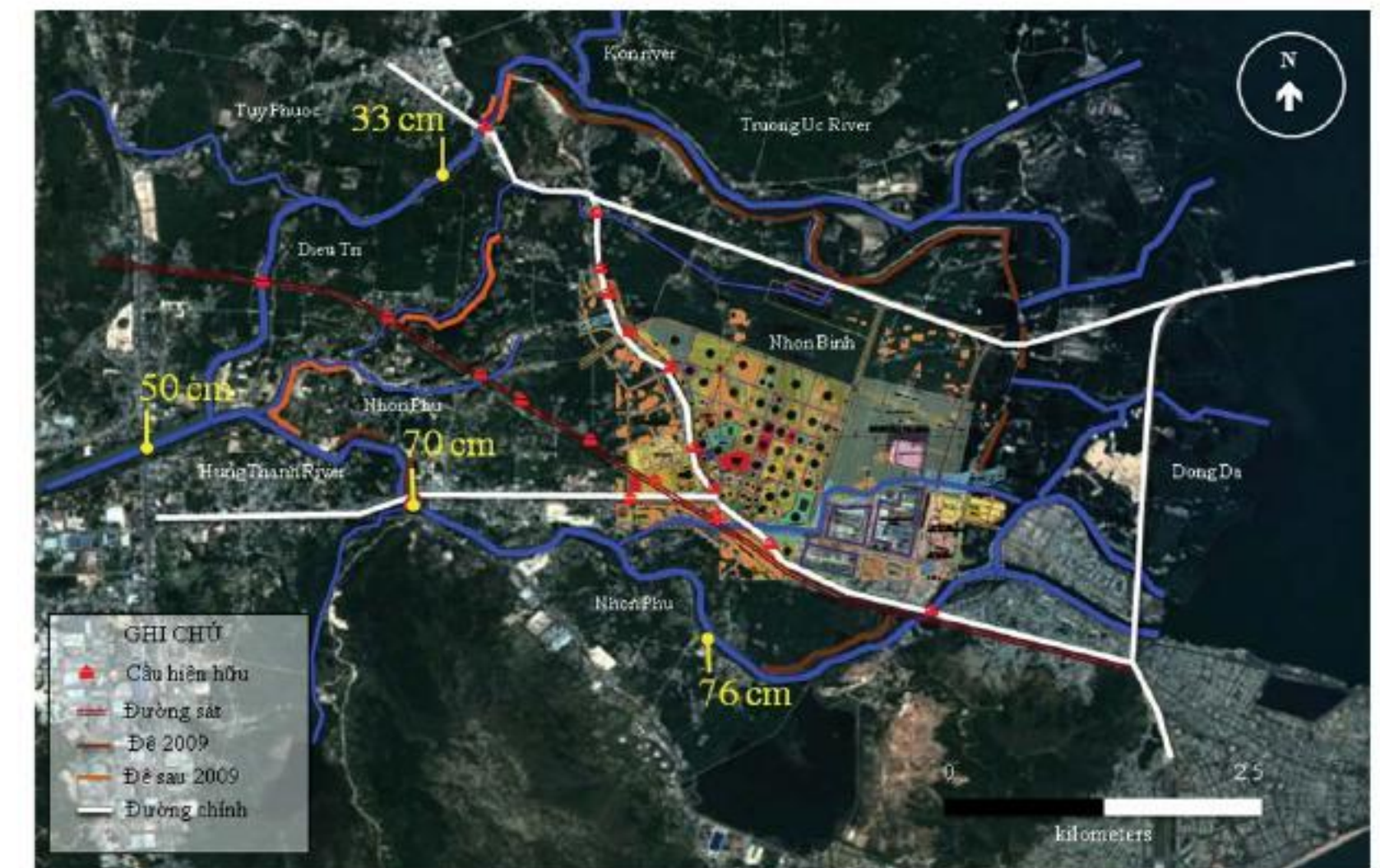
Hình 3 minh họa chế độ thủy văn mới của vùng đồng bằng nước lũ. Những công trình ngăn lũ như đường quốc lộ, đường sắt và đê tạo nên những “ô nước lũ” tại đó nước dâng lên trước khi đổ sang ô tiếp theo. Nước chảy qua các cầu và những khoảng trống trên đê từ ô này sang ô khác. Khi khẩu độ cầu và khoảng trống trên đê đạt mức độ dung nạp tối đa, nước lũ tràn lên sâu hơn. Khi lên đến mặt đường bộ và đường đê, lượng nước lũ nhiều hơn sẽ đổ vào ô nước lũ ở vị trí tiếp theo. Tiến trình này lặp lại cho đến khi nước lũ cuối cùng đổ ra đầm. May thay, thủy triều đêm hôm ấy dâng lên hoặc lũ kèm theo là bão tăng vọt, thì nước lũ còn cao hơn nhiều và kéo dài lâu hơn. Kinh nghiệm bão lũ năm 2009 chứng minh rất rõ tầm quan trọng cần phải cải thiện hệ thống thoát nước ở vùng đồng bằng, qua việc đồng thời cải thiện khả năng thoát nước bằng cách mở rộng khẩu độ cầu trên các kênh thoát lũ,

tạo điều kiện thuận lợi cho lũ thoát tốt sang một bên so với vùng đồng bằng rộng hay ngập lụt.

Thông tin, dữ liệu từ việc xây dựng mô hình thủy văn

Đến nay, nhiều thông tin, dữ liệu chúng tôi thu thập được đều dựa trên cơ sở các cuộc phỏng vấn, ảnh vệ tinh và đánh giá thiệt hại. Như một phần của báo cáo này, Viện nghiên cứu Tài nguyên nước miền Nam cũng đã xây dựng mô hình thủy văn dựa trên lượng nước mưa lịch sử, dòng chảy sông, suối và cao độ. Chúng tôi sử dụng mô hình này để phân tích một trận lũ nặng vào năm 2008 và lũ cực trị năm 2009¹. Mô hình chỉ ra rằng việc công trình hạ tầng đô thị và xây dựng mới đến năm 2009 đã làm tăng khoảng 10% mực nước lũ 2009, kèm theo các tác động khác nhau đáng kể tại các địa bàn cụ thể. Chẳng hạn như, mặc dù tác động của đô thị hóa và xây dựng công trình hạ tầng không đáng kể tại

cầu Diêu Trì (+ 3 cm), mô hình chúng tôi vẫn ước tính tác động tại cầu Sông Ngang (+ 70 cm) và cầu số 7 (+ 40 cm) có ý nghĩa cao hơn nhiều. Mục đích của dự án này không phải chỉ để đánh giá nguyên nhân gây nên những thiệt hại nặng nề của Bão Mirinae, mà còn để dự báo cho tương lai. Để làm điều đó, chúng tôi đã sử dụng các mô hình máy tính về thủy lợi để kiểm tra những tác động tiềm ẩn của lũ lụt sẽ như thế nào nếu toàn bộ bản quy hoạch xây dựng hiện nay của phường Nhơn Bình được thực hiện hoàn chỉnh với hai kịch bản: điều kiện hiện nay và trong điều kiện nước biển dâng do BĐKH. Sử dụng cơ sở dữ liệu 4 m so với mực nước biển, nếu thực hiện đầy đủ Quy hoạch Khu Nhơn Bình mà không có cải thiện hiện trạng thoát nước ở sông Hưng Thanh (sông Ngang) và Trường Úc, lượng nước mưa và lưu tốc dòng chảy tương tự như các điều kiện trong trận lũ tháng 11/2009 có thể sẽ tạo nên nước lũ sâu



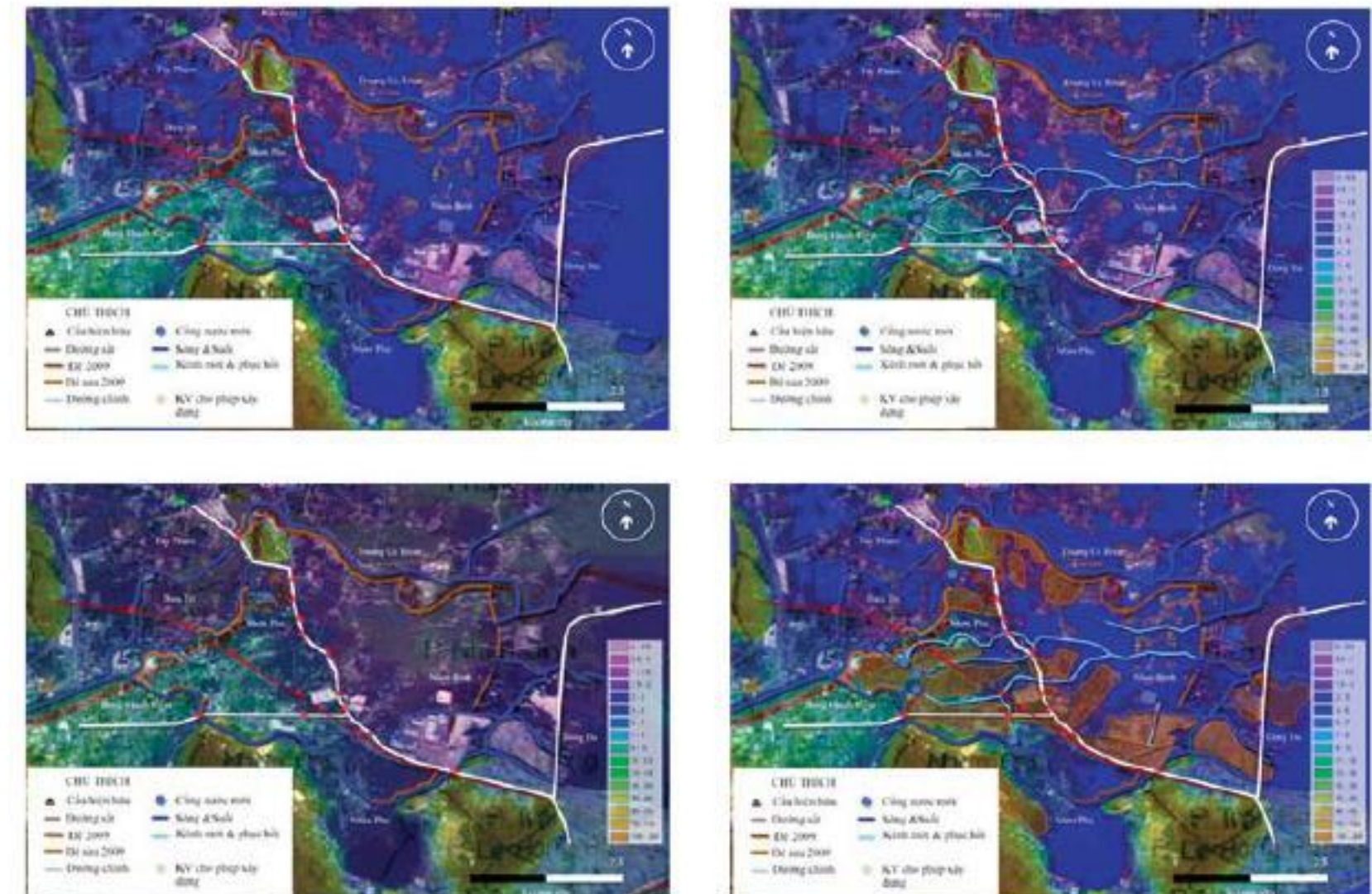
Hình 4: Gia tăng lũ lụt do xây dựng Quy hoạch Khu Nhơn Bình (mà không tính đến tác động của biến đổi khí hậu)

hơn 50 cm tại cầu Điều Trị, sâu hơn 33 cm tại đập Cây Dừa, sâu hơn 70 cm tại cầu sông Ngang và sâu hơn 76 cm tại đập Phú Hoà. Trong cùng điều kiện xây dựng theo phương pháp xác suất, có nền cơ sở thấp hơn sẽ dẫn đến mức tăng thấp hơn về độ cao mực nước lũ tại từng điểm nêu trên, nhưng đắp thêm mặt đường khu đô thị mới và KCN tại Nhơn Bình. Trong cả hai trường hợp này, các con số gia tăng này có ý nghĩa quan trọng: hãy xét đến cầu Sông Ngang, nơi ông Huỳnh Tấn Sơn, người dân sống trên đoạn đường đê ở đây đã cho chúng tôi xem đoạn băng video ông ghi hình bằng điện thoại di động khoảng 1h00 sáng vào ngày 03/11/2009. Trong đoạn băng video, nước lũ tràn qua đường đê cao 2 m trước mặt nhà ông với mực nước cao từ 20 – 40 cm cách mặt đường. Bây giờ chúng ta hãy xét đến việc tăng thêm 70 cm nữa đối với mực nước lũ này. Thay vì mực nước cao 20 – 40 cm đổ tràn qua đê, người dân sống bên dưới đê sẽ đối mặt với cột nước cao 1m đang xuôi dòng về phía họ. Cũng xét đến tình huống diễn ra ở nam Nhơn Bình, nơi ông Nguyễn Đình Ba xây nhà gần đập Phú Hoà trên cột nền cao 1 m. Ông nghĩ rằng 1 m sẽ đủ cao để bảo vệ nhà ông không bị ngập lụt trong tương lai; nhưng ông đã nhầm. Trong trận lũ lịch sử 2009, ông bị nước lũ vào nhà lên đến 1,5m, tính ra bằng khoảng 2,5 m nước lũ trong sân của ông. Ông Ba và ông Sơn đều sống tại Phú Hoà kể cho chúng tôi biết về những người cao tuổi ở những khu vực thấp nhất trong làng là những người đã bị kẹt trên gác mái (trần bằng) tại nhà của họ; trong khi đó họ đã cố sức tìm không khí để thở với khoảng trống nhỏ xíu phía dưới nóc nhà. Nước lũ chỉ cần cao hơn tý nữa, là họ đã chết chìm rồi. Bây giờ xét đến mức tăng 76 cm của nước lũ tại đập Phú Hoà, chúng ta sẽ hiểu được tác động tiềm năng của việc xây dựng Quy hoạch khu Nhơn Bình mà không có điều chỉnh. Tất cả những rủi ro này sẽ tăng lên trong điều kiện có biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.

Biến đổi khí hậu
Thời tiết luôn biến động và khí hậu trong tương lai không thể tiên đoán với độ tin cậy cao. Điều mà chúng ta rất chắc chắn là khí hậu tương lai tại Bình Định, như mọi nơi khác trên thế giới sẽ khác so với điều kiện khí hậu lịch sử trong thời gian gần đây. Số liệu dự báo qua kịch bản khí hậu của Viện Khí tượng Thủy văn mô tả những thay đổi về điều kiện khí hậu ở mức trung bình trong tương lai. Tuy nhiên, điều kiện trung bình này không cung cấp nhiều thông tin về bão lũ cực trị. Trong thời gian trước đây, dù chúng ta mô tả nhiệt độ hay lượng mưa, ngưỡng biến thiên tự nhiên đối với bất kỳ một ngày nhất định nào cũng sẽ sát với giá trị trung bình ở tần suất cao nhất đối với tháng đó hoặc mùa đó. Tuy nhiên, khi khí hậu thay đổi, xác suất biến thiên từ giá trị trung bình theo lịch sử này cũng sẽ thay đổi. Trong tương lai, khi giá trị trung bình này thay đổi (ví dụ, nhiệt độ không khí tăng 1,5⁰, hay lượng mưa tăng 4%) chúng ta không biết liệu phân bố xác suất biến thiên có còn giữ nguyên hay không hay là độ biến thiên sẽ tăng, hoặc liệu dạng phân bố xác suất sẽ tự thay đổi hay không. Lưu ý rằng trong tất cả các trường hợp này, bão lũ cực trị có thể tăng về tần suất cho dù có sự thay đổi nhỏ về giá trị trung bình. Trước đây, chúng ta giả định rằng khí hậu ổn định; vì vậy có thể ước tính xác suất của một trận lũ trong bất kỳ năm nào bằng cách so sánh tần suất lịch sử của bão lũ; nhưng hiện nay không thể thực hiện được việc này nữa. Vì vậy, khi nói về một “trận lũ 5%” không còn có ý nghĩa nhiều nữa. Một trận lũ diễn ra với xác suất 5% năm nay có thể diễn ra với xác suất cao hơn nhiều trong 30 năm. Vì vậy, mức lũ mà chúng ta gọi là lũ 5% hay 20 năm hôm nay có thể trở thành lũ 10 % hay 10 năm, hay khác nữa. Điều đó làm cho các kỹ sư xây dựng dân dụng là những người đã dựa vào các tiêu chuẩn trong nhiều thập kỷ qua phải đối mặt với thử thách trong thực tế. Họ có nên tăng ngưỡng chịu đựng rủi ro lũ lụt từ 10% lên 1%

hay ngay cả 0,5%? Họ nên xây nền nhà cao bao nhiêu? Họ nên xây dựng tuyến thoát lũ rộng bao nhiêu, bờ đê cao bao nhiêu và khẩu độ cầu rộng bao nhiêu? Chúng tôi tin rằng hoạch định cho bộ máy đa cấp, đa cấu trúc nhằm giảm tác động của biến cố khí hậu cực trị trong điều kiện ngưỡng rộng sẽ giảm rủi ro với mức độ tin cậy cao hơn. Cách tiếp cận này sẽ tránh được bão lũ gây nên tai họa bằng cách chấp nhận giá trị thiết kế có thể cho phép điều chỉnh vượt ngưỡng trong trường hợp xảy ra bão lũ cực trị. Phương pháp tiếp cận “mất - được” này có thể hiểu rằng việc thiết kế để hoặc đường có thể thất bại an toàn trong điều kiện có lũ cực trị, cho nước lũ chảy thông suốt qua những dòng kênh rộng đảm bảo không nằm trong vùng quy hoạch phát triển khu đô thị tập trung hoặc giữ gìn các vùng đất ngập nước thấp có diện tích lớn để chứa và dung nạp nước lũ; nếu không, nước lũ sẽ tiếp tục dâng lên đến độ cao của nền nhà tại các khu vực mới đô thị hoá; cũng có nghĩa là tăng cường hệ thống quản lý rừng đầu nguồn và kiểm soát hồ chứa nhằm kiểm soát tốt hơn nước mặt và dòng chảy đệm trong điều kiện có lượng mưa cực trị. Các nhà hoạch định phải tin chắc rằng lũ sẽ tăng, cường độ mưa không thể tiên đoán được và rằng bất kỳ biện pháp phòng chống độc lập nào cũng đều có thể thất bại. Thông qua hoạch định ngăn ngừa thất bại đó, các nhà chuyên môn xây dựng có thể giảm rủi ro của những mối đe dọa trở thành thiên tai trong điều kiện khí hậu không thể đoán trước được.

Quy hoạch phân khu Nhơn Bình dưới sự tác động của biến đổi khí hậu
Theo tất cả các kịch bản biến đổi khí hậu, mô hình thủy văn của chúng tôi chỉ ra rằng xây dựng Quy hoạch Khu Nhơn Bình theo phương pháp xác suất dẫn đến tăng lũ lụt ở các phường, xã xung quanh. Chẳng hạn như theo kịch bản biến đổi khí hậu ở mức vừa cho năm 2050, căn cứ mực nước biển dâng đúng 26cm, nếu quy hoạch khu Nhơn Bình được thực hiện đầy đủ, thì một



Hình 5: Thiết kế khái niệm giảm nguy cơ lũ trong điều kiện có biến đổi khí hậu



Hình 6: Kênh thoát lũ và khu vực cho phép xây dựng

trận lũ tương tự như năm 2009 sẽ làm cho các mực nước tại cầu Diêu Trì tăng 77 cm, cầu Sông Ngang tăng 90 cm, đập Cây Dừa tăng 41 cm và đập Phú Hòa tăng 89 cm.

Nói tóm lại, nếu Quy hoạch khu Nhơn Bình được xây dựng, mô hình thủy văn của chúng tôi tiên liệu lũ nặng diễn ra ở các phường, xã xung quanh Nhơn Bình; và số liệu chứng minh từ kết quả nghiên cứu của chúng tôi về bão Mirinae chỉ ra rằng một trận bão tương tự có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến người dân hiện sống ở các xóm hiện hữu trong phạm vi của các đường thoát lũ còn lại, và khu đô thị mới ở Nhơn Bình. Theo dự báo của Viện Khí tượng – Thủy văn về biến đổi khí hậu, kết quả phân tích mô hình thủy văn này chỉ rõ sự cần thiết phải rà soát, xem xét điều chỉnh Quy hoạch khu Nhơn Bình cũng như quy hoạch khu vực Nhơn Phú, Diêu Trì, Tuy Phước, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và Đồng Đa.

Bài học kinh nghiệm từ bão Mirinae

Tổng hợp, phân tích tất cả thông tin, dữ liệu chứng minh như đã nêu ở phần trên trong báo cáo này, chúng tôi đưa ra một số kết luận chung cho việc quản lý hoạt động đô thị hóa và biến đổi khí hậu ở vùng hạ lưu sông Hà Thanh. Những khuyến nghị chi tiết được trình bày trong báo cáo tổng thể được lưu trữ tại Văn phòng điều phối BĐKH Bình Định. Trước hết là ý kiến nhận xét qua nghe được nhiều lần người dân sống lâu năm ở Nhơn Bình kể lại: *Bất cứ cái gì lên giàn đòng chảy vào dân Thị Nại đều lên tống ngập lụt.*” Trong trận bão cực trị như Mirinae đã chứng minh rằng nước lũ sẽ chảy ngược ra phía sau đường và đê trong phạm vi vùng lũ. Cải thiện thoát nước là giải pháp bền vững duy nhất trong việc giảm các mối đe dọa do lũ trước mắt hiện nay và về lâu dài trong điều kiện có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Thứ hai, chúng tôi hiểu ra rằng lũ không được kiểm soát trong trường hợp xảy ra lũ cực trị gây nên thiệt hại về người và tài sản; nhưng đồng thời

lũ mùa lại mang lại lợi ích cho nông nghiệp, tái tạo nguồn nước ngầm và kiểm soát xâm mặn. Như vậy, về nguyên tắc các công trình hạ tầng phòng chống lũ và quản lý nước nên cho phép tiếp nhận lũ mùa; đồng thời bảo vệ dân cư và tài sản tránh khỏi những biến cố khí hậu đe dọa đến tính mạng người dân.

Thứ ba, chúng tôi tin rằng nếu Quy hoạch hiện hành đưa vào thực hiện đầy đủ mà không có điều chỉnh, bổ sung, thì lũ sẽ trở nên tồi tệ hơn và thiệt hại lớn hơn về người và tài sản do bão như Mirinae.

Trên cơ sở kết luận nêu trên, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị, đề xuất cho chính quyền địa phương để có biện pháp, hành động giảm nguy cơ lũ lụt hiện nay và tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu trong tương lai. Cách tiếp cận của chúng tôi theo xu hướng phát triển của thế giới nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu bằng cách tạo điều kiện tốt hơn cho các sông⁴. Chiến lược này sử dụng lũ lịch sử 2009 làm lũ cơ sở. Về độ cao của nước lũ, toàn bộ vùng đồng bằng đều ngập lụt với độ cao trung bình khoảng 2 m. Trong điều kiện như vậy, san lấp mặt bằng thêm nữa trong vùng lũ này chỉ có thể diễn ra khi kết hợp với cải thiện hệ thống thoát nước. Mặc dù đây là vùng lịch sử có lũ, hạ lưu sông Hà Thanh có diện tích tương đối nhỏ và có độ dốc 8m tạo nên cơ hội cho việc xây dựng một vùng đa chức năng tạo thuận lợi cho phát triển đô thị trong khi đó cũng giữ gìn điều kiện cho các sông ở các tuyến thoát lũ dành riêng có thể tận dụng để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và giải trí. Thiết kế ý tưởng/khái niệm được minh họa dưới đây dựa trên các khuyến nghị, đề xuất trong báo cáo này. Đây là kế hoạch chưa hoàn chỉnh, nhưng nói đúng hơn, sử dụng một phương pháp bản vẽ phim trong với việc vận dụng dữ liệu hiện có và hệ thống các nguyên tắc thể hiện được tính logic cho hoạt động đô thị hóa và quản lý lũ qua cách tư duy.

Thiết kế ý tưởng theo các nguyên tắc như sau:

- Giảm rủi ro lũ lụt bằng cách thiết lập các khu đa chức năng cho phép nước lũ tràn đều qua khắp vùng đồng bằng khi nó đổ ra đầm Thị Nại.
 - Hạn chế nhu cầu tái định cư người dân sống ở các khu xóm hiện hữu bằng cách xác định các khu vực cho phép xây dựng thông qua việc kết hợp điều tra (a) địa hình, (b) thủy văn, và (c) lịch sử cư trú gần đây của người dân.
 - Chấp nhận các công trình xây dựng mới và đang xây trong vùng lũ đã trở thành một phần cảnh quan của vùng đồng bằng, và sẽ cần phải dung hòa ở những nơi có thể thực hiện được, và điều chỉnh ở những nơi cần thiết.
 - Tạo khoảng trống hay diện tích mới cho hoạt động đô thị hóa, chủ yếu thông qua san lấp mặt bằng và mở rộng các khu dân cư hiện hữu hơn là lấp đất nông nghiệp để xây dựng.
 - Cải thiện hệ thống thoát nước bằng cách nạo vét các kênh thoát lũ hiện hữu và tạo kênh mới tại các khu vực trũng.
 - Hạn chế nhu cầu xây dựng đường đê mới bằng cách xây dựng trên các đường lộ hiện hữu ở những nơi có thể.
 - Mở rộng tối đa khẩu độ cầu cho phép đê cải thiện thoát nước và giảm đắp thêm bề mặt của các đường hiện hữu.
 - Hạn chế xây dựng bên ngoài đê đòng. Khu vực này nên giữ lại hình thành một vùng thoát lũ thông thoáng, kết hợp thành khu sinh thái và là tuyến phòng hộ đầu tiên đối với nước biển dâng.
- Các bản đồ tại Hình 5 theo tiến trình kim đồng hồ từ dưới phải sang dưới trái. Bản đồ cao độ ở góc dưới trái chỉ ra độ dốc tổng thể của vùng đất tại Nhơn Bình – Nhơn Phú từ tây nam sang phía đông bắc, với vùng đất thấp nhất nằm gần đập chắn số 2 và 3 tại Nhơn Bình. Bản đồ cao độ này cũng chỉ rõ vùng đất thấp dọc theo sông Trường Úc tại Diêu Trì – Tuy Phước. Bản đồ A, Bản đồ B chỉ các khu vực còn ngập lụt vào ngày 05/11/2009, 2 ngày sau trận lũ lịch sử. Bản đồ này chỉ rõ các vùng trũng ở Nhơn Bình và Diêu Trì – Tuy Phước, cũng như các khu vực chứa nước tại Phú Hòa. Bản đồ C chỉ các

tuyến tiềm năng cho kênh thoát lũ mới. Những kênh thoát lũ này nối dài các kênh thoát lũ hiện hữu qua vùng trũng (sông Cát và Cây Me) hoặc phát hoạt nên kênh mới qua vùng trũng. Những kênh này bao gồm cả việc xây dựng một kênh mới và cầu xung quanh trường Đại học Quang Trung, một kênh mới cho đập Cây Me xung quanh xóm Nhơn Mỹ và một kênh mới chảy qua Cầu Cao. Bản đồ D xác định các vùng cho phép xây dựng dựa trên bản vẽ phim trong trước đây, cộng với thông tin về lũ lụt và đắp thêm mặt đê trong trận bão Mirinae và đường biên của các khu dân cư hiện hữu.

Hình 6 xác định các kênh thoát lũ và khu vực cho phép xây dựng mà không có các lớp cao độ và lũ như trong Hình 5. Cải thiện hệ thống thoát nước là yếu cầu then chốt, nếu như không có việc này, không nên đô thị hóa vùng đồng bằng. Để làm việc đó, các cầu cần phải mở rộng khẩu độ tối đa cho phép. Không cần phải tính đến hiệu quả kinh tế ở vùng này. Mở rộng khoảng trống cho nước chảy qua tuyến đường sắt, QL19, đường Hùng Vương và Trần Hưng Đạo là biện pháp đảm bảo khỏi phải đắp thêm mặt đường. Vì không thể xây nhà và cơ sở kinh doanh trên các cầu, nên đó cũng là một hình thức giữ gìn các kênh thoát nước hờ này. Khu An Phú Thịnh, nằm ở cửa sông phía ngoài đê phía đông nên giảm diện tích xuống còn một nửa. Điều này sẽ khiến khu vực phía bắc Đập chắn số 2 mở ra và tạo ra một vùng cho nước lụt tràn ra ngoài đê giữa đập chắn 1 và 2. Nếu thoát nước được cải thiện ở bắc Nhơn Phú và Nhơn Bình có thể định hướng lại nước lũ chảy cách xa nam Nhơn Phú; như vậy có thể thiết lập một khu dân cư ở phía nam đường Trần Hưng Đạo. Công việc này đòi hỏi phải phân tích thêm về mặt thủy văn. Trước mắt, chúng ta đã dời chuyển khu dân cư trong quy hoạch để tạo nên nhiều khoảng trống hơn cho thoát lũ. Ngoài ra, còn có thêm diện tích đất trống để định cư tại Lạc Trường, ở bắc Nhơn

Bình, nơi gặp nhau giữa sông Kôn và sông Trường Úc. Tuy nhiên, các tuyến thoát lũ ở đây cần được duy tu, bảo dưỡng để cho phép đắp thêm mặt bờ đê phía bắc. Năm 2009, nước lũ tràn qua mặt đê ở những nơi chỉ báo trong thiết kế. Xây dựng mới ở Văn Hà sẽ cần phải lùi ra phía sau cách bờ đê vừa để tạo khoảng trống cho việc đắp thêm mặt đê vừa bảo vệ nhà dân không bị thiệt hại có thể xảy ra. Khu vực này có thể sử dụng làm công viên.

Kết luận:

Con đường phát triển kinh tế – xã hội mà Việt Nam hiện theo đuổi tạo thuận lợi cho việc phát triển các thành phố, thị xã, thị trấn ở vùng ven biển và vùng trũng thấp⁵. Những thành phố, thị xã, thị trấn này ngày càng mở rộng sang các khu vực dễ bị ngập lụt và rủi ro liên quan đến bão lũ. Vì các cấp quản lý thành phố, nhà đầu tư, và nhà quy hoạch đô thị đối mặt với những rủi ro này, nên họ đã tập trung quan tâm vào những bản vẽ địa hình ngăn được lũ, xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng có liên quan⁶. Với chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu, phương pháp tiếp cận này để lại nhiều điều mong đợi. Thay vì giảm rủi ro, báo cáo nghiên cứu chúng tôi chỉ ra rằng những cách tiếp cận nêu trên hiện đang chuyển dịch rủi ro sang các khu dân cư hiện hữu, buộc chính quyền địa phương phải cấp kinh phí cho các dự án, chương trình quản lý thiên tai mới, và trong một số trường hợp phải tái định cư người dân bị ảnh hưởng bởi dự án sang những khu vực an toàn hơn. Hơn nữa, độ bất định của biến đổi khí hậu là chứng cứ cho thấy công trình hạ tầng tốn phí hiện nay đã xây dựng có thể không đủ khả năng bảo vệ các khu đô thị mới trong tương lai. Từ trận bão Katrina vào năm 2005⁷ đến cơn lũ tàn phá tại Thái Lan vào năm 2001 và đến bão Sandyn năm nay 2012, hiện có nhiều thông tin, dữ liệu chứng minh rằng ngày càng khó khăn hơn khi thiết kế và xây dựng công trình hạ tầng đảm bảo ứng phó với biến cố bão lũ cực trị hiện nay và trong tương lai.

Ngay khi chúng ta dựa vào các biện pháp bảo vệ như nâng cốt nền hoặc xây bờ đê để tạo kênh dẫn lũ, nhưng điều này có thể tạo nên cảm giác an toàn hoặc an ninh giả và khuyến khích việc quy hoạch phát triển ở những khu vực mà lẽ ra không bao giờ nên đưa vào quy hoạch phát triển theo thứ tự đầu tiên. Rủi ro do lũ hiện đang thay đổi ở Quy Nhơn; nên các nhà hoạch định hiện nay cần phải chuẩn bị phương án ứng phó với diễn biến cực trị bất ngờ của khí hậu. Hệ thống bảo vệ sẽ thất bại. Để tránh thiên tai, cần đưa ra phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch đô thị, một phương pháp thích ứng với rủi ro, nguy cơ do khí hậu thay đổi; từ đó giảm được rủi ro cho tính mạng con người và tài sản cho tất cả cư dân trong cộng đồng. ■

Chú thích:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường. Không phải nguyên nhân do nhà máy điện. Được đánh giá vào ngày 30/11/2012 tại <http://www.monre.gov.vn/v35.default.aspx?tabid=675&CatelID=59&ID=756338&Code=KZZ8875633>.
2. Đồng USD bị xuống giá theo tỷ giá 1USD = 17.861 VND vào ngày 02/11/2009. http://www.vietcombank.com.vn/en/_ScriptLib/ExRate_Bm.asp.
3. Trong toàn bộ báo này, chúng tôi sử dụng từ ngữ “theo mùa”, “nặng/nghiêm trọng” và “cực trị” để thay thế đánh giá theo xác suất lũ dựa trên dữ liệu lịch sử. Biến đổi khí hậu hiện đang ước tính 1%, 5%, 10% và 20% chỉ số không tin cậy về lũ trong điều kiện tương lai.
4. <http://www.scientificamerican.com/article.cfm?id=how-the-dutch-make-room-for-the-river>
5. Ngô Trung Hải. Trình bày tại Hội nghị quốc tế về các thành phố sinh thái, 20-23/10/2010. Yokohama, Nhật Bản. Truy cập ngày 30/11/2010 tại http://sitesources.worldbank.org/INTURBANDEVELOPMENT/esources/336387-1270074782769/6925944-1288991290394/Day1_P8_9_VIAP.pdf
6. Tán dụng cơ hội về khí hậu: Bài bình luận về chiến lược biến đổi khí hậu của Việt Nam. Francis Fortier. Asia Pacific Viewpoint, Quyển 51, Số 3. 12/201, trang 229-247
7. The hurricane surge protection failures in New Orleans are considered the worst civil engineering disaster in U.S. history. See <http://www.lasce.org/documents/RaySeedsLetter.pdf>

Diễn đàn đầu tư Quảng Nam hướng tới Tăng trưởng xanh

Tỉnh Quảng Nam trong khuôn khổ hợp tác với Chương trình Định cư Con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat) và Viện Tăng trưởng xanh Toàn cầu (GGGI, tổ chức quốc tế đi đầu trong quy hoạch và phát triển hướng đến tăng trưởng xanh) đã tổ chức “**Diễn đàn Đầu tư Quảng Nam hướng tới Tăng trưởng xanh**” vào hai ngày 23 - 24/6/2013. Diễn đàn nhằm thúc đẩy các cơ hội đầu tư Tăng trưởng xanh cho các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế, các cơ quan phát triển, các tổ chức tài chính, các đối tác chiến lược cấp tỉnh, cấp trung ương, các bên liên quan trong tỉnh và vùng. Diễn đàn cũng tạo điều kiện cho sự hợp tác sáng tạo giữa các bên liên quan để thực hiện các chương trình trọng điểm với các cơ hội phát triển mới.

Trong suốt hai năm 2010-2012, UBND tỉnh Quảng Nam đã dành rất nhiều nỗ lực để xây dựng Chiến lược phát triển tỉnh hướng tới đầu tư và phát triển bền vững, đặc biệt tập trung vào tăng trưởng kinh tế địa phương, quản lý nguồn tài nguyên môi trường cho phát triển, thích ứng với biến đổi khí hậu và công bằng xã hội. Phương pháp tiếp cận quy hoạch

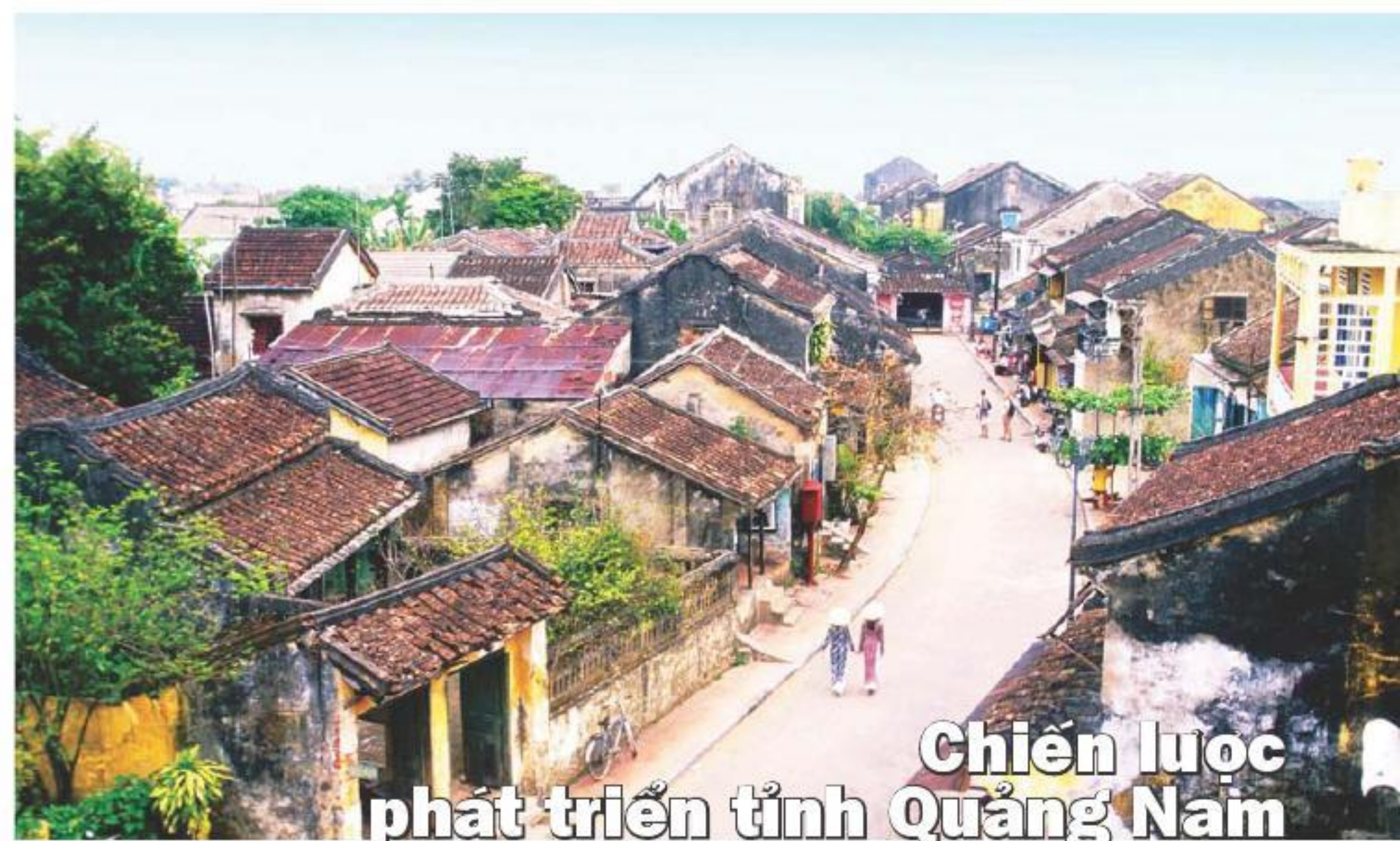
chiến lược kết hợp với phát triển năng lực lãnh đạo và kế hoạch đầu tư đa ngành đã được tỉnh áp dụng trong việc đưa ra các ưu tiên phát triển chiến lược với sự tham gia của các bên liên quan. Một trong những ưu tiên chiến lược là thúc đẩy việc áp dụng mô hình thành phố sinh thái và thành phố xanh cho hai thành phố Hội An và Tam Kỳ dựa trên cơ sở quản lý hiệu quả các nguồn lực tự nhiên, văn hóa, xã hội, phát triển hạ tầng và công nghiệp xanh, phát triển du lịch sinh thái gắn liền với sự tham gia của cộng đồng, bảo tồn di sản và các hệ sinh thái nhạy cảm.

Khi xem xét các lợi thế so sánh và định hướng phát triển hiện tại, tỉnh Quảng Nam đã nhận thức được rằng định hướng Tăng trưởng xanh có thể mang lại các cơ hội tăng trưởng mới cho các ngành kinh tế mũi nhọn và nâng cao chất lượng sống của người dân. Các dự án đầu tư theo hướng tăng trưởng xanh được kỳ vọng sẽ tăng cường cơ hội phát triển cho tỉnh Quảng Nam và các bên liên quan, tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên ưu đãi, các sáng kiến phát triển kinh tế và các nguồn lực văn hóa - xã hội. Việc tạo ra các cơ hội đầu tư theo hướng Tăng trưởng xanh, kết nối

Chiến lược phát triển tỉnh Quảng Nam với các đối tác và huy động nguồn lực một cách sáng tạo là hết sức cần thiết.

Mục tiêu chính của Diễn đàn:

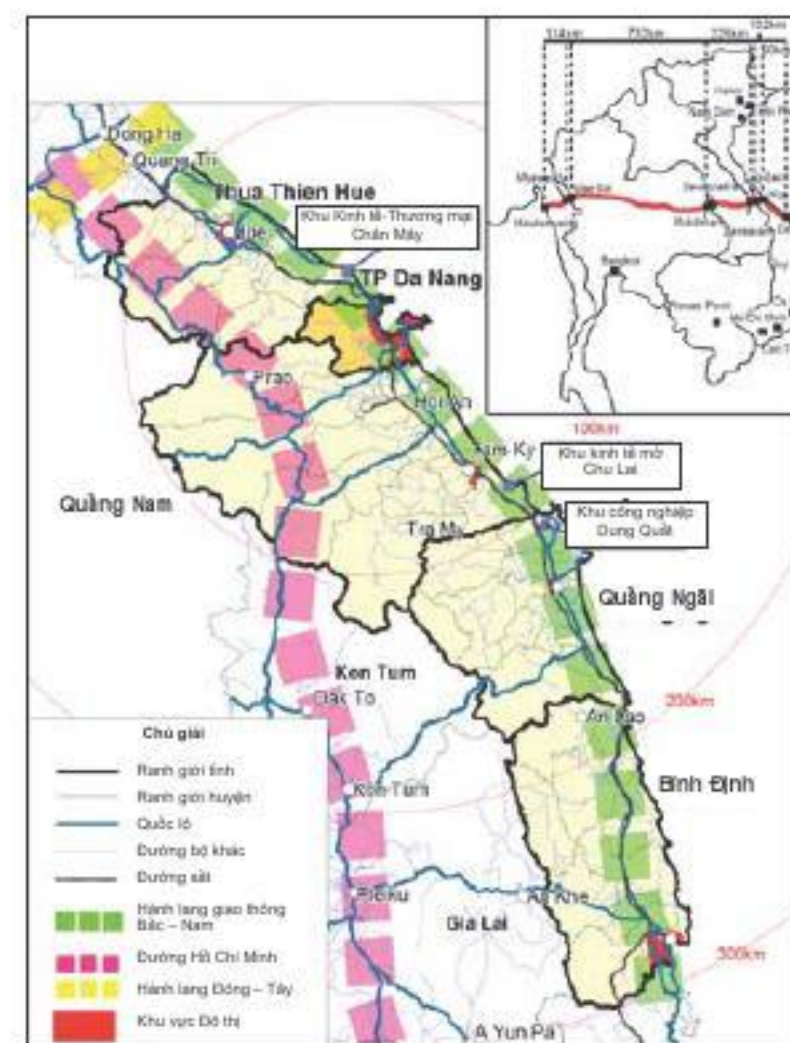
- Thúc đẩy các sáng kiến và chiến lược Tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Nam trong mối liên kết với các tỉnh trong vùng (như phát triển thành phố sinh thái), hướng đến mục tiêu “Tăng trưởng kinh tế bền vững, công bằng xã hội và bền vững về môi trường”.
- Giới thiệu về các cơ hội đầu tư trọng điểm hướng tới Tăng trưởng xanh với các nhà tài trợ, các tổ chức phát triển và các nhà đầu tư tiềm năng, đặc biệt trong lĩnh vực “phát triển các thành phố xanh, các ngành công nghiệp xanh, liên kết đô thị nông thôn và phát triển du lịch sinh thái”.
- Thảo luận các giải pháp đổi mới và khung thể chế phù hợp với các bên liên quan nhằm huy động các nguồn lực thực hiện các ý tưởng đầu tư được lựa chọn.
- Tạo điều kiện xây dựng quan hệ đối tác chiến lược giữa các bên liên quan trong nước và quốc tế, thảo luận về các bước hợp tác ban đầu dựa trên lợi ích của các bên.



Chiến lược phát triển tỉnh Quảng Nam Cơ hội cho tăng trưởng Xanh

TS. NGUYỄN QUANG

Giám đốc Chương trình Định cư Con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat) tại Việt Nam



TỈNH QUẢNG NAM VÀ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN TRỌNG ĐIỂM

Bối cảnh khu vực và vị thế của tỉnh Quảng Nam:

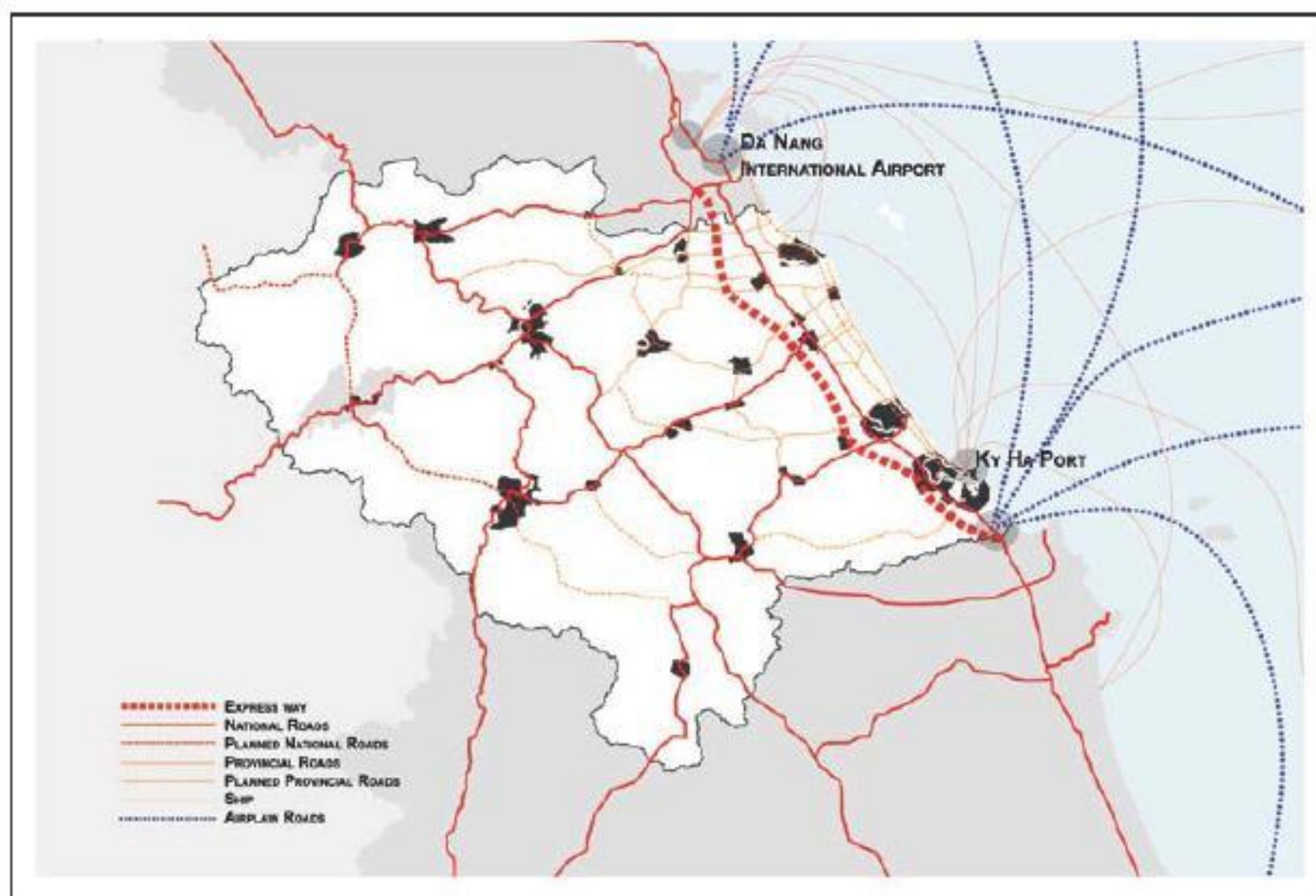
- Có các cực tăng trưởng ở khu vực duyên hải miền Trung như Dung Quất và Đà Nẵng;
- Có vị trí chiến lược trong vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung với cửa ngõ kết nối ra thế giới/thị trường Đông Nam Á;
- Kinh tế biển là động cơ thúc đẩy cho tăng trưởng của khu vực duyên hải và quốc gia;
- Có tiềm năng lớn về các sáng kiến phát triển vùng (du lịch, phát triển hạ tầng).

Các nguồn lực phát triển của Quảng Nam:

- Nguồn lực văn hóa và tự nhiên dồi dào với vị trí chiến lược cho phát triển du lịch - thương mại - công nghiệp;
- Phát triển các trung tâm đô thị động lực thúc đẩy phát triển tỉnh;
- Các sáng kiến để phát triển với vai trò một trung tâm của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và Liên kết Vùng;
- Cơ cấu Dân số Vàng - (tỷ lệ người trong độ tuổi làm việc cao);
- Cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo tỉnh và sự gắn kết xã hội để hiện thực hóa phát triển bền vững.



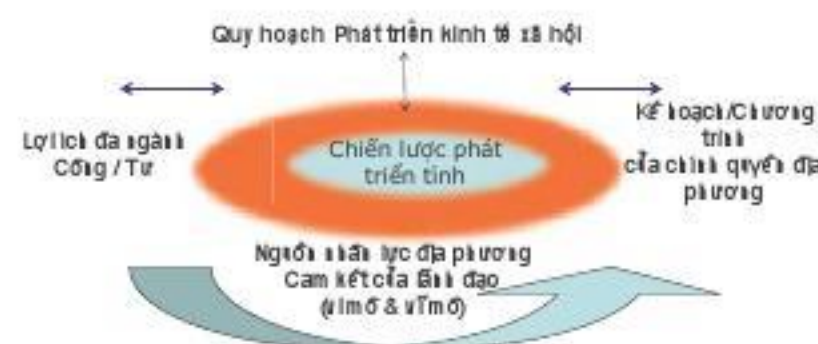
Ảnh: Ngụy Hà



Nghiên cứu chuẩn bị dựa trên các quy hoạch hiện có

Các vấn đề phát triển chính:

- Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong nền kinh tế thị trường, đa dạng hóa nguồn vốn, phát triển các cụm ngành và cụm đô thị động lực;
- Phát triển nguồn nhân lực nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Quảng Nam, hỗ trợ phát triển các cụm ngành;
- Đảm bảo phúc lợi xã hội và các dịch vụ cơ bản với chất lượng cao;
- Giảm một cách bền vững tỷ lệ đói nghèo;
- Giảm sự chênh lệch giữa các vùng trong đầu tư cơ sở hạ tầng cứng/mềm;
- Phát triển hạ tầng nhằm đạt được sự phát triển cân bằng và hiệu quả;
- Kết nối đô thị - Nông thôn / hội nhập khu vực cho phát triển công bằng và tăng trưởng hiệu quả;
- Phát triển du lịch bền vững, gắn liền tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường;
- Quản lý các hoạt động kinh tế chủ chốt (như Thủy điện, khai khoáng, khu công nghiệp) nhằm hạn chế sự suy giảm các nguồn lực môi trường;
- Ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NAM (CLPT)

Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội sẽ được đẩy mạnh thông qua:

- Quy hoạch chiến lược – phân tích SWOT -> tầm nhìn, định hướng thực hiện và giải pháp;
- Cân đối giữa yêu cầu của địa phương và định hướng của chính phủ;
- Cách tiếp cận chiến lược huy động nguồn lực trong nền kinh tế thị trường;
- Phát triển năng lực lãnh đạo và hợp tác đa ngành giữa các bên liên quan nhằm hiện thực hóa quy hoạch;

Tóm tắt phân tích: Vấn đề và thách thức

1. Giảm tỷ lệ nghèo cao
2. Huy động vốn hiệu quả
3. Phát triển nguồn nhân lực
4. Quản lý phúc lợi xã hội
5. Phát triển hạ tầng bền vững
6. Suy thoái môi trường do phát triển kinh tế
7. Biến đổi khí hậu và thiên tai
8. Chênh lệch vùng miền
9. Phát triển du lịch bền vững
10. Liên kết đô thị - nông thôn

Định hướng phát triển Kinh tế - xã hội

Các định hướng qui định chiến lược

1. Hỗ trợ phát triển các cụm ngành và trung tâm đô thị động lực hướng tới phát triển bền vững
2. Tăng cường phát triển du lịch trong định hướng phát triển kinh tế xã hội qua liên kết đô thị nông thôn và hội nhập vùng.
3. Nâng cấp phát triển cơ sở hạ tầng nhằm xúc tiến phát triển cân bằng của tỉnh
4. Lồng ghép quản lý môi trường vào kế hoạch phát triển tỉnh nhằm giảm thiểu tác động kinh tế xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu.
5. Phát triển nông nghiệp và nông thôn, hình thành mối liên kết Đô thị - Nông thôn và Vùng.
6. Quản lý Nhà nước

Các nội dung xuyên suốt các chiến lược

- Xóa đói giảm nghèo
- Bền vững về Môi trường và xã hội
- Liên kết vùng
- Phát triển nguồn nhân lực
- Khuyến khích huy động các nguồn lực

Các định hướng Chính trị, môi trường, xã hội

Kết nối các vấn đề, chiến lược và chương trình hành động

Mục tiêu/ Chương trình hành động

Ma trận SWOT cho Quảng Nam

SO: Các chiến lược thúc đẩy (Tận dụng điểm mạnh để nắm bắt cơ hội)	WO: Các chiến lược hỗ trợ (Tận dụng cơ hội để vượt qua điểm yếu)
• Nhân rộng và đa dạng hóa các biện pháp quản lý nguồn lực môi trường và văn hóa thông qua liên kết đô thị - nông thôn đồng thời đào tạo nghề cho lao động địa phương • Với nguồn vốn vay ODA, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực liên quan tới tăng trưởng xanh kết hợp với các nhà đầu tư và khối doanh nghiệp • Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển khu vực nông thôn và miền núi, ưu tiên các hoạt động phi nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo. • Huy động hợp tác công tư để tối đa hóa tiềm năng của thị trường, đồng thời tranh thủ những hỗ trợ của trung ương cho phát triển khu vực miền trung	• Huy động các sáng kiến phát triển vùng nhằm thúc đẩy quy hoạch đầu tư hiệu quả của khu vực miền trung • Đẩy mạnh quy hoạch đa ngành, phát triển với giá trị gia tăng cao và phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn và miền núi • Hỗ trợ thể chế cho liên kết Đô thị - Nông thôn, cải thiện tiếp cận thị trường, và trao đổi các nguồn nhân lực và tài lực cần thiết • Huy động cộng đồng địa phương và DN nhỏ và vừa cho phát triển và quản lý nguồn lực • Tăng cường hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực chính quyền nhằm đáp ứng với nền kinh tế thị trường.

Chiến lược ma trận SWOT cho Quảng Nam

ST: Các chiến lược vượt qua khó khăn (Sử dụng thế mạnh để đối phó với thách thức)	WT: Các chiến lược phòng thủ (Giảm các nhược điểm và hạn chế thách thức)
- Phát triển du lịch giá trị gia tăng cao thông qua đa dạng hóa phát triển nguồn tài nguyên trong du lịch, đồng thời hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa - Huy động các sáng kiến phát triển vùng để tránh đầu tư chồng chéo và thúc đẩy phát triển hạ tầng hiệu quả - Xây dựng năng lực của chính quyền và lãnh đạo địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và quản lý nhà nước, huy động các nguồn lực bên ngoài, và xây dựng mối quan hệ đối tác ứng phó với BĐKH - Huy động nguồn lực đào tạo hướng nghiệp trong các ngành kinh tế ưu tiên, trên cơ sở các nguồn lực đặc trưng của tỉnh, đặc biệt là ở khu vực phía Tây	- Đẩy mạnh khung thể chế và giám sát để kiểm soát phát triển đối với các khu vực dễ bị ảnh hưởng thiên tai - Nâng cao năng lực chính quyền địa phương nhằm xây dựng quan hệ đối tác với nhiều ngành cho phát triển công nghiệp và dịch vụ cạnh tranh - Thể chế hóa đánh giá tác động môi trường trong hệ thống quy hoạch - Đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật quốc tế nhằm tăng chất lượng phát triển dịch vụ và tăng cường các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao.

Quan điểm của CLPT Quảng Nam:

- Tăng trưởng nhanh liên quan tới phát triển bền vững thông qua tạo công ăn việc làm, phát triển gắn kết các khu vực đô thị nông thôn, và giảm tác động tiêu cực của phát triển;
- Phát triển tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh của địa phương, đồng thời sử dụng các cơ hội hội nhập và phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thúc đẩy huy động nguồn lực đa ngành;
- Con người là chủ thể quan trọng và là mục tiêu của phát triển bền vững;

CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC CƠ HỘI TĂNG TRƯỞNG XANH

Giải pháp I: Phát triển các cụm ngành và cụm đô thị động lực

- Đẩy mạnh các sáng kiến tăng trưởng xanh trong quy hoạch và phát triển các trung tâm đô thị động lực (Hội An, Tam Kỳ);
- Phát triển các vùng nguyên liệu cạnh tranh cho các cụm ngành, phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến;
- Đẩy mạnh phát triển trung tâm đô thị và các khu vực ven đô làm động lực cho các cụm kinh tế chủ chốt (Hội An-Điện Bàn, Tam Kỳ-Núi Thành, Hà Lam, Thanh Mỹ);
- Khuyến khích việc hình thành cụm cơ khí đa dụng dựa trên các cơ sở sản xuất hiện tại ở Chu Lai;
- Mở rộng các dịch vụ cảng biển, tài chính, dịch vụ thông quan, và tìm kiếm nguồn đầu tư phát triển ngành dịch vụ;

Cơ hội cho tăng trưởng xanh:

- a) Trung tâm Đô thị Xanh – Tam Kỳ: Đô thị hóa với cơ sở hạ tầng sạch (năng lượng mặt trời, công nghiệp xanh), các dịch vụ môi trường (cấp/xử lý nước), trung tâm giáo dục và nghiên cứu công nghệ cao;



- b) Phát triển Công nghiệp Xanh: mô hình thí điểm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực và sản xuất sạch hơn trong các ngành công nghiệp, làng nghề, chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch – các trung tâm thương mại;
- c) Phát triển đô thị sinh thái trong tổ hợp đô thị - du lịch – dịch vụ Hội An: nằm giữa các khu đô thị bên bờ biển và các khu nghỉ dưỡng Điện Bàn, khu phố cổ (Sông Cổ Cò và sông Trường Giang);

Giải pháp II: Phát triển du lịch bền vững với mối liên kết đô thị - nông thôn và liên kết vùng

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch của các điểm du lịch chính (Hội An và khu lân cận) đồng thời đẩy mạnh liên kết vùng;
- Phát triển du lịch giá trị gia tăng kết nối với nông nghiệp và ngành công nghiệp sáng tạo, đóng góp cho phát triển nông thôn;
- Đẩy mạnh phát triển du lịch xanh/sinh thái nâng cao tiêu chuẩn môi trường và quy hoạch thích ứng với BĐKH;
- Hỗ trợ các sáng kiến du lịch dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, tạo ra một điểm đến hấp dẫn cho Quảng Nam;
- Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch và phát triển cơ sở hạ tầng ở những khu du lịch chính.

Cơ hội cho Tăng trưởng Xanh:

- a) Du lịch sinh thái tổng hợp tại những điểm du lịch chính (Hội An – Khu vực lân cận):
- Du lịch sinh thái và văn hóa (làng sinh thái Cẩm Nam- Cẩm Kim, Trà Nhiêu được tiếp cận bằng một tour du lịch trên sông Thu Bồn – Trường Giang);
 - Cù lao Chàm là một điểm đến cho du lịch sinh thái và tuyên truyền giáo dục về đa dạng sinh học với mô hình du lịch địa phương dựa vào cộng đồng và các doanh nghiệp xã hội
 - Các hoạt động giao thông trên mặt nước được nhân rộng xung quanh khu vực Hồ Tam Kỳ - Phú Ninh;
- b) Du lịch nông nghiệp dựa vào cộng đồng/du lịch làng thủ công kết nối với sản xuất xanh và phát triển văn hóa (dệt Duy Xuyên, làng rau Trà Quế);
- c) Du lịch khu vực – cửa khẩu- đường mòn Hồ Chí Minh: với các hồ chứa nước, tự nhiên, cụm trang trại, bảo tồn hệ sinh thái ven sông, với sự tham gia của các cộng đồng thu nhập thấp ở khu vực phía Tây;
- d) Lập quy hoạch thích ứng với BĐKH tại các khu du lịch chính – Cầu Cửa Đại.



Các điểm du lịch Quảng Nam

Giải pháp III: Phát triển Hạ tầng cho tăng trưởng hiệu quả và giảm nghèo

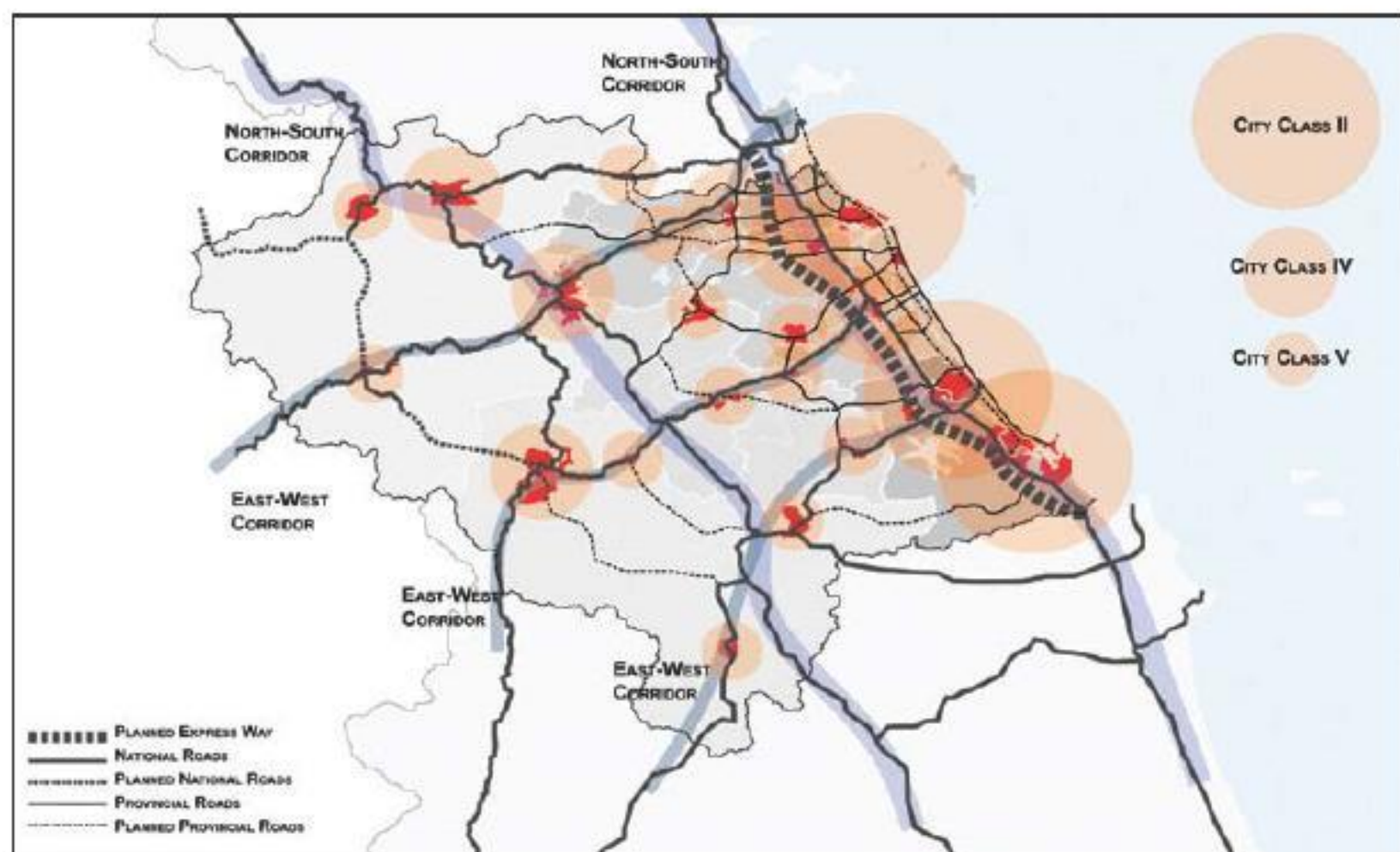
- Xây dựng và nâng cấp hạ tầng giao thông chiến lược để hỗ trợ các cụm ngành và trung tâm đô thị (Bắc Nam và Đông Tây) Các đường liên huyện chính kết nối với các trục đường lớn;
- Nâng cấp hạ tầng Cơ bản để hỗ trợ phát triển trung tâm thương mại – du lịch – đô thị chính – cấp nước / xử lý nước/ thoát nước / đồng thời nâng cao tính bền vững xã hội môi trường;
- Đẩy mạnh sự kết nối giữa khu vực phía Đông và phía Tây cho phát triển kinh tế nông thôn và xóa đói giảm nghèo
- Lồng ghép các giải pháp giảm nhẹ thiên tai vào phát triển hạ tầng tại các khu vực duyên hải và thượng nguồn;
- Thu hút đầu tư từ khối kinh tế tư nhân và cộng đồng vào cơ sở hạ tầng cơ bản, đặc biệt là kết nối giao thông và cấp nước ở khu vực phía Tây.

Cơ hội cho Tăng trưởng Xanh:

- a) Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước và xử lý nước để hỗ trợ phát triển công bằng và hiệu quả của các trung tâm đô thị chủ chốt (Hội An, Tam Kỳ, Điện Bàn);
- Nạo vét sông Cổ Cò và sông Trường Giang;
 - Nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và nước thải, hệ thống xử lý nước trong các khu công nghiệp ở vùng duyên hải miền Trung;
- b) Quản lý chất thải rắn tổng hợp ở cả khu vực đô thị và nông thôn:
- Nâng cấp mạng lưới thu gom chất thải, xử lý vận chuyển, phân loại ở các trung tâm đô thị mới (đặc biệt Phát triển Đô thị Xanh tại trực phát triển Bắc và Nam);
 - Quản lý chất thải rắn cho các khu vực nông thôn của tỉnh Quảng Nam đến năm 2020;
- c) Nâng cấp cơ sở hạ tầng để đa dạng hóa du lịch vùng kết nối với xóa đói giảm nghèo kết nối các tuyến đường chính với các khu du lịch sinh thái tiềm năng nằm giữa phía Đông và phía Tây:
- Nam Phoc-Mỹ Sơn, Tam Kỳ-Phú Ninh; các khu bảo tồn Sao La, khu vực sông Thanh;
 - Mở rộng điện lưới tới Cù Lao Chàm để phát triển du lịch dựa vào cộng đồng;
- d) Nâng cấp hệ thống hạ tầng thích ứng với BĐKH – bờ kè, đê bao, máy bơm).

Giải pháp IV: Quản lý môi trường tổng hợp và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng trung tâm Quản lý Tổng hợp Tài nguyên Nước để nâng cao chất lượng môi trường lưu vực;
- Đẩy mạnh Đánh giá TĐMT của các dự án đầu tư chính trong trực phát triển và các khu công nghiệp chính, giảm thiểu rủi ro xã hội;
- Phát triển hệ thống quan trắc để sử dụng hiệu quả năng lượng/nguồn lực cho các trung tâm thương mại – du lịch – đô thị chủ chốt;



Đẩy mạnh việc kết nối đường bộ giữa khu vực vùng núi phía Đông và phía Tây

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý để giảm thiểu tác động của thủy điện và phát triển công nghiệp chế biến trong các khu vực nhạy cảm về môi trường;
- Thể chế hóa các biện pháp khuyến khích và các chương trình hỗ trợ cho khối tư nhân (hợp đồng xanh);
- Nâng cao năng lực phối hợp đa ngành cho các vấn đề môi trường khu vực (như quản lý nguồn nước ở thượng nguồn – hạ nguồn).

Cơ hội cho Tổng trưởng Xanh

- Trung tâm Quản lý Tổng hợp Tài nguyên nước (với vai trò Quản lý Thiên tai) là một cơ chế điều phối, và cung cấp thông tin cần thiết cho quản lý lưu vực;
 - Tiến hành đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của doanh nghiệp và hộ gia đình trong khu ven biển làm cơ sở cho quy hoạch lưu vực sông và quản lý tiểu lưu vực;
 - Nâng cấp hệ thống quan trắc với các chỉ số về nguồn lực tự nhiên để đẩy mạnh kiểm soát cấp nước và quản lý chất lượng nước;
 - Sử dụng thông tin cơ sở để xây dựng các chỉ số sinh học cho quản lý môi trường tại các trung tâm du lịch – đô thị chủ chốt
- Khu công nghiệp sinh thái cho phát triển công nghiệp xanh:
- Phát triển khu công nghiệp xanh với công nghệ xanh, hệ thống tái chế, và xử lý ô nhiễm ở khu công nghiệp chính (Khu CN Điện Nam – Điện Ngọc);
 - Theo dõi quản lý chất thải rắn trong các ngành chế biến và

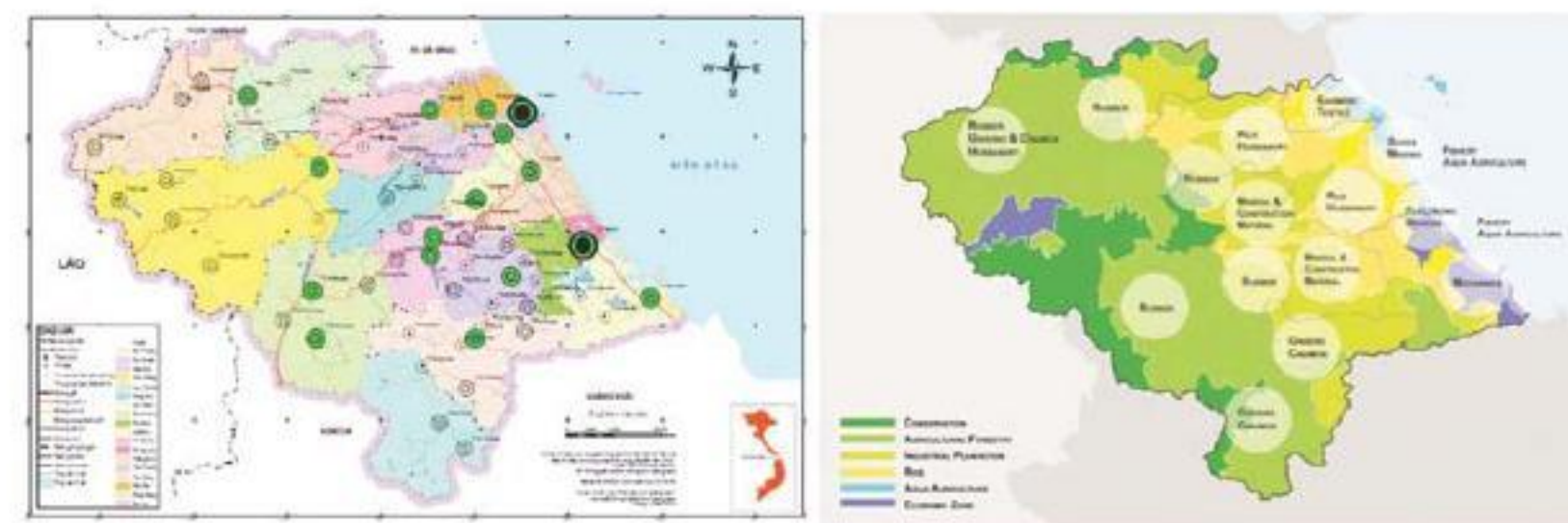
các làng nghề truyền thống ở khu đô thị và ven đô.

c) Biện pháp quản lý tài nguyên áp dụng ở các trung tâm thương mại – đô thị – du lịch:

- Quy hoạch phát triển Đô thị xanh lồng ghép các kế hoạch xây dựng xanh và phát triển hạ tầng cơ bản (quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải);
- Xử lý nước mưa và thoát nước xung quanh khu vực Hội An, lưu vực và thủy vực lân cận;
- Ký hợp đồng xanh với các ngành dịch vụ du lịch chủ chốt.

Giải pháp V: Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, tạo Liên kết đô thị - nông thôn và liên kết vùng:

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng thị trường tăng năng suất và chất lượng (tập trung vào các cây trồng đặc trưng như sắn);
- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu mới về du lịch và phát triển đô thị;
- Công nghiệp hóa nông thôn kết nối với du lịch, các ngành thủ công và chế biến sản phẩm nông nghiệp để tạo giá trị cao và tiếp cận thị trường lớn thuận tiện hơn;
- Thúc đẩy tiếp cận tốt hơn với hạ tầng cơ bản trong các khu vực nông thôn (cấp nước và kiểm soát lũ), thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn và công nghiệp hóa;
- Xây dựng các trung tâm đô thị hạt nhân ở khu vực miền núi và trung du đảm bảo sự liên kết giữa các tiểu vùng.



Bản đồ liên kết đô thị Quảng Nam

Cơ hội cho Tổng trưởng Xanh

- Sản xuất cạnh tranh cho phát triển nông thôn bền vững:
- Khu vực ven biển: canh tác thâm canh. Chuyển đổi từ canh tác lúa hiệu quả thấp sang canh tác hỗn hợp luân canh, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và rau;
 - Khu vực miền núi và trung du: cây cao su, cây công nghiệp và cây dược liệu có hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là Sâm Ngọc Linh và Quế Trà My
- Chương trình phát triển nông thôn kết nối với du lịch xanh và sản xuất sạch:
- Du lịch nông thôn (tràng trại sạch, thức ăn truyền thống, làng du lịch) ở các khu ven đô và nông thôn;
 - Phát triển nông nghiệp xanh với sự hỗ trợ của các doanh nghiệp và trường học trong việc cấp chứng nhận cho các sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp xanh đạt tiêu chuẩn;
- Mô hình làng xã kết hợp với bảo tồn môi trường và du lịch:
- Làng chài – nông nghiệp trên sông Trường Giang (Làng Tam Giang, Tam Hiệp, Tam Hòa), kết hợp chế biến hải sản, bảo tồn môi trường và du lịch sinh thái;
 - Mô hình làng truyền thống – thủ công – nông nghiệp: các khu làng nằm giữa các tuyến đường dọc bờ biển và đường cao tốc mới. Du lịch dựa vào cộng đồng kết hợp quản lý tài nguyên thiên nhiên.

d) Phát triển đô thị hạt nhân ở trung tâm huyện miền núi đóng vai trò kết nối phát triển vùng nhằm tiếp cận tốt hơn các hạ tầng cơ bản và xã hội.

e) Bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng giúp tránh suy thoái tài nguyên rừng và ô nhiễm nước do nông nghiệp

Giải pháp VI: Quản trị địa phương hiệu lực hiệu quả

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư
- Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm phát triển năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý và hành chính ở mọi cấp;
- Cải cách quy trình quy hoạch hướng tới phương pháp tiếp cận có sự tham gia nhằm huy động các nguồn lực bên ngoài;
- Nâng cao tính minh bạch trong xây dựng và thực hiện chính sách. ■

Sáng kiến Đô thị Xanh của ADB

Một tương lai đô thị bền vững ở Châu Á và Thái Bình dương

Tác động toàn cầu của thách thức môi trường đô thị Châu Á

Đô thị hóa với tốc độ nhanh là một đặc điểm nổi bật của Thế kỷ 21, với trọng tâm là chất lượng và môi trường tự nhiên của các thành phố trên thế giới. Các thành phố đóng góp đến 80% GDP của Châu Á, tuy nhiên kèm theo đó là đóng góp một tỷ lệ tương tự lượng khí nhà kính phát thải một cách trực tiếp và gián tiếp. Các thành phố Châu Á trong 20 năm tới vẫn sẽ là nguồn đóng góp đáng kể như vậy nếu không có bất kỳ can thiệp nào. Chi phí ô nhiễm cũng khá lớn – hậu quả của ô nhiễm không khí làm giảm GDP từ 2-4%.

Nhiều thành phố lớn nhất của Châu Á với số dân khoảng vài trăm triệu người nằm ở các vùng duyên hải và có mức độ tổn thương cao đối với các tác động của biến đổi khí hậu. Và người nghèo là những người đặc biệt dễ bị tổn thương. Việc thay đổi mô hình là cần thiết và khẩn cấp để đáp ứng được những thách thức này.

Hướng tới đô thị xanh ở Châu Á

Kế hoạch Phát triển Đô thị 2012-2020 đưa ra những chỉ dẫn cho ADB trong việc ứng phó với những thách thức đô thị thông qua thúc đẩy đầu tư và phát triển bền vững. Kế hoạch này sử dụng biện pháp tiếp cận 3E (Môi trường, Kinh tế và Bình đẳng) để xây dựng những thành phố bền vững, sống động với các tiêu chí Xanh, Cảnh tranh, Bao phủ toàn diện. Với cơ

chế sẵn có trong việc xây dựng dự án và nguồn tài chính ưu đãi, Sáng kiến Đô thị Xanh của ADB sẽ đưa Kế hoạch Phát triển Đô thị ADB vào thực tiễn.

Thiết lập cam kết lâu dài, đạt được tầm nhìn dài hạn.

Thông qua Sáng kiến Đô thị Xanh, ADB sẽ hợp tác với các thành phố có cam kết đối tác lâu dài (15-20 năm) để hiện thực hóa kế hoạch. Một cam kết lâu dài với Sáng kiến sẽ giúp ADB hợp tác với các thành phố trong việc xây dựng kế hoạch đô thị xanh có sức chống chịu và



thiết lập đối tác quản lý đô thị nhằm:

- Xác định các dự án xanh (ngắn hạn đến dài hạn);
 - Tiến hành các nghiên cứu khả thi;
 - Phát triển mô hình tài chính sáng tạo cho các dự án hạ tầng xanh;
 - Xác định ưu tiên và lên chương trình đầu tư, bao gồm các phương án tài chính.
- Các đô thị xanh được kỳ vọng sẽ phát triển đáng kể trong 15-20 năm tới. Các hoạt động cho vay cấp vốn (cấp nhà nước và ngoài cấp nhà nước) được kỳ vọng sẽ tăng lên từ sau năm 2015. ADB và các đối tác phát triển có thể hỗ trợ các nước thành viên hiện thực hóa Chiến lược tăng trưởng xanh thành các đô thị xanh trên thực tế.

Xây dựng một diễn đàn kiến thức để xây dựng quan hệ đối tác và học hỏi lẫn nhau.

ADB sẽ thúc đẩy nâng cao năng lực thể chế, lồng ghép Tăng trưởng Xanh, như một mô hình mới trong việc nâng cấp các trung tâm đô thị, vào các Quốc gia thành viên đang phát triển. Quan

hệ đối tác với các tổ chức phát triển đô thị và cơ chế học hỏi lẫn nhau sẽ được thiết lập nhằm xây dựng Năng lực cho các chính phủ trong việc cải cách chính sách và thiết kế các chương trình hỗ trợ thực hiện kế hoạch hành động đô thị xanh. Các chương trình này bao gồm cả xây dựng kỹ năng thông qua chương trình giáo dục cải tiến và nâng cao nhận thức xã hội dân sự, tạo động lực cho nền kinh tế xanh thông qua nền công nghiệp xanh.

Thúc đẩy lòng tin và mối quan tâm của khối tư nhân

Các tổ công tác sẽ được thành lập ở cả cấp chính phủ trung ương và chính quyền địa phương để thúc đẩy việc lồng ghép các chiến lược tăng trưởng xanh vào các chính sách phát triển kinh tế quốc gia lâu dài. Cam kết lâu dài đó nhằm mục đích khuyến khích sự tham gia của khối tư nhân vào các cơ chế tài chính cho việc phát triển hạ tầng xanh để các quỹ hưu trí, các công ty bảo hiểm, và các công ty tư nhân có thể đầu tư với sự bảo lãnh của chính phủ.

Từ các kế hoạch hành động đô thị xanh thành các dự án hạ tầng xanh

ADB đặt mục tiêu trở thành một trung tâm xuất sắc khu vực vì mục tiêu phát triển đô thị bền vững. Kế hoạch Hành động Đô thị Xanh (GCAPs), được xây dựng trong Sáng kiến và được thông báo thông qua các đối tác tri thức, sẽ nâng cao chất lượng và sức kháng cự của các dịch vụ đô thị. Các kế hoạch sẽ lồng ghép quy hoạch đô thị tổng hợp và quá trình phát triển thông qua việc áp dụng các tiêu chí môi trường và phương pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. GCAPs sẽ lên đề cương đề xuất dự án cho các thành phố thực hiện với đối tác ADB và các đối tác phát triển khác.

Tài trợ các dự án hạ tầng xanh

Quỹ Hạ tầng Xanh Châu Á đặt tại ADB, trong Quỹ Đối tác Tài chính Đô thị, được đề xuất làm chất xúc tác cho nguồn tài chính địa phương với đối tác là các tổ chức quốc tế phát triển hạ tầng xanh. Các nguồn tài chính địa phương có thể được cung cấp thông qua nợ quốc gia và/hoặc các quỹ vốn tự có, trong đó nguồn tài chính quốc tế có thể tham gia trực tiếp hoặc đồng tài trợ. Về lâu dài, các quỹ như vậy có thể khởi động một thị trường trái phiếu hạ tầng đô thị xanh để chuyển những nguồn vốn đáng kể từ các quỹ hưu trí và bảo hiểm trong nước và quốc tế thành cơ sở hạ tầng và tiện ích đô thị bền vững, hiệu quả và cần thiết.

Sáng kiến Đô thị xanh, thông qua chia sẻ kiến thức và các cơ chế tài chính rộng rãi sẽ tập trung vào các phương thức sáng tạo nhằm giảm tác động của biến đổi khí hậu và tăng sức kháng cự với BĐKH. Sáng kiến sử dụng các cơ cấu hiện tại với các mô hình chuẩn và các cơ chế theo dõi đã được thiết lập nhằm đạt được các kết quả cụ thể, mang lại lợi ích khu vực và toàn cầu. ADB tìm mối quan hệ đối tác với các cơ quan Châu Á nhằm đạt được những kết quả mong muốn đó. ■

“Một thành phố sống động kêu gọi một biện pháp tiếp cận mới đối với phát triển đô thị và hỗ trợ của ADB cho sự phát triển đó.”

Sáng kiến Đô thị Xanh giải quyết các thách thức đô thị hóa nhanh chóng thông qua:

- Xây dựng ADB thành một Trung tâm Xuất sắc về phát triển đô thị bền vững;
- Lắp khoảng trống giữa quy hoạch đô thị và quản lý môi trường;
- Thiết lập sự hợp tác chặt chẽ giữa các ngành tham gia vào quy hoạch đô thị;
- Kết nối với nguồn tài chính xanh đảm bảo cam kết dài hạn để đạt được tầm nhìn dài hạn.

“ADB và các đối tác phát triển có thể hỗ trợ các quốc gia thành viên đang phát triển biến các chiến lược tăng trưởng xanh thành các đô thị xanh”

Phương pháp Quy hoạch năng lượng địa phương

Hướng đi thiết thực trong phát triển nguồn năng lượng mới và tái tạo cho các cộng đồng nông thôn Việt Nam

HOÀNG THANH BÌNH - Green ID

BỐI CẢNH VÀ LÝ DO THỰC HIỆN QUY HOẠCH NĂNG LƯỢNG ĐỊA PHƯƠNG (LEP)

Trong suốt những thập niên vừa qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác xóa đói giảm nghèo, kinh tế tăng trưởng nhanh và đẩy mạnh công nghiệp hóa. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) trong báo cáo phát triển Việt Nam năm 2011, phát triển kinh tế của Việt Nam chưa bền vững, chủ yếu vẫn dựa vào sử dụng khai thác tài

nguyên với cường độ cao, hiệu quả thấp, nhiều ngành sản xuất tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường và phát thải các-bon trong khi các mô hình phát triển thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên lại chưa phát triển. Quá trình phát triển này đã gây ra những ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe người dân, chất lượng môi trường, tài nguyên thiên nhiên và tác động tiêu cực tới đa tầng trưởng kinh tế bền vững.

Cho tới nay, chính sách năng lượng điện của quốc gia mới chỉ tập trung ưu tiên tăng công suất phát điện thông qua đầu tư vào than đá, dầu và thủy điện quy mô vừa và lớn. Trong khi đó, tiềm năng to lớn của quốc gia về năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả và các giải pháp quản lý nhu cầu chưa được khai thác đúng mức. Thêm vào đó, quy trình xây dựng chính sách

năng lượng hiện tại vẫn còn nhiều bất cập, chưa có nhiều thảo luận về kịch bản năng lượng thay thế cả về dự báo và phát triển năng lượng bền vững. Kế hoạch phát triển năng lượng hiện nay chủ yếu được thiết kế nhằm hỗ trợ mục tiêu quốc gia và ngành trong khi sự tham gia của các bên liên quan ở cả cấp trung ương và địa phương còn hạn chế. Góp phần vào nỗ lực chung để giải quyết những thách thức trên, Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID) trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã khởi xướng chương trình hành động **thúc đẩy phát triển năng lượng bền vững** cho Việt Nam và khu vực Mê Công với sự trợ giúp ban đầu của Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc Tế của Thụy Điển (Sida) và tổ chức WWF Việt Nam. Trong chương trình này, GreenID cùng ba tổ chức đối tác bao gồm Trung tâm Phát triển Bền vững Tài nguyên Nước và Thích nghi với Biến đổi khí hậu (CEWAREC), Tổ chức Bảo tồn Thiên Nhiên Thụy Điển (SSNC) và Tổ chức Năng lượng bền vững của Đan Mạch (SE) đã sáng lập Liên minh Năng lượng (xem tài liệu đính kèm) để triển khai thực hiện một số nghiên cứu, tọa đàm đề xuất chính sách phát triển năng lượng bền vững và đặc biệt triển khai thí điểm một cách tiếp cận mới trong phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho các vùng nông thôn đó là: **Quy hoạch Năng lượng địa phương (LEP)**.

Phương pháp Quy hoạch Năng lượng địa phương hiện đang được GreenID

và Liên minh năng lượng triển khai thí điểm tại địa bàn của 2 xã Nam Cường và Bắc Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Đây là 2 xã đầu tiên ở Việt Nam được chọn để áp dụng phương pháp Quy hoạch Năng lượng địa phương với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia Năng lượng đến từ Thụy Điển, Đan Mạch và Thái Lan.

GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP QUY HOẠCH NĂNG LƯỢNG ĐỊA PHƯƠNG

Quy hoạch Năng lượng địa phương (LEP) là một phương pháp tiếp cận còn khá mới mẻ và lạ lẫm với người dân Việt Nam cũng như một số nước trong khu vực trong lĩnh vực năng lượng. Đây là phương pháp quy hoạch **do** cộng đồng địa phương, những người trực tiếp sinh sống trên địa bàn chủ động thực hiện chứ không phải là quy hoạch được làm **cho** cộng đồng. Quy hoạch năng lượng địa phương chính là việc người dân và chính quyền địa phương cùng nhau xây dựng một kế hoạch năng lượng chung để giúp họ giải quyết các vấn đề liên quan đến Năng lượng, và môi trường trên địa bàn. Khác với các phương pháp quy hoạch truyền thống khác, những người dân địa phương thường là những người bị động nhận các kế hoạch, quy hoạch từ các cấp cao hơn, ở phương pháp quy hoạch năng lượng địa phương, người dân địa phương chính là nhân tố quyết định trong suốt quá trình

thực hiện quy hoạch. Nếu đặt LEP trong một phương trình toán học thì sẽ có công thức thú vị như sau: Để thực hiện quy hoạch năng lượng địa phương, dự án đã thành lập 2 nhóm công tác chuyên trách: nhóm nòng cốt bao gồm các cán bộ kỹ thuật của các thành viên trong Liên minh Năng lượng Việt Nam và nhóm công tác năng lượng địa phương tại từng xã. Nhóm nòng cốt dẫn dắt, điều hành và hỗ trợ kỹ thuật cho nhóm công tác năng lượng địa phương trong suốt quá trình phát triển quy hoạch năng lượng của từng xã. Quy hoạch năng lượng địa phương bao gồm 6 bước chính được hệ thống hóa theo sơ đồ 1:

Bước 1: Lựa chọn nhóm thành viên tích cực trong cộng đồng: Như đã đề cập ở trên, các thành viên tham gia vào nhóm công tác trong cộng đồng sẽ là nhân tố chính của quá trình quy hoạch, vì vậy chúng ta cần lựa chọn ra những thành viên tích cực, tự nguyện và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Đây là nhóm sẽ quyết định và có ảnh hưởng tới tính khả thi của quy hoạch được lập, do vậy thường bao gồm các đại diện cho chính quyền địa phương, các hội đoàn thể, trường thôn và một số người có uy tín trong cộng đồng. Nhóm công tác này sẽ được tập huấn và đào tạo để hiểu về các bước thực hiện cũng như mục tiêu của dự án. Kết quả chính của bước này là thành lập được một nhóm công tác Năng lượng địa phương dưới sự hỗ trợ của nhóm công tác nòng cốt.



Sơ đồ 1

Bước 2: Phân tích tình huống: Quy hoạch năng lượng địa phương nhấn mạnh đến sự tham gia của cộng đồng dựa trên các yếu tố, vấn đề ưu tiên cụ thể tại địa bàn. Vì vậy, để có một kế hoạch tốt, những thông tin được đưa vào cần phải đảm bảo độ tin cậy, chính xác và phản ánh đúng thực trạng của địa phương. Quá trình thu thập thông tin sẽ được thực hiện bằng nhiều cách: Phỏng vấn, điều tra bằng bảng hỏi, thảo luận nhóm, bản đồ... Nhóm công tác năng lượng địa phương sẽ được đào tạo về cách thu thập số liệu và phỏng vấn phục vụ cho công tác điều tra thông tin tại cộng đồng. Sau khi đã có dữ liệu, nhóm công tác nòng cốt của dự án sẽ tổng hợp và phân tích các thông tin thu thập được bằng các phần mềm chuyên dụng. Dựa trên các số liệu

thu thập và phân tích, người dân sẽ cùng nhóm năng lượng địa phương xác định các vấn đề, thách thức mà họ đang phải đối mặt để từ đó lựa chọn ra các vấn đề cần ưu tiên giải quyết. Kết quả chính của bước hai là xây dựng được một cơ sở dữ liệu về thông tin năng lượng của địa phương và lựa chọn được các vấn đề ưu tiên giải quyết.

Bước 3: Xác định mục tiêu: Sau khi đã xác định được các vấn đề ưu tiên của địa phương, nhóm công tác địa phương sẽ xác định các mục tiêu cần đạt được bao gồm cả mục tiêu dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn. Các mục tiêu ngắn hạn phải nhất quán và hỗ trợ cho mục tiêu dài hạn. Mục tiêu ngắn hạn nên đạt được trong giai đoạn thực hiện của một chương trình dự án. Trong một kế

hoạch không nên xác định quá nhiều mục tiêu và sau khi đã xác định được các mục tiêu, cần quảng bá để tìm kiếm sự đồng thuận của cộng đồng. Sau bước này, một cây mục tiêu sẽ được thiết lập.

Bước 4: Tìm kiếm giải pháp: Một trong những điểm quan trọng của LEP là cần có những giải pháp về công nghệ để thay thế cho các giải pháp hiện có. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ là những người giúp để tìm ra các giải pháp sẵn có và phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương, phân tích và chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của mỗi phương pháp để có giá trị so sánh. Với mỗi công nghệ cần xây dựng các kịch bản tương ứng với mỗi loại công nghệ đó để người dân địa phương tự lựa chọn. Sau đó, nhóm công tác nông cốt cùng nhóm công tác địa phương sẽ tổ chức tham vấn để người dân chọn ra các giải pháp phù hợp với điều kiện của địa phương mình. Sản phẩm cuối cùng của bước này là các kịch bản năng lượng thay thế ứng với các mô hình công nghệ khác nhau.

Bước 5: Xây dựng kế hoạch: Sau khi tất cả các dữ liệu đã sẵn sàng, cần đưa chúng vào một kế hoạch chung và cụ thể hóa theo một khung logic để dễ dàng quản lý và giám sát. Nhóm công tác nông cốt và nhóm công tác Năng lượng địa phương sẽ cùng phối hợp để thực hiện việc này. Đồng thời, nhóm nông cốt sẽ hỗ trợ để tìm kiếm thêm các

nguồn tài trợ cho việc thực hiện các giải pháp đã lựa chọn. Một kế hoạch hoàn chỉnh phản ánh các vấn đề Năng lượng của địa phương và các giải pháp thay thế sẽ được thể hiện ở bước này.

Bước 6: Hành động, quản lý, giám sát và quảng bá: Sau khi đã có một kế hoạch chung cho cộng đồng, bước tiếp theo là cần phải thực hiện kế hoạch đó. Biến các mục tiêu thành các hoạt động thực tiễn. Tổng hợp kết quả và quảng bá để nhân rộng mô hình. Ở bước này, cộng đồng địa phương sẽ chính là những người quảng bá mô hình đến các địa bàn khác trong khu vực.

LỢI ÍCH CỦA MÔ HÌNH QUY HOẠCH NĂNG LƯỢNG ĐỊA PHƯƠNG

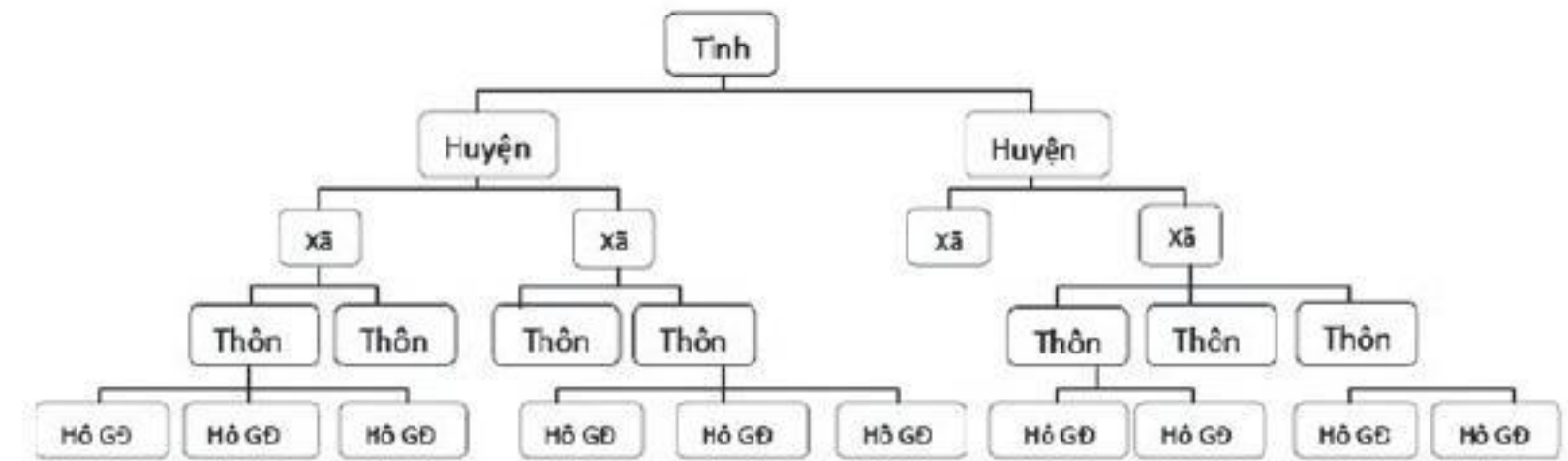
Từ thực tiễn tổng kết mô hình quy hoạch năng lượng địa phương đã được triển khai tại một số nước như Thái Lan, Mozambique, có thể thấy với hướng tiếp cận từ dưới lên trên, và do chính những người dân địa phương thực hiện, phương pháp quy hoạch năng lượng địa phương đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng bao gồm:

- Cải thiện điều kiện kinh tế địa phương do tận dụng được các nguồn lực tại chỗ và sử dụng hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên địa phương.
- Tạo cơ hội việc làm cho người dân địa

phương thông qua phát triển các mô hình công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả tại chỗ. VD: Mô hình sản xuất đầu sinh học từ các cây nông nghiệp, mô hình sản xuất than củi, mô hình sản xuất các loại bếp than cải tiến...

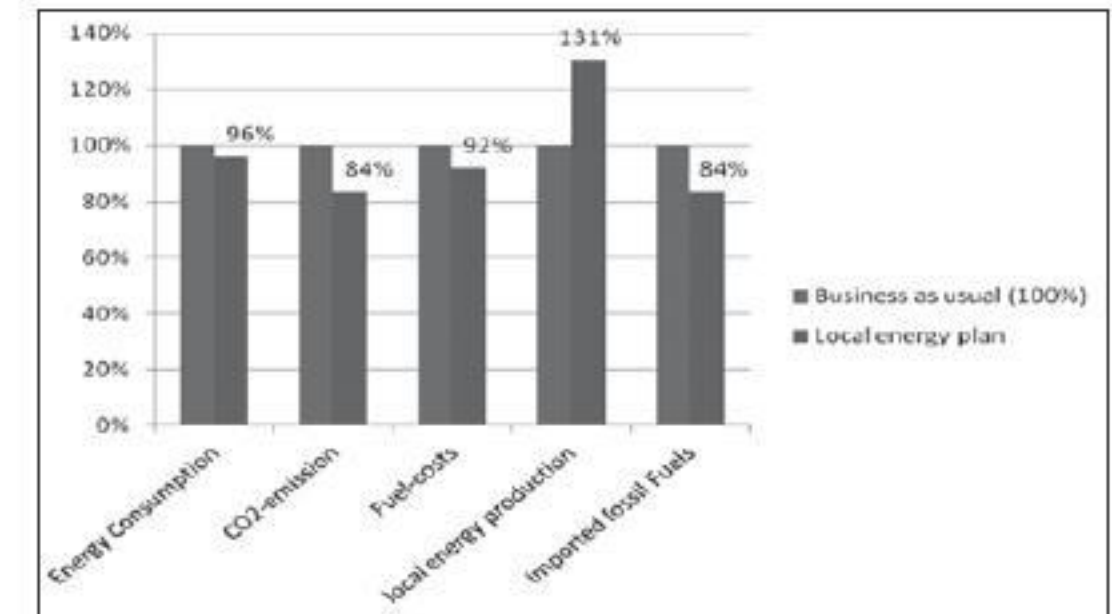
- Góp phần cải thiện chất lượng môi trường tốt hơn;
 - Giải quyết vấn đề quản lý chất thải tại cộng đồng;
 - Giúp cộng đồng tăng cường năng lực thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền thông...
 - Tạo ra cơ sở dữ liệu tốt để sử dụng cho các quy hoạch ở cấp cao hơn.
 - Bằng việc kết hợp và lồng ghép các kế hoạch năng lượng địa phương, các kế hoạch ở cấp cao hơn sẽ được xây dựng.
- Giống như việc xây dựng một trò chơi ô chữ hay một bức tường, mỗi viên gạch có tầm quan trọng như nhau để xây lên một bức tường vững trãi. Do đó, một kế hoạch năng lượng tốt của tỉnh nên dựa vào các thông tin đầu vào từ các kế hoạch năng lượng của địa phương. Qua nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng LEP tại tỉnh Chantaburi ở Thái Lan, chúng tôi nhận thấy kế hoạch năng lượng của tỉnh này đưa ra một số mục tiêu như:

- a) Thay thế việc nhập khẩu một số nhiên liệu như dầu Diesel và dầu thô bằng dầu sinh học và khí sinh học được sản xuất tại địa phương.
 - b) Giới thiệu các thiết bị điện có hiệu suất năng lượng cao hơn.
- Trên thực tế, sau hơn 7 năm thực hiện kế hoạch năng lượng của tỉnh với việc áp dụng phương pháp LEP, tỉnh này đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:
- Giảm 4% năng lượng tiêu thụ;
 - Giảm 16% lượng phát thải CO₂;
 - Giảm 8% giá nhiên liệu;
 - Tăng sản xuất năng lượng địa phương 31% (Tạo việc làm và cải thiện kinh tế địa phương);
 - Giảm 16% nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch từ bên ngoài.
- Hiện nay, chương trình dự án đã gặt hái được một số thành công bước đầu: Đã giúp 2 xã xây dựng được 2 kế hoạch năng lượng và đang trong giai đoạn triển khai một số mô hình cụ thể dựa theo



Sơ đồ tiếp cận quy hoạch năng lượng địa phương

kế hoạch năng lượng của từng xã, được người dân hưởng ứng cao. VD như: Mô hình Biogas cấp hộ, bình nước nóng Năng lượng mặt trời, bếp đun cải tiến, bóng đèn LED tiết kiệm điện, ủ phân vi sinh, phân loại rác tại hộ... Theo đó, kế hoạch của 2 xã cũng đã được chia sẻ ở nhiều địa phương khác nhau như: Nam Định, Huế... và đặc biệt tại hội thảo về Phát triển Năng lượng bền vững tại Hà Nội do Ủy ban Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Hội phối hợp với Liên minh Năng lượng và Liên hiệp các hội KHKT Việt Nam tổ chức. Sự chia sẻ của 2 xã được đánh giá rất cao và mang lại một tín hiệu vui cho các vùng nông thôn Việt Nam, nơi có tiềm năng về năng lượng nhưng chưa được khai thác một cách hiệu quả, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Thông qua chương trình này, chúng tôi mong muốn giới thiệu một mô hình thực tiễn có thể áp dụng ở các vùng nông thôn Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo ở Việt Nam hướng tới giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, quản lý hiệu quả nguồn rác thải, xây dựng các cộng đồng Xanh và Kinh tế Xanh. Chúng tôi mong đợi sự thành công của mô hình sẽ giúp tăng cường tính chủ động hưởng ứng hành động Xanh của các địa phương và lồng ghép cách tiếp cận này vào chương trình phát triển nông thôn mới và phát triển Kinh tế Xanh mà chính phủ đang phát động để đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia và mang lại lợi ích thiết thực cho các cộng đồng dân cư, tạo thành một mô hình quy hoạch cấp cơ sở tốt, là chìa khóa cho các quy hoạch ở cấp cao hơn. ■



Kết quả quy hoạch Năng lượng địa phương, Tỉnh Chantaburi, Thailand 2004-2011

Nguồn: Sustainable Energy



Hướng dẫn nhóm công tác địa phương cùng người dân xác định mục tiêu



Triển lãm giới thiệu về các mô hình công nghệ

Ảnh 1. Một góc tòa nhà chính phủ The Binnenhof (Nguồn: tác giả)



Tham gia cộng đồng và trách nhiệm của cư dân thành phố The Hague, Hà Lan

THS. NGUYỄN DIỆP QUÝ VY

Khoa Đô thị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Nếu Amsterdam là thủ đô kinh tế - văn hóa của Hà Lan thì The Hague (tiếng Hà Lan: *Den Haag*) được xem là trung tâm chính trị, nơi diễn ra các hoạt động quan trọng nhất của Chính phủ đất nước này. Tòa lạc ngay tại trung tâm của Châu Âu, là điểm giao thoa giữa các thủ đô và thành phố lớn như London, Frankfurt, Berlin, Paris và Rotterdam, The Hague còn được biết đến với tên gọi *Thủ đô của Hòa Bình và Công Lý*. Hội nghị Hòa Bình Thế Giới lần đầu tiên đã được tổ chức tại đây vào năm 1899. Ngày nay, Thành phố là nơi đặt trụ sở của Tòa án Công Lý Quốc Tế, một phân ban trực thuộc tổ chức Liên Hiệp Quốc và gần

như của tất cả các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến hòa bình. Tính chất này cùng với những di sản kiến trúc đồ sộ được thừa hưởng từ nền văn minh Âu Châu cổ xưa đã làm cho The Hague trở thành một trong những điểm du lịch nổi tiếng, dù chỉ là thành phố lớn thứ ba của Hà Lan sau Amsterdam và Rotterdam. Đến với The Hague, du khách không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tráng lệ của cụm tòa nhà chính phủ The Binnenhof, cung điện Noordeinde nơi làm việc của Hoàng Gia Hà Lan và lâu đài Vredespaleis nổi danh với hoạt động của Tòa án Công Lý. Những bảo tàng, phố đi bộ mua sắm, các quán cà

phê ngoài trời, chợ trung tâm... càng tôn thêm vẻ sinh động, quyến rũ của thành phố này. Tuy nhiên, còn một yếu tố khác, cũng ấn tượng không kém và có lẽ được ít người biết đến hơn là những sáng kiến nâng cao sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng trong các vấn đề đô thị như nghèo đói, an ninh và phát triển cộng đồng nói chung mà chính quyền thành phố và các quận đã cố gắng duy trì trong nhiều năm qua. Hai trường hợp dưới đây là minh họa cho những nỗ lực của chính quyền và người dân thuộc quận Laak, một quận có tỷ lệ người nghèo và nhập cư thuộc vào loại cao nhất của The Hague, Hà Lan.

Trung tâm 'Adam' (Father Centre Adam)

Adam ra đời dựa trên sáng kiến của nhân viên công tác xã hội Anita Schwab, người đã góp công đáng kể cho sự thành lập những trung tâm dành cho các phụ nữ thuộc nhóm thiệt thòi, yếu thế ở Hà Lan trong những năm 1980 và 1990. Đến năm 1999, khi ấn phẩm về những trung tâm phụ nữ này được giới thiệu đến Hội đồng Thành phố ở The Hague, rất nhiều người đã đặt ra câu hỏi tại sao không có những cơ sở như vậy dành cho nam giới. Một cuộc khảo sát trên đường phố do chính Schwab triển khai ngay sau đó ở Laak đã cho thấy nam giới thật sự có nhu cầu được chia sẻ những khó khăn và thay đổi cuộc đời khi rơi vào hoàn cảnh không may, chỉ có điều



Ảnh 3. Các thành viên của Trung tâm đang chia sẻ những kinh nghiệm của mình

Ảnh 2. Lâu đài Vredespaleis. (Nguồn: tác giả)



họ không đủ dũng cảm để nói lên mong muốn của mình như nữ giới. Swab đã thử nghiệm bằng việc tổ chức một khóa học ngắn hạn về kỹ thuật xây dựng tại một tòa nhà đổ nát với sự hỗ trợ kinh phí của địa phương. Những học viên sau đó đã giúp sức trong việc xây mới lại tòa nhà, nơi trở thành trụ sở hoạt động chính thức của trung tâm Adam vào năm 2001. Dự định đầu tiên của trung tâm là hỗ trợ cho khoảng 50 nam giới có hoàn cảnh khó khăn được cải thiện đời sống, tuy nhiên, đến năm 2007 đã có tổng cộng 2.500 người là thành viên. Họ thuộc nhiều nhóm tuổi khác nhau, gần 81% là người nước ngoài đến định cư ở The Hague nhưng tất cả đều có điểm chung ở cuộc sống thiếu may mắn. Rất nhiều người trong số họ đã ly hôn và mất việc làm (ở Hà Lan nữ giới thường được ưu tiên, vì thế nam giới có thể không còn tài sản, thậm chí nhà riêng sau khi ly hôn). Tại Adam, những thành viên này đã tìm lại được cuộc sống và sự tự tin của bản thân bằng cách cống hiến sức mình cho xã hội. Hiện nay, trung tâm triển khai rất nhiều khóa học ngắn hạn với thời gian mười tuần cho mỗi khóa và học phí vừa phải. Các khóa học này cung cấp những kỹ năng nghề nghiệp như tin học, ngôn

ngữ, may vá, nấu ăn, làm mộc cho đến những kỹ năng sống như bảo vệ sức khỏe, sơ cấp cứu... Giáo viên của những khóa học chính là các thành viên của trung tâm. Những ai không có khả năng đứng lớp sẽ đảm nhận những công việc khác như nấu ăn cho các thành viên, làm vệ sinh... Một chiếc xe bus do địa phương tài trợ và chính tài xế của trung tâm đảm nhiệm việc đưa đón người dân tại quận Laak miễn phí nếu họ có nhu cầu. Tiền thu được sẽ dùng để duy trì sự tồn tại của trung tâm, đồng thời giúp cải thiện cuộc sống cho các thành viên. Triết lý của trung tâm là mỗi người đều có những khả năng nhất định, tuy nhiên khả năng đó có thể bị giới hạn hoặc triệt tiêu bởi những khó khăn họ phải đối mặt. Sự cô đơn, mặc cảm... vì không còn nhà ở, không có gia đình, thất nghiệp... là những điều không may mà các thành viên đã từng trải qua. Trung tâm Adam, một sáng kiến của địa phương, đã giúp cho những người đàn ông này tìm lại ý nghĩa cuộc sống, phát huy khả năng của mình để trở thành những con người có ích cho xã hội. Bằng cách này, quận Laak cũng góp phần đáng kể vào việc nâng cao tinh đoàn kết trong khu phố, giảm thiểu các tệ nạn xã hội và tình trạng đói nghèo tại một khu vực là nơi

tập trung khá nhiều những gia đình có thu nhập thấp, trung bình và những người nhập cư.

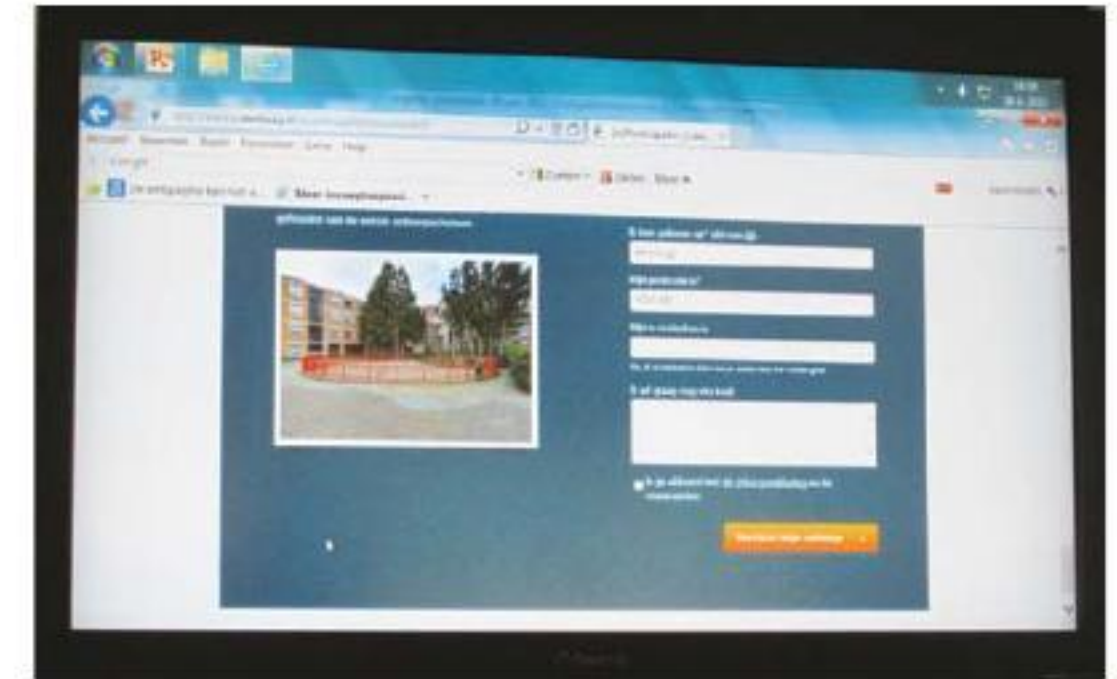
Sân chơi cho trẻ em và thanh thiếu niên

Quy hoạch không gian và sử dụng không gian công cộng ở các quận của The Hague không có những quy định cụ thể nào dành cho nhóm đối tượng trẻ em và thanh thiếu niên. Tuy nhiên, nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương như người tàn tật, người lớn tuổi và trẻ em đều được xem xét trong quá trình lập kế hoạch. Một chương trình đặc biệt của Thành phố có tên *'The Samen Spelen'* (Playing Together – Vui chơi cùng nhau) đã lấy thanh thiếu niên và trẻ em làm trọng tâm trước tình hình bãi đậu xe và nhà ở được ưu tiên xây dựng nhiều hơn các sân chơi dành cho người trẻ. Mục tiêu của chương trình là đem đến không gian vui chơi thích hợp, qua đó giảm thiểu tình trạng quấy rối trật tự trị an và đập phá tài sản công cộng của thanh thiếu niên. Nâng cao môi trường và tiêu chuẩn sống của từng khu phố thông qua việc tạo dựng văn hóa sinh hoạt lành mạnh trong những người trẻ và phát triển các tiện nghi đô thị cho hoạt động vui chơi – giải trí cũng không nằm ngoài mục tiêu của chương trình này.

Chương trình được triển khai ở nhiều quận khác nhau của The Hague, nhưng Laak là một trong những nơi được đặc biệt chú ý do tình trạng đói nghèo và có tỷ lệ tội phạm là thanh thiếu niên khá cao so với các quận khác. Chính quyền Laak nhận được từ Thành phố một ngân sách đáng kể để phát triển các tiện nghi nói trên, nhưng vấn đề là làm sao để sử dụng số tiền này một cách hiệu quả.

Một cuộc khảo sát được tiến hành bởi chính quyền địa phương có sự tham gia của những chuyên gia về thể thao, những nhân viên quản lý trong quận (district coordinator) và sự trợ giúp của nhóm tình nguyện The Hague (The Hague Support Group for Playgrounds). Tất cả các sân chơi được đánh giá lại xem đã đáp ứng được nhu cầu của người trẻ hay chưa và cần có thêm những tiện nghi gì để đáp ứng tốt các nhu cầu đó. Các cuộc khảo sát này thường được tiến hành vào chiều thứ Tư hoặc cuối tuần, vào thời điểm mà các trẻ em và thanh thiếu niên tập trung tại những khu vực này để vui chơi. Ý kiến thu thập từ những người trả lời sau đó đã được xử lý để phục vụ cho việc xây dựng hình ảnh của sân chơi và các tiện nghi cần có.

Một ví dụ cho sự thành công của chương trình là sân chơi gần trụ sở của chính quyền quận Laak. Sáu hình ảnh tương lai của sân chơi này cùng với những giá trị giải trí và các tiện nghi đi kèm đã được đăng tải lên trang web của chính quyền. Thư thông báo được gửi đến từng hộ gia đình xung quanh khu vực này để họ có thể bầu chọn cho kiểu sân chơi mà mình yêu thích. Việc tiến hành nâng cấp lại sân chơi được dựa trên kết quả được bầu chọn nhiều nhất. Bằng cách này, sân chơi ở quận Laak đã phục vụ tốt hơn nhu cầu của trẻ em và thanh thiếu niên, đồng thời giảm bớt tình trạng than phiền về nạn mất an ninh trật tự từ người dân địa phương khi sân chơi không thu hút được những người trẻ. Còn rất nhiều những ví dụ thú vị khác về sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát triển



Ảnh 6. Bầu chọn trên Website (nguồn: tác giả)



Ảnh 7. Sân chơi gần trụ sở quận Laak (nguồn: tác giả)

The Hague. Cụ thể những người yêu thành phố đã tình nguyện thành lập các nhóm hướng dẫn du khách vòng quanh khu trung tâm miễn phí (để được hướng dẫn miễn phí, du khách thường phải đi theo nhóm ít nhất từ sáu người trở lên và có đăng ký), xây dựng nhà nghỉ và khách sạn đảm bảo đủ tiêu chuẩn sinh thái và bảo vệ môi trường (khách sạn Court Garden là một trong những ví dụ với các thực đơn và sản phẩm phục vụ ít gây hại đến môi trường)... Là một thành phố của hòa bình và công lý, trách nhiệm và sự tham gia của người dân luôn được xem

xét cẩn trọng trong việc ban hành các chính sách phát triển của The Hague, và do đó đã tạo nên một nét độc đáo về mặt quản lý cho thành phố này. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cohen, C.E., Varea, R.G., & Walker, P.O. (2011). *Acting Together: Performance and the Creative Transformation of Conflict*. Oakland, CA: New Village Press.
2. Father Centre Adam. Brochure.
3. The Hague National and Provincial Government. Website www.denhaag.nl.
4. The Hague Academy for Local Governance. Textbook of the course 'Citizen Participation and Accountability'.



Ảnh 4. Một lớp học nghề của trung tâm (Nguồn: tác giả)



Ảnh 5. Nhân viên của chính quyền quận Laak chia sẻ kinh nghiệm của địa phương (Nguồn: tác giả)



ý tưởng

Khôi phục cầu Long Biên

Tiếp cận đô thị và cảnh quan

Trích Nghiên cứu được thực hiện bởi:



VILLES & PAYSAGES



BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU

Vết tích của chế độ bảo hộ Pháp thiết lập từ nửa sau thế kỷ thứ XIX ở Việt Nam, cầu Long Biên được xây dựng từ năm 1899 đến năm 1902 bởi công ty Daydé và Pillé. Với chiều dài 1680 mét, ngay từ khi thiết kế công trình đã bao gồm một tuyến đường sắt nối thành phố Hà Nội với phía tả ngạn sông Hồng theo hướng đi Hải Phòng và Côn Minh - Trung Quốc.

Bị phá hủy một phần trong cuộc chiến tranh Việt Nam, xuống cấp trong quá trình sử dụng và theo thời gian, hiện

nay cây cầu đã bị hỏng và hư hại nghiêm trọng. Từ lời hứa năm 2004 của tổng thống J. Chirac về sự hỗ trợ của Pháp trong việc phục hồi công trình, nhiều nghiên cứu kỹ thuật đã được thực hiện và đó là những tài liệu kỹ thuật quan trọng để cải tạo công trình.

Tập đoàn Eiffage đã giao cho hãng Atelier Villes et Paysages thực hiện một nghiên cứu đô thị về những thách thức và tiềm năng xung quanh việc cải tạo toàn bộ công trình (xây cầu cạn và cầu) trên tổng chiều dài gần 3 km.

NHỮNG MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này là sự tiếp nối của các phương pháp tiếp cận di sản mang tính giá trị cao, được đề xuất bởi bà Nguyễn Nga; đặc biệt trong thời gian đầu, những tính năng hiện tại của cây cầu vẫn được giữ lại (đi lại và hỗ trợ giao thông công cộng).

Nghiên cứu này minh họa xác đáng cho việc cải tạo lại cây cầu sẽ tái sinh mạnh mẽ không gian cảnh quan cầu và cải thiện tính năng sử dụng các không gian liên quan.

PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC BƯỚC NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được dựa trên hai giai đoạn can thiệp:

- Ngắn hạn: bảo tồn với nhu cầu sử dụng như hiện tại (xe lửa, xe hai bánh và người đi bộ)

- Trung hạn: với sự quy hoạch di chuyển tuyến đường sắt qua một cây cầu mới về phía Bắc.

Và 3 hạng mục quan trọng cần được phân tích, phân ánh:

- Thành phố Hà Nội và trung tâm lịch sử của nó

- Các khu vực lân cận của cầu Long Biên.

- Cơ sở hạ tầng (cầu Long Biên và 131 Vòm Cầu Cạn)

Đề tài nghiên cứu đề xuất việc xác định các đoạn khác nhau tạo nên toàn bộ công trình trên tổng chiều dài 3 km với các tính năng về không gian, cảnh quan đô thị; đồng thời phác thảo các ý định xung quanh những biện pháp can thiệp có thể.

Một vấn đề lớn của đô thị:

- Cây cầu là một yếu tố quan trọng trong di sản của Hà Nội.
- Cây cầu đẹp, và vẻ đẹp đó chắc chắn sẽ có giá trị ghi lại dấu ấn lịch sử, ngày càng có ý nghĩa ở tất cả các nước trên thế giới.

- Sự quyết tâm của Việt Nam trong việc muốn đóng vai trò lớn hơn trên trường quốc tế, chủ yếu thông qua du lịch, cần ưu tiên quảng bá cho vẻ đẹp đó.

- Cây cầu có vai trò ngày càng đậm nét như một "dấu ấn lịch sử" của Hà Nội, với một dáng vóc đặc biệt và sự hiện diện quan trọng về chiều dài với tầm nhìn phía trên sông Hồng, gần với trung tâm du lịch của thành phố.

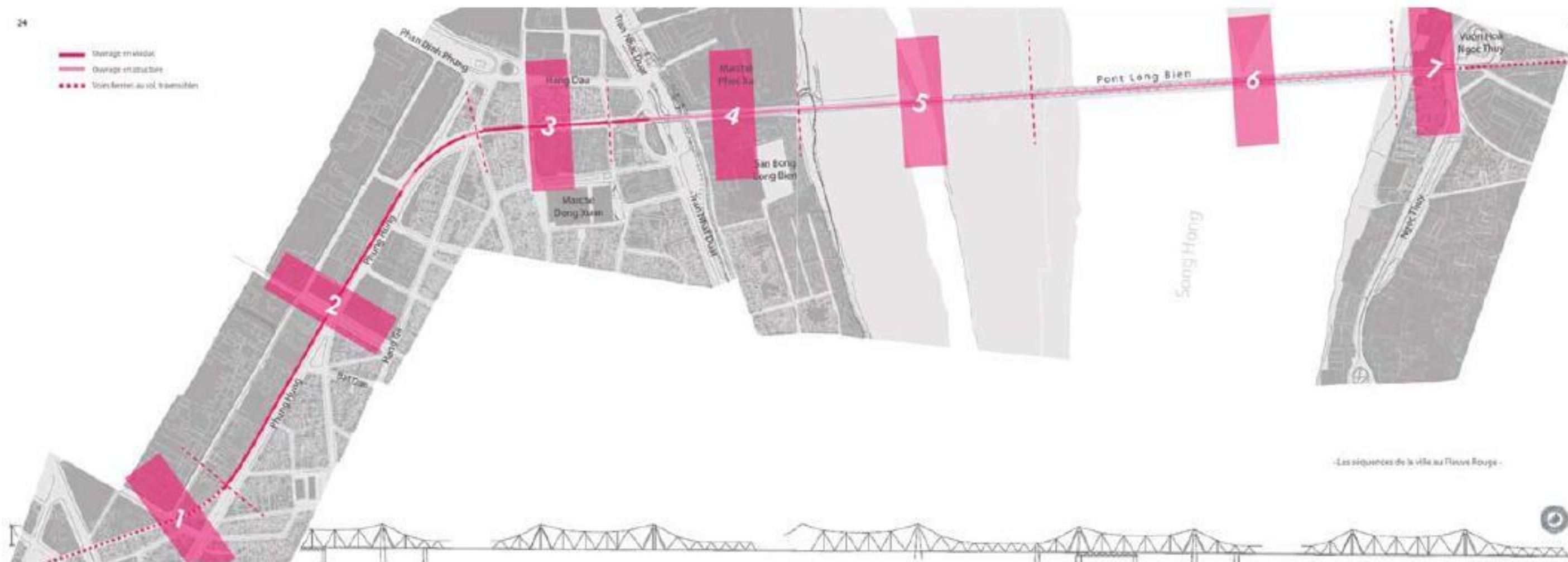
- Cây cầu có thể là một cửa ngõ của thành phố du lịch, mà chúng ta khám phá từ xa và tiếp cận đến tận trái tim của nó; giúp chúng ta tìm hiểu địa lý của thành phố được xây dựng bên bờ sông, về hài hòa giữa những khoảng xanh nhỏ cao đến tận ven thành phố sôi động, một cách tự nhiên cầu cũng gợi lên lịch sử phong phú và đầy biến động của đất nước (dấu tích của những vụ đánh bom, của việc ghép lại cầu sau những hư hại mà cầu phải gánh chịu).

Một công trình của quá khứ và của tương lai:

- Ngay từ đầu, cây cầu này đã không phải là một công trình được đóng khung cố định trong một điều kiện lý tưởng và ổn định.

- Công trình đường sắt ban đầu đã được mở rộng trên cả hai bên để dành cho người đi bộ và người đi xe đạp, và sự đổi mới có thể tiếp tục chứng minh khả năng đáp ứng của cây cầu với các nhu cầu đô thị hoá mà nó phục vụ.





- Tuy nhiên điều quan trọng là xác định được tính nhất quán và thiết lập một sự đồng thuận cho một công trình mới phù hợp hơn, để từ đó tính hữu nghị của Việt Nam và Pháp có cơ duyên tụ hội lại trên chiếc Cầu Long Biên của tương lai.

- Cuối cùng, những tuyến giao thông công cộng: tàu điện nhẹ, "giao thông xanh" (xe đạp và người đi bộ) mang đậm tính nhất quán, tính điển hình bền vững, hơn là một khái niệm cầu đường bộ.

Lối vào mi tiêu và duy nhất của dòng sông

- Việc xây dựng các đập nước và các trục đường bộ Bắc Nam đã hoàn toàn tách thành phố khỏi dòng sông trên hai bờ của nó. Mặc dù thiết kế trong lịch sử của Hà Nội có tính đến sự hiện diện của dòng sông và các mảnh đất màu mỡ của vùng châu thổ, thiết kế hiện tại lại không còn duy trì một mối liên hệ nào với các bờ sông hay với bất kỳ hoạt động nào trên sông nữa.

- Sự gián đoạn này càng tăng lên theo thời gian bởi sự di dân ở dài đất trong châu thổ các con đê, bởi sự tam trú không được quy định Ngày nay các khu ổ chuột dài viên làm bẩn cùng hoá các vùng phụ cận của dòng sông, không chỉ tạo nên rào cản về vật chất mà còn thêm cả rào cản về tâm lý.

- Cầu Long Biên xuất hiện như một khoảng trống trong mặt độ đô thị mảnh liệt và sôi sục này, một cơ hội duy nhất để ngắm sông Hồng như một lâu vương cảnh hướng ra không gian rộng lớn. Từ trên cao người đi dạo có thể nhìn qua các thanh chắn này, chiêm ngưỡng từ con đường xuống tận dòng nước.

Một không gian cảnh quan xanh rộng lớn ở ngay trung tâm thành phố

- Dòng sông rộng gần 1 km được thiên nhiên ban cho một tầm nhìn lạ thường và tuyệt đẹp, ngay cạnh trung tâm lịch sử của thành phố.

- Những nhánh khác của dòng sông, các vùng nông nghiệp, và những hòn đảo của châu thổ cũng là những yếu tố tạo nên phong cảnh tuyệt đẹp ngay từ khi bắt đầu cuộc hành trình.

Bước đầu quy hoạch bên bờ: các khu đô thị nông nghiệp

- Quá trình cải tạo cây cầu bắt đầu bằng việc quy hoạch hai bên bờ sông. Khi hậu hai bên bờ sông, khiến người dân thích thú tới đây tìm kiếm sự mát mẻ như họ thường tập trung xung quanh các hồ và các nguồn nước của thành phố khi đi dạo và tập thể dục. Các khu vườn nông nghiệp xen kẽ hai bên bờ sông cũng đem lại những không gian cảnh quan công cộng phong phú.

- Theo kỹ hạn, việc chuyển đổi khu dân cư tạm bợ và bị xuống cấp sẽ hướng đến mở cửa thành phố ra sông.

- Việc phát triển lá phổi xanh giữa trung tâm Hà Nội và quy hoạch lại không gian cho các sự kiện du lịch độc đáo (festival nghệ thuật, ...) sẽ dẫn đến việc tăng giá trị cho khu đất hiện nay, nơi mà đang bị chiếm lĩnh bởi khu nhà ổ chuột hai bên bờ.

Sự phát triển được quy hoạch ở lại bên bờ sông

- Đến năm 2020 chúng ta nhận thức rõ ràng chủ trương tổ chức thành phố trên cả hai bờ của Sông Hồng cũng như cùng cố mô hình tổ chức đô thị đa trung tâm. Vì mục đích ấy, các cơ quan chức năng Việt Nam cho biết sẽ xây dựng 4 cây cầu mới để nối liền 2 bờ sông. Các cơ sở hạ tầng mới này sẽ liên quan trực tiếp đến sự chuyển đổi giá trị sử dụng cây cầu Long Biên.

Các dự án trong điều kiện Tà ngạn

- Hai khu vực hiện đang được nghiên cứu: khu Đông Anh và khu Gia Lâm.

- Việc quy hoạch huyện Gia Lâm sẽ dẫn đến việc đánh giá lại tính hấp dẫn của tả ngạn sông Hồng từ trung tâm lịch sử của Hà Nội.

ĐOẠN 1: ĐƯỜNG RAY - ĐƯỜNG PHỐ

Ở phía tây nam của thủ đô Hà Nội có một hệ thống đường ray đặc biệt. Trên những con phố nhỏ hẹp nhưng vẫn có xe lửa chạy qua, đoạn đường ray được quy hoạch ở khu vực này của thủ đô như là một con phố. Trẻ em chơi ở gần đường ray, buôn bán ngay trực tiếp bên đường tàu, đi vào nhà từ không gian này, xe hai bánh băng qua đường ray đều là những cảnh tượng đáng ngạc nhiên ta quan sát được.

Nếu không có hình ảnh những thanh tà vẹt trên mặt đất, chúng ta có thể quên rằng thi thoảng vẫn có những chuyến tàu chạy qua. Mặc dù có vẻ đáng ngạc nhiên với một người

châu Âu, hình thức "đường ray - đường phố" này vẫn được vận hành và duy trì đến các vùng cách xa trung tâm thành phố, cho phép người dân Hà Nội sử dụng giao thông công cộng trong thành phố nơi mà xe hai bánh và xe ô tô đóng một vai trò đặc biệt quan trọng.

ĐOẠN 2: CÔNG TRÌNH BAN CÔNG

Ở đoạn này, công trình cầu cạn được gắn liền với kết cấu đô thị và được tổ chức như một ban công trên không gian công cộng của đường Phùng Hưng. Các quầy hàng hợp chợ tại mặt phía Đông, dọc theo cầu cạn để kinh doanh dựa trên lượt người qua lại đại lộ.

Hiện tại, vỉa hè vốn có cũng đã biến mất để dành hoàn toàn cho các quầy hàng, khiến cho người đi bộ và người đi xe đạp phải đi vào làn đường của xe hơi và xe máy.

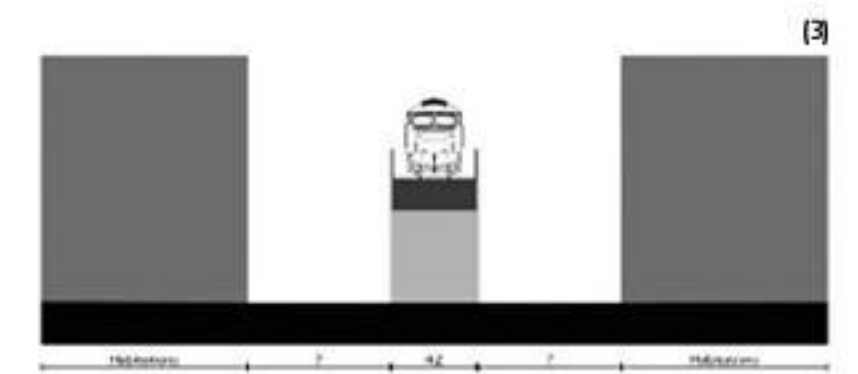
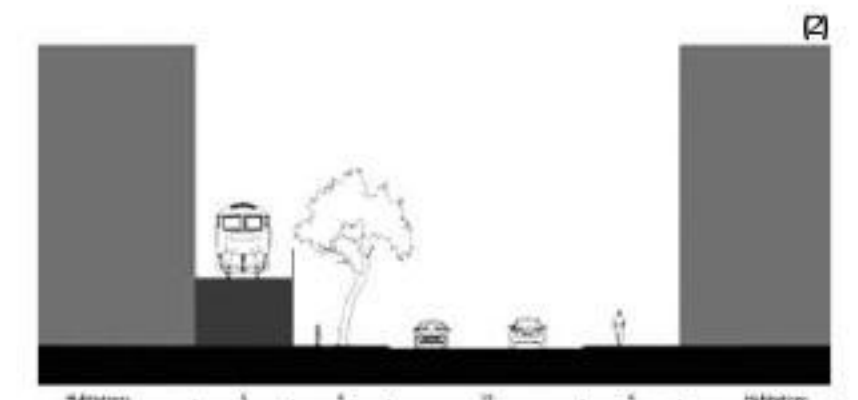
ĐOẠN 3: CẦU CẠN MẶT TIỀN

Trong đoạn này, hai mặt cầu cạn đi liền các phố mua sắm với bề rộng khác nhau và nhộn nhịp. Những con phố này được thông nhau chỉ bởi 2 lối đi nhỏ và hẹp qua cầu cạn.

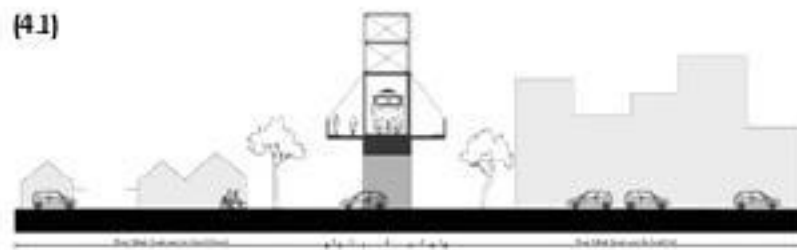
Phố phía nam thường nhộn nhịp bởi có chợ Đồng Xuân và khu phố lịch sử - du lịch 36 Phố phường.

Cầu cạn xuất hiện trong bước này như là yếu tố phân chia ranh giới phía Bắc của khu phố du lịch. Các đường phố lân cận với công trình bị chiếm lĩnh bởi các hoạt động kinh doanh và được che bằng rèm phù hoặc bình phong căng tôn tạm bợ. Xe hai bánh thỉnh thoảng len vào con phố nhỏ hẹp này, lấn chiếm diện tích lòng phố đi bộ.

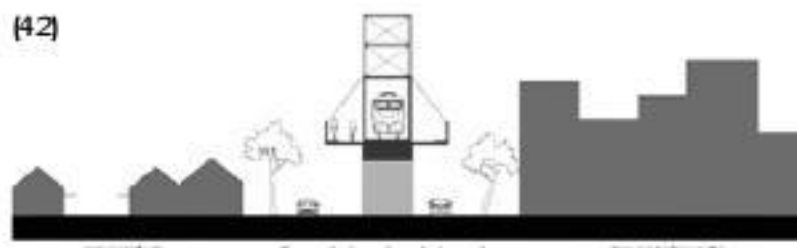
Con phố phía nam nối liền với chợ Đồng Xuân có nhiều hoạt động và náo nhiệt hơn khu phía Bắc.



(41)



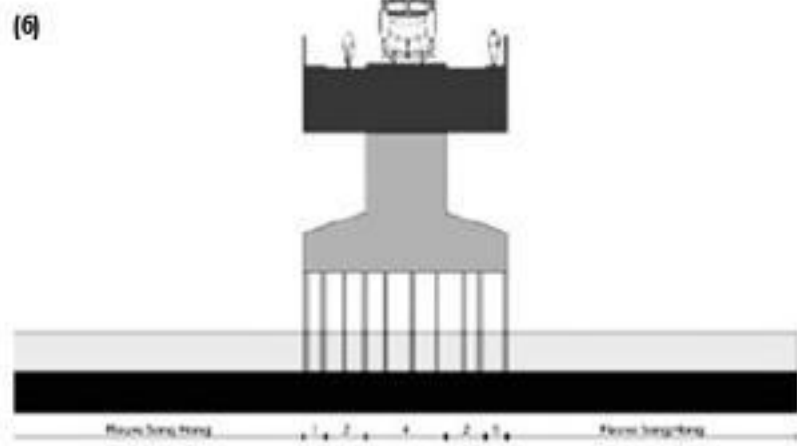
(42)



(5)



(6)



(7)

**ĐOẠN 4: CẦU VƯỢT**

1 - Ga Long Biên và cầu vượt qua đường Trần Nhật Duật;
2 - Chợ, khu nhà "ổ chuột" và các "xóm liều" tự phát.

ĐOẠN 5: LẤU VÒNG CẢNH VÀ VÙNG NÔNG NGHIỆP

Trong đoạn này, cây cầu tương tác trực tiếp với cảnh quan rộng lớn. Người đi bộ nhìn thấy toàn cảnh lòng sông và có các đoạn đường được mở rộng thành những chiều nghỉ, như đài quan sát trên nền xanh bát ngát của các khu vực canh tác.

Đôi khi thăm thực vật trải dài đến tận mép nước sông và mời mọc du khách xuống bãi giữa. 9 nhịp nguyên bản của cấu trúc Cây cầu Lịch sử còn nguyên vẹn vẫn được nhìn thấy rõ ràng từ tất cả các tòa nhà cao tầng ở trung tâm thành phố (khách sạn, tòa tháp kinh doanh...).

ĐOẠN 6: CẦU QUA SÔNG

Ở đoạn này, cấu trúc nguyên bản đã mất sau những vụ đánh bom trong chiến tranh Việt Nam. Đoạn đi qua sông này hẳn lên những dấu vết của chiến tranh, chỉ còn một nhịp hiện diện, gợi nhớ đến hình dáng nguyên thủy của cây cầu, như một vết tích lịch sử của cuộc chiến nửa sau thế kỷ XX.

ĐOẠN 7: TÀNG AN SÔNG HỒNG

Trong đoạn này, cây cầu đi qua các khu vực tương tự như ở bờ phía Tây nhưng với các khoảng ngắn hơn. Không gian ở bờ sông bị thu hẹp và nông nghiệp không được chú trọng. Khu phố ở đường ra khỏi cầu nằm giữa đê và sông nên các công trình mặt trước không nhìn thấy dòng sông.

Việc thu hút khách du lịch ở phía bờ sông này khá hạn chế và đường dẫn nối phía Bắc cây cầu, quyết định đến công tác quy hoạch không gian ở cửa ngõ công trình.

MỘT DỰ ÁN CẦU ĐÓ THỊ CHẶT CHẼ VÀ CHIA THÀNH TỪNG HẠNG MỤC

Để có được một dự án chặt chẽ và có tính thẩm mỹ, chúng ta cần phải kết hợp hai biện pháp là tăng cường tính kết nối của công trình và lập quy hoạch đô thị.

1) Tăng cường tính kết nối của công trình:

• Chiếc cầu lịch sử là một công trình đi qua Sông Hồng bằng đường sắt. Chức năng này hiện tại không còn quan trọng và có thể sẽ bị loại bỏ trong trung hạn. Bù lại giao thông hạng nhẹ và không khói sẽ được hoạch định tối ưu, và được sử dụng làm tuyến giao thông hàng ngày cho người dân địa phương và khách du lịch cá nhân hoặc theo đoàn. Chính điều này sẽ làm gia tăng lượt khách qua cầu trong cả khu vực đô thị (ở phía Tây) cũng như hai bên bờ sông và bãi giữa.



• Điều này cũng đặt ra khả năng xây dựng một chỗ quay vòng rộng rãi hơn. Hai chức năng này (qua lại; quay vòng) đòi hỏi các công trình chức năng có tính thực tiễn và thẩm mỹ cao, đặc biệt là các cấu trúc bằng kim loại, được tối ưu hóa trong bản vẽ, thiết kế như các mối nút riêng biệt, trở thành một đoạn kéo dài hiện đại của công trình lịch sử. Phương pháp thiết kế các công trình này cần phải có tính đồng nhất và hài hòa.

• Eiffage của ngày hôm nay sẽ tiếp bước Eiffel và Daydé & Pille của ngày hôm qua.

• Một số chức năng du lịch có thể được tích hợp vào dự án này: truyền thông, sự năng tâm thực tại sẽ mang lại cái nhìn toàn cảnh về sự chuyển hóa của cảnh quan đô thị với thời gian; các quán café, các phòng trưng bày... Các yếu tố kiến trúc công trình khác liên quan đến quy hoạch không gian cũng có thể được đề xuất cho các khu vực liên kề ở hai bên thành cầu.

2) Tân dụng khu vực dọc hai bên cầu để làm chất xúc tác đô thị:

Liên quan đến tình đô thị của công trình, có nhiều biện pháp có thể áp dụng hơn như: mở các tuyến đường giữa hai bên bờ sông, mở hàng quán hoặc cửa hàng buôn bán. Điều này đáp ứng việc nghiên cứu các chức năng sử dụng có thể được ứng dụng ở khu vực hai bên công trình.

2 MỨC THANG ĐỂ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC

Để có được một dự án chặt chẽ và có tính thẩm mỹ, cần phải kết hợp hai biện pháp là tăng cường tính kết nối của công trình và lập quy hoạch đô thị.

Kế hoạch ngắn hạn: Kết nối công trình với các vùng lân cận và bắt đầu tái tạo đô thị bằng cách duy trì việc sử dụng đường ray.

Kế hoạch trung hạn: Kết hợp việc sử dụng cầu và các chức năng liên kết với việc xây dựng một công trình đường sắt mới, có chiều dài khoảng 200 mét, ở phía Bắc cầu Long Biên.

TỔNG HỢP CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

Trong ngắn hạn:

- Quy hoạch "Khu phòng triển lãm trong các vòm cầu phía Nam" và xây dựng hệ thống cửa hàng bán đồ thủ công, quán café và nhà hàng cùng với các khoảng hiên được bố trí cảnh quan. (khoảng 2000 m²)

- Quy hoạch "Khu phòng triển lãm trong các vòm cầu phía Bắc" và xây dựng hệ thống các cửa hàng nhỏ tiếp nối chợ Đồng Xuân. Quy hoạch các đường nối cầu cạn về phía Bắc. (khoảng 900 m²)

- Cải thiện, tăng giá trị đoạn dốc lên cầu phía Nam.

- Mở rộng làn đường đi bộ trên cầu (tối thiểu 1,20 mét).

- Thiết lập các đoạn dốc lên cầu bằng thép, để nối cây cầu với công viên nông nghiệp nằm ở hữu ngạn sông Hồng.

- Quy hoạch khu giải trí trên bãi giữa, gần trực tiếp với khu "công viên nông nghiệp" và khu cấu trúc những nhịp cầu nguyên thủy, gần lối tàu bè qua lại trên sông.

Trong trung hạn: (cùng với việc xây dựng một cầu đường sắt mới, cách cầu Long Biên 200 mét về phía Bắc):

- Quy hoạch tuyến đường đi dạo ở "Vườn treo" trên cầu cạn.

- Quy hoạch hệ thống đường dẫn thẳng đứng lên khu "Vườn treo", để tiếp cận tuyến đường đi dạo này (thiết kế bằng kim loại để đối thoại với kiến trúc thép của cầu).

- Thiết kế hệ thống giao thông công cộng nhẹ thay thế tàu hỏa chạy trên cầu và kết nối với các tuyến giao thông công cộng dự kiến (tàu điện và xe buýt) nối hai bờ của sông Hồng.

CÁC ĐIỂM ĐANG NGHIÊN CỨU CẦN HOÀN THIỆN

Hạng mục chưa đề cập:

- Thiết lập tuyến đường nối cây cầu tương lai từ ga trung tâm Hà Nội.

- Tầm nhìn dài hạn về giao thông công cộng và giao thông đường bộ ở các vùng xung quanh cầu.

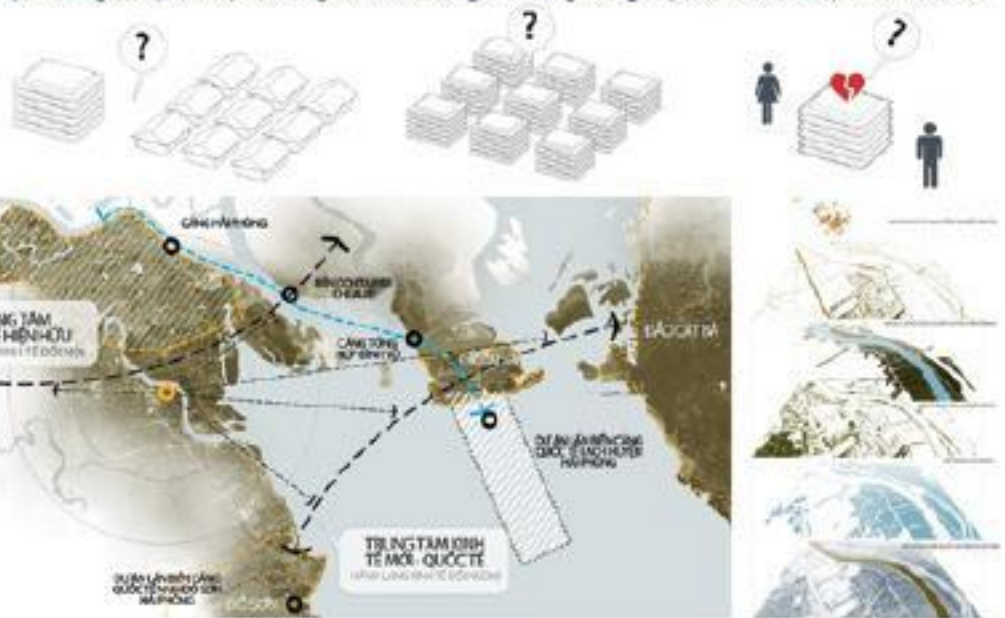
- Nghiên cứu tính linh hoạt trong việc sử dụng ga Long Biên và Cầu Long Biên như là một Bảo tàng lịch sử.

- Nghiên cứu các khả năng kỹ thuật để mở các nhịp ở cầu cạn. ■

làng CANAL VILLE
CỘNG NHẬN
ĐOÀN TỐT NGHIỆP KIẾN TRÚC SƯ KHÓA 2000-2013 • ĐẠI HỌC KỸ DƯNG
GVHD: PGS.TS. PHẠM THUY LOAN / EVHD: LƯƠNG TRUNG HIẾU - NGUYỄN THẢO TRẦN

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, chỉ mới 20% công nhân có chỗ ở ổn định và khoảng 80% đang phải đi thuê nhà, với điều kiện ăn ở rất kém, chi phí sinh hoạt cao. Tuy nhiên, công nhân được hưởng lương thấp hơn với các dự án ở đô thị như nước: hoặc doanh nghiệp dùng để hoàn thiện, mức độ học được hướng dẫn tiền lương thấp hơn, thậm chí là miễn phí. Lý do có bản là các dự án này chưa đáp ứng được những nhu cầu thực tế của người công nhân như thiếu các không gian sinh hoạt cộng đồng hoặc có nhưng chưa được đầu tư đúng mức, điều này khiến cho cuộc sống của công nhân rất buồn tẻ. Bên cạnh đó, cũng không thể không nói đến việc xử lý các quỹ phòng dành cho hộ gia đình, hạn chế giao lưu với bên ngoài, cũng khiến cho người công nhân, đặc biệt là công nhân nữ, gặp khó khăn trong việc tìm kiếm bạn đời; có hội cả thiên đô sống kinh tế cho công nhân cũng không được các nhà đầu tư quan tâm xem xét.



Khu vực quy hoạch thuộc phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, với quy mô dân số: 6.300 người, trong đó có 2100 công nhân nội địa; thôn, còn lại là thành viên của 1400 hộ gia đình. Diện tích quy hoạch là 19,7ha. Khu đất xây dựng nằm kề sông Lạch Tray, chính vì thế, việc có một thiết kế quy hoạch phù hợp nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước tự nhiên và có các biện pháp phòng chống lũ lụt thích hợp là điều cần xem xét.

Bên cạnh đó, với hệ thống đê có thủy canh cùng hệ thống kênh hiện trạng là điều kiện để phát triển canh quan nông nghiệp theo hướng hạ tầng xanh - một xu hướng đang dần phổ biến trên thế giới hiện nay.

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

[illegible]

Hệ thống kênh dòng vai trò vô cùng quan trọng trong phương án bồi bờ không chỉ là tuyến canh quan mà còn có tác dụng trong thủy lợi: chống lụt, phục vụ tưới tiêu, thoát nước mùa mưa mà còn có tác dụng bảo tồn hệ sinh thái thủy sinh và hệ thực vật ven bờ, tạo cơ hội phát triển các hoạt động giáo dục, du lịch công nghệ hòa mình vào với thiên nhiên, đem lại lợi ích cho người dân và cơ hội phát triển kinh tế cho người đầu tư.

ĐỊNH HƯỚNG
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI

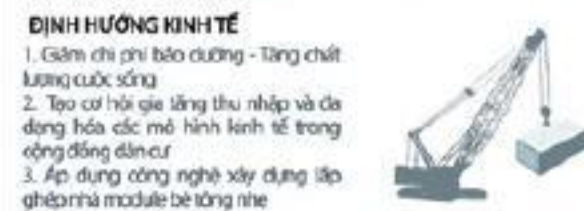
1. Tăng tính gắn kết với các cộng đồng kế cận - Tổ chức một cộng đồng thân thiện và an toàn.
2. Khuyến khích tạo đối hàng hóa, kinh doanh nhỏ lẻ, hoạt động nông nghiệp để giúp cộng nhân có thể tăng thu nhập và tự đáp ứng nhu cầu cuộc sống hàng ngày, để cuộc sống được bớt lệ một cách tự nhiên.



DỊNH HƯỚNG MÔI TRƯỜNG

Áp dụng xu hướng thiết kế xanh, thiết kế bền vững một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện địa phương:

1. Bảo tồn và đa dạng hóa hệ sinh thái địa phương
2. Tận dụng và phát huy lợi thế của không gian mặt nước để tạo cảnh quan, thoát nước và duy trì đa dạng sinh học
3. Áp dụng các giải pháp thiết kế xanh để tiết kiệm tài nguyên nước
4. Cảnh quan nông nghiệp thay đổi theo mùa
5. Hạn chế giao thông cơ giới
6. Hạn chế chất thải xây dựng



ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ

1. Giảm chi phí bảo dưỡng - Tăng chất lượng cuộc sống
2. Tạo cơ hội gia tăng thu nhập và đa dạng hóa các mô hình kinh tế trong cộng đồng dân cư
3. Áp dụng công nghệ xây dựng lắp ghép nhà module bê tông nhẹ



PHƯƠNG AN KIẾN TRÚC



Các làng tại Gia Lâm Hà Nội, mối liên kết giữa các làng và mối quan hệ giữa khu dân cư với đất canh tác nông nghiệp

Nhằm hướng tới một không gian gần gũi, thân thiện, có sự liên kết giữa các nhóm nhà, nhưng cũng đồng thời có sự an toàn cần thiết, ngôi làng dành cho công nhân cũng được tạo nên từ những nét đặc trưng của ngôi làng truyền thống.



MẬT ĐỪNG XANH & VÀ LỜI CỘNG ĐỒNG

Mặt dùng cân nọ được bố trí một khung thép sẵn, và từ đó, người dân có thể tự do bóc lột thẩm mỹ, thể hiện mình nhưng theo một định hướng cụ thể về mặt đường xanh dựa trên việc tái sử dụng các loại vật liệu cũ.

Trong mỗi buổi nhà đều có không gian trống được sử dụng cho các hoạt động cộng đồng. Các không gian này được thay đổi dần xen giữa các không gian nhằm phục vụ tốt nhất cho mọi nhu cầu của người dân. Bên cạnh các không gian cộng đồng có không gian cụ thể như bếp ăn hay nhà cộng đồng, sân chơi trẻ em, các không gian khác: được thiết kế để người dân có thể tự do sáng tạo những hoạt động của mình, tạo nên không gian sống đa năng.



LÊ NHƯ NGÀ
Trưởng nhóm YP/ ACVN

Dự án SELAVIP hỗ trợ nhà ở cho người nghèo tại các thành phố ở Việt Nam

SELAVIP là một tổ chức tư nhân hỗ trợ các dự án nhà ở cho các gia đình nghèo ở đô thị, với mối quan tâm chính là những người sống trong những hoàn cảnh hết sức bấp bênh, thiếu an toàn và không có cơ hội tiếp cận với bất cứ chương trình nhà ở hiện hữu nào hiện nay, bất kể của tư nhân hay nhà nước. Những dự án do SELAVIP tài trợ trợ nhằm đến những phương cách sáng tạo trong việc cung cấp chỗ ở cho những người nghèo nhất với mức phí thấp nhất, nhằm đáp ứng cho càng nhiều gia đình càng tốt. (tối đa USD1000/1 căn nhà).

Mỗi tháng 7 hằng năm, SELAVIP đăng thông báo mời nộp đề xuất tài trợ thông qua website www.selavip.org, các đề xuất được phê duyệt sẽ được công bố vào tháng 11 cùng năm và thời gian thực hiện từ tháng 1 đến tháng 9 của năm kế tiếp. Tính đến nay, Việt Nam có các thành phố (TP) Quy Nhơn (2008), Việt Trì (2009), Vinh (2010), Bến Tre (2011), Sóc Trăng (2012) và thị xã Bắc Kạn (2013) đã nhận được tài trợ từ tổ chức SELAVIP. Trong số 6 TP được nhận tài trợ từ SELAVIP nêu trên, có 02 TP Quy Nhơn và Việt Trì do ENDA Việt Nam lập đề xuất, bốn thành phố còn lại do Hiệp hội các Đô thị Việt Nam (ACVN) đề xuất và hỗ trợ thực hiện.

TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn lập đề xuất

ACVN thảo luận với chính quyền TP giới thiệu dự án và tiêu chí lựa chọn nhóm đối tượng hưởng lợi, phương pháp thực hiện, nhấn mạnh đến sự nỗ lực của nhiều bên để giúp nhóm đối tượng nghèo nhất tại địa phương tạo lập chỗ ở.

Sau khi nhất trí về tiêu chí lựa chọn và phương pháp thực hiện, hai bên cùng nhau tiến hành khảo sát trên toàn thành phố, thu thập thông tin và hình ảnh của các đối tượng thụ hưởng tiềm năng. Dựa vào các thông tin đã thu thập được, ACVN hỗ trợ địa phương lập đề xuất trình SELAVIP trước ngày 15/8 hằng năm.

Khi dự án được chấp thuận tài trợ, phía SELAVIP sẽ có thư thông báo chính thức đến ACVN vào khoảng tháng 12 cùng năm hoặc tháng 1 của năm kế tiếp và các việc năng cấp/xây dựng nhà ở cần được hoàn thành trước ngày 15/09 của năm đó.

Thảo luận dự án

Sau khi nhận được thư thông báo tài trợ của SELAVIP, phía ACVN có thư thông báo và hướng dẫn thực hiện dự án đến TP được tài trợ, gồm các bước: *Đề cử đại diện cộng đồng* tham gia ký kết thỏa thuận hỗ trợ tài chính (SELAVIP) và kỹ thuật (ACVN) để thực hiện dự án "hỗ trợ nhà ở cho người nghèo nhất" tại địa phương.

Bình chọn hộ thụ hưởng: Giai đoạn đề xuất dự án mới đề xuất tổng kinh phí cho toàn TP, nên khi dự án được phê duyệt phải tiến hành lựa chọn các hộ xứng đáng nhận được hỗ trợ. Quá trình bình chọn được tổ chức bằng hình thức họp cộng đồng để người dân bình chọn trực tiếp, sau đó Ban chỉ đạo Quỹ phát triển cộng đồng (CDF) TP tập hợp danh sách được bình chọn gửi về ACVN.

Thảo luận với cộng đồng: Các hộ hưởng lợi từ dự án được mời họp để giới thiệu về các giải pháp giúp giảm giá thành xây dựng nhà ở (chọn nơi mua vật liệu xây dựng, tận dụng vật liệu cũ sẵn có/mua lại, giới thiệu nhóm thợ xây thích hợp...), thảo luận về kế hoạch xây dựng của các hộ gia đình, ước tính giá thành xây dựng căn cứ vào khả năng tài chính của mỗi hộ và sự trợ giúp của cộng đồng tại chỗ.

Huy động tài chính: Vì mỗi hộ gia đình sẽ nhận được hỗ trợ tối đa là 1000 USD tương đương 20 triệu VND tùy thuộc vào hoàn cảnh của từng hộ gia đình, họ sẽ chủ động tính toán xem tự bản thân mỗi hộ gia đình tự có được bao nhiêu tiền, họ có thể huy động thêm được bao nhiêu từ bà con họ hàng. Hầu hết đây là những gia đình đặc biệt khó khăn nên họ chỉ có thể xây dựng 1 ngôi nhà đủ để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của cuộc sống, thông thường khoảng 1000-2000 USD tương đương 20 đến 40 triệu đồng.

Tổ chức thi công: Tùy theo hoàn cảnh

của từng hộ gia đình tại từng địa phương, việc xây dựng sẽ do các nhóm thợ được thuê với giá rẻ cùng với sự đóng góp nhân công của gia đình/người dân trong cộng đồng hoặc các nhóm thanh niên tình nguyện.

Các kết quả đã đạt được:

Các năm trước: Năm 2010 Thành phố Vinh nhận được hỗ trợ được cho 40 hộ, năm 2011 TP Bến Tre nhận được hỗ trợ cho 40 hộ gia đình, năm 2012 TP Sóc Trăng nhận được hỗ trợ cho 72 hộ gia đình. *Năm 2013:* Thị xã (TX) Bắc Kạn nhận được hỗ trợ từ dự án Selavip 52,000 USD, cộng đồng đã tiến hành bình chọn và cuối cùng có 54 hộ gia đình được nhận hỗ trợ.

Khó khăn khi thực hiện dự án tại TX Bắc Kạn: TX Bắc Kạn là một đô thị miền núi chủ yếu là các dân tộc thiểu số, đời sống người dân còn rất nhiều khó khăn, số lượng dân cư còn sống trong nhà tạm bợ tranh tre nứa là rất nhiều nhưng nguồn hỗ trợ từ dự án chỉ có hạn nên việc lựa chọn ra những hộ khó khăn nhất xứng đáng được nhận hỗ trợ gặp rất nhiều khó khăn. TX đã tổ chức nhiều cuộc họp công khai để người dân tự đánh giá và bình chọn.

Những hộ nhận được hỗ trợ rất nhiều những hộ có hoàn cảnh éo le, bệnh hiểm nghèo, chậm phát triển trí tuệ gia đình không có người có sức lao động.

Thuận lợi:

Chính quyền thị xã đặc biệt Hội Phụ nữ đã hỗ trợ nhiệt tình trong quá trình thực hiện dự án, kêu gọi được toàn bộ các cơ quan hội đoàn thể các cấp vào cuộc để hỗ trợ tinh thần và công sức cho các hộ gia đình nghèo nhất của thị trong quá trình xây dựng nhà ở. Gần Hà Nội, các bạn kiến trúc sư trẻ trong nhóm chuyên viên trẻ YP thuộc ACVN có thể tham gia hỗ trợ trong quá trình xây dựng. Người dân Bắc Kạn có sẵn tinh thần cộng đồng tương thân tương ái hỗ trợ lẫn nhau: nhiều người biết xây dựng có thể tự xây dựng nhà của mình nên giá thành ngôi nhà rất rẻ sau đó họ tiếp tục đi hỗ trợ xây dựng cho những hộ gia đình khác. ■



Cộng đồng chung tay cùng hỗ trợ xây dựng



Hình ảnh ngôi nhà hoàn thành

Ngôi nhà với diện tích 50 m² có tổng giá thành xây dựng 20 triệu 700 trăm nghìn đồng được nhận hỗ trợ từ dự án Selavip 20 triệu đồng. Gia đình đặc biệt khó khăn nên cả gia đình đã tự xây dựng cùng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, các hội đoàn thể và các bạn YP.



Ngôi nhà khác đã hoàn thành



SELAVIP
SERVICIO LATINOAMERICANO, AFRICANO
Y ASIÁTICO DE VIVIENDA POPULAR

BẤT CỨ MỘT HỆ THỐNG QUY HOẠCH NÀO CŨNG CẦN QUAN TÂM TỚI VIỆC LÀM SAO QUY HOẠCH VỪA ĐỦ CHẶT CHẼ ĐỂ KIỂM SOÁT ĐƯỢC QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHƯNG VẪN CÓ THỂ LINH HOẠT PHÙ HỢP VỚI BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỰC TẾ. BỞI VẬY, CÁC NHÀ QUY HOẠCH CẦN DÀNH LẠI NHỮNG KHOẢNG TRỐNG CẦN THIẾT ĐỂ NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CÓ THỂ TÙY BIẾN XỬ LÝ. TUY NHIÊN, VẤN ĐỀ KHÔNG CHỈ LÀ LÀM CHO MỨC ĐỘ RÀNG BUỘC VỀ MẶT PHÁP LÝ Ở MỨC NÀO HAY CHO PHÉP QUYỀN LỰC TÙY BIẾN CỦA CÁC NHÀ QUẢN LÝ ĐẾN Đâu ĐỂ ĐƯA QUY HOẠCH VÀO CUỘC SỐNG, MÀ PHẢI LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIỆC TÙY BIẾN NÀY CÓ THỂ BẢO VỆ CÁC Ý TƯỞNG QUY HOẠCH TỐT ĐẸP VÀ LOẠI BỎ NHỮNG BẤT CẬP HAY LẠM DỤNG QUYỀN TÙY BIẾN CỦA NHIỀU VỊ TRÍ ĐƯỢC TRAO QUYỀN. VIỆT NAM CẦN SỬ DỤNG TIẾP CẬN VỀ TÙY BIẾN ĐỂ CÓ THỂ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THỂ CHẾ VỀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ.

Tính tùy biến trong quy hoạch đô thị

TS. NGUYỄN NGỌC HIẾU

TÙY BIẾN TRONG QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC

Sự cần thiết của tùy biến

Tùy biến là *tùy cơ ứng biến, nương theo* là quyền biến, *thế luật sự cho phép một thực thể có quyền lựa chọn hành động cho phù hợp với thực tiễn quản lý, bối cảnh thực tế biến động và thay đổi theo thời gian, theo cách nhìn của chủ thể, và theo sự vận hành của các yếu tố 'ngẫu nhiên'*.

Trong xu thế phát triển hiện nay, khả năng linh hoạt ứng biến với những thay đổi trong mỗi hệ thống quản lý là yêu cầu cơ bản trong bối cảnh cạnh tranh

hội nhập. Khả năng ứng biến của hệ thống xuất phát từ khả năng ứng biến của một số vị trí và khâu ra quyết định. Họ được quyền lựa chọn các phương án ngoài các quy định cứng hay chuẩn mực có tính công thức – đó chính là sự tùy biến của các vị trí và của hệ thống. Thông thường, mỗi vị trí cần sự tùy biến sẽ nằm ở trong ba lý do chủ yếu là: (1) *tính phức tạp* và bất định – hệ thống phức tạp và bất định nên không thể quản lý bằng công thức đơn giản (2) *tính lưu quả* - khả năng của mỗi thực thể bao quát và xử lý tốt vấn đề trong hệ thống phức tạp đa cấp, và (3) *tính không*

toàn vẹn – hệ thống vốn có không toàn vẹn phải dựa vào khả năng tùy biến để đảm bảo hoạt động trên thực tế. Yêu cầu quản lý sự thay đổi và quản lý hệ thống đòi hỏi khả năng thích ứng với sự bất định. Khả năng này của hệ thống đến từ cấp cao nhất – lãnh đạo nhưng cũng đến từ trong cơ chế hoạt động của cả hệ thống. Nói cách khác, mỗi cấu phần của hệ thống cũng tạo ra khả năng thích ứng của hệ thống này. Tuy nhiên, sự thích ứng của cả hệ thống là sự thích ứng có kiểm soát và tính toán chặt chẽ. Điều này tương ứng với mức độ phức tạp của cả hệ thống (1) và giới hạn về nhận thức của mỗi vị trí cụ thể (2). Trong hệ thống quản lý đa cấp, tính tùy biến được thiết kế từ trên xuống để chuỗi/mạch quản lý có sự kiểm soát theo tầng nấc. Bởi sự bao quát và thấu hiểu về công việc ở dưới mỗi vị trí/cấp quản lý là có hạn, cấp trên sẽ ban cho cấp dưới một khoảng không gian để xử lý (*room to manoeuvre*) và khoảng không đó chính là nơi mỗi vị trí có quyền biến, và hệ thống thể hiện tính tùy biến. Hình thái ra quyết định sẽ tạo các ô không chế từ trên xuống, và để khe hở hay khoảng trống để bên dưới có thể 'cựa' khi cần thiết (3).

Đặc điểm của tùy biến

Tùy biến có thể phân chia làm nhiều loại, tuy nhiên với việc thiết kế hệ thống thì có hai loại chính là *tùy biến tích cực* và *tùy biến tiêu cực*. Tùy biến tích cực là việc thiết kế và sử dụng quyền tùy biến để phục vụ lợi ích công cộng, để đạt được mục đích bởi tính không toàn vẹn của hệ thống quản lý. Có những vấn đề phức tạp như quy hoạch sử dụng đất, chiến lược phát triển nếu lệ vào quy định liên quan đến nhận thức và dự báo quá khứ; sử dụng nguyên tắc mà không xem xét đến sự biến động của bối cảnh; đánh giá không cập nhật sự phát triển công nghệ và thị trường sẽ dẫn đến sai lầm. Những việc liên quan đến hệ

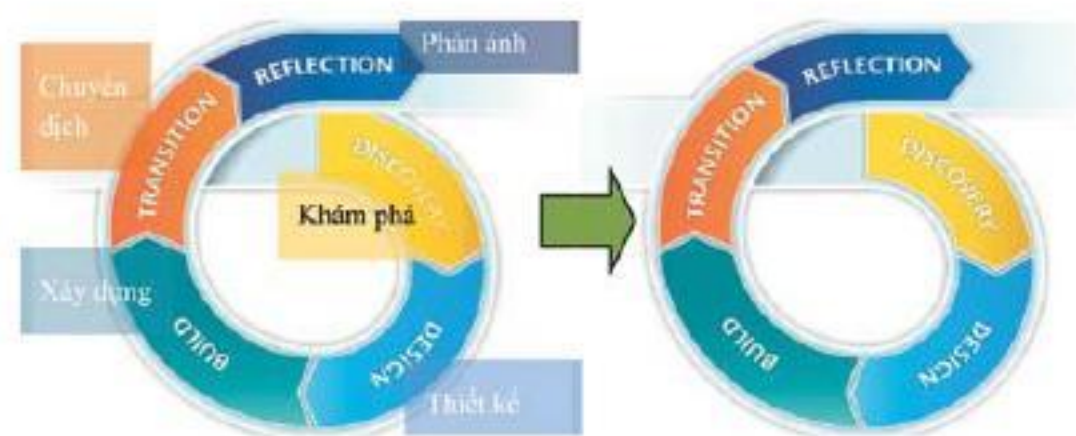
thống đánh giá phức tạp, trong bối cảnh biến động như vậy cần có tùy biến. Loại tùy biến thứ hai là sự cố ý để những kẻ hờ và không kiểm soát sự lạm dụng quyền tùy biến của cấp quản lý hay từng vị trí để làm lợi cho cá nhân, hoặc tùy chuyển công việc và can thiệp để lạm quyền hay trốn tránh trách nhiệm. Loại tùy biến thứ hai này có thể là nhóm riêng, nhưng có thể ẩn trong nhóm tích cực và không xuất hiện thường trực. Sự lạm dụng quyền tùy biến này dẫn tới hệ thống thiếu trách nhiệm giải trình, tùy tiện trong giải quyết công việc, can thiệp vô nguyên tắc vào các quá trình phát triển, và nói chung là ra quyết định kém [1]. Có thể nói, các yêu cầu cơ bản trong thiết kế hệ thống là tìm cách hạn chế tùy biến tiêu cực nhưng vẫn tạo điều kiện cho tùy biến tích cực được hoạt động. Suy nghĩ hạn chế thái quá quyền tùy biến vì sợ không giám sát được mà làm giảm các khả năng xử lý của tùy biến tích cực có thể cũng gây tác hại không kém gì lạm dụng tùy biến tiêu cực.

TÙY BIẾN TRONG HỆ THỐNG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

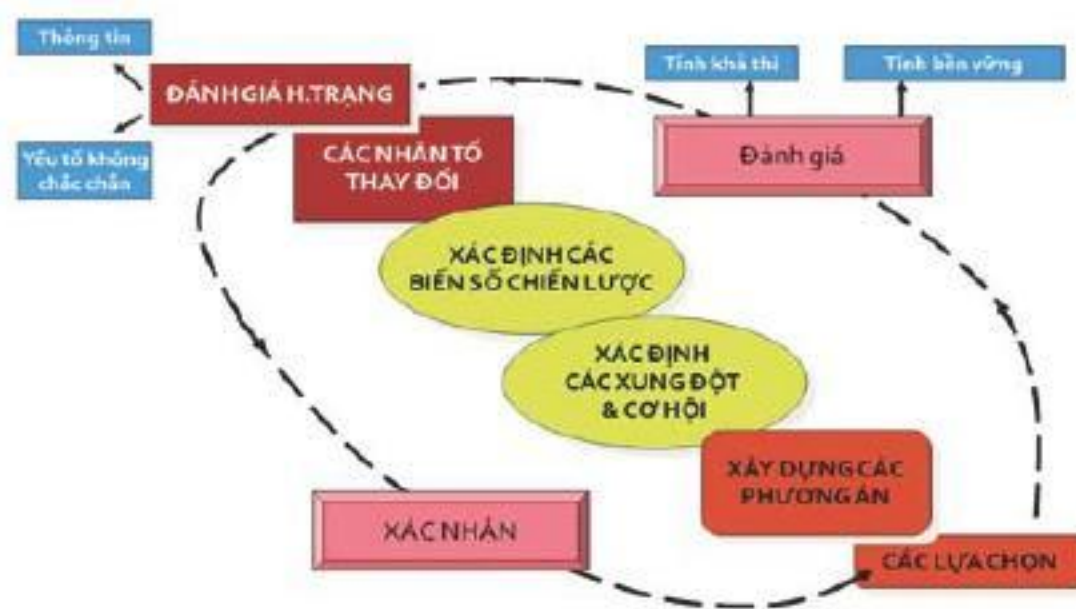
Tùy biến trong hệ thống quy hoạch nói chung

Hệ thống quy hoạch thường được hiểu là *'hệ thống thể chế'* làm cơ sở để điều chỉnh hành vi các bên tham gia trong quá trình phát triển từ lập quy hoạch cho đến thực hiện hoạt động phát triển *phù hợp* với các chính sách phát triển, các đồ án quy hoạch có giá trị pháp lý, và các *quy chuẩn bắt buộc, tiêu chuẩn hướng dẫn liên quan*¹. Những người làm quy hoạch đều nhận thức được bản chất của hoạt động quy hoạch là linh động và có tính tương đối, nghĩa là thường sẽ không chỉ có một 'đáp số' cho một 'đầu bài'. Tính tương đối của đồ án quy hoạch còn bắt nguồn từ thực tiễn quá trình lập quy hoạch và việc ra quyết định kiểm soát

phát triển căn cứ vào các chỉ tiêu 'không chế' thường biến động theo cơ sở pháp luật, nhận thức của xã hội, và trình độ của chuyên gia trong từng thời kỳ. Bên cạnh một số yếu tố kỹ thuật có tính chuẩn mực và ổn định, nhiều chỉ tiêu không chế như số tầng nhà, chiều cao, hệ số sử dụng đất, và mật độ xây dựng thường 'chờ' theo cơ sở thực tế và kinh nghiệm chuyên môn chứ không có căn cứ thật sự cứng nhắc. Ví dụ để khẳng định cần không chế chiều cao công trình trong một 'ổ' quy hoạch hay tại một vị trí xác định là bao nhiêu (25m, 50m, 7 tầng, 9 tầng, hay cao hơn) được xem xét trong từng dự án với tương quan ảnh hưởng của khối tích, tầm nhìn, bề rộng thửa đất, và chiều cao đề xuất với các công trình xung quanh, với khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, và với tổng thể chung. Sự khác biệt của các loại công trình ở mức độ nào để vẫn tạo ra sự hài hòa và đa dạng có tính tương đối và quá trình đánh giá này tùy thuộc nhiều vào quan điểm của chuyên gia và bối cảnh thực tế tại địa phương. Vì vậy, người đánh giá/thẩm định đồ án quy hoạch hay dự án phát triển về chuyên môn có một quyền lực tùy biến của chuyên gia (*specialist's discretionary power*). Đây là đặc điểm để thiết kế cách thức hệ thống quy hoạch sẽ thể hiện tính tùy biến như thế nào. Vấn đề này nhiều học giả quốc tế đã đề cập đến như quyền lực chuyên gia này có thể lấn sân sang lĩnh vực khác như chuyên gia sẽ đại diện cho lợi ích nhóm, đại diện cho lợi ích kinh tế và xã hội (quyền lực kinh tế chính trị) [2-4]. Nếu quyền lực chuyên gia mà không thiên vị về chính trị (*impartial, political free*) thì rất tốt, nhưng nếu lạm dụng quyền lực chuyên gia sẽ dẫn đến che giấu việc tư lợi thông qua nhân danh lý do 'kỹ thuật' và kiến 'chuyên gia'. Sự lựa chọn về lợi ích lâu dài cần được thảo luận trong cả diễn đàn chính trị (như Hội đồng nhân dân) chứ không nên bó hẹp trong phạm vi kỹ thuật (chuyên gia quy



Hình 1: Khả năng điều chỉnh của quy hoạch chiến lược với quy trình lập
Nguồn: Paul Schuttenbelt, 2011, Urban Solution [10].



Hình 2: Quy trình lập đồ án quy hoạch theo kiểu chiến lược
Nguồn: Gilles Antier (2011) trình bày về quy hoạch chiến lược [15]

hoạch). Có thể nói đây đang là đặc điểm nhưng cũng đã được đàm luận phê phán về hệ thống quy hoạch nặng tính chuyên gia (*expert planning*) của học giả Lawrie Wilson [5, 6].

Phương pháp quy hoạch 'truyền thống' đại diện cho thời bao cấp thường sử dụng cách tiếp cận kiểu quy hoạch tổng thể (*master plan*). 'Master plan' xây dựng viễn cảnh lý tưởng về đô thị và nhiệm vụ của các hoạt động tiếp theo là hiện thực hóa bằng các đồ án/kế hoạch được đóng khung/ 'chốt' vào mục tiêu đã xác định về tổng thể. Cho đến nay, luật Quy hoạch 2009 của Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nhất định của cách làm tổng thể này và dường như hệ thống các đồ án quy hoạch cấp nhỏ hơn vẫn là bộ phận

của tổng thể đã xác định, có nhiệm vụ cụ thể hóa đồ án cấp lớn hơn đã có trước [7]. Sự tùy biến hay linh hoạt trong bộ khung từ tổng thể đến chi tiết này sẽ là khoảng 'không gian' tùy biến của các vấn đề chưa được xác định, cụ thể hóa, hay làm rõ ở đồ án cấp tổng thể hoặc đồ án lớn hơn có trước. Tính tùy biến của hệ thống này phản ánh mức độ chính xác của cái có trước và cái sau đó có thể xác định – hay chính là quyền các đồ án chi tiết hơn có thể 'linh hoạt' trong phạm vi đã xác định.

Tuy nhiên, quy hoạch kiểu 'Master Plan' đã dần được thay thế và bổ sung bằng cách tiếp cận chiến lược (*strategic planning*) và tiếp cận theo giá trị (*value based planning*) [8, 9]. Việc lập quy

hoạch 'chiến lược' và định hướng giá trị là một quá trình có điều chỉnh theo các giá trị do cộng đồng địa phương xác định có tính chính trị rộng rãi. Tính chiến lược thể hiện ở chỗ chúng bám theo các chỉ số đo lường nhưng không gán cố định vào mục tiêu tổng thể mà điều chỉnh thường xuyên kiểu chiến lược để đạt kết quả. (hình 1).

Quy hoạch theo giá trị cũng có nghĩa là tìm kiếm các giá trị mà nó đem lại là tối ưu đối với nguồn lực hiện có (*optimum use of available resources*). Nhìn chung, các hệ thống quy hoạch trên thế giới hiện nay đều đã từng làm quy hoạch mang tính tổng thể và giờ đây đã và đang thay đổi chuyển hướng sang làm quy hoạch kiểu chiến lược và theo giá trị [6].

Hệ thống quy hoạch theo Thông luật (*Common Law*) của các nước Anglo-Saxon đề cao phương pháp giá trị và đưa nguyên tắc linh hoạt, tương tác và thương lượng để có được các lựa chọn trở thành 'thương hiệu' của cả hệ thống [11]. Quy hoạch trở thành bộ khung hướng dẫn nhưng không bắt buộc phải theo một cách cứng nhắc (*Policy guideline & non-binding*). Việc cho phép phát triển hay không thông qua việc xem xét đánh giá tổng hợp những được, mất mà dự án đó đem lại cho khu vực và cộng đồng. Các quyết định phát triển quan trọng trở thành các quyết định mang tính chính trị thông qua ở Hội đồng Thành phố.

Nhìn chung hệ thống quy hoạch ở các nước theo hệ thống luật ở lục địa châu Âu (*Continental Law*) xây dựng bộ máy hành chính mạnh và có tính tùy biến ít hơn so với hệ thống theo Thông luật. Mô hình quy hoạch của Đức hạn chế tối đa tùy biến trong hệ thống hành chính. Các vị trí chuyên môn thi hành các quy định nguyên tắc khá chặt chẽ. Các vấn đề liên quan đến tùy biến trong quy hoạch như mở rộng ranh giới thành phố, cho phép dự án lớn cải tạo, hay lập quy hoạch ra bên ngoài đô thị được giải quyết ở Hội đồng thành phố hoặc Tòa án. Sự tùy biến ở đây thuộc phạm vi quyết định chính trị với thẩm quyền thuộc về các nhà lập pháp và phạm vi cần nhắc là lợi ích các cộng đồng về lâu dài [12-14].

Tùy biến trong quá trình lập quy hoạch
Tính tùy biến trong quá trình lập quy hoạch có thể diễn ra khi triển khai quy hoạch cấp dưới, ví dụ từ đồ án quy hoạch ở cấp vùng cho đến từng đô thị, từng khu vực, và từng dự án. Bên cạnh đó, tùy biến còn diễn ra khi điều chỉnh cục bộ hoặc điều chỉnh lớn các đồ án quy hoạch đã có.

Khi lập các đồ án cụ thể, các chuyên gia và Hội đồng cũng được trao những quyền quyết định các vấn đề cụ thể không thể ghi rõ trong luật. Các việc này cũng có thể được hiểu là những tùy biến. Trên thực tế, tùy biến có thể nằm ở hầu hết các bước trong lập một đồ án quy hoạch (hình 2).

Tùy biến khi đánh giá hiện trạng - đánh giá và lựa chọn vấn đề để giải quyết trong đồ án khi đánh giá hiện trạng - xung đột và cơ hội có thể rất khác nhau; Tùy biến quá trình thông qua phương án - khi chọn các doanh nghiệp đầu thầu và cá nhân trong hội đồng thẩm định - chọn người làm và giám sát và thực hiện giám sát;

Tùy biến lựa chọn phương án đề xuất - chọn các tiêu chí đánh giá và biến số chiến lược;

Tùy biến lựa chọn phương pháp triển khai - chọn các lộ trình, công cụ, và nguồn lực - tùy biến chuyên gia và hội đồng.

Tùy biến trong hoạt động kiểm soát phát triển
Kiểm soát phát triển là hoạt động giám sát và điều chỉnh hành vi của các chủ đầu tư có đề xuất thay đổi cách thức sử dụng đất và hạ tầng trên cơ sở vận dụng quy hoạch, tiêu chuẩn, quy định, chính sách, và quy định phát triển... nhằm đảm bảo các đề xuất phát triển tuân thủ yêu cầu của luật định và giảm thiểu các mâu thuẫn với lợi ích công cộng¹.

Quản lý kiểm soát phát triển bao gồm hai hoạt động chính là *tiền kiểm* (xem xét và ra quyết định cho phép tiến hành hoạt động phát triển) và *hậu kiểm* (giám sát và đảm bảo tuân thủ quy hoạch khi tiến hành xây dựng cải tạo) sau khi quy hoạch. Cả hai hoạt động này đều có thể có những tùy biến nhất định.

Tính tùy biến trong hoạt động *tiền kiểm* thay đổi theo từng loại dự án phát triển

và khu vực phát triển. Đối với các khu vực đã có quy hoạch chi tiết, tính tùy biến rất nhỏ so với các khu vực mới có quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung. Đối với các dự án phát triển có quy mô lớn có lập quy hoạch chi tiết, hoạt động *tiền kiểm* sẽ có tính tùy biến cao và ngược lại.

Nhìn chung các cơ quan quản lý chuyên môn về quy hoạch (xây dựng) là nơi có 'quyền' quyết định về mặt thẩm mỹ, kỹ thuật, và môi trường để một công trình được xây dựng. Đối với các dự án lớn phải lập quy hoạch chi tiết, hoạt động thẩm định đồ án quy hoạch phát triển thực chất là kết hợp cả kiểm soát phát triển và lập quy hoạch. Ví dụ như *tuổi thọ kiến trúc quy hoạch* là khâu cơ quan quản lý 'nắn' và 'xoay' các đồ án nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng và các giá trị văn hóa, giá trị kiến trúc. Quá trình này giống với phần trên và tiến hành đồng thời với việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (mang tính kinh tế-xã hội). Trong quá trình triển khai các dự án, tính tùy biến sẽ thể hiện ở các khâu như: Thỏa thuận điều chỉnh quy hoạch; Thỏa thuận điều chỉnh cục bộ chỉ tiêu ở quy hoạch;

Thỏa thuận và điều chỉnh về thiết kế kiến trúc (cơ sở) và các chỉ tiêu quy hoạch. Việc giao trách nhiệm để thương lượng và lựa chọn những điều khó có thể mô tả trong luật cho chuyên gia và các cấp/cơ quan quản lý chính là trao quyền lực tùy biến cho các đối tượng này.

Đối với hoạt động *hậu kiểm*, tính tùy biến thể hiện trong việc áp dụng pháp luật của các thanh tra/tổ thanh tra khi thực hiện kiểm tra giám sát tuân thủ pháp luật trong quá trình tiến hành xây dựng. Việc có báo cáo lên trên cấp xử lý không, báo cáo về mức độ vi phạm như thế nào, đề xuất hình thức và mức độ xử lý sẽ 'tùy biến' theo các vị trí quản lý theo khu vực chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, tính tùy biến của các vị trí này cũng chịu sự giám sát của cộng đồng xã hội không phải hoàn toàn tự do. Nếu có vi phạm rõ ràng (thường là khi có đối kháng về quyền lợi), các quyết định cụ thể sẽ có thể bị tố cáo và bị điều tra.

Một số bài học về tùy biến áp dụng cho hệ thống quy hoạch ở Việt Nam

Vấn đề tùy biến trong hệ thống quy hoạch của Việt Nam dường như chưa được đề cập tới nhiều, mặc dù tính tùy biến là một đặc điểm nổi bật của quy hoạch và quản lý phát triển. Bản thân các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế hệ thống quy hoạch và quản lý cũng chưa nói rõ nguyên tắc này hay đề cập cụ thể trong các văn bản và nghiên cứu giải thích pháp luật, văn bản hướng dẫn thực thi pháp luật nói chung. Trong lĩnh vực hành chính, vấn đề này cũng ít được nghiên cứu dưới góc độ sử dụng quyền lực Nhà nước hay giám sát đảm bảo tính liêm chính và trách nhiệm giải trình.

Tuy nhiên, những vấn đề được đàm luận trong nhiều nghiên cứu gần đây đã đề cập nhiều hơn tư việc xây dựng quy hoạch có tính chiến lược đến việc triển khai các cấp độ quy hoạch giảm thiểu sự 'vênh' nhau giữa các đồ án quy hoạch, tính linh hoạt của các đồ án và phạm vi cho phép điều chỉnh của các thỏa thuận... nhìn chung đều hội tụ về việc cần có những điều chỉnh về tính tùy biến của hệ thống quy hoạch [16-17]. Chỉ có điều nhiều tác giả đã chưa trực tiếp sử dụng thuật ngữ này.

Có thể nói đây là một nội dung và có thể là vấn đề lớn của cả hệ thống quy hoạch. Kinh nghiệm ở các nước phát triển cho thấy tính tùy biến rất được chú ý trong cả thiết kế và tổ chức giám sát thực hiện. Nhìn chung, các hệ thống thường tìm cách:

- Đảm bảo các chính sách thực hiện là thống nhất, tuân thủ nguyên tắc cơ bản dù mức độ tùy biến là khác nhau;
- Kiểm soát chặt chẽ khi trao quyền tùy biến.
- Tránh việc trao quyền quan trọng cho một vị trí là cá nhân không được kiểm soát tốt.

Về cơ bản, hệ thống tốt là hệ thống để ai đó sử dụng quyền lực tùy biến sẽ **tối đa tùy biến tích cực và tối thiểu tùy biến tiêu cực**.

Đối chiếu với các hệ thống quy hoạch khác, hệ thống quy hoạch hiện nay ở Việt Nam dường như tồn tại 5 vấn đề cơ bản là:

1. Chưa xác định rõ phạm vi tính chất và đặc điểm của các vị trí được trao quyền

tùy biến trong cả hệ thống quy hoạch, chưa đảm bảo để tình tùy biến được kiểm soát có tính hệ thống theo cấp độ và loại hình;

2. Cơ sở pháp lý cũng như các cách làm gắn vào mục tiêu tổng thể làm cho sự vận dụng dễ bị trái luật, chưa tạo điều kiện để hệ thống có tính tùy phù hợp;

3. Chưa có cơ chế giám sát và khuyến khích cụ thể để các vị trí trao quyền tùy biến thực thi theo lương tâm;

4. Chưa phân biệt rõ các vấn đề cần phải kiểm soát bằng chính trị (các vấn đề mang tính kinh tế - xã hội như mở rộng ranh giới đô thị và phát triển cải tạo lớn) với các nội dung tuy biến của cơ quan hành chính thường về kỹ thuật (quy cách vật liệu, kiểu dáng kiến trúc, sự hài hòa về cảnh quan...). Thường thì các cơ quan chuyên môn hành chính quyết định cả các vấn đề về kinh tế xã hội đáng lẽ phải được cân nhắc về lợi ích tại cơ quan quyền lực;

5. Các vị trí trực tiếp xử lý có tính tùy biến cao như trong giai đoạn lấy ý kiến về lập quy hoạch và tham tra xây dựng còn thiếu cơ chế giám sát và phân hồi lưu lưu.

KẾT LUẬN

Có thể nói 5 nội dung trên có thực sự là vấn đề không cần cần được tiếp tục nghiên cứu. Bài viết này chưa phải là một nghiên cứu đầy đủ với các bằng chứng được thu thập và xử lý có hệ thống. Mục tiêu của bài viết mới thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu về vấn đề này.

Tình tùy biến của hệ thống quy hoạch cũng như cả hệ thống quản lý và thể chế nói chung có thể là hướng đi mới của nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện thể chế. Nhiệm vụ và soát về cả luật nội dung (các nguyên tắc chung và điều khoản cụ thể) cũng như luật hành thức (biện pháp đảm bảo và bộ máy tổ chức, thẩm quyền) trong cả hệ thống là những cơ hội để các học giả, các nhà quản lý thực tiễn và sinh viên quan tâm tiếp tục theo đuổi vì sự phát triển không chỉ cho riêng lĩnh vực quy hoạch đô thị ở Việt Nam trong tương lai. ■

Tài liệu tham khảo

- [1] A. Forsyth, *Administrative Discretion and Urban and Regional Planners' Values*. *Journal of Planning Literature* 14, 5-15 (1999).
- [2] H. Campbell and R. Marshall, *Ethical frameworks and planning theory*. *International Journal of Urban and Regional Research* 23, 464-+ (1999).
- [3] A. Khalke and L. Dahlgren, *Ethics and values of Swedish planners: a replication and comparison with an American study*. *Scandinavian-Housing-and-Planning-Research* 1990. 7(2), pp 65-81., -81 (1990).
- [4] S. M. Lopes-De, *Urban development on the basis of autonomy: A politico-philosophical and ethical framework for urban planning and management*. *Ethics Place and Environment* 3, 187 (2000).
- [5] L. Wilson and P. T. K. Van. *Final report: technical assistant for regional planning in Vietnam*. 2005. Hanoi, Vietnam, World bank and Australian Trust Fund Grant Activity. Ref Type: Report
- [6] L. Wilson. *Urban planning in Vietnam*. *Cities of Vietnam*. Urban planning .2009. Ref Type: Conference Proceeding
- [7] *Quốc Hội Việt Nam*. *Luật quy hoạch đô thị*. 2009. Ref Type: Statute
- [8] E. R. Alexander, *Approaches to planning - introducing current planning theories, concepts, and issues*, Gordon and Breach Science Publisher, 1992.
- [9] N. N. Hieu, *Một số vấn đề về quy trình và phương pháp làm quy hoạch đô thị*. *Urban planning* 24-31 (2011).
- [10] Schuttenbelt Paul. Hieu, Nguyen Ngoc *Urban development and planning systems*. *Strategic Urban Planning*. Strategic Urban Planning .2011. Hanoi. Ref Type: Conference Proceeding
- [11] P. Booth, *Controlling development: certainty and discretion in Europe, the USA, and Hong Kong*. UCL Press, London 1996.
- [12] *German Assem bly*. *German Building Code*. 1997. Ref Type: Statute
- [13] W. R. F. Phillips, *The 'German example' and the professionalization of American and British city planning at the turn of the century*. *Planning-Perspectives* 1996. 11/2, 167-183., -183 (1996).
- [14] Schreiner M. *German planning discretion. Planning discretion - lessons learnt from German planning system*. *Planning discretion - lessons learnt from German planning system* .2012. Hanoi. Ref Type: Conference Proceeding
- [15] Antier Gilles. *Strategic Urban Planning*. 2011. Ref Type: Slide
- [16] Son Nguyen Dang. *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và phát triển đô thị NXB Xây, NXB Xây dựng*. 2006.
- [17] *Cuong Vo Kim*, *Quan lý đô thị thời kỳ chuyển đổi*, NXB Xây dựng, Hanoi 2004.

Chú thích:

1. Định nghĩa của tác giả.
2. Đề xuất cách hiểu về hệ thống của tác giả
3. Định nghĩa của tác giả.

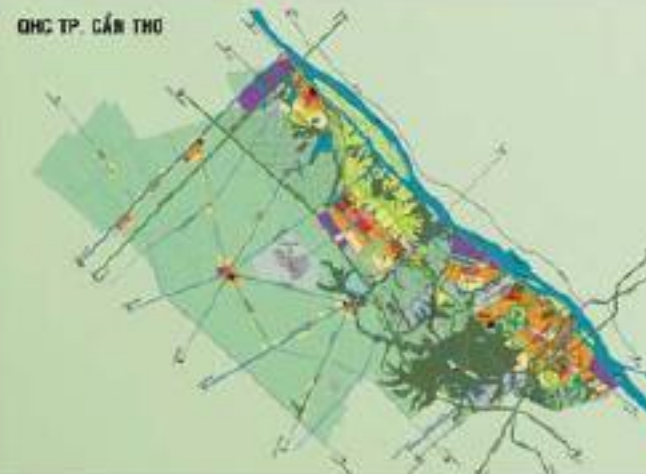


VIỆN KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN - BỘ XÂY DỰNG
PHÂN VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN MIỀN NAM
 65 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp.HCM - Việt Nam * Tel: 08.38235714 * Fax: 0838220090 - Email: pvah-bxd@vnn.vn

QUY HOẠCH VÙNG TP.HCM



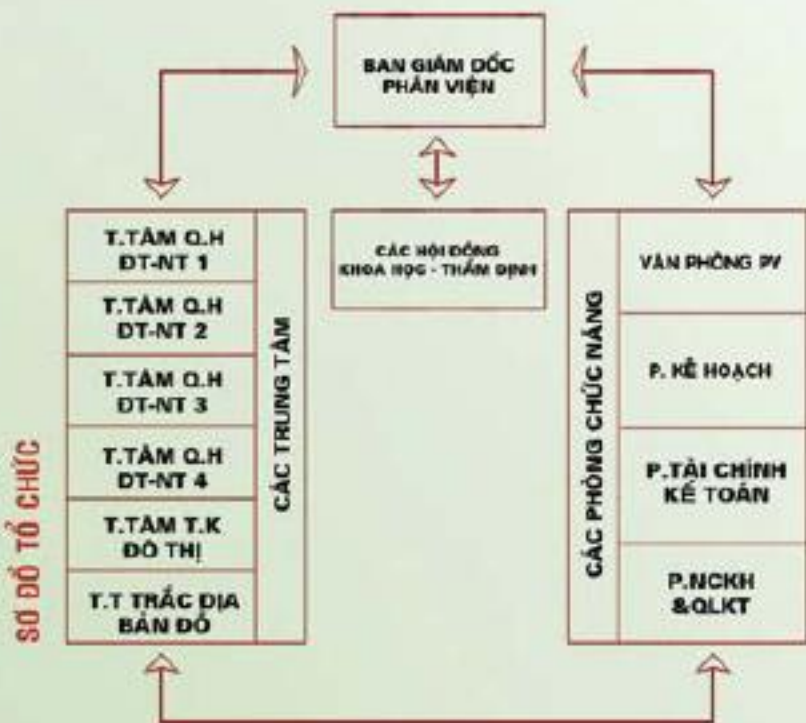
QHC TP. CẦN THƠ



QHC TP. BIÊN HÒA



QHC TP. ĐÀ LẠT



CHỨC NĂNG

- Nghiên cứu và lập các đồ án kiến trúc, quy hoạch xây dựng, quy hoạch môi trường và kiến trúc cảnh quan các vùng kinh tế trọng điểm, các khu đô thị, các khu công nghiệp, các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các tỉnh, thành phố khu vực Nam Trung Bộ, Nam bộ và TP Hồ Chí Minh

NHIỆM VỤ

- Tham gia thực hiện công tác quản lý Nhà Nước
- Tổ chức nghiên cứu phát triển định hướng các loại hình kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan
- Nghiên cứu, điều tra, khảo sát thu thập, tổng hợp quản lý lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu trong các lĩnh vực liên quan.
- Tham gia tổ chức đào tạo, hợp tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Thực hiện hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước về các lĩnh vực hoạt động của Phân Viện và phân cấp của Viện.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn trong lĩnh vực kiến trúc công trình, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- Quy hoạch xây dựng vùng TP Hồ Chí Minh (2007)
- Quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL (2007)
- Quy hoạch XD vùng biên giới Việt Nam- Campuchia (2007)
- Quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh (2008)
- Quy hoạch chung TP Cần Thơ (2009)
- Quy hoạch chung xây dựng TP Phan Thiết (2009)
- Quy hoạch chung xây dựng thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk (2009)
- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc (2010)
- Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (2010)
- Quy hoạch chung khu kinh tế Năm Căn - tỉnh Cà Mau
- Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp
- Quy hoạch chung thị xã Đông Xuân (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Mỹ Tho (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Bạc Liêu (đang TH)
- Quy hoạch chung thành phố Tân An (đang TH)
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng